

BỘ ĐỀ ÔN THEO THỂ LOẠI CẤU TRÚC MỚI NHẤT VĂN 8

(Ngữ liệu ngoài SGK - 346 trang)

MỤC LỤC

STT	THỂ LOẠI	NỘI DUNG	TRANG
1	A. TRUYỆN LỊCH SỬ B. TRUYỆN NGẮN	7 ĐỀ	1-27
		16 ĐỀ	28-80
2	THƠ, THƠ 6 CHỮ, 7 CHỮ	12 ĐỀ	81
			122
3	THƠ ĐƯỜNG LUẬT A. THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT. B. THƠ THẤT NGÔN TỨ TUYỆT	14 ĐỀ	123 -168
		10 ĐỀ	169-199
4	VĂN BẢN NGHỊ LUẬN	18 ĐỀ	200
			265
5	VĂN BẢN THÔNG TIN	10 ĐỀ	266
			298
6	TRUYỆN CƯỜI - HÀI KỊCH	8 ĐỀ	299-328
7	CA DAO TRÀO PHÚNG	5 ĐỀ	329-346
8	TỔNG	100 ĐỀ	346

1. TRUYỆN LỊCH SỬ - TRUYỆN NGẮN**1. TRUYỆN LỊCH SỬ****I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)****ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

[...] Chàng còn đương hoang mang, thì thấy trong cửa Dương Minh đi ra một người vào trạc hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chên, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vân tía, trông hao hao nét mặt Không Phu Tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng đạo mạo rất nhân từ. Ấy là vua Thiệu Bảo.

Thấy Chiêu Thành vương, vua tươi cười, chàng bước lại phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy cất lời sang sảng phán:

- Xin hoàng thúc bình thân.

Vua ép chàng cùng đi song hàng và nói tiếp:

- Trẫm muốn nhờ hoàng thúc một việc, không ngờ lại gặp hoàng thúc ở đây, may lắm. Hoàng thúc không cần lên Bắc vội. - Hạ thần xin chờ lệnh thánh.

- Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ. Trẫm lấy làm lo lắng, nay trẫm muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công, nhưng không muốn bày vẽ nghi lễ thượng, trẫm tính đi chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốn mong hoàng thúc cùng đi...

- Hạ thần xin tuân thánh chỉ. Vương lúc ấy rất thẹn với mình, chàng cảm thấy như mình mang tội lớn với nhà vua, với xã tắc, với cả triều đình. Trong các vương hầu, chàng là người ra trận sau hơn cả, chùng chình mãi đến khi cất quân đi còn ham bề son phấn. Vương coi chính như mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự thất bại của quan quân. Vì thế Vương ngượng ngịu, tuy vua Thiệu Bảo rất ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:

- Vậy hai chú cháu ta cùng đi ngay.

- Tâu quan gia, hạ thần xin tuân mệnh, chỉ xin quan gia cho hạ thần báo tin trước cho quân bản bộ kéo họ nóng ruột vì họ đang sốt sắng ra trận.

- Hoàng thúc thực là chu đáo. Vậy hoàng thúc về ngay đây nhé, trẫm cũng còn phải bảm mệnh Thượng hoàng. Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long Phụng. Xa xa, cánh đồng đã hiện rõ lá cờ “Tinh Cương”. Chàng tiến lại, Trần Quý và đoàn gia tướng ra đón, hai nghìn tráng sĩ thấy chủ về ai nấy đều hớn hờ bảo nhau sửa soạn lên đường. Họ bị “giam cầm” nay mới được gia trận, người nào cũng mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng. Trần Quý trạc năm mươi tuổi, tóc bạc râu thưa, trông tráng kiện và có vẻ hiền lành cẩn thận. Vương cùng Trần Quý và các gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy quân ngăn nắp tề chỉnh, quay lại khen Trần Quý và bảo mọi người:

- Ta phải đi lo một việc khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các người mong muốn lên đường, ta biết, nhưng đành vậy, hãy nán nà chờ ta vài bữa. Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quý, các người nên nghe lời Quý cũng như nghe lời ta. Đừng có sao nhãng nghề binh, chênh mảng đội ngũ. Các người chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đây. Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ, nhưng sau khi hiểu họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi đây chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng thừa hiểu chính vương cũng sốt ruột lắm, không khi nào chàng lại có ý hoãn việc tiến binh [...].

(Trích An Tư - Phần 1, Chương 2, Nguyễn Huy Tưởng, NXB Thanh niên)

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên?

A. Truyện ngắn

B. Tiểu thuyết

C. Truyện lịch sử

D. Hồi kí

Câu 2. Các từ ngữ: hoàng thúc, thánh chỉ, lệnh thánh, tiến binh, tráng sĩ...là ngôn ngữ đặc trưng cho thể loại truyện gì?

A. Truyện ngụ ngôn

B. Truyện lịch sử

C. Truyện khoa học viễn tưởng.

D. Truyện đồng thoại

Câu 3. Kẻ thù nào được nhắc đến trong đoạn trích trên?

A. Giặc phương Bắc

B. Giặc Mông

C. Giặc trong nước

D. Giặc Nguyên

Câu 4. Vua Thiệu Bảo muốn Chiêu Thành vương thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Đưa quân ra trận đánh giặc 12

B. Chiêu mộ binh lính, tập luyện để đánh giặc

C. Đánh cờ cùng vua. Tài liệu của Nhung tây

D. Muốn Chiêu Thành vương đưa vua về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công vì giặc giã tấn công quá mạnh.

Câu 5. Chiêu Thành vương có bao nhiêu tráng sĩ trong tay?

A. Một ngàn tráng sĩ

B. Hai ngàn tráng sĩ

C. Ba ngàn tráng sĩ

D. Bốn ngàn tráng sĩ

Câu 6. Vì sao vua Thiệu Bảo muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công?

A. Về để báo kết quả đánh giặc thắng lợi.

B. Vì “Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất... Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ”.

C. Vì Vạn Kiếp là nơi có nhiều tráng sĩ giỏi.

D. Cả A, B đều đúng

Câu 7. Vì sao các tráng sĩ lại “có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ” khi biết chưa được ra trận đánh giặc?

A. Vì họ muốn “mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng”.

B. Vì họ không được đi cùng chủ tướng.

C. Vì họ không giỏi bằng chủ tướng

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 8. Lời dặn dò: Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quĩ, các người nên nghe lời Quĩ cũng như nghe lời ta, chứng tỏ:

A. Chiêu Thành vương muốn quân lính chấp hành mệnh lệnh.

B. Chiêu Thành vương rất tin tưởng về năng lực lãnh đạo quân sĩ của Quĩ.

C. Chiêu Thành vương đã hết cách.

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 9. Lời căn dặn của Chiêu Thành vương khi cùng Trần Quĩ và các gia tướng đi thăm đội ngũ: “Đừng có sao nhãng nghề binh, chênh mảng đội ngũ. Các người chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy” giúp em cảm nhận được điều gì về nhân vật này?

Câu 10. Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ xưa và nay đối với non sông đất nước.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Kể lại một chuyện đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	- Là một vị chủ tướng rất gần gũi, thấu hiểu tâm lí quân sĩ: nôn nóng, sốt ruột muốn được tham gia đánh trận. - Là vị chủ tướng đầy trách nhiệm, biết nhìn xa, trông rộng, biết động viên khích lệ quân sĩ.	0,5 0,5
	10	Viết đoạn văn đảm bảo yêu cầu sau + Hình thức: Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, hành văn trong sáng, trôi chảy, đánh số cuối mỗi câu. + Nội dung: Gợi ý đoạn văn có các nội dung sau: - Khẳng định tuổi trẻ dù ở bất cứ thời nào cũng đều phải có trách nhiệm với non sông, đất nước. - Tuổi trẻ xưa, khi đất nước có chiến tranh: Chăm chỉ luyện tập, sẵn sàng đánh giặc mà không cần đợi tuổi, sẵn sàng tham gia quân đội khi đủ tuổi... - Tuổi trẻ nay được sống trong thời bình: Nhận thức rõ trách nhiệm, chăm chỉ học tập và rèn luyện, tích cực tham gia các phong trào yêu nước, góp phần vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Tài liệu của Nhung tây	0,25 0,5 0,25
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i> - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.	0,25
		HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: Mở bài: Giới thiệu về chuyến đi của bản thân với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.	

	<p>Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về chuyến đi đó. - Kể lại chuyến đi của bản thân theo một trình tự hợp lí: + Chuyến đi đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em? + Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một chuyến đi khó quên? + Em đã làm gì trong chuyến đi đó? + Chuyến đi đó đã tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào? + Em có những suy nghĩ gì sau chuyến đi đó xảy ra? 	0,25
	<p>Kết bài: Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên)</p>	2,5
	<p>Kết bài: Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên)</p>	0,25
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo. Tài liệu của Nhung tây</p>	0,25

ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

[...] Trong một buổi sáng đã có hai người nói với Trần Bình Trọng nhiều điều có ích. Họ chỉ là người lính, người dân bình thường, nhưng đều đã trải qua nhiều trận 14 chiến đấu gay go. Họ đã làm cho Trần Bình Trọng vui lòng và tin rằng họ sẽ làm tròn những công việc ông giao cho. Kể từ khi đất nước có giặc xâm lược, Trần Bình Trọng đã mắt thấy tai nghe nhiều sự việc chứng tỏ tài năng và lòng yêu nước của những người không phải dòng dõi quý tộc. Ông đã được thấy những người lính bình thường lăm lăm ngọn giáo ngắn trong tay, xông thẳng tới trước những tên tướng Nguyên và dùng ngọn giáo ngắn ấy đánh ngã tướng giặc cuời trên lưng những con ngựa cao lớn. Ông đã từng giao nhiều việc quân cho những người lính của mình.

[...]

Ông già làng Xuân Đình chẳng những giảng giải cho Trần Bình Trọng nghe rất kỹ về thể đất vùng Thiên Mạc, mà ông ta còn nhận xét rất đúng phép dùng binh: với thể đất như thế, cách bày trận sẽ phải ra sao. Ông ta nói:

- Dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ. Mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông. Mặt sau lưng nó là bãi lầy Mản Trò ăn mãi vào sâu hàng trăm dặm. Chỗ chúng ta đứng đây là địa thế làng Xuân Đình. Xuân Đình ở đầu bãi lầy Mản Trò, nhưng cũng ở đầu dải cát sa bồi. Từ trước đến nay, ai cũng cho rằng trong bãi lầy không có người ở. Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông. Nếu như trận đánh xảy ra ở đây, giặc sẽ tránh giao chiến trên sông Thiên Mạc với ta. Chúng sẽ rút lên dải cát sa bồi này, lập thế trận dựa lưng vào bãi Mản Trò để quyết chiến với ta trên vùng đất khô ráo quen với vó ngựa của chúng. Trần Bình Trọng suy nghĩ về lời nói của ông già:

- Có phải ông lão cho rằng tướng giặc sẽ lấy dài cát sa bồi này làm đất quyết chiến không?
 - Chính vậy đấy! Nhưng ta có cách buộc chúng không thể quyết chiến ở đây mà phải chịu những đòn ta đánh ở chỗ khác và ở những hướng khác với ý muốn của chúng.
 - Ông lão nói nốt đi!
 - Trần Bình Trọng giục, rõ ràng câu chuyện đã khiến ông thật sự quan tâm.
 - Đây nhé! Tướng quân xem, chúng muốn đổ quân lên bộ cũng phải dùng những bến thuyền này. Bởi vì ở đây bờ sông thấp, lại có những vụng nhỏ tránh được sóng gió. Nhưng chúng không bao giờ nghĩ rằng chúng có thể bị đánh từ cửa Hàm Tử trở xuống, vì rằng bên kia cửa Hàm Tử là bến Chương Dương thẳng đường về Thăng Long, giặc sẽ dễ dàng ra cứu. Trần Bình Trọng khen thầm. Ông khẽ gật đầu và gơ tay chỉ về phía Mân Trò hỏi tiếp:
 - Ông lão định phục binh trong đó để đánh vỗ vào lưng quân giặc phải không?
 - Ấy là nếu lão cầm quân, chứ lão đã trên bảy mươi tuổi đầu rồi và cũng chẳng ai bái lão làm tướng. Nhưng nếu lão cầm quân, lão sẽ bày trận như vậy đó! gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:
 - Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Mân Trò. Như thế, nếu giặc 15 phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy! Tài liệu của Nhung tây
- (Trích Bên bờ Thiên Mạc - Chương 3, Hà Ân, NXB Kim Đồng)

Câu 1. Bối cảnh lịch sử của đoạn trích trên là:

- A. Cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông xâm lược của quân dân nhà Trần**
- B. Thời vua Lê, chúa Trịnh, xã hội phong kiến suy tàn
- C. Cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc
- D. Trong thời kì hòa bình hiện nay.

Câu 2. Nhân vật ông già làng Xuân Đình được nói đến trong đoạn trích là ai?

- A. Một vị tướng đã giúp nhà Trần đánh giặc
- B. Một người dân thường, có kinh nghiệm đánh giặc**
- C. Một vị thần sông
- D. Một người có danh tiếng trong dòng dõi họ Trần

Câu 3. Trong văn bản trên, người kể chuyện là ai?

- A. Người kể xưng “tôi” và là nhân vật trong truyện
- B. Người kể xưng “chúng tôi” và là nhân vật trong truyện
- C. Người kể không tham gia vào câu chuyện**
- D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện

Câu 4. Nhân vật trong văn bản trên chủ yếu khắc họa ở phương diện nào?

- A. Hình dáng
- B. Tâm trạng
- C. Hành động
- D. Lời nói**

Câu 5. Tác dụng của phép so sánh trong câu: “Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông” là:

- A. Khẳng định lợi thế của quân ta là đánh trên sông, để tìm ra kẻ sách đánh bại giặc.**
- B. Ca ngợi sức mạnh và ý chí quyết tâm của quân ta
- C. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc
- D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc

Câu 6. Vì sao Trần Bình Trọng quyết định cho quân mai phục ở bãi Mản Trờ?

- A. Vì dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ
- B. Vì mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông.
- C. Vì nơi đây gần làng Xuân Đình

D. Vì đây là đất chết của quân giặc.

Câu 7. Đầu là nhận xét không đúng về nhân vật ông già Xuân Đình trong đoạn trích?

- A. Có trí tuệ, giàu kinh nghiệm đánh giặc
- B. Hiểu biết về địa lí của vùng đất Thiên Mạc
- C. Có lòng yêu nước, muốn đóng góp sức lực vào cuộc kháng chiến của dân tộc.

D. Muốn cho Trần Bình Trọng biết mình là người hiểu biết về lũ giặc như thế nào.

Câu 8. Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

- A. Lo lắng, sợ hãi
- B. Bình tĩnh, vui vẻ
- C. Khâm phục, tự hào, biết ơn
- D. Say sưa, ngất ngây

Câu 9. Chi tiết “Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình: - Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Mản Trờ. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đây! giúp em hiểu gì về tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật Trần Bình Trọng về cuộc trò chuyện với ông lão Xuân Đình?

Câu 10. Từ văn bản trên, bằng đoạn văn ngắn (5 đến 7 câu) em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay. Tài liệu của Nhung tây

II. VIẾT (4 điểm)

1. Viết bài văn kể lại một chuyến đi (Tham quan một công trình văn hóa)
2. (Dự phòng, bổ sung)Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	C	0,5

	<p>9 Chi tiết “Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.” giúp em hiểu về tâm trạng, và quyết định của nhân vật Trần Bình Trọng sau cuộc trò chuyện với ông lão Xuân Đình là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường). Muốn thắng giặc cần đánh vào điểm yếu của chúng, phải dựa vào sự thuận lợi của địa lí. - Trần Bình Trọng đưa ra quyết định dứt khoát về việc chọn bãi Mản Trò để đánh giặc. Đánh vào điểm yếu của lũ giặc là binh pháp hay. - Trần Bình Trọng là vị tướng tài ba, có niềm tin vào nhân dân, có lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng giặc Nguyên. 	1,0
	<p>10 Học sinh bày tỏ suy nghĩ theo yêu cầu bằng đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu văn: Tài liệu của Nhung tây</p> <p>* Học sinh nêu suy nghĩ cá nhân về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước ở các lĩnh vực xây dựng, bảo vệ tổ quốc có đưa những dẫn chứng cụ thể theo một số gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuổi trẻ hôm nay được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh đất nước hòa bình, được sống và hưởng thụ những thành quả mà biết bao thế hệ cha ông đã đổi lấy bằng cả xương máu và trí tuệ. - Thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc (thực hiện nghiêm túc luật nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng lên đường khi tổ quốc gọi, tinh táo trước các luận điệu xuyên tạc, những âm mưu và hành động thù địch chống phá Đảng và nhà nước của kẻ thù...) - Công hiến hết mình cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước (không ngừng học tập, trau dồi tri thức, rèn luyện các thói quen tốt, kĩ năng sống cơ bản, dám nghĩ dám làm những việc có ý nghĩa cho đất nước... dù là người trí thức, nông dân hay người lính...) 	1,0
II	VIẾT	5,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận</i>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i></p> <p>Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai hợp lí bài văn cần đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>1. Mở bài</p>	4,0

	<p>Nêu vấn đề cần nghị luận: một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại (nghiện game – ham mê trò chơi điện tử, lối sống ích kỉ, vô cảm...)</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>Giải thích khái niệm về thói xấu: Nghiện game là gì? Sống ích kỉ là gì? Lối sống ảo là gì?</p> <p>b. Trình bày ý kiến phê phán, lí lẽ và bằng chứng để chứng minh phê phán là có cơ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của thói xấu - Nguyên nhân hình thành thói xấu - Tác hại của thói xấu <p>c. Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý kiến phản biện: không đồng tình với ý kiến của người viết (giả định) - Học sinh cần ý thức tác hại của thói xấu để tránh mắc phải. - Tích cực học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân tốt đẹp hơn. <p>3. Kết bài</p> <p>Khẳng định ý kiến phê phán, bài học cho chính mình.</p>	
	<p>d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i>: có cách diễn đạt mới mẻ, phát hiện tinh tế; giọng văn mang đậm cá tính của người viết.</p>	0,25

ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

(1) *Bầu trời Hà Nội đục nhờ nhờ.*

(2) *Giá buốt. Tuy sáng đã lâu rồi, nhưng phố xá vẫn như mới thức. Trần Văn và Loan đứng ở vườn hoa Cửa Nam, nhìn những con đường Hàng Dẫy, Hàng Bông, Tràng Thi, Cột Cờ đổ lại. Văn nao nao nhớ cái buổi chiều mùa thu năm ngoái, khi anh cùng hàng vạn con người dự cuộc mít-tinh ở vườn hoa Ba Đình về qua đây. Tại anh còn văng vẳng những lời trong bản Tuyên ngôn Độc lập, do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc trước một bể người cuộn cuộn, một rừng cờ rực đỏ. Ngai vàng của cái nhà Nguyễn ở Huế mà anh rất ghét đổ nhào. Xiềng xích của thực dân Pháp tan vỡ. Một chế độ mới mở ra. Trước đây, anh cứ nghĩ không biết đến bao giờ dân tộc Việt Nam mới ra khỏi vòng trời buộc. Phan Đình Phùng,*

Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học nối tiếp nhau thất bại. Anh có ngờ đâu Cách mạng Tháng Tám nổ ra, nước Việt Nam nhỏ bé của anh ngang nhiên thành lập chế độ cộng hoà dân chủ đầu tiên ở châu Á, và chính anh lại được sống những ngày lớn lao ấy. Anh bàng hoàng như mê như say, mặt bừng bừng nóng. Anh nhảy nhót trên đường đầy ánh sáng của một mùa thu tuyệt đẹp. Anh ngẩng đầu ngắm lá cờ đỏ sao vàng trên đỉnh cột cờ, nhìn vòm trời xanh lồng lộng. Cây cối hai bên đường reo vui. Chung quanh toàn là đồng bào của anh. Không còn bóng một thằng Pháp ngạo nghễ, hống hách. Anh yêu tất cả mọi người, và anh nói rất nhiều. Anh đi suốt từ Ba Đình về Nhà Hát Lớn, rồi lại từ Nhà Hát Lớn trở về Ba Đình. Anh ngẩng đầu đến mỗi cổ, chân anh bước đến long gỏi. Nhưng anh cứ đi và mãi không muốn trở về. Tất cả người Hà Nội đều đổ ra đường. Người không quen nhau cũng gật đầu chào hỏi. Tiệc mở linh đình ở hầu hết các nhà mà cánh cửa mở toang. Người ta như bừng tỉnh một giấc ngủ triền miên. Vui đẹp lạ lùng, là những con đường sạch bóng quân thống trị dưới bầu trời Tổ quốc trong lành.

(3) Những ngày vui sao ngắn ngủi. Anh lại đang sống những ngày ngọt ngào, nặng nề. Con đường không còn thênh thang như cái ngày ấy nữa. Anh nhìn lên phía Cột Cờ, nơi quân Pháp đóng. Không thấy động tĩnh gì, nhưng nơi ấy trông rờn rợn, chứa đầy những bất trắc, gợi lên trong lòng người sự bức bối tự nhiên trước cái vô lí của một ranh giới giả tạo. Các phố khác thì lác đác vẫn có người, nhưng họ đi lẻ tẻ, âm thầm và như bị đè nặng xuống. Cái thành phố già nua của anh, trải qua nhiều tàn phá của gió bão, nhiều đổi thay của xã hội, đã hơn một lần có những buổi sáng như hôm nay, lúc mà những sinh hoạt đầy màu sắc của hè đường đột nhiên im ắng, thì cũng là lúc người dân mới chú ý tới và yêu thương thêm những mái nhà nho nhỏ, ép vào nhau, im lìm trên nền trời, kề bên những hàng cây um tùm, ử rữ, thì thầm trong những suy nghĩ và đàm luận muôn đời, để chịu đựng, chống chọi và cố vươn lên. Trần Văn nghĩ như vậy, và trong cái buổi sáng khô lạnh này, anh thấy các phố xá cũ kĩ, chen chúc, chẳng có gì đồ sộ, phủ một màu xám nhàm nhở, lại có cái đẹp riêng, sắt lại trong một vẻ buồn nghiêm nghị. Anh nắm tay Loan, nói:

- Hà Nội đẹp nhất những lúc đau khổ này, Loan có thấy không? Loan vâng khe khẽ một cách lễ phép. Loan còn dè dặt, do cái thói quen của một người tỉnh nhỏ, và cũng do cái lòng tôn kính tự nhiên đối với thầy. Nhưng Loan vui lắm. Trần Văn sẽ giới thiệu anh vào tự vệ. Anh sẽ đến một nơi trung tâm của Hà Nội. Có những quãng đường qua lại ta thường chẳng để ý, nhưng khi ta đi để tới một nơi ta vừa mong muốn vừa ngại ngùng, ở đấy cuộc đời ta sẽ có nhiều cái khác trước, thì ta có cảm tưởng như con đường ấy mới mẻ, dài ra, có nhiều thứ như ta chưa trông thấy bao giờ.

(Trích Sống mãi với thủ đô, Nguyễn Huy Tưởng)

Câu 1. Bối cảnh của câu chuyện là gì?

A. Hà Nội thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (cuối năm 1946)

B. Hà Nội trong ngày 2- 9- 1945

C. Hà Nội trong cuộc kháng chiến chống Mỹ

D. Hà Nội thời kì trước cách mạng tháng Tám.

Câu 2: Đoạn văn (2) người kể chuyện tái hiện lại tâm trạng, cảm xúc của nhân vật Trần Văn vào thời điểm nào của lịch sử?

A. Khi cuộc cách mạng tháng Tám bắt đầu diễn ra

B. Khi cuộc cách mạng tháng Tám thành công rực rỡ

C. Khi Trần Văn tham gia đội tự vệ

D. Không phải các thời điểm trên

Câu 3: Đầu không phải là lí do khiến Trần Văn cảm thấy “...bàng hoàng như mê như say, mặt bừng bừng nóng. Anh nhảy nhót trên đường đầy ánh sáng của một mùa thu tuyệt đẹp.”?

A. Vì không còn bóng một thằng Pháp ngạo nghễ, hống hách trong thành phố Hà Nội

B. Vì anh được cùng mọi người dự cuộc mít-tinh ở vườn hoa Ba Đình

C. Vì Ngai vàng của cái nhà Nguyễn ở Huế mà anh rất ghét đồ nhà

D. Cái thành phố già nua của anh, trải qua nhiều tàn phá của gió bão.

Câu 4. Tại sao nhân vật Trần Văn lại có suy nghĩ “không biết đến bao giờ dân tộc Việt Nam mới ra khỏi vòng trời buộc”?

A. Vì kẻ thù quá mạnh mà đất nước ta quá bé nhỏ.

B. Vì Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học nối tiếp nhau thất bại trong cuộc chiến với kẻ thù bấy lâu.

C. Vì đất nước chưa hội tụ đủ nhân tài

D. Vì ta chưa có sự trợ giúp của bạn bè quốc tế.

Câu 5: Từ nào không dùng để diễn tả cảm xúc của nhân vật Trần Văn ở đoạn văn (3)?

A. Ngột ngạt

B. Bàng hoàng

C. Nặng nề

D. Bực bội

Câu 6: Ở đoạn văn (3), tại sao Trần Văn lại thấy những đổi thay của thành phố Hà Nội như sau: “các phố xá cũ kĩ, chen chúc, chẳng có gì đồ sộ, phủ một màu xám nhàm nhở, lại có cái đẹp riêng, sắt lại trong một vẻ buồn nghiêm nghị.”?

A. Vì thành phố đang chịu sự xâm lược của thực dân Pháp, nhân dân Hà Nội phải sống trong cảnh chiến tranh đau thương.

B. Vì anh không còn yêu Hà Nội như trước

C. Vì cách mạng tháng Tám đi qua Tài liệu của Nhung tây

D. Vì anh đang cảm thấy Hà Nội không đẹp như trước nữa

Câu 7. Câu “Cây cối hai bên đường reo vui.” sử dụng phép tu từ gì?

A. So sánh

B. Ẩn dụ

C. Nói quá

D. Nhân hóa

Câu 8. Đoạn trích chủ yếu khắc họa nhân vật ở phương diện nào?

A. Hình dáng

B. Hành động

C. Tâm trạng, cảm xúc

D. Ngôn ngữ

Câu 9. Em có đồng ý với câu nói của Trần Văn với Loan: “Hà Nội đẹp nhất những lúc đau khổ này” không? Vì sao?

Câu 10. Em hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất với bản thân và lí giải vì sao?

II. VIẾT (4 điểm)

1. Viết bài văn kể lại một chuyến tham quan một công trình văn hóa hoặc di tích lịch sử

2. Viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ trào phúng mà em yêu thích?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5

	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	C	0,5
	9	<p>Học sinh có thể lựa chọn một trong hai cách sau:</p> <p>+ Đồng ý với câu nói của Trần Văn với Loan vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hà Nội đẹp trong cuộc kháng chiến chống lại thực dân Pháp, đó là thành phố những con người kiên cường, dũng cảm, kiên quyết đứng lên để bảo vệ thành phố của mình tới cùng. - Đó là vẻ đẹp của một thành phố có lịch sử hào hùng, oanh liệt, đáng tự hào. - Việc Loan và Trần Văn tham gia đội tự vệ khẳng định lí tưởng, mục đích sống cao đẹp của người trí thức quyết tâm cùng nhân dân đứng lên bảo vệ thủ đô. <p>+ Không đồng ý với câu nói của Trần Văn với Loan vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu nói này chỉ đúng trong hoàn cảnh lúc đó khi nhân dân Hà Nội tham gia kháng chiến chống giặc để bảo vệ thành phố. - Còn hiện nay, hòa bình luôn mang lại sự bình yên, là ước mơ của loài người, là cơ hội để thành phố phát triển, ... - Lúc chiến tranh đi qua, mọi người dân được đi lại, họ vui vẻ, hạnh phúc trong thành phố thân yêu. 	1,0
	10	<p>Bài học có ý nghĩa nhất với bản thân:</p> <p>Học sinh chỉ cần đưa ra một bài trong những bài học phù hợp là được. Dưới đây là một vài gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chúng ta hãy yêu quý, trân trọng giá trị của cuộc sống hòa bình mà chúng ta đang có. Tài liệu của Nhung tây - Chúng ta cần biết ơn những thế hệ đi trước đã cống hiến, hi sinh để chúng ta có cuộc sống tốt đẹp 	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn phân tích tác phẩm gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Phân tích một tác phẩm thơ mà em yêu thích.</i>	0,25

	<p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có)...</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương.</p> <p>- Phương án 1:</p> <p>- Ý 1: Câu thơ thứ ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng)</p> <p>- Ý 2: Câu thơ thứ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng)</p> <p>- Ý n...</p> <p>- Phương án 2:</p> <p>- Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán...)</p> <p>- Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng...)</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm</p>	3 đ
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 4: Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Quan Phó bưng Sắc hơi sừng sờ nhìn hai con, nhìn ngôi đền thờ Thục Phán:

- Con nói đúng. Nước có lúc thịnh, lúc suy. Đó là điều thường thấy trong trời đất. Nhưng con người ta lại phải biết giữ trọn khí tiết. Vua Thục Phán thuộc loại đó. Con hãy để ý về phong cảnh núi non, đền đài. Con vừa hỏi cha về hòn núi kia giống một người cụt đầu. Người ta thường gọi nó là hòn Hai Vai hoặc là núi “Tướng quân rơi đầu” đó con ạ. Còn phía xa xa kia là hòn Trống Thùng. Từ hòn Trống Thùng, một dãy núi dài dằng dặc sát chân trời, đó là núi Cờ Rách.

Hai mắt Côn chơm chớp nhìn theo hướng tay chỉ của cha. Khiêm thì ngạc nhiên thốt lên:

- Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nở hần là mắt tiên, cha nhỉ?

- Từ lòng người mà suy ngẫm ra... con ạ. Người ta còn gọi vùng núi ấy là vùng Ba Hòn. Theo chuyện kể từ hồi xưa hồi xưa thì nước ta có giặc từ phương Bắc tràn vào, dân ở khắp miền đất nước ta nhất tề đứng dậy chống giặc giữ nước. Từ vùng Nghệ Tĩnh ni có một vị

tướng kéo đại binh ra Bắc đánh dư trăm trận, chẳng may trong một trận giáp chiến, con ngựa của ông vấp phải cọc, quỵ chân trước, bọn giặc xúm lại, ông bị một lát đại đao đi qua cổ, đầu rơi xuống đất. Ông nhào người ra lấy được đầu lắp lên cổ và phi ngựa mở đường máu chạy trở về. Quân sĩ của ông cũng kéo cờ mở trống về theo. Trên đường về, vị tướng này đã gặp một ông lão tại phía bắc sông Mã (Thanh Hoá). Vị tướng dừng ngựa, hỏi:

- Thưa ông, từ xưa đã có người nào bị chặt đầu, lại lắp lên cổ được không?

- Thưa tướng quân, sống được ạ.

Vị tướng lại thúc ngựa phi về tới Diễn Châu, quân sĩ bủa ra tận vùng Yên Thành. Vị tướng gặp một bà già ở phía nam sông Bùng liền hỏi:

- Thưa cụ, xưa nay có người nào bị chặt đầu, lại tự mình chắp vào cổ mà vẫn sống được không?

Bà cụ lắc đầu:

- Loài quỷ, loài yêu tinh thì mới có thể bị chặt đầu này mọc ra đầu khác, còn loài người thì nếu bị chặt đầu là chết.

Bà cụ vừa nói dứt lời, đầu vị tướng quân rơi xuống đất. Và ông đã hoá thành hòn núi Hai Vai. Ngựa của ông chạy thêm một đoạn lên vùng Yên Thành, hoá núi Mã Phục, tại làng Yên Mã. Trống, cờ cũng hoá thành núi Trống Thủng, núi Cờ Rách...

(Trích Dọc đường xứ Nghệ - Sơn Tùng)

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện ngắn B. Tùy bút C. Hồi kí **D. Tiểu thuyết lịch sử**

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của Văn bản Dọc đường xứ Nghệ là gì?

- A. Miêu tả **B. Tự sự** C. Biểu cảm D. Thuyết minh

Câu 3: Trong đoạn trích, cụ Phó bảng đã giáo dục các con tu dưỡng làm người bằng cách nào?

- A. Tu dưỡng làm người** B. Dạy gian dối
C. Tranh chấp D. Ngoan hiền

Câu 4: Tính cách của nhân vật cụ Phó bảng như thế nào?

- A. Ân Cần B. Từ tốn C. Khí tiết **D. Cả 3 đáp án trên**

Câu 5: Câu chuyện Dọc đường xứ Nghệ của cha con cụ Phó bảng gợi cho em những suy nghĩ gì?

- A. việc cha ông ta đã bảo vệ đất nước từ ngàn xưa.** B. Tình cha con
C. Sự dạy dỗ D. A và C đúng

Câu 6: Ý nghĩa câu về mà bà ngoại cậu bé Côn đã đọc là gì?

- A. Quan lại cần phải lấy dân làm gốc
B. Vì dân thì mọi thời đều có, còn chức tước chỉ là nhất thời
C. Thương hay hại dân, dân đều ghi nhớ muôn đời.

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Khi giải thích cho con về hòn Hai Vai, hòn Trống Thủng, núi Cờ Rách?

- A. Muốn nói về người tạo nên đất nước Tài liệu của Nhung tây
B. Muốn nói là những công lao to lớn
C. Muốn nói về những người đã tạo nên tên núi sông, đất nước
D. Muốn nói về những người dũng cảm.

Câu 8. Địa điểm đầu tiên xuất hiện trong câu chuyện của cha con cụ Phó bảng trong Văn bản Đọc đường xứ Nghệ là?

A. Đền thờ Chu Văn An

B. Đền thờ Thục Phán - An Dương Vương

C. Vùng Ba Hòn: hòn Hai Vai, hòn Trống Thùng, núi Cờ Rách

D. Nhà thờ họ Nguyễn Tiên Điền

Câu 9. Trong đoạn trích, cụ Phó bảng đã giáo dục các con tu dưỡng làm người bằng cách nào? Em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật cụ Phó bảng?

Câu 10. Những câu hỏi và sự lí giải về sự kiện lịch sử cho thấy Côn là cậu bé có tâm hồn, suy nghĩ như thế nào? Em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật này?

II. VIẾT (4 điểm)

1. Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ “Tứ tuyệt Đường luật”) – Phân tích bài thơ “Cảnh khuya” của Hồ Chí Minh.

Cảnh khuya

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Năm 1947)

2. Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thơ trào phúng mà em thích nhất.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	Trong đoạn trích, cụ Phó bảng đã giáo dục các con tu dưỡng làm người từ những trải nghiệm thực tế và từ những trải nghiệm để các con phát biểu vốn hiểu biết, suy luận và thiếu sót chỗ nào sẽ bổ sung và sửa chữa ngay	1,0

		chỗ đó. Qua đó chúng ta thấy được phần nào tính cách của cụ Phó bảng chĩnh chu, sáng tạo trong cách dạy con, uốn nắn con. Không chỉ có vậy chúng ta còn thấy được sự tỉ mỉ, ân cần đối đãi với các con và Người có vốn học vấn sâu rộng. Tài liệu của Nhung tây	
	10	Những câu hỏi và sự lí giải về sự kiện lịch sử cho thấy Côn là cậu bé có tâm hồn trong sáng, hồn nhiên vô tư nhưng cũng hiểu biết sâu rộng. Qua đó chúng ta thấy được phần nào tính cách của chú bé tôn trọng người lớn và tinh thần ham học hỏi.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài phân tích tác phẩm VH</i> - Hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học. - Hiểu được cách trình bày luận điểm, luận cứ, lập luận trong bài văn nghị luận văn học. - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i>	0,25
		<i>c. - Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học.</i> - Trình bày được quan điểm, ý kiến (tán thành) của người viết về giá trị đặc sắc của TPVH.	0,5
		1. Mở bài Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có). 2. Thân bài Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương. - Phương án 1: - Ý 1: Câu thơ thứ ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) - Ý 2: Câu thơ thứ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) - Ýn... - Phương án 2: - Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán...) - Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng...) 3. Kết bài Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng, giá trị nghệ thuật của tác phẩm.	2.5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,25

	- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: - Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thuyết minh; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25

ĐỀ 5: Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

1. Giặc Nguyên cho sứ thần sang giả vờ mượn đường để xâm chiếm nước ta. Thấy sứ giặc ngang ngược đủ điều, Trần Quốc Toản vô cùng căm giận.

2. Sáng nay, biết Vua họp bàn việc nước ở dưới thuyền rồng, Quốc Toản quyết đợi gặp Vua để nói hai tiếng "xin đánh". Đợi từ sáng đến trưa, vẫn không gặp được, cậu bèn liều chết xô mấy người lính gác ngã chúi, xông xuống bến. Quân lính ập đến vây kín. Quốc Toản mặt đỏ bừng bừng, tuốt gươm, quát lớn:

- Ta xuống xin bệ kiến Vua, không kẻ nào được giữ ta lại.

3. Vừa lúc ấy, cuộc họp dưới thuyền rồng tạm nghỉ, Vua cùng các vương hầu ra ngoài mui thuyền.

Quốc Toản bèn chạy đến, quỳ xuống tâu:

- Cho giặc mượn đường là mất nước. Xin Bệ hạ cho đánh!

Nói xong, cậu tự đặt thanh gươm lên gáy, xin chịu tội.

Vua truyền cho Quốc Toản đứng dậy, ôn tồn bảo:

- Quốc Toản làm trái phép nước, lẽ ra phải trị tội. Nhưng xét thấy em còn trẻ mà đã biết lo việc nước, ta có lời khen.

Nói rồi, Vua ban cho Quốc Toản một quả cam.

4. Quốc Toản tạ ơn Vua, chân bước lên bờ mà lòng ảm ức: "Vua ban cho cam quý nhưng xem ta như trẻ con, vẫn không cho dự bàn việc nước". Nghĩ đến quân giặc đang lăm le đè đầu cưỡi cổ dân mình, cậu nghiêng rằng, hai bàn tay bóp chặt.

Thấy Quốc Toản trở ra, mọi người ủa tới. Cậu xòe bàn tay phải cho họ xem cam quý Vua ban. Nhưng quả cam đã nát từ bao giờ.

(Bóp nát quả cam - Nguyễn Huy Tưởng)

Câu 1. Giặc Nguyên có âm mưu gì đối với đất nước ta?

A. Giả vờ mượn đường để xâm lược nước ta

B. Đem quân ồ ạt tấn công xâm lược nước ta.

C. Cho sứ giả sang nước ta cầu hòa để biết tình hình đất nước ta.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 2. Thấy thái độ của sứ giả ngang ngược, thái độ của Trần Quốc Toản thế nào?

A. Lo sợ, nhút nhát.

B. Vô cùng căm giận.

C. Sung sướng, vui mừng.

D. Hèn nhát, đầu hàng.

Câu 3. Quốc Toản nóng lòng gặp vua như thế nào?

A. Đợi gặp vua từ sáng đến trưa.

B. Liều chết xô lính gác để vào nơi họp.

C. Xuống ngay thuyền gặp vua.

D. Cả hai câu B, C đều đúng.

Câu 4. Vì sao Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam?

A. Vì không thích ăn cam.

B. Quốc Toàn ám ức khi bị vua xem như trẻ con.

C. Quốc Toàn căm giận khi nghĩ đến quân giặc nên nghiền răng, hai bàn tay nắm chặt nên vô tình bóp nát quả cam.

D. Cả hai câu B, C đều đúng.

Câu 5. Trần Quốc Toàn nóng lòng gặp vua để làm gì?

A. Để được trả thù quân giặc.

B. Để được đánh đuổi quân giặc.

C. Để được nói hai tiếng “xin đánh”.

D. Để xin cam ăn.

Câu 6. Vì sao Vua không những tha tội mà còn cho Quốc Toàn quả cam quý?

A. Vì thấy Quốc Toàn còn trẻ con.

B. Vì thấy Quốc Toàn còn trẻ mà đã biết lo việc nước.

C. Vì biết Quốc Toàn thích ăn cam.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 7. Cặp từ nào có nghĩa trái ngược nhau?

A. Nhỏ - lớn.

B. Ngang ngược - hung ác.

C. Căm giận - căm thù.

D. Anh hùng - gan dạ.

Câu 8. Qua đoạn trích trên em thấy Trần Quốc Toàn là người như thế nào?

A. Trẻ tuổi mà dũng cảm

B. Là cậu bé có lòng lòng yêu nước

C. Căm thù giặc sâu sắc.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 9. Việc Trần Quốc Toàn bóp nát quả cam có ý nghĩa gì? Em có suy nghĩ gì về hành động trên của Trần Quốc Toàn?

Câu 10. Cho biết cảm nhận của em về hành động của Trần Quốc Toàn bóp nát quả cam?

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn (*khoảng 300 chữ*) chia sẻ cảm xúc về bài thơ sau:

Nhớ mùa thu Hà Nội

Hà Nội mùa thu, cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ
 Nằm kề bên nhau, phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu.
 Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội
 Mùa hoa sữa về thơm từng ngọn gió
 Mùa cỏm xanh về thơm bàn tay nhỏ
 Cỏm sữa vĩa hè thơm bước chân qua.
 Hồ Tây chiều thu, mặt nước vàng lay bờ xa mời gọi
 Màu sương thương nhớ, bầy sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời.
 Hà Nội mùa thu đi giữa mọi người
 Lòng như thăm hỏi, tôi đang nhớ ai
 Sẽ có một ngày trời thu Hà Nội trả lời cho tôi
 Sẽ có một ngày từng con đường nhỏ trả lời cho tôi.
 Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội
 Nhớ đến một người...

Đề nhớ mọi người.

(Trịnh Công Sơn, lời thơ của bài hát Nhớ mùa thu Hà Nội)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
PHẦN ĐỌC HIỂU		
1	A	0,5
2	B	0,5
3	D	0,5
4	C	0,5
5	C	0,5
6	B	0,5
7	A	0,5
8	D	0,5
9	Việc Trần Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam thể hiện Trần Quốc Toản là người yêu nước, căm thù giặc.	1,0
10	Mặc dù còn rất trẻ nhưng Trần Quốc Toản đã biết lo toan việc nước. Trần Quốc Toản quả là một người anh hùng!	1,0
PHẦN VIẾT		
Gợi ý nội dung	a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của đoạn văn .	0,25
	b. Xác định đúng nội dung chủ yếu cần bày tỏ cảm xúc.	0,25
	c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:Tài liệu của Nhung tây - Bài thơ là những dòng cảm xúc và nỗi nhớ thiết tha về một Hà Nội cổ kính, nên thơ vào độ thu về. - Về cấu trúc, bài thơ có năm khổ không đều nhau về số dòng, số chữ. Mỗi khổ biểu đạt một khía cạnh nội dung, cảm xúc; nhưng tất cả thể hiện nỗi nhớ của Trịnh Công Sơn về mùa thu và con người Hà Nội. Hai dòng đầu là nỗi nhớ về một Hà Nội mùa thu với vẻ đẹp lãng mạn, cổ kính mang dấu ấn của đất Kinh kỳ xưa. Khổ hai là nỗi nhớ của tác giả về hương hoa sữa, hương cốm mới – những nét rất đặc trưng của mùa thu Hà Nội. Khổ ba là hình ảnh Hồ Tây trong một buổi chiều thu	3.0

huyền ảo, khói sương. Khổ bốn và năm là tình yêu và nỗi nhớ của tác giả về con người Thủ đô trong nỗi niềm riêng “nhớ đến một người”.

- Bài thơ với ngôn từ và hình ảnh gợi cảm, mượt mà, đã diễn tả tài tình thần thái của mảnh đất kinh kỳ. Đó là một Hà Nội thật lãng mạn, mộng mơ khi mùa thu về cùng với nét trầm tư, cổ kính của “phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu” mà không nơi nào có được. Qua bài thơ, người đọc bắt gặp hồn thiêng núi sông ngàn năm, đồng thời vẽ nên một bức tranh mùa thu tuyệt vời, mê đắm lòng người qua hình ảnh “cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ”.

- Nếu khổ đầu Trịnh Công Sơn hoài niệm về đẹp ấn tượng nhất, dễ nhận thấy nhất của mùa thu Hà Nội qua màu đỏ của lá bàng, màu vàng của hàng cây cơm nguội, thì sang khổ hai tác giả lại tập trung vào cái tinh vi, vô hình nhưng lại sống động của mùi hoa sữa và hương cốm thơm mỗi độ thu về. Trong khoảnh khắc giao mùa ấy, nét đặc trưng của mùa thu Hà Nội được tác giả khám phá và đưa vào ca từ các hình ảnh vô cùng mới mẻ, ấn tượng. Từng ngọn gió mùa thu thơm nồng nàn hoa sữa, từng bàn tay nhỏ nhắn thơm hương cốm xanh, ngay cả những bước chân người đi trên hè phố cũng bắt giác vương vương thơm mùi cốm sữa. Xa Hà Nội, nhưng những gì thuộc về Hà Nội vẫn không rời, cứ vấn vương như một nỗi niềm: “Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội/Mùa hoa sữa về, thơm từng ngọn gió/Mùa cốm xanh về, thơm bàn tay nhỏ/Cốm sữa vỉa hè, thơm bước chân qua”.

- Trong khổ ba, hình ảnh Hồ Tây vào buổi chiều thu hiện lên huyền ảo và nên thơ như một bức tranh thủy mặc được nhà danh họa vừa phác vẽ xong. Mặt nước hồ lay động dưới ánh chiều vàng như thể đang xuyên xao, rung cảm theo tiếng mời gọi của bờ xa. Màu sương mờ lãng đãng, giăng giăng như niềm nhớ thương da diết; từng bầy sâm cầm tránh rét đang bay về hướng mặt trời tím hơi ẩm cuối thu.

- Bài thơ sử dụng nhiều hình ảnh đặc trưng của Hà nội, các phép điệp ngữ, điệp cấu trúc, ngôn ngữ gợi cảm... trong lời thơ gợi lên tình cảm lưu luyến, băng khuâng và cả nỗi nhớ thiết tha trong tâm hồn tác giả.

- Bài thơ làm chúng ta ngỡ ngàng khi nhận được tín hiệu tình yêu thiết tha, bỏng cháy của Trịnh Công Sơn dành cho con người nơi đây. Bắt đầu là tình yêu đối với một người khi “đi giữa mọi người”. Nỗi nhớ ở đây vừa hiện hữu, cụ thể về “một người” nhưng lại hoàn toàn vô hình, vô danh tính. Chính nét khơi gợi nhiều mộng lung ấy đã được sự chia sẻ, đồng cảm của nhiều bạn đọc yêu thơ, các thế hệ yêu nhạc Trịnh Công Sơn, yêu mùa thu Hà Nội.

	d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, suy nghĩ sâu sắc, sáng tạo.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25

ĐỀ 6: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Vua Quang Trung cười voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng:

- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam phương Bắc (chỉ đất Trung Quốc) chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vợ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng nữ vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ; các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy, đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn.

(Ngô Gia văn Phái, Hoàng Lê nhất thống Chí, tập II, Nguyễn Đức Vân - Kiều Thu Hoạch dịch, NXB văn học, Hà Nội)

Câu 1: Văn bản do ai sáng tác

A. Ngô gia văn phái

B. Ngô Thì Nhậm

C. Nguyễn Thiếp

D. Ngô Văn Sở

Câu 2: Tác phẩm thuộc thể loại gì?

A. Truyện ngắn

B. Truyện thơ nôm

C. Tiểu thuyết chương hồi

D. Tùy bút

Câu 3: Tác phẩm được viết bằng chữ Hán ghi chép lại sự thống nhất của vương triều nhà Lê thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 4: Hoàng Lê nhất thống chí xây dựng hình ảnh vua Quang Trung như thế nào?

A. Hành động mạnh mẽ, quyết đoán

B. Trí tuệ sáng suốt, mẫn cán, điều binh khiển tướng tài tình

C. Tài thao lược, lãnh đạo tài tình, phi thường

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5: Văn bản Hoàng Lê nhất thống chí viết về sự kiện lịch sử nào?

A. Trần Hưng Đạo phá quân Nguyên

B. Hai Bà Trưng đánh đuổi quân Nam Hán

C. Quang Trung đại phá quân Thanh

D. Lê Lợi đại phá quân Minh

Câu 6: Ý nói đúng nhất nội dung của Hồi thứ mười bốn (trích Hoàng Lê nhất thống chí) là gì?

A. Ca ngợi hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ

B. Nói lên sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh

C. Nói lên số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống

D. Cả A, B, C đều đúng**Câu 7.** Phương Bắc được nhắc tới trong đoạn trích trên chỉ nước nào?

A. Nhật Bản

B. Hàn Quốc

C. Trung Quốc

D. Mỹ

Câu 8. Đoạn trích trên nói về nội dung gì?**A. Khẳng định chủ quyền mỗi dân tộc và kêu gọi chiến đấu**

B. Ngợi ca vẻ đẹp của non sông, gấm vóc

C. Kêu gọi toàn dân chiến đấu, bảo vệ đất nước

D. Nêu cao những tấm gương của các anh hùng dân tộc

Câu 9. Qua đoạn trích em thấy vua Quang Trung hiện lên là người như thế nào? Nêu cảm nhận của em?**Câu 10.** Từ đoạn trích trên, em hãy viết đoạn văn theo lối diễn dịch khoảng 10 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Tuổi trẻ Việt Nam hiện nay cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước?**II. VIẾT (4 điểm)**

Kể lại một chuyện đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	C	0,5
	8	A	0,5
	9	Vua Quang Trung trong đoạn trích trên: Trước hết, vua Quang Trung là người mạnh mẽ, quyết đoán: + Nghe tin giặc tới Thăng Long ông vội vã đốc xuất đại binh ra Bắc. + Là người sáng suốt, nhạy bén: Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, ông đã lên ngôi	0,5 0,5

		<p>hoàng đế để chính danh ra dẹp giặc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch, ta. + Quang Trung khích lệ tướng lĩnh bằng những những lời nói chân thành, những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập. - Tầm nhìn chiến lược, ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập của vua Quang Trung đã góp phần làm nên chiến thắng thần tốc đại phá quân Thanh. Tài liệu của Nhung tây 	
	10	<p>- Tuổi trẻ Việt Nam khi thể hiện lòng yêu nước.</p> <p>Tuổi trẻ đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo vận mệnh, tương lai non sông đất nước vì vậy tuổi trẻ cần hiểu được vị trí quan trọng của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vốn tri thức, đạo đức được rèn luyện từ nhà trường là nền tảng cơ bản để thực hành trong đời sống. + Tuổi trẻ phải nỗ lực không ngừng học hỏi, phát triển về khoa học, kỹ thuật để bắt kịp với sự phát triển của thế giới. + Tuổi trẻ cần nuôi dưỡng trong mình tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, niềm tự tôn dân tộc. + Cần ý thức việc trau dồi tri thức và đạo đức ngay khi còn trẻ. 	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>
II		VIẾT	4,0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. 	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.</p>	0,25
		<p>HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về chuyến đi của bản thân với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen. 	0,25
		<p>2. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về chuyến đi đó. - Kể lại chuyến đi của bản thân theo một trình tự hợp lí: + Chuyến đi đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em? + Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một chuyến đi khó quên? + Em đã làm gì trong chuyến đi đó? + Chuyến đi đó đã tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào? + Em có những suy nghĩ gì sau chuyến đi đó xảy ra? 	<p>2,5</p> <p>0,25</p>

	3. Kết bài: - Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên)	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

ĐỀ 7: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

“Buổi ấy, bao nhiêu những loài trăn cầm dị thú, cổ mọc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn nhân gian, Chúa đều ra sức thu lượm, không thiếu một thứ gì. Có khi lấy cả cây đa to, cành lá rườm rà, từ bên bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài ra đến vài trượng, phải một cơ binh khiêng mới nổi, lại bốn người đi kèm, đều cầm guơm, đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay. Trong phủ, tùy chỗ điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bến bể đầu non. Mỗi khi đêm thanh vắng, tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất thường.”

(Trích chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh - Vũ Trung)

Câu 1: Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh thuộc thể loại nào?

- A. Truyện truyền kì
B. Truyện truyền thuyết
C. Tùy bút
D. Truyện cổ tích

Câu 2: Thói ăn chơi của chúa Trịnh được miêu tả thông qua chi tiết nào?

- A. Xây dựng đình đài, cung điện, thú vui ngao du vô độ
B. Cách bài trí phủ chúa không thiếu gì những thứ bên ngoài
C. Việc thu sản vật quý, thứ quý bày vẽ trang trí trong phủ gây nhiều tốn kém, phiền nhiễu
D. Tất cả các ý trên

Câu 3: Bọn hầu cận trong phủ chúa làm càn, tác oai tác quái trong dân chúng thế nào?

- A. Thủ đoạn vừa ăn cắp vừa la làng
B. Ngang nhiên, trắng trợn cướp bóc của dân chúng
C. Nửa đêm đem quân lính lấy phẳng đồ đi rồi vu họa tội giầu vật cung phụng
D. Tất cả 3 đáp án trên

Câu 4: Cụm từ “triệu bất tường” trong câu "Mỗi khi đêm thanh vắng, tiếng chim kêu vượn hót râm ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường." có nghĩa là gì?

- A. Dấu hiệu không lành, điềm gở
B. Điềm lành, tin vui
C. Không biết nói gì
D. Sự biến đổi của tự nhiên

Câu 5: Hiện thực thời vua Lê chúa Trịnh được khắc họa qua bài như thế nào?

- A. Thối nát, mục ruỗng, đầy những giả dối, bất công
B. Thời đại rực rỡ, huy hoàng, người dân sống êm ấm
C. Quan lại lo hưởng thụ, cướp bóc, dân chúng đói khổ, cơ cực
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 6: Cụm từ “triệu bất thường” trong câu văn trên có ý nghĩa gì?

A. Dấu hiệu không lành, điềm gở

C. Điềm lành, tin vui

B. Không biết gì

D. Sự biến đổi của tự nhiên

Câu 7: Nhận định đúng nhất về nghệ thuật thể hiện thói ăn chơi xa xỉ, vô độ của chúa Trịnh?

A. đưa ra các sự việc cụ thể khách quan

B. Sử dụng các biện pháp liệt kê và miêu tả tỉ mỉ một số sự kiện tiêu biểu

C. Không xen tới lời bình của tác giả Tài liệu của Nhung tây

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 8: Biện pháp nghệ thuật nào không được sử dụng trong câu văn sau?

Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu vượn hót râm ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường.

A. Phép so sánh

B. Phép lặp từ ngữ

C. Phép liệt kê

D. Phép đối

Câu 9. Qua đoạn trích em cảm nhận về tình trạng nước ta thời vua Lê - Trịnh thế nào?

Câu 10. Cảm nhận về tình trạng của đất nước thời vua Lê - chúa Trịnh.

II. VIẾT

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Hình ảnh người dân khốn đói, khổ cực, bị vu oan, bị đòi tiền trước những cuộc ăn cướp của bọn quan lại, tay sai. + Nhà giàu bị họ vu cho giấu của cung phụng, phải bỏ của ra kêu van chí chết.	0,5 0,5
	10	Câu 10. - Thời đại phong kiến Lê Trịnh là thời đại thối nát, mục ruỗng, quan lại không chăm lo cho dân chúng mà ra sức cướp bóc, hà hiếp dân chúng. - Vua chúa bày ra những trò lơ lửng, kịch cỡm, tốn kém để ăn chơi, tiệc tùng. - Nhân dân không chỉ chịu đói khổ mà còn chịu áp bức bởi bị áp bức	0,5 0,5

		vì bị bóc lột, ăn cướp. =>Triều đại thối nát, mục rỗng dự báo tiền đồ, triều ấy sụp đổ là điều không tránh khỏi.	
II. Viết		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. Tài liệu của Nhung tây	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Tình yêu thương trong cuộc sống.	
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Mở bài: + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận. + Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.	3,5
		2. Thân bài: + Nêu quan niệm về tình yêu thương? – Tình yêu thương là sự quan tâm, chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người. + Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống (HS nêu được từ 3-4 biểu hiện GV cho điểm tối đa) - Trong gia đình ông bà cha mẹ anh chị em yêu thương đùm bọc nhau. - Cha mẹ hi sinh, chấp nhận những khó khăn gian khổ để đổi lấy cuộc sống ấm no hạnh phúc cho con. - Con cái biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và yêu thương anh chị em. - Ngoài xã hội: Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động nhường chỗ trên xe bus cho cụ già, chia sẻ phần ăn sáng của mình cho em bé đang đói bụng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần... + Phân tích ý nghĩa của tình yêu thương: - Tình yêu thương thể hiện phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi chúng ta. Tài liệu của Nhung tây - Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn. - Là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người. - Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng. - Yêu thương còn tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin để họ	0,5 0,25 0,25 1,0

	<p>sống tốt đẹp hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu thương con người còn là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp khác như lòng biết ơn, dũng cảm, vị tha... Chúng ta cần có tình yêu thương còn bởi nó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN... <p>+ Dẫn chứng về tình yêu thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã biết yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược, có biết bao nhiêu bà mẹ VN nuôi giấu bộ đội như con đẻ của mình, biết bao nhiêu chiến sĩ coi đồng đội của mình như anh em ruột thịt, sẵn sàng đồng cam cộng khổ, thậm chí hi sinh cả tính mạng của mình để cứu đồng đội. Và chính có tình yêu thương, đoàn kết đó mà nhân dân ta đã dành lại được độc lập, tự do. - Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xóa đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hay mỗi khi một vùng nào trong cả nước gặp thiên tai hạn hán, lũ lụt thì nhân nhân cả nước cũng như kiều bào ở nước ngoài cùng chung tay giúp đỡ chia sẻ vật chất, động viên tinh thần để họ có thể ổn định cuộc sống. - Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như “<i>Trái tim cho em</i>”, “<i>Lục lạc vàng</i>”, “<i>Vì bạn xứng đáng</i>”, “<i>Cặp lá yêu thương</i>”, “<i>Hiến máu nhân đạo</i>”... 	0,5
	<p>* Phản biện:</p> <p>Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành... Những người đó cần phải lên án và phê phán.</p>	0,25
	<p>* Liên hệ bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp theo cần có ý thức rèn luyện tình yêu thương ở mọi lúc mọi nơi bằng những hành động thiết thực trong cuộc sống. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn. - Học tập theo những tấm gương có tình yêu thương con người. - Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh. - Tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện: chăm sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh... 	0,5
	<p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khẳng định vai trò của tình yêu thương. + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. 	

		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh.	

2. TRUYỆN NGẮN

ĐỀ 1: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

[..] Có những ngày mà tự nhiên không hiểu tại sao, ta thấy khó chịu, và hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì. Tôi đang ở vào một ngày như thế mà chiều trời hôm ấy lại ảm đạm và rét mướt càng khiến cho cảm giác đó rõ rệt hơn.

Tôi đi vài bước trên con đường phố vắng người. Một cái xe tay dăng xa đi lại, anh phu xe co ro vì rét, hai tay giấu dưới manh áo tôi tàn. Theo lệ như mọi khi, tôi mặc cả:

- Xe đi không? Bốn xu về gần nhà bà Yên Phụ.

- Thầy cho sáu xu.

- Không, bốn xu là đúng giá rồi.

Tôi vừa nói vừa bước đi. Người phu xe đã có tuổi, cứ kéo cái xe theo sau tôi mà lẩm bẩm: "Bốn đồng xu từ đây về nhà bà". Cái tiếng nhà bà anh ta nhắc đi nhắc lại làm cho tôi khó chịu. Tôi biết đó là một cách của các phu xe cứ đi theo sau khách để làm cho người ta bực tức, tôi lại càng ghét và quay lại gắt:

- Có đi hay không thì thôi! Đừng có theo sau người ta mà lải nhải.

Thấy tôi gắt, người phu xe đứng lại, không dám theo nữa. Nhưng để tôi đi một quãng xa, anh ta ới gọi:

- Lại đây đi mà.

Rồi anh ta hạ càng xe xuống, cứ đứng yên chỗ ấy đợi chứ không kéo lại phía tôi. Cái cử chỉ ấy làm tôi sinh ghét thêm, đã toan không đi, nhưng lúc ấy không có cái xe nào khác.

Tôi giận dữ bước mạnh lên xe, vừa mắng:

- Anh thật là lẩm chuyện, không đi ngay lại còn vẽ.

Anh xe cãi lại:

- Từ đây về đây thầy cho được bốn đồng xu thật rẻ quá!

- Thì ai bảo anh đi? Không có tôi đã gọi xe khác.

Người phu xe khẽ thở dài, yên lặng nhắc xe lên. Lúc bấy giờ tôi mới ngả mình ra phía sau, nhưng thấy cái đệm cứng như gỗ đập vào lưng, tôi cúi xuống bên nhìn cái tay xe.

Tôi đoán không sai, chính là một cái xe hiệu "con lợn" cái tên hiệu cũng xứng đáng một hạng xe tàng ở ngoại ô mà tôi vẫn phải đi. Anh xe này đã vào đây kéo trộm, vì xe ngoại ô không được phép vào thành phố đón khách, nếu không tuân lệnh thì bị phạt từ ba đến bốn đồng bạc. Sự tồi tàn của cái xe làm tôi càng ghét anh xe nữa.

- Xe khổ thế này mà anh lại còn đòi cao giá.

- Xe thế mà thầy chê thì còn thế nào nữa!

Anh xe bướng bỉnh cũng không chịu kém. Tôi nói câu gì là anh ta đối lại liền. Sau cùng, giận quá, tôi dẫm mạnh chân xuống sàn xe, gắt:

- Thôi, cầm hòng đi, đừng lải nhải nữa. Sự giận dữ làm cho tôi quên rằng anh xe cũng chỉ có trả lời những câu mắng của tôi mà thôi, và chính tại tôi gắt với anh ta nhiều quá.

Nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ thấy tức người xe ấy đến cực điểm, vì hắn dám cãi lại tôi mà không sợ.

Xe đi khỏi nhà máy nước thì gặp một người đội xếp tây đi xe đạp lại, theo sau một người đội xếp ta. Tôi nhận thấy anh xe kéo tôi có ý luống cuống và sợ hãi. Có lẽ vì thế mà người cảnh sát để ý, đi giáp vào cái xe kéo để xem dấu hiệu.

- Ê! Đứng lại!

Người kéo xe dừng chân... Anh ta quay lại tôi hốt hải van xin:

- Lạy thầy... thầy nói giúp con... thầy làm ơn...

Dưới ánh đèn tôi thấy mặt anh xe tái mét. Những vết răn in sâu xuống trên mặt già nua hốc hác, chân tay người khốn nạn ấy run bật lên và tôi thấy cái rung động chuyển cả vào chiếc thân xe.

Người cảnh sát tây đến, nói bằng tiếng ta hơi sôi:

- Mà chết nhé! Mà sẽ bị phạt!

Người phu xe ấp úng nói thì ông ta khoát tay bảo im, rồi quay lại tôi hỏi, lần này bằng tiếng Pháp.

- Người này kéo ông từ trong phố ra hay ông đi khứ hồi?

Tôi liếc mắt nhìn anh xe kéo. Trong bóng tối của vành nón qua ngang mặt, tôi thấy hai mắt anh ta long lanh nhìn tôi, như khẩn cầu van xin yên lặng. Tôi biết lời nói của tôi sẽ làm anh ta bị bắt hay không. Những khi nói chuyện với các phu xe khác, tôi được biết rằng nếu người khách nói là đi khứ hồi từ ngoại ô, thì người xe không việc gì. Nhưng lúc ấy, lời van xin của anh xe kia không làm cho tôi động lòng, mà lại làm cho tôi ghét anh thêm. Tôi trả lời người đội xếp:

- Tôi đi từ phố hàng Bún.

- Vậy phiền ông xuống xe.

Rồi anh ta nhìn anh phu xe, cười một cách tinh quái:

- Allez! Đi về bót!

Khi anh phu xe run sợ và hai người cảnh sát đã khuất đầu phố, tôi mới quay đi thông thả trên bờ hè. Con giận của tôi đã hết rồi. Sự hối hận dần thấm thía vào lòng tôi, tôi thấy một cái chán nản bức tức rung động trong người. [...]

(Trích Một cơn giận, Thạch Lam)

Câu 1: Xác định ngôi kể của truyện?

A. Ngôi kể thứ nhất

B. Ngôi kể thứ nhất

C. Ngôi kể thứ ba

D. Ngôi kể thứ ba

Câu 2: Tâm trạng của nhân vật "tôi" được đặt trong một ngày như thế nào?

A. Một ngày thấy khó chịu

B. Một ngày hay gắt gỏng, không muốn làm việc gì.

C. Một ngày ảm đạm và rét mướt

D. Cả A, B, C

Câu 3: Tình huống được kể trong đoạn trích là tình huống gì?

A. Nhân vật tôi thuê xe kéo trở về nhà trong tâm trạng tồi tệ

B. Nhân vật tôi gặp anh kéo xe khó tính

C. Nhân vật tôi gặp cảnh sát để tố cáo hành vi chạy xe lậu

D. Nhân vật anh phu xe trong câu chuyện của "tôi" gặp phải người khách keo kiệt, khó ưa.

Câu 4: Vì sao nhân vật tôi lại tỏ ra khó chịu với anh phu xe?

A. Vì anh phu xe ăn mặc tuềnh toàng: *co ro vì rét, hai tay giấu dưới manh áo tôi tàn*

B. Vì anh phu xe *đã có tuổi*

C. Vì anh phu xe không cứ đi sau lải nhải, sau thì đứng yên chỗ ấy đợi chứ chịu không kéo lại và còn bướng bỉnh, dám cãi lại "tôi"...

D. Vì anh phu xe chạy xe lậu để kiếm lời.

Câu 5: Theo em, nguyên nhân chính dẫn đến sự việc nhân vật tôi đã không nói giúp anh phu xe khi gặp đội xếp là gì?

A. Do tôi quá nóng giận Tài liệu của Nhung tây

B. Do nóng giận nên anh không giữ được bình tĩnh

C. Cư xử một cách thiếu lí trí, bị cảm xúc chi phối

D. Cả Ba đáp án trên đều đúng

Câu 6: Đoạn trích kể lại "một cơn giận" của ai?

A. Nhân vật tôi

B. Anh phu xe

C. Người đội xếp tây

D. Người đội xếp ta

Câu 7: Cách cư xử của nhân vật tôi trong đoạn trích là cách cư xử như thế nào?

A. Bình thường

B. Vô lễ

C. Nhỏ nhen

D. Cao

thượng

Câu 8: Nhân vật tôi cuối đoạn trích hối hận vì lẽ gì?

A. Vì đã thuê xe của anh phu xe dối trá

B. Vì đã nói thật về chiếc xe với đội

xếp

C. Vì mất tiền thuê xe mà không về được

D. Vì sự ích kỉ, nhỏ nhen của mình

Câu 9: Hãy rút ra thông điệp từ đoạn trích.

Câu 10: Phần sau truyện, nhân vật tôi đã tìm đến nhà anh phu xe, biết được gia cảnh nghèo khổ của anh cũng như việc anh bị giữ xe, bị phạt, bị đánh đập.. Nhân vật tôi càng cảm thấy hối hận về cách cư xử của mình. Câu chuyện khiến em suy nghĩ như thế nào về hậu quả của sự giận dữ?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5

	7	C	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>- Trong đoạn trích trên, nhân vật tôi đã bị cảm xúc bức bối, khó chịu của mình điều khiển, dẫn đến việc có thái độ cư xử thiếu thiện cảm đối với người phu xe nghèo khổ, cuối cùng còn không giúp anh phu xe ngay cả khi anh ta năn nỉ. Nhân vật tôi sau khi cơn nóng giận qua đi đã cảm thấy hối hận vì cách cư xử của mình. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>- Qua câu chuyện trên, em rút ra bài học cho bản thân là: Không nên để cảm xúc chi phối, hãy biết cách giữ bình tĩnh, điều khiển cảm xúc của mình. Bởi làm chủ được cảm xúc thì chúng ta mới không gây tổn thương cho người khác, không phải hối hận như nhân vật trong câu chuyện trên.</p>	1,0
	10	<p>- Phần sau truyện, nhân vật tôi đã tìm đến nhà anh phu xe, biết được gia cảnh nghèo khổ của anh cũng như việc anh bị giữ xe, bị phạt, bị đánh đập... Nhân vật tôi càng cảm thấy hối hận về cách cư xử của mình.</p> <p>- Câu chuyện khiến em suy nghĩ về hậu quả của sự giận dữ: Sự giận dữ khiến con người dễ đánh mất lí trí, làm những việc không nên làm, nói những điều không nên nói; sự giận dữ gây tổn thương cho những người xung quanh; làm rạn nứt các mối quan hệ; thậm chí còn đẩy người khác vào hoàn cảnh ngặt nghèo như anh phu xe trong câu chuyện trên.</p>	1,0
II. Viết		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận...</i> Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i></p>	0,25
		<p>c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. Học sinh có thể nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau:</p>	
		<p>- Nêu vấn đề cần nghị luận: <i>Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i> - Người viết tán thành ý kiến đã nêu. - Nêu ra thực trạng việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông của người dân. - Nêu nguyên nhân của thực trạng trên.</p>	2,5

		- Kết hợp lí lẽ với bằng chứng để chỉ ra hậu quả hoặc những điều tích cực của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông... - Đưa ra biện pháp. Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực.	0,5

ĐỀ 2: Đọc kĩ nội dung đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Buổi sớm kia, khi trở dậy trong căn phòng nhà trọ, tôi thấy ánh nắng rực rỡ xuyên qua các khe lá đến nhảy múa trên mặt tường. Trời trong và gió mát quá, khiến tôi chợt nhớ đến cánh đồng, ruộng ở chỗ ông Ba, mà đã lâu năm tôi chưa về thăm. Một vài bộ quần áo với mấy quyển sách đem theo, tôi hớn hờ ra ga, sung sướng được xa lánh cái náo nhiệt của thành phố. Và nhất là được quên những bài học khô khan và vô ích ở nhà trường. Tất cả tâm hồn tôi nảy nở dưới cơn gió từ quăng không đưa lại. Trên tàu, tôi mãi mê ngắm dãy đồi núi xanh xanh ở tận chân trời; chỗ tôi sắp đến cũng có những đồi núi như thế. Ông Ba, bạn thân với cha tôi hồi trước, có một cái đồn điền rộng, trồng toàn sản và chè. Hồi nhỏ, tôi đã nhiều lần đến chơi nhà ông, nhưng từ khi ra học Hà Nội, tôi không có dịp về nữa.

(Theo Nắng trong vườn - Thạch Lam)

Câu 1. Điều gì khiến cho tôi nhớ đến cánh đồng, ruộng ở chỗ ông Ba?

- A. Ánh nắng rực rỡ, bầu trời trong, làn gió mát
- B. Ánh nắng dịu dàng, bầu trời trong, làn gió mát
- C. Ánh nắng rực rỡ, bầu trời trong, làn gió se lạnh
- D. Ánh nắng chói chang, gay gắt, trời se lạnh

Câu 2. Từ khi nào mà tôi không về thăm cánh đồng, ruộng ở chỗ ông Ba?

- A. Từ khi lớn lên
- B. Từ khi ra học Hà Nội
- C. Từ khi đi học ở Huế
- D. Từ khi vào Sài Gòn

Câu 3. Tôi mang theo gì để về thăm chỗ nhà ông Ba?

- A. Vài bộ quần áo với mấy đôi giày
- B. Vài bộ quần áo với mấy quả táo
- C. Vài bộ quần áo với mấy quyển sách
- D. Vài bộ quần áo với ít sách vở

Câu 4. Đâu không phải là lý do khiến tôi sung sướng khi được đến đồn điền nhà ông Ba?

- A. Được gặp lại người bạn thân nhất hiện đang sống ở nhà ông Ba
- B. Được xa lánh cái náo nhiệt của thành phố
- C. Được quên những bài học khô khan và vô ích ở nhà trường
- D. Được sống lại với những kí ức tuổi thơ trong trẻo đẹp đẽ.

Câu 5. Đồn điền của ông Ba chủ yếu trồng loại cây gì?

- A. Sản và khoai
- B. Khoai và chè
- D. Ngô và khoai
- D. Chè và sản

Câu 6. Bài văn trên có xuất hiện 6 từ láy, đó là:

- A. Rực rỡ, hớn hở, đồn điền, sung sướng, khô khan, xanh xanh
 B. Rực rỡ, hớn hở, sung sướng, khô khan, mãi mê, nảy nở
C. Rực rỡ, hớn hở, sung sướng, khô khan, nảy nở, xanh xanh
 D. Rực rỡ, hớn hở, sung sướng, khô khan, mãi mê, hồng hách

Câu 7. Trong câu “*Buổi sớm kia, khi trở dậy trong căn phòng nhà trọ, tôi thấy ánh nắng rực rỡ xuyên qua các khe lá đến nhảy múa trên mặt tường.*”. Thành phần “Buổi sáng kia” là thành phần gì trong câu?

- A. Chủ ngữ B. Vị ngữ **C. Trạng ngữ** D. Bổ ngữ

Câu 8. Câu: “*Một vài bộ quần áo với mấy quyển sách đem theo, tôi hớn hở ra ga, sung sướng được xa lánh cái náo nhiệt của thành phố*” có tất cả bao nhiêu tính từ?

- A. 2 Tính từ **B. 3 Tính từ** C. 4 Tính từ D. 5 Tính từ

Câu 9. Nêu ngắn gọn tâm trạng nhân vật tôi khi trải nghiệm một ngày ở miền quê.

Câu 10. Em hãy trình bày tác dụng của sự trải nghiệm đối với bản thân.

II. VIẾT (4 điểm)

Hãy viết bài văn giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. - Tâm trạng nhân vật tôi khi trải nghiệm một ngày ở miền quê: náo nức, bình yên thư thái. Tài liệu của Nhung tây	0,5 0,5
	10	Câu 10. (Học sinh tự bộc lộ) - Trải nghiệm có ý nghĩa lớn lao trong cuộc sống. Trải nghiệm được hiểu là hành trình khám phá, học hỏi của mỗi chúng ta để từ đó rút ra cho mình những kinh nghiệm, bài học và ngày một tốt hơn. Nhờ có những trải nghiệm quý báu mà ta trở nên “thông thái” trước những vấn đề của đời sống. - Những cuộc đi và những lỗi sai đã đem đến cho con người bao tri thức, bao hiểu biết. Đó chính là điều bạn sẽ không có nếu chỉ	0,25 0,5 0,25

		muốn làẾch ngồi đáy giếng. Khi ta có cho mình tri thức, kĩ năng, thì ta có thể trả lời muôn vàn lời tự vấn: tôi là ai, tôi cần làm gì? Chỉ có rèn luyện một bản lĩnh mạnh mẽ, kiên cường thì trái tim mới đủ cứng rắn dám làm, dám hành động thay vì ngồi đó và ngưỡng vọng những người tài giỏi quanh mình. - Trải nghiệm không phải là đánh đổi mà là sự tôi luyện cho những hèn kém để giúp ta tìm thấy chính mình trong cuộc đời này. Trong đời sẽ chẳng có ai không phạm sai lầm. Cứ hãy đi và trải nghiệm và chúng ta sẽ gặp nhau trên đại dương muôn trùng với con thuyền chuyên chở mơ ước của riêng mình để cùng làm nên thành công.	
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh.</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích	0,25
		c. giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích	
		1. Mở bài HS có thể triển khai giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu tác giả cuốn sách. - Tại sao cuốn sách đó để lại ấn tượng ttoots đẹp trong em.	0,25
		2. Thân bài - Giới thiệu hình thức của cuốn sách - Giới thiệu nội dung chính của cuốn sách - Giới thiệu giá trị cuốn sách mang lại, - Lí do yêu thích cuốn sách + Cách giữ gìn và bảo quản sách.	2,5
		3. Kết bài - Cảm nghĩ tình cảm của em dành cho cuốn sách.	0,25
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. <i>Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

ĐỀ 3: Đọc kĩ nội dung đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi com bốc khói nghi ngút.

Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con

trâu đang mài miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiểng ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tua hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mầm khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lạnh lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sự niềm hy vọng đi veo mát nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.

Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đồng cảnh khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, củ trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.

Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.

- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút thuốc đã cháu.

Ông lão lén túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc túi nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Đường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:

- Tôi chỉ xin lửa thôi...

Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.

- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!

Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không

muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gầm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chỉ ít cũng là hai củ. Đẳng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.

Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mừng rỡ giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy láng láng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?

(Theo Truyện ngắn Tạ Duy Anh)

Câu 1. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

- | | |
|--------------|------------|
| A. Cuối đông | B. Chớm hè |
| C. Cuối xuân | D. Đầu thu |

Câu 2. Ai là người kể chuyện?

- | | |
|------------------------------|--------------------|
| A. Cậu bé Mạnh. | B. Ông lão ăn mày. |
| C. Người kể chuyện giấu mặt. | D. Cậu bé ăn mày. |

Câu 3. Trong câu văn: *Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.*, từ “có thể” là thành phần gì?

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| A. Thành phần cảm thán | B. Thành phần tình thái |
| C. Thành phần gọi đáp | D. Thành phần phụ chú. |

Câu 4. Chủ đề của truyện là gì?

- | | |
|-----------------------|------------------------------|
| A. Lòng dũng cảm | B. Tinh thần lạc quan |
| C. Tinh thần đoàn kết | D. Lòng yêu thương con người |

Câu 5. Vì sao cậu bé Mạnh lại có “cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?

- | |
|--|
| A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày. |
| B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão. |
| C. Vì được thưởng thức món ăn ngon. |
| D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền. |

Câu 6. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu “*Những giọt mật trào ra, gập lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lạnh lạnh thế này.*”?

- | | |
|------------|-----------------------|
| A. So sánh | B. Nhân hóa |
| C. Nói quá | D. Nói giảm nói tránh |

Câu 7. Cốt truyện của truyện ngắn “Củ khoai nướng” thuộc loại nào sau đây?

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| A. Cốt truyện đơn tuyến | B. Cốt truyện đa tuyến |
| C. Không có cốt truyện | D. Không thể xác định. |

Câu 8. Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

- A. Tôn trọng
B. Coi thường
C. Biết ơn
D. Thương hại

Câu 9. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

Câu 10. Từ câu chuyện của cậu bé Mạnh, em hãy viết đoạn văn (3 - 5 câu) trình bày suy nghĩ về lòng yêu thương?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu” của nhà thơ Trần Tế Xương.

thêmGỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	<p>Câu 9. Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng với những người bất hạnh, kém may mắn.</p> <p>- Nếu là Mạnh thì em cũng sẽ làm như bạn ấy bởi chỉ có tình yêu thương mới làm rung động trái tim con người, từ trái tim mới chạm đến trái tim vì vậy hành động của Mạnh đã khiến cậu như lớn hơn, chắc chắn hơn, tấm lòng bao dung, yêu thương con người của cậu vì thế mà rộng ra mãi. Tài liệu của Nhung tây</p>	1,0
	10	<p>Câu 10. Trình bày được một số ý sau:</p> <p>- Tình yêu thương là sự đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ, gắn bó, quan tâm, giúp đỡ, yêu mến, trân trọng hòa hợp... giữa con người với nhau.</p> <p>- Yêu thương được xem là một phẩm chất đẹp, cao quý và là giá trị sống cốt lõi của con người giúp con người gần nhau hơn.</p> <p>- Người đón nhận tình yêu thương có thêm niềm tin vào cuộc sống, có động lực vượt qua khó khăn của cuộc sống.</p> <p>- Tình yêu thương trao đi có thể là vật chất hoặc tinh thần.</p> <p>- Thay đổi cái nhìn của mọi người trong xã hội:</p>	1,0

		- Cần phê phán những người vô cảm, không có thói quen chia sẻ và giúp đỡ người khác.	
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về tác phẩm văn học</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trò chơi điện tử	0,25
		<i>c. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về tác phẩm văn học</i> - Hiểu được đề bài yêu cầu những gì, sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí. - HS triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm và mỗi luận điểm viết thành một đoạn văn. HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5
		- Nêu được vấn đề cần nghị luận về tác phẩm văn học: 1. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - nêu khái quát nội dung bài thơ 2. Thân bài: a . Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ b. Phân tích làm rõ các luận điểm: * Cuộc thi năm Đinh Dậu: Hai câu đề mang tính chất tự sự, kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu: <i>Nhà nước ba năm mở một khoa, Trường Nam thi lẫn với trường Hà.</i> Bề ngoài có vẻ thật bình thường, kì thi mở theo đúng thông lệ đã có từ trước (ba năm mở một khoa). Tuy nhiên, tính chất không bình thường bộc lộ rõ ngay từ cách thức tổ chức: Trường Nam thi lẫn với trường Hà. Trước đây, trường Nam (Nam Định) và trường Hà (Hà Nội) đều thi riêng. Đến khoa Đinh Dậu, trường Nam, trường Hà thi chung. Từ “ <i>lẫn</i> ” – lẫn lộn từng phèo - đã báo trước sự ô hợp, láo nháo trong thi cử. * Bọn sĩ tử, quan trường không còn nho phong, sĩ khí: Hai câu thực và hai câu luận gợi tả cụ thể hơn những nét đặc biệt của khoa thi Đinh Dậu. Ngòi bút tác giả hướng đến hai đối tượng chủ yếu nhất trong các kì thi: sĩ tử (người đi thi) và quan trường (quan coi việc thi). <i>Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ, Ấm oẹ quan trường miệng thét loa.</i> - Hình ảnh sĩ tử chẳng hề mang dáng dấp thư sinh. Họ thật luộm thuộm có vẻ bệ ực: vai đeo lọ. Biện pháp đảo ngữ lôi thôi sĩ tử vừa nhấn mạnh sự luộm thuộm, không gọn gàng, vừa gây ấn tượng khái quát về hình ảnh những sĩ tử khoa thi này. Họ không có tư thế người	2.5

đi thi, càng không có tư thế người làm chủ trong kì thi. Hình ảnh sĩ tử trong thơ Tú Xương đã phản ánh sự sa sút về “*nho phong sĩ khí*”, do sự nhốn nháo, ô hợp của hoàn cảnh xã hội đem lại.

- Hình ảnh quan trường xuất hiện với vẻ ra oai, nạt nộ. Cái oai của quan trường là cái oai cố tạo, cái oai “vờ”. Từ âm ọe biểu đạt âm thanh của tiếng nói to nhưng bị can trong cồ hống nên trầm và nghe không rõ, nói lên cái oai không thực chất của quan trường. Cùng với biện pháp đảo ngữ âm ọe giọng thét loa của quan trường, có thể thấy được sự huyên náo, lộn xộn của cảnh trường thi này. Quan phải thét vì sĩ tử chẳng ai nghe. Sĩ tử không ai nghe nên quan càng phải cố tỏ cái oai vờ nạt nộ.

*** Bộ mặt của bọn thực dân:**

- Hình ảnh quan sứ và mục đầm xuất hiện trong sự tiếp đón rất linh đình: Cờ cắm rợp trời. Cách ăn mặc của quan bà có phần diêm dúa, lòe loẹt: Váy lê quét đất mục đầm ra. Biện pháp đảo ngữ: *Cờ cắm rợp trời quan sứ đến - Váy lê quét đất mục đầm ra* cho thấy cờ trước, người sau, thấy váy trước, người sau, càng lộ rõ sự phô trương về hình thức. Quan sứ, bà đầm xuất hiện tuy có sự tiếp đón linh đình nhưng cũng không khác gì một màn trình diễn.

- Nghệ thuật đối của thơ Đường luật được vận dụng một cách triệt để, tạo nên sức mạnh đả kích dữ dội, quyết liệt, sâu cay. Tú Xương đã đem “*cờ*” che đầu quan sứ đối với “*váy*” bà đầm. Với cách đối trên, nhà thơ đã hạ nhục bọn thực dân xâm lược.

- Tất cả hình ảnh sĩ tử, quan trường, quan sứ và mục đầm giữa trường thi đều nói lên sự thiếu tôn nghiêm và có phần lộ bịch của khoa thi Đình Dậu.

*** Nỗi đau xót, tủi nhục của tác giả:**

- Hai câu kết có sự chuyển hướng đột ngột về giọng điệu, cảm xúc. Sáu câu trên có giọng mỉa mai, châm biếm. Đến hai câu kết, giọng điệu chủ yếu là trữ tình:

Nhân tài đất Bắc nào ai đó

Ngoảnh cỏ mà trông cảnh nước nhà.

- Hai câu thơ là lời lay gọi, đánh thức lương tri, lương tâm. Câu hỏi phiếm chỉ Nhân tài đất Bắc nào ai đó vừa để chỉ những sĩ tử trong khoa thi Đình Dậu - nơi tụ hội của tài trí đất Bắc - vừa mang ý nghĩa khái quát: tất cả những ai tự cho mình là “*nhân tài đất Bắc*”. Tú Xương nhắc tất cả nhân tài đất Bắc đó, hãy ngoảnh cỏ mà trông cảnh nước nhà. Trông cảnh nước nhà để nhận ra hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước. Từ nước nhà đặt ở cuối bài thơ mang dư âm tha thiết, có tác dụng thức tỉnh tinh thần dân tộc.

c. Đánh giá về nghệ thuật, nội dung

3. Kết bài:

- Khái quát những nét chính về nội dung và nghệ thuật

	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25

ĐỀ 4: Đọc kĩ nội dung đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Buổi sáng nắng sớm. Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm mùa lượn giữa trời xanh. Lại đến một buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng. Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai ai đem rắc lên trên. Rồi ngày mưa rào. Mưa giăng giăng bốn phía. Có quầng nắng xuyên xuống biển óng ánh đủ màu: xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc.... Có quầng biển thâm xỉ, nặng trĩu. Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đầm, thấm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt. Có buổi sớm nắng mờ, biển bốc hơi nước, không nom thấy núi xa, chỉ một màu trắng đục. Không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời. Một buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm. Những núi xa màu lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió, mà sóng vẫn đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lẫn lẫn như bột phấn trên da quả nhót. Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh veo màu mảnh chai. Núi xa tím pha hồng. Những con sóng nhẹ liếm lên bãi cát, bọt sóng màu bươi đào. Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ đố. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh buồm duyên dáng như ánh sáng chiếu đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên biển múa vui. Thế đấy, biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. Trời âm ỉ đông gió, biển đục ngầu giận dữ.... Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc dầm chiêu, gắt gỏng. Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy như thế. Nhưng có một điều ít ai chú ý là: vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu muôn sắc ấy phần rất lớn là do mây trời và ánh sáng tạo nên.

(Theo Biển đẹp - Vũ Tú Nam)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là?

- A. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Miêu tả

Câu 2. Khi nào thì: "Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai đem rắc lên trên."?

- A. Buổi sớm nắng sáng. B. Buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng.
C. Buổi sớm nắng mờ. D. Một buổi chiều nắng tàn, mát dịu.

Câu 3. Trong câu: “Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đầm thấm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt.” Hình ảnh “Những cánh buồm” được so sánh với hình ảnh “ngực bác nông dân” dựa vào đặc điểm nào để so sánh?

- A. Ướt đầm B. Bồi hồi C. Khỏe nhẹ D. Cả ba ý trên.

Câu 4. Câu: “Biển lặng đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như” Từ đồng âm với tiếng “đục” trong từ “đỏ đục” là:

- A. Đục ngẫu. B. Đục đẽo. C. Vẩn đục. D. Trong đục

Câu 5. Trong câu: “Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh.” Sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. So sánh B. Nhân hoá C. Điệp ngữ D. Ẩn dụ

Câu 6. Tìm các cặp từ trái nghĩa có trong câu sau: Trời trong xanh, biển nhẹ nhàng, trời âm u, biển nặng nề.

- A. Trong xanh - nhẹ nhàng, âm u – nặng nề.
B. Trong xanh - âm u, nhẹ nhàng – nặng nề.
 C. Trong xanh - nặng nề, âm u – nặng nề.
 D. Trong xanh - nặng nề, âm u – nặng nề.

Câu 7. *Vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu muôn sắc của biển phần rất lớn là điều gì?*

- A. Do mây trời và ánh sáng tạo nên. B. Do ánh sáng mặt trời chiếu vào.
 C. Do thay đổi góc quan sát. D. Do mây trời thay đổi

Câu 8. Văn bản miêu tả cảnh biển theo trình tự nào?

- A. Không gian B. Thời gian
 B. C. Diễn biến tâm trạng **D. Thời gian, không gian**

Câu 9. Phân tích giá trị biểu đạt của biện pháp tu từ trong câu sau:

Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đầm, thấm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt.

Câu 10. Viết đoạn văn cảm nhận về vẻ đẹp của biển vào buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm?

II. VIẾT (4 điểm)

Trong nhiều chuyến đi tham quan, trải nghiệm của em, em hãy kể lại một chuyến đi ấn tượng nhất cho bạn bè và thầy cô được biết.

thêmGỢI Ý TRẢ LỜI

Phầ n	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5

	9	<p>Câu 9.</p> <p>- Nhà văn Vũ Tú Nam đã sử dụng thành công biện pháp so sánh rất sinh động trong việc miêu tả hình ảnh cánh buồm “cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đầm, thấm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt”.</p> <p>- Biện pháp so sánh không chỉ làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn mà còn cho ta những cảm nhận rất chân thực về cánh buồm: Cánh buồm ấy cũng nhọc nhằn, vất vả mưu sinh và giống như người lao động mang theo cái đẹp kết tinh của cuộc đời. Gắn liền trong hình ảnh độc đáo ấy, Vũ Tú Nam đã thầm kín bày tỏ sự trân trọng, niềm mến yêu với cánh buồm dong duổi nơi biển khơi xinh đẹp và tình yêu lao động của con người. Tài liệu của Nhung tây</p>	1,0
	10	<p>Câu 10.</p> <p>- Với sự quan sát tỉ mỉ, ngôn ngữ bình dị cùng tâm lòng đầy yêu thương, nhà văn Vũ Tú Nam đã mang đến cho bạn đọc một bức tranh “Biển đẹp” thơ mộng, đầy sắc màu do thiên nhiên ban tặng, tạo dựng. Biển được miêu tả ở nhiều góc độ, sắc thái và khoảnh khắc khác nhau đặc biệt là khi chiều lạnh, nắng tắt sớm “<i>Những núi xa màu lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió, mà sóng vẫn đổ đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lăn tăn như bột phấn trên da quả nhót</i>” Phép so sánh, liên tưởng độc đáo khiến biển trở nên gần gũi ấm áp, dịu dàng. Biển đẹp ở mọi thời điểm, cái rì rào bất tận của biển đã ôm ấp ru vỗ tuổi thơ của rất nhiều bạn trẻ. Biển là món quà vô giá mà mẹ thiên nhiên ban tặng nên ta hãy trân trọng nâng niu món quà vô giá của thiên nhiên. Tài liệu của Nhung tây</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự</p> <p>Mở bài nêu được nêu tên một chuyến đi có ý nghĩa mà em đã tham gia; thân bài kể lại được chi tiết về một chuyến đi hay theo một trình tự thống nhất; kết bài nêu được ý nghĩa hoặc bài học thu được sau khi tham gia chuyến đi.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng sự việc cần kể: một chuyến đi em đã tham gia</p> <p>Viết bài văn kể lại một chuyến đi để lại cho em ấn tượng sâu sắc.</p>	0,25
		<p>c. Triển khai nội dung bài viết thành các đoạn văn</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn tự sự kể lại một chuyến đi có ý nghĩa:</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu về một chuyến đi để lại trong em ấn tượng sâu sắc</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>Lần lượt kể lại chuyến đi theo trình tự nhất định:</p>	0,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu mục đích của chuyến đi, lí do em tham gia chuyến đi đó. - Kể về hình thức tổ chức hoạt động của chuyến đi (thành phần tham gia, thời gian, địa điểm...). - Kể về quá trình tiến hành chuyến đi (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc). - Nêu kết quả, ý nghĩa của chuyến đi, nêu cảm xúc, tâm trạng của em sau chuyến đi (về vật chất và về tinh thần) Lưu ý: Kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận để kể lại. 3. Kết bài: <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa và bài học sau khi tham gia chuyến đi 	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25

ĐỀ 5: Đọc kĩ nội dung đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Trong một tiết dạy vẽ, có giáo viên bảo các em học sinh lớp một vẽ về điều gì làm cho em thích nhất trong đời.

Cô giáo thăm nghĩ "Rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh Douglas: bức tranh vẽ một bàn tay.

Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy biểu tượng này.

Một em phán đoán

"Đó là bàn tay của bác nông dân".

Một em khác cự lại:

"Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật....".

Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng nghịu:

"Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!".

Cô giáo ngỡ ngàng. Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hóa ra đối với Douglas bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.

(Mai Hương, Vĩnh Thắng - Quà tặng cuộc sống)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là phương thức nào?

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2. Ngôi kể của văn bản?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ ba
C. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba D. Lời kể của cô giáo

Câu 3. Chi tiết chính trong văn bản trên là chi tiết nào?

A. Một em phán đoán:

- "Đó là bàn tay của bác nông dân".

B. Một em khác cự lại:

- "Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật....".

C. Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng ngịu:

- "Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!".

D. Cô giáo ngẩn ngơ.

Câu 4: Vì sao cô giáo lại ngẩn ngơ trước câu trả lời của Douglas?

A. Cô không hiểu vì sao Douglas lại có suy nghĩ như vậy.

B. Cô vui vì Douglas vẽ bàn tay của mình

C. Vì Douglas là học sinh khuyết tật nhưng vẽ rất đẹp.

D. Vì Douglas cảm nhận được sự chân thành của cô dành cho học sinh

Câu 5: Xác định thành phần trạng ngữ trong câu: "Trong một tiết dạy vẽ, có giáo viên bảo các em học sinh lớp một vẽ về điều gì làm cho em thích nhất trong đời."

A. Trong một tiết dạy vẽ

B. Có giáo viên bảo

C. Các em học sinh vẽ điều gì

D. Em thích nhất trong đời

Câu 6: Câu nào mở rộng thành phần?

A. "Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy biểu tượng này."

B. "Giáo viên bảo các em học sinh lớp một vẽ về điều gì làm cho em thích nhất trong đời."

C. "Một em phán đoán.

D. "Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh Douglas"

Câu 7: Tìm phó từ trong câu văn sau? "Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả"

A. Đợi

B. Hỏi

C. Xôn xao

D. Mới

Câu 8: Công dụng của dấu gạch ngang trong câu sau: "Một em phán đoán

Đó là bàn tay của bác nông dân".

A. Đánh dấu bộ phận chú thích.

B. Để liệt kê.

C. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật

D. Nối các từ trong một liên danh

Câu 9: Thông điệp của văn bản trên là gì?

Câu 10: Nếu được cô giáo yêu cầu vẽ một điều mà em thích nhất thì em sẽ vẽ gì? Vì sao?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết một bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

thêmGỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5

	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	C	0,5
	9	Câu 9. + Tình yêu thương, sự đồng cảm, giúp đỡ trong cuộc sống bắt nguồn từ những điều rất đỗi bình thường nhưng có ý nghĩa vô cùng to lớn. + Tình yêu thương khi xuất phát từ tấm lòng chân thành, không toan tính sẽ giúp mọi người xích lại gần nhau hơn, mang lại nghị lực sống, giúp họ vươn lên, vượt qua những bất hạnh trong cuộc đời. Tài liệu của Nhung tây	1,0
	10	Câu 10. Học sinh nêu được điều mình muốn vẽ - Lý giải hợp lý thuyết phục - Lý giải hợp lý nhưng chưa thuyết phục - Lý giải không hợp lý không cho điểm	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự Mở bài nêu được tên một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham gia; thân bài kể lại được chi tiết về một hoạt động xã hội theo một trình tự thống nhất; kết bài nêu được ý nghĩa hoặc bài học thu được sau khi tham gia hoạt động xã hội.	0,25
		b. Xác định đúng sự việc cần kể: một hoạt động xã hội em đã tham gia Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc. Tài liệu của Nhung tây	0,25
		c. Triển khai nội dung bài văn tự sự Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn kể lại một hoạt động xã hội mà em tham gia 1. Mở bài: - Giới thiệu về một hoạt động xã hội để lại trong em ấn tượng sâu sắc 2. Thân bài: Lần lượt kể lại hoạt động theo trình tự nhất định: - Nêu mục đích của hoạt động, lí do em tham gia hoạt động đó. - Kể về hình thức tổ chức hoạt động (thành phần tham gia, thời gian, địa điểm,...). - Kể về quá trình tiến hành hoạt động (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc). - Nêu kết quả, ý nghĩa của hoạt động (về vật chất và về tinh thần) Lưu ý: Kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận để kể lại. 3. Kết bài: - Khẳng định ý nghĩa và bài học sau khi tham gia hoặc hoạt động xã hội.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25

	e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25
--	--	------

ĐỀ 6: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhón mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bé trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rom, để mong lấy cái ấm của mình áp ủ cho nó.

(Trích Nhà mẹ Lê - Thạch Lam)

Câu 1. Đoạn trích được kể bằng ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba
D. Ngôi thứ tư

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

- A. Miêu tả
B. Biểu cảm
C. Nghị luận
D. Tự sự

Câu 3. Chi tiết nào miêu tả ngoại hình bác Lê?

- A. Một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô.
B. Bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác
C. Mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc.
D. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết.

Câu 4. Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ gì: Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc.

- A. Nhân hóa
B. So sánh
C. Cường điệu phóng đại
D. Nói giảm nói tránh

Câu 5. Dòng nào nêu đúng ý nghĩa nhan đề Nhà mẹ Lê.

- A. Nhan đề "Nhà mẹ Lê" gợi lên hình ảnh một căn nhà nhỏ, tuềnh toàng.

B. Nhan đề "Nhà mẹ Lê" gợi hình ảnh về một ngôi nhà lụp xụp, chật chội và hoàn cảnh đáng thương: Đông con, đói khổ.

C. Nhan đề "Nhà mẹ Lê" gợi ý nghĩa: Họ là những con người có chung huyết thống, biết yêu thương, đùm bọc nhau vượt qua cảnh đói khổ.

D. Nhan đề "Nhà mẹ Lê" gợi hình ảnh những con người nghèo khổ mà lương thiện.

Câu 6. Dòng nào khái quát nội dung cơ bản của đoạn trích?

A. Cuộc sống nghèo khổ, đáng thương của mẹ con bác Lê

B. Tình mẫu tử thiêng liêng, sâu nặng của mẹ con bác Lê

C. Những mơ ước về cuộc sống ấm no của mẹ con bác Lê

D. Nỗi buồn của bác Lê về gia cảnh.

Câu 7. Đoạn trích đã thể hiện tình cảm gì của nhà văn đối với nhân vật?

A. Trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của tình người giữa mẹ con bác Lê

B. Tố cáo xã hội tàn ác đã gây nên nỗi khổ cho con người, đẩy họ vào bước đường cùng

C. Xót xa, thương cảm cho cảnh ngộ nghèo khổ của nhà bác Lê

D. Trân trọng ước mơ đổi đời của người nông dân, nhà văn đã mở ra con đường giải phóng cho họ.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây không được phản ánh trong truyện:

A. Tình nghĩa làng xóm

B. Tình mẫu tử

C. Tình yêu quê hương, đất nước

D. Sự vất vả, cực khổ của người nông

Câu 9. Qua đoạn trích, em hiểu được điều gì về hoàn cảnh của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám và tấm lòng của nhà văn Thạch Lam?

Câu 10. Nêu cảm nhận của mình về nhân vật Bác Lê.

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	C	0,5
	9	Câu 9. - Đoạn trích cho ta hiểu hoàn cảnh của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám: Cuộc sống của họ quá cơ cực, nghèo khổ, túng quẫn, cơm không đủ ăn, quần áo không đủ mặc, quanh năm	1,0

		phải chịu đói rét, khổ sở. - Tấm lòng của nhà văn Thạch Lam: Trân trọng, yêu thương, xót xa cho hoàn cảnh của gia đình mẹ Lê nói chung và người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám; tố cáo tội ác của bọn thực dân phát xít đã gây nên tình cảnh đói khổ của con người; ca ngợi vẻ đẹp của tình mẫu tử...	
	10	Câu 10. Cảm nhận về nhân vật Bác Lê: - Là người có ngoại hình khắc khổ, từng trải. - Hoàn cảnh khó khăn: Nghèo khổ, đông con. - Là một người phụ nữ, một người mẹ với nhiều phẩm chất tốt đẹp: Là một phụ nữ chịu thương, chịu khó; là một người mẹ giàu tình yêu thương các con. Tài liệu của Nhung tây	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. Mở bài giới thiệu được hiện tượng. Thân bài triển khai được chi tiết về hiện tượng tự nhiên (giải thích, nguyên nhân...) Kết bài nêu khái quát lại hiện tượng.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	0,25
		c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài: Giới thiệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn trình bày. 2. Thân bài: - Vì sao hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện. - Hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện như thế nào? - Hiện tượng tự nhiên đó kết thúc như thế nào? Gây nên kết quả gì - Nhận xét: + Hiện tượng tự nhiên đó có diễn ra thường xuyên không? + Hiện tượng tự nhiên đó có ảnh hưởng, tác động tốt/xấu gì cho con người hay không? 3. Kết bài: - Tóm tắt lại nội dung đã giải thích. - Khái quát lại về hiện tượng tự nhiên đó.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25

ĐỀ 7: Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:

I. ĐỌC - HIỂU (6.0 điểm)

Cuộc đua ma ra tông hàng năm ở thành phố tôi thường diễn ra vào mùa hè. Nhiệm vụ của tôi là ngồi trong xe cứu thương, theo sau các vận động viên, phòng khi có ai đó cần được chăm sóc y tế. Anh tài xế và tôi ngồi trong xe, phía sau hàng trăm con người, chờ tiếng súng lệnh vang lên.

Khi đoàn người tăng tốc, nhóm chạy đầu tiên vượt lên trước. Chính lúc đó hình ảnh một người phụ nữ đập vào mắt tôi. Tôi biết mình vừa nhận diện được “người chạy cuối cùng”. Bàn chân chị ấy cứ chụm vào mà đầu gối cứ đưa ra. Đôi chân tật nguyền của chị tưởng chừng như không thể nào bước đi được, chứ đừng nói là chạy.

Nhìn chị chật vật đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia mà lòng tôi tự dưng thờ ơ cho chị, rồi reo hò cổ động cho chị tiến lên. Tôi nửa muốn cho chị dừng lại nửa cầu mong chị tiếp tục. Người phụ nữ vẫn kiên trì tiến tới, quả quyết vượt qua những mét đường cuối cùng.

Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chậm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến “người chạy cuối cùng”. Liên sau đó mọi việc trở nên nhẹ nhàng đối với tôi.

(Theo người chạy chôn cuối cùng - Theo John Ruskin)

1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

- A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2. Cuộc thi chạy hàng năm ở thành phố tác giả thường tổ chức vào mùa nào?

- A. Mùa xuân B. Mùa hè C. Mùa thu D. Mùa đông

Câu 3: Nhiệm vụ của nhân vật “tôi” trong bài là:

- A. Đi thi chạy. B. Đi điều hành.
C. Đi cổ vũ. D. Chăm sóc y tế cho vận động viên.

Câu 4: “Người chạy cuối cùng” trong cuộc đua có đặc điểm gì?

- A. Là một em bé. B. Là một cụ già.
C. Là một người phụ nữ có đôi chân tật nguyền.
D. Là một người đàn ông mập mạp.

Câu 5: Dấu ngoặc kép trong câu văn sau có công dụng gì: Kể từ hôm đó, mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tôi lại nghĩ đến “người chạy cuối cùng”.

- A. Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.
B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt
C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa hàm ý mỉa mai.
D. Đánh dấu tên các tác phẩm, tờ báo, tập san... dẫn trong câu văn.

Câu 6: Khoanh vào chữ cái trước từ đồng nghĩa với từ “kiên trì”?

- A. Nhẫn nại B. Chán nản C. Dững cảm D. Hậu đậu

Câu 7: Đoạn văn sau có mấy câu ghép:

Vạch đích hiện ra, tiếng người la ó ầm ĩ hai bên đường. Chị chậm chậm tiến tới, băng qua, giật đứt hai đầu sợi dây cho nó bay phấp phới sau lưng tựa như đôi cánh.

- A. 1 câu B. 2 câu C. 3 câu D. 4 câu

Câu 8: Nội dung chính của văn bản là:

- A. Ca ngợi người phụ nữ đã vượt qua được khó khăn, vất vả giành chiến thắng trong cuộc thi.
- B. Ca ngợi người phụ nữ có đôi chân tật nguyền có nghị lực và ý chí đã giành chiến thắng trong cuộc thi chạy.
- C. Ca ngợi tinh thần chịu thương, chịu khó của người phụ nữ.
- D. Ca ngợi sự khéo léo của người phụ nữ.

Câu 9: Mỗi khi gặp phải tình huống quá khó khăn tưởng như không thể làm được, tác giả lại nghĩ đến ai?

Câu 10: Em rút ra bài học gì khi đọc xong bài văn trên?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Kể lại chuyến đi thăm quan (di tích lịch sử) đáng nhớ (Ví dụ: Hồ Gươm – Hà Nội)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	- Tác giả nghĩ đến người phụ nữ có đôi chân tật nguyền đã chiến thắng cuộc thi. (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)	0,5 0,5
	10	- Bài học rút ra là cần phải quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để chiến thắng bản thân, có như vậy mọi công việc sẽ đạt kết quả tốt đẹp. (Trả lời khác nhưng đúng ý vẫn cho điểm tối đa)	1,0
II. Viết	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. Tài liệu của Nhung tây		0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Kể về một kỷ niệm khiến em nhớ mãi		0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề:</i> Viết bài văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm theo gợi ý sau:		2.5
	Mở bài: - Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa: + Đất nước Việt Nam có rất nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, để lại những dấu ấn sâu sắc trong lòng người yêu thích khám phá, trải		

nghiệm.

+ Thủ đô Hà Nội có Hồ Gươm (Hồ Hoàn Kiếm) với cả nét đẹp về thiên nhiên và văn hóa, lịch sử.

- **Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi:**
Em rất háo hức và mong chờ chuyến đi.

Thân bài:

1. Chuyến đi thăm quan do ai tổ chức - Mục đích của chuyến tham quan

- Nhân dịp nghỉ hè, nhóm bạn thân của chúng em đã được các bố mẹ tổ chức cho đi thăm Hồ Gươm.

- Chuyến đi diễn ra nhằm mục đích trải nghiệm, du lịch, khám phá những nét đẹp về phong cảnh thiên nhiên cũng như nét đẹp lịch sử, văn hóa của Hồ Gươm.

2. Chuyến đi bắt đầu như thế nào - Trên đường đi

- Chuyến đi bắt đầu từ tờ mờ sáng, vào một ngày tháng 6 hứa hẹn sẽ có nắng đẹp.

- Sáng sớm chúng em đã thức dậy chuẩn bị, thời tiết thật đẹp, những chú chim đang hót líu lo đón chào tia nắng đầu tiên của ngày mới.

- Hai bên đường, những hàng cây cao vút đang rì rào như đón chào chúng em. Nhiều người dân đang tập thể dục trên đường, những hàng quán đã nhộn nhịp chuẩn bị mở cửa.

- Chúng em gồm 3 gia đình, xuất phát trên một xe ô tô 16 chỗ. Trên đường, chúng em hát hò vui vẻ, chơi trò chơi...

- Chẳng mấy chốc, chúng em đã đặt chân đến Hồ Gươm.

3. Diễn biến chuyến tham quan

a. Quang cảnh chung và cảm xúc khi mới đặt chân đến Hồ Gươm

- Em rất háo hức khi đặt chân đến hồ Gươm, mọi mệt mỏi dường như tan biến hết.

- Hồ Gươm rất rộng, em cảm giác như một chiếc gương khổng lồ. Chung quanh Hồ Gươm được soi bóng bởi các hàng cây to, xanh mát.

- Quanh hồ Gươm là rất đông người, hàng quán. Đặc biệt, chúng em được gặp khá nhiều du khách nước ngoài.

b. Đi thăm Tháp Rùa

- Địa điểm đầu tiên mà gia đình em ghé thăm đó chính là Tháp Rùa.

- Tháp Rùa cổ kính, uy nghi đứng trên gò đất xanh rì cỏ nổi giữa mặt hồ. Tháp Rùa cho chúng em cảm giác cổ kính, rêu phong, mang đậm dấu ấn lịch sử.

- Tháp Rùa cũng chính là một nhân chứng lịch sử nước ta. Nó đã chứng kiến nước ta bị xâm lược, đã chứng kiến nước ta giải phóng và bây giờ đang trên đà phát triển. Nó cũng là nơi đầu tiên cắm chiếc cờ đỏ sao vàng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

c. Đi thăm đền Ngọc Sơn

- Rời Tháp Rùa, chúng em đến thăm đền Ngọc Sơn.

	<p>- Nổi hồ Gươm với đền Ngọc Sơn là chiếc cầu Thê Húc cong cong như con tôm và cũng là chiếc cầu duy nhất sơn màu đỏ chon chót, bóng bẩy nhìn rất đặc biệt. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>- Ngay trước cửa đền Ngọc Sơn là hàng chữ đẹp của Nguyễn Siêu - thần đồng nổi tiếng Việt Nam. Sát bên trái cửa đền là ngọn Tháp bút cao sừng sững mà theo nhiều người quan niệm là hàng ngày vẫn đưa những việc làm tốt của mọi người báo lên trời cao.</p> <p>- Đi sát vào đền ta còn có thể chiêm ngưỡng cụ Rùa to hơn cả bàn của cô giáo ở lớp em.</p> <p>d. Đi thăm tháp Hòa Phong</p> <p>- Tháp Hòa Phong nằm trên bờ hồ phía Đông của Hồ Gươm.</p> <p>- Tháp Hòa Phong là di tích còn sót lại duy nhất của chùa Báo Ân sau khi bị thực dân Pháp phá dỡ năm 1898.</p> <p>- Tháp được xây dựng kiên cố gồm 3 tầng với tầng 1 được mở cửa theo 4 hướng.</p> <p>- Chúng em vui vẻ chụp ảnh ở tháp Hòa Phong cùng các du khách khác.</p> <p>4. Trải nghiệm những hoạt động văn hóa tại địa điểm văn hóa</p> <p>- Nhóm chúng em được giới thiệu và thưởng thức món bún chả nổi tiếng của Hà Nội.</p> <p>- Chúng em tận hưởng sự mát mẻ ở phố Tràng Tiền, trong hàng kem nổi tiếng để xua đi cái nóng nực mùa hè.</p> <p>- Chúng em đi bộ ngang qua phố Đinh Lễ ngay cạnh bờ Hồ. Đây là con phố chuyên bán sách.</p> <p>- Chúng em tìm thấy rất nhiều sách hay và thú vị.</p> <p>5. Kết thúc chuyến đi và suy nghĩ, tình cảm của em</p> <p>- Trên đường về, em nhớ mãi những ấn tượng vui vẻ về chuyến đi vừa qua.</p> <p>- Những trải nghiệm tại đây đã giúp em hiểu thêm về văn hóa, lịch sử; thêm cảm phục công lao của ông cha đã gìn giữ bảo vệ đất nước.</p> <p>Kết bài:</p> <p>- Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan: Chuyến đi kết thúc để lại trong em biết bao ấn tượng sâu sắc bởi nó đã cho bản thân em những bài học đáng quý</p> <p>- Liên hệ bản thân (Mong muốn, lời hứa): Em tự nhủ phải chăm chỉ học tập, cố gắng rèn luyện, tiếp tục có những chuyến trải nghiệm thú vị để khám phá nhiều cảnh đẹp của Việt Nam chúng ta.</p>	
<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>		<p>0,5</p>

	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
--	--	-----

ĐỀ 8: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

- O! mai Du ơi, suốt lúa nhiều có đau tay không? [...]

O! mai Liêu ơi, suốt lúa chưa nhiều, không đau tay đâu. Phải suốt cho mau chớ. Suốt lâu mai mốt thằng Pháp tới rẫy nó lấy hết hột lúa, không có mà ăn, bụng đói đi vào rừng [...]

- Làng Kông-hoa mình không theo Pháp, nó kêu đi sâu, không đi, nó kêu đi thuế, không đi. Nó đánh, mình bỏ chạy trong núi [...].

Buổi sáng nay, Liêu mang gùi ra rẫy, đến nước suối Thi-om thì gặp anh Núp. [...]
Bây giờ, anh đi đâu?

- Anh đi An-khê. Liêu mở tròn hai con mắt lớn:

- Đi An-khê làm chi? Anh không sợ thằng Pháp à? Tháng trước lũ làng Ba-lang không chịu đi sâu, nó tới bỏ bom chết ba mươi người. Ngày bữa kia, nó bắn làng Đê-tùng trong nhà rông chết mười bảy người. Nó ghét người Ba-na mình lắm, anh đi coi nó làm chi? Núp lấy ngón chân tấy một cái rêu trên hòn đá:

- Nó làm chết người Ba-na mình nhiều quá, Liêu ạ. Anh đi coi thử đánh có được không... Thôi, ông trời lên cao rồi, anh đi cho kịp. [...] Anh Núp không có cha từ năm lên hai tuổi, chỉ còn mẹ già, em nhỏ, thế mà giỏi quá. Một mình chặt miết cũng ngã được cây to, đẩy được hòn đá, cho lửa ăn cái rừng, tĩa lúa, tĩa bắp xuống, làm ăn no đủ nhất làng.

Lũ già làng như bok Pa, bok Sung thương anh Núp, tới ngồi ở nhà rông, gõ ống điều xuống cối gạo, khen:

- Núp con người tốt, biết làm ăn, thanh niên trong làng làm rẫy không ai bằng Núp. Lũ làng có ai đau, Núp trước tiên đi vô rừng hái cái lá tốt về cho uống mau lành; lũ làng có ai chết, Núp trước tiên đi vô núi tìm cái cây to về làm hòm. Con người có cái tay giỏi, đan cái gùi cũng được, đan cái rổ cũng được. Già làng nói biết nghe lời, tốt lắm!...

(Trích, Đất nước đứng lên - Nguyễn Ngọc)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2. Nhân vật chính trong truyện là ai?

- A. Là mai Du B. Là mai Liêu
C. Là Núp D. Là già làng

Câu 3. Căn cứ vào văn bản, hãy xác định bối cảnh câu chuyện.

- A. Dân làng Ba-na đứng lên chống Pháp.
B. Thực dân Pháp đánh chiếm và anh Núp – người con đồng bào dân tộc Ba-na đang tìm cách đứng lên đấu tranh.
C. Đồng bào Tây Nguyên đánh giặc Pháp.
D. Đồng bào Tây Nguyên đánh giặc Mỹ.

Câu 4. Vì sao cô gái mai Du lại cố gắng suốt lúa thật nhiều?

- A. Vì Mai Du suốt lúa chưa được nhiều.

B. Vì nếu chậm thì thực dân Pháp tới nó sẽ cướp hết lúa.

C. Vì nếu không có đủ lúa ăn sẽ phải vào rừng.

D. Cả A, B, C.

Câu 5. “Làng Kông-hoa mình không theo Pháp, nó kêu đi sâu, không đi, nó kêu đi thuế, không đi. Nó đánh, mình bỏ chạy trong núi” chứng tỏ làng Kông-hoa:

A. Kiên cường, coi Pháp chính là kẻ thù, không cần nghe lời.

B. Sợ Pháp nên bỏ chạy.

C. Không hiểu tình hình đất nước.

D. Gan dạ.

Câu 6. Đoạn văn này cho em biết gì về bản chất của kẻ thù: “Tháng trước lũ làng Ba-lang không chịu đi sâu, nó tới bỏ bom chết ba mươi người. Ngày bữa kia, nó bắn làng Đê-tùng trong nhà rông chết mười bảy người. Nó ghét người Ba-na mình lắm..”?

A. Thực dân Pháp xảo quyệt

B. Thực dân Pháp rất độc ác và tàn bạo, chúng coi rẻ tính mạng con người, chỉ lăm le chiếm đóng, thống trị dân ta.

C. Thực dân Pháp âm mưu xâm chiếm nước ta.

D. Thực dân Pháp tàn ác.

Câu 7. Việc Núp không sợ chết và quyết định đi An - Khê để xem có đánh được giặc Pháp không chứng tỏ điều gì?

A. Núp lúc là một người gan dạ, có tính toán, có tầm nhìn vì anh biết muốn đánh được kẻ thù thì phải hiểu rõ ràng căn cứ.

B. Núp khao khát được đánh giặc.

C. Núp muốn lập công.

B. Núp quá liều lĩnh.

Câu 8. Vì sao già làng như bok Pa, bok Sung lại thương và khen Núp?

A. Vì Núp mồ côi cha nhưng khỏe mạnh, chăm chỉ.

B. Vì Núp làm rẫy rất giỏi.

C. Vì Núp rất tốt bụng với mọi người, già làng nói thì biết nghe lời.

D. Cả A, B, C.

Câu 9. Qua những điều em biết ở văn bản trên, em hãy nêu suy nghĩ của mình về nhân vật Núp? Tài liệu của Nhung tây

Câu 10. Thông qua nhân vật Núp, em có thêm những kinh nghiệm gì trong cuộc sống khi gặp những khó khăn, biến cố?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết một bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0.5
	2	C	0.5
	3	B	0.5
	4	B	0.5

	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>- HS nêu được những đặc điểm chính có trong văn bản về nhân vật Núp và nêu được suy nghĩ của bản thân.</p> <p>+ Mặc dù sinh ra trong một hoàn cảnh không may mắn nhưng Núp luôn chăm chỉ và cố gắng.</p> <p>+ Anh còn có một trái tim yêu nước chảy bỏng. Anh đã có suy nghĩ khác biệt với mọi người là cố gắng tìm hiểu kẻ thù để đánh đuổi kẻ thù. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>+ Anh còn rất tốt bụng trong</p> <p>- HS nêu được suy nghĩ của mình về nhân vật: cảm phục, yêu mến, kính trọng về con người luôn biết vượt khó, giàu ý chí, nghị lực và tình yêu đất nước.</p>	0,5
	10	<p>Thông qua nhân vật Núp đã cho em thêm những kinh nghiệm trong cuộc sống khi gặp những khó khăn, biến cố.</p> <p>HS nêu tự do nhưng phải hợp lí, ví dụ:</p> <p>+ Luôn luôn nỗ lực vươn lên trong cuộc sống ở tất cả mọi lĩnh vực.</p> <p>+ Sống hết mình và sống thật tốt thì chắc chắn sẽ được nhiều người yêu mến.</p> <p>+ Luôn chăm chỉ lao động và chúng ta sẽ thành công trong cuộc sống.</p> <p>+ Khi đất nước có xâm lăng, hãy luôn hướng về tổ quốc để giành lại tự do. Tài liệu của Nhung tây</p>	1,0
II		LÀM VĂN	4,0
		Viết một bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc.	
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự</p> <p>Mở bài nêu được nêu tên một hoạt động xã hội giàu ý nghĩa mà em đã tham gia; thân bài kể lại được chi tiết về một hoạt động xã hội theo một trình tự thống nhất; kết bài nêu được ý nghĩa hoặc bài học thu được sau khi tham gia hoạt động xã hội.</p>	0,5
		<p>b. Xác định đúng sự việc cần kể: một hoạt động xã hội em đã tham gia</p> <p>Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội để lại cho em ấn tượng sâu sắc.</p>	0,25
		<p>c. Triển khai nội dung bài văn tự sự</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn kể lại một hoạt động xã hội mà</p>	2,5

	<p>em tham gia</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về một hoạt động xã hội để lại trong em ấn tượng sâu sắc <p>2. Thân bài:</p> <p>Lần lượt kể lại hoạt động theo trình tự nhất định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu mục đích của hoạt động, lí do em tham gia hoạt động đó. - Kể về hình thức tổ chức hoạt động (thành phần tham gia, thời gian, địa điểm,...). - Kể về quá trình tiến hành hoạt động (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc). - Nêu kết quả, ý nghĩa của hoạt động (về vật chất và về tinh thần) <p>Lưu ý: Kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận để kể lại.</p> <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa và bài học sau khi tham gia hoặc hoạt động xã hội. Tài liệu của Nhung tây 	
	d. Chính tả, ngữ pháp	0,25
	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo	0,5
	Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 9: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Sáng sớm hôm sau, trong gió bắc lạnh, Tâm đã mở cổng gánh hàng ... lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng; mùi rơm rác và cỏ ướt thoang thoang bốc lên, mùi quen của quê hương và của đất mầu khiến Tâm thấy dễ chịu và thêm can đảm. Nàng rảo bước cho mau chóng đến chợ.

Cái đòn gánh cong xuống vì hàng nặng, kiu kịt trên mảnh vai nhỏ bé theo nhịp điệu của bước đi. Chịu khó, chịu khó từng tí một, hết bước nọ sang bước kia, cứ thế mà đi không nghĩ ngợi. Tâm thấy ngày nay cũng như mọi ngày, ngày mai cũng thế nữa; tất cả cuộc đời nàng lúc nào cũng chịu khó và hết sức, như tấm vải thô dệt đều nhau. Có phải đâu chỉ một mình cô; trong những lũy tre xanh kia, bao nhiêu người cũng như cô, cũng phải chịu khó và nhọc nhằn, để kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con, nuôi các em. Tâm không chán nản cũng không tự kiêu, chỉ thấy yên tâm chắc chắn, như nhiều người khác cũng làm việc, cũng sống như nàng. Tâm cứ bước đều chân và đến chợ hãy còn sớm. Nàng bày hàng trên khoảng đất nàng vẫn ngồi xưa nay. Ánh sáng đầu tiên của mặt trời lấp lánh trên mặt kính các ô hàng. Các màu đua nhau thắm tươi dưới ngón tay xinh xắn của Tâm: những cuộn chỉ

mượt, những cái cúc xà cừ, những gương lược sáng loáng. Cái gì cũng sạch sẽ ngăn nắp, nhỏ nhắn như công việc, như ý nghĩ của cô hàng xén.

(Trích *Cô hàng xén*, Thạch Lam, *Thạch Lam tuyển tập*, NXB Thời đại, 2011, tr.210-211)

Câu 1: Xác định hai phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Miêu tả **B. Tự sự.** C. Biểu cảm D. Nghị luận,

Câu 2: Từ kịt kịt trong văn bản diễn tả?

A. Tiếng trầm bổng, dài ngắn vang lên đều đều như tiếng của hai vật bằng tre, gỗ cọ xiết vào nhau.

B. Tiếng hai vật cứng xiết mạnh vào nhau, nghe hơi chói và ghê tai.

C. Tiếng nhịp tay vung ra đều đều khi mang vác đồ nặng.

D. Tiếng trầm bổng, nhịp nhàng như tiếng đối quang cọ vào đòn gánh khi gánh nặng.

Câu 3: Đây là hai biện pháp nghệ thuật xuất hiện trong hai câu văn cuối của đoạn văn bản?

A. Điệp ngữ, ẩn dụ

B. Điệp ngữ, hoán dụ

C. Liệt kê, so sánh

D. Liệt kê nhân hóa

Câu 4: Qua đoạn văn bản trên, tác giả phác họa Tâm là cô gái như thế nào? A. Yêu tự do, tự lập

A. Vắt vả, chịu thương chịu khó

B. Tảo tần, chịu thương chịu khó

C. Mải miết, đi sớm về muộn

D. Mạnh mẽ, bản lĩnh

Câu 5: Đây là đặc điểm nổi bật của truyện ngắn Thạch Lam?

A. Truyện hấp dẫn bởi tình huống truyện độc đáo, li kì

B. Truyện hấp dẫn bởi nhiều xung đột cao trào; có thắt, mở nút

C. Truyện hấp dẫn bởi cốt truyện nhẹ nhàng, truyện mà không có truyện.

D. Truyện hấp dẫn bởi giọng điệu biến hóa, ma mị.

Câu 6: Em hiểu thế nào là hàng xén?

A. Hàng bán đồ dùng đã cũ, được nhập từ nước ngoài.

B. Hàng được bày bán ở quán nhỏ hai ven đường.

C. Hàng dùng cho sinh hoạt nói chung. Tài liệu của Nhung tây

D. Hàng tạp hóa nhỏ bán ở vỉa hè hoặc chợ.

Câu 7: Qua nhân vật cô hàng xén, Thạch Lam hướng ngòi bút ca ngợi phẩm chất gì của người phụ nữ?

A. Giàu đức hi sinh

B. Giàu lòng trắc ẩn

C. Giàu sự vị tha

D. Giàu lòng nhân ái

Câu 8. Trong đoạn trích, bức tranh thiên nhiên sáng sớm gần gũi, thân thuộc được miêu tả bằng những chi tiết nào?

A. Gió bắc lạnh, sương trắng

B. Mùi rơm rác và cỏ thoang thoảng bốc lên

C. Mùi quen của quê hương và đất màu

D. cả 3 ý trên đều đúng

Câu 9 (1,0 điểm): Nêu tâm trạng của nhân vật Tâm khi gánh hàng ra chợ bán trong đoạn trích?

Câu 10 (1,0 điểm): Em hãy nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Thạch Lam trong đoạn trích?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.

uigeli.xyz
GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. - Tâm trạng của nhân vật Tâm khi gánh hàng ra chợ bán trong đoạn trích: Tâm không chán nản cũng không tự kiêu, chỉ thấy yên tâm chắc chắn, như nhiều người khác cũng làm việc, cũng sống như nàng. Tài liệu của Nhung tây	0,5
	10	Câu 10. - Thạch Lam hướng ngòi bút của mình tới chuyển biến tâm trạng nhỏ bé của nhân vật, nó được bộc lộ qua những chi tiết nhỏ nhất trong cuộc sống, hay chính là sự thay đổi tâm tư, tình cảm của chính tác giả.	1,0
II		LÀM VĂN	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp... thông qua các lí lẽ và dẫn chứng... Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.	
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.	0,5
		c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường. Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào khả năng của mình. 2. Thân bài <i>a. Thực trạng</i> - Ở trong trường học, hiện tượng các em học sinh chửi bới, lăng mạ, sỉ nhục bạn bè hiện nay khá phổ biến. - Bên cạnh việc lăng mạ, xúc phạm người khác thì hiện	

	<p>tượng đánh nhau giữa học sinh cũng không phải khó gặp, thậm chí có nhiều trường hợp công an phải vào cuộc.</p> <p>- Tình trạng bạo lực học đường không chỉ xảy ra giữa các bạn nam mà hiện nay còn xảy ra ở các bạn nữ.</p> <p><i>b. Nguyên nhân</i></p> <p>+ Chủ quan: do ý thức của các bạn học sinh còn kém, muốn thể hiện bản thân mình hơn người nên dùng bạo lực và ngôn ngữ không đúng đắn để chứng minh.</p> <p>+ Khách quan: do sự quản lý còn lỏng lẻo của gia đình và nhà trường, chưa định hướng cho các em tư duy đúng đắn dẫn đến những hành động lệch lạc.</p> <p><i>c. Hậu quả</i></p> <p>- Hình thành thói hung hăng, tính cách không tốt cho người thực hiện hành vi bạo lực; gây tổn hại, ảnh hưởng về sức khỏe, về tâm lý cho người bị hành hung.</p> <p>- Gây ra những hình ảnh xấu cho học sinh, nhà trường và gia đình.</p> <p>- Vấn đề bạo lực học đường sau này sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhân cách của các em học sinh, khiến cho các em dễ trở thành người xấu.</p> <p><i>d. Giải pháp</i></p> <p>- Mỗi học sinh cần có nhận thức đúng đắn, sống chan hòa với mọi người, hướng đến những điều tốt đẹp, không dùng bạo lực để giải quyết vấn đề.</p> <p>- Gia đình cần quan tâm đến con em của mình nhiều hơn, giáo dục về ý thức, tư duy cho các em.</p> <p>- Nhà trường cần có những biện pháp nghiêm khắc để xử lý những hành vi bạo lực học đường để răn đe và không cho các em tái phạm. Tài liệu của Nhung tây</p>	
	<p>3. Kết bài</p> <p>Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 10: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

"Chị có chuyện này muốn nói với em, con chuột bạch của chị", cô nói, "Cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi hôm nay ở bệnh viện rồi. Cụ ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần của cụ ướt sũng và lạnh buốt. Chẳng ai hình dung nổi cụ đã ở đâu trong một đêm khủng khiếp như thế. Nhưng rồi người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thấp sáng và một chiếc thang đã bị lồi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một bảng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn với nhau, và- em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có lấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men,- cụ vẽ nó ở đây vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng."

(Chiếc lá cuối cùng - O Hen-ri)

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc thể loại nào?

- A. Tiểu thuyết B. **Truyện ngắn** C. Phóng sự D. Hồi ký

Câu 2: Các nhân vật chính trong tác phẩm Chiếc lá cuối cùng làm nghề gì?

- A. Nhà văn. B. Nhạc sĩ. C. **Hoạ sĩ.** D. Bác sĩ.

Câu 3: Đối với Giôn-xi, chiếc lá cuối cùng rụng hay không rụng có ý nghĩa như thế nào?

- A. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ không tiếp tục vẽ nữa.
B. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ rất đau khổ.
C. Cô không còn muốn quan tâm đến chiếc lá cuối cùng nữa.

D. Chiếc lá rụng hay không sẽ quyết định số phận của cô.

Câu 4: Cụ Bơ-men đã nghĩ gì khi này ra ý định vẽ chiếc lá thường xanh?

- A. **Cụ muốn trả lại niềm tin yêu cuộc sống cho cô hoạ sĩ trẻ Giôn-xi.**
B. Cụ nghĩ Giôn-xi cần phải sống vì cô gái trẻ
C. Cụ muốn để lại một kiệt tác cho đời.
D. Cụ nghĩ mình đã già, sẽ chết nên hi sinh để cứu Giôn-xi

Câu 5: Qua câu chuyện Chiếc lá cuối cùng, em hiểu thế nào là một tác phẩm nghệ thuật được coi là kiệt tác?

- A. Tác phẩm đó phải rất đẹp B. Tác phẩm đó phải đồ sộ.
C. **Tác phẩm đó phải có ích cho cuộc sống.** D. Tác phẩm đó phải rất độc đáo.

Câu 6: Trong tác phẩm Chiếc lá cuối cùng, Giôn-xi đã được cứu sống nhờ vào điều gì?

- A. **Nhờ có thuốc, sự chăm sóc của Xiu và chủ yếu là nhờ chiếc lá không rụng.**
B. Chỉ nhờ may mắn và nhờ ở sức trẻ của chính bản thân người nữ hoạ sĩ.
C. Bác sĩ đã kịp thời cho cô uống loại thuốc tốt, đắt tiền.
D. Xiu đã chăm sóc rất chu đáo.
D. Tất cả đều đúng.

Câu 7: Nhận xét nào nói đúng nhất về con người cụ Bơ-men?

- A. Là người thương yêu và lo lắng cho số phận của Giôn-xi
B. Là một người sống lặng lẽ, âm thầm.
C. Là một người rất cao thượng, biết quên mình vì người khác.
D. **Tất cả đều đúng**

Câu 8: Cái chết của cụ Bơ-men có ý nghĩa như thế nào đối với nghệ thuật?

- A. Cụ Bơ-men đã chết nhưng chiếc lá thường xuân sẽ sống mãi trong lòng bạn đọc.

B. Cụ đã chọn lấy cái chết để Giôn-xi được sống.

C. Nó đã chứng tỏ rằng, nghệ thuật không chỉ là cái đẹp thuần túy, nghệ thuật trước hết vì cuộc sống, vì hạnh phúc của con người.

D. Đó là hành động cao cả và đẹp đẽ.

Câu 9. Vì sao các nhân vật trong truyện sợ sệt, lo lắng khi nhìn cây thường xuân trong văn bản “Chiếc lá cuối cùng”?

Câu 10. Nguyên nhân sâu xa nào quyết định tâm trạng hồi sinh của Giôn-xi trong văn bản “Chiếc lá cuối cùng”?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	C	0,5
	9	Câu 9. Các nhân vật trong truyện sợ sệt lo lắng khi nhìn cây thường xuân vì: Mọi người lo sợ chiếc lá cuối cùng sẽ rụng và Giôn-xi sẽ chết.	0,5 0,5
	10	Câu 10. Nguyên nhân sâu xa quyết định tâm trạng hồi sinh của Giôn-xi là: Do chiếc lá cuối cùng đã chống chọi với mưa bão nên Giôn-xi đã quyết định phải sống mạnh mẽ như chiếc lá đó.	1,0
II		LÀM VĂN	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do Mở đoạn giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân đoạn phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ của em về một bài thơ tự do.	0,5
		c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở đoạn - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý	

	kiến chung về bài thơ. 2. Thân đoạn - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...) ...). 3. Kết đoạn - Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 11: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

(1) Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hôn hào, lười biếng, má nó biểu: "Lại coi thằng Hết kia! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lui hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương".

(2) [...] Tía anh Hết năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sỏi lắm. Ông già khó tính, thêm tật lẳng tại. [...] Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tèm nhèm để lửa tấp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro

[...]

(3) Bữa nào anh Hết cũng chống mông thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mõi mòn, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chờ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ấm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giờ cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng àng nước. Anh thương tía quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.

(4) Anh Hết mô cô má từ mới lọt lòng. [...] Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, "Chớ ầu ơ. Cây khô đâu dễ mọc chồi.". Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời

mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm. (5) Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thẳng con đầu xanh chạy cà tung đuối nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị đánh đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì [...]

(Trích Hiu hiu gió bắc, Nguyễn Ngọc Tư, theo fanpage Nguyễn Ngọc Tư đăng ngày 13/08/2015)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Biểu cảm B. Tự sự C. Miêu tả D. Nghị luận

Câu 2. Xác định đề tài của truyện:

- A. Viết về tình cha con B. Viết về tình mẫu tử
C. Viết về tình cảm vợ chồng D. Viết về cuộc sống thôn quê

Câu 3. Xác định ngôi kể, điểm nhìn trần thuật của truyện

- A. Ngôi kể thứ nhất. B. Ngôi kể thứ nhất.
C. Ngôi kể thứ ba. D. Ngôi kể thứ ba.

Câu 4. Đoạn văn: Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hồn hào, lười biếng, má nó biểu: "Lại coi thằng Hết kìa! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lui hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương." có tác dụng:

- A. Mở đầu tác phẩm, giới thiệu nhân vật chính với những điểm khái quát nhất: Tên tuổi, việc làm, phẩm chất
B. Tạo sự tò mò, hứng thú cho người đọc
C. Tạo cảm tình trong độc giả về vẻ đẹp nhân vật.
D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 5. Chi tiết nào không biểu lộ lòng hiếu thảo của nhân vật anh Hết:

- A. chiều về lui hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già
B. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ầm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều.
C. Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây vông dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, "Chớ ầu ơ.. Cây khô đâu dễ mọc chồi."
D. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị đánh đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì

Câu 6. Câu văn có kết hợp lời người kể chuyện với lời nhân vật là:

- A. Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp.
B. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ầm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều.
C. Anh Hết mồ côi má từ mới lọt lòng.
D. Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ.

Câu 7. Ngôn ngữ trong văn bản trên có điểm gì nổi bật?

- A. Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên, mộc mạc, đậm sắc thái miền Nam
 B. Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên, mộc mạc, đậm sắc thái miền Trung
 C. Ngôn ngữ trau chuốt, bóng bẩy, đậm chất thơ, chất nghệ thuật
 D. Ngôn ngữ giàu hình ảnh, mang đậm phong vị miền núi Tây Bắc.

Câu 8. Tình cảm của người con dành cho cha:

- A. Anh Hết chăm sóc, phụng dưỡng cha từng li từng tí.
 B. Anh chăm sóc từ bữa ăn, đến việc anh chờ cha về ăn cơm (đến cả đói lả) để cha vui mà ăn được nhiều.
 C. Thậm chí anh còn chạy chậm lại khi bị rượt đuổi để cha không phải đuổi nhọc...
 D. cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 9. Nhận xét về tình cảm của cha con anh Hết trong đoạn trích trên. Thông điệp từ câu chuyện mà nhà văn gửi gắm là gì?

Câu 10. Em hãy nêu cảm nhận của mình về nhân vật anh Hết được miêu tả trong đoạn trích. Cách xây dựng nhân vật anh Hết của nhà văn có điểm gì đặc sắc?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng ô nhiễm môi trường.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0.5
	2	A	0.5
	3	D	0.5
	4	D	0.5
	5	C	0.5
	6	B	0.5
	7	A	0.5
	8	D	0.5
	9	<p>Nhận xét về tình cảm của cha con anh Hết trong đoạn trích trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm cha dành cho con: Cha anh hết góa vợ từ khi anh Hết còn nhỏ xíu, nhưng ông không đi bước nữa mà dồn hết tình yêu thương cho con. Tình yêu thương ấy thể hiện qua cách ông chăm sóc anh, đặc biệt là qua lời ru; - Tình cảm con dành cho cha: Anh Hết chăm sóc, phụng dưỡng cha từng li từng tí: Từ bữa ăn, đến việc anh chờ cha về ăn cơm (đến cả đói lả) để cha vui mà ăn được nhiều; thậm chí anh còn chạy chậm lại khi bị rượt đuổi để cha không phải đuổi nhọc.. <p>Như vậy, tình cảm của cha con anh Hết là tình cảm yêu thương sâu nặng, tình phụ tử cao cả, thiêng liêng. Họ biết</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>

		quan tâm, săn sóc cho nhau, thấu hiểu nhau. + Thông điệp từ câu chuyện mà nhà văn gửi gắm: Hãy yêu thương, quan tâm, chăm sóc cha (mẹ). Điều đó vừa thể hiện lòng biết ơn đối với công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ, vừa khiến cha mẹ được vui lòng, vừa thể hiện bản thân là con người hiếu đạo, trưởng thành, biết suy nghĩ, biết sống đúng đắn.	
	10	- Cảm nhận của mình về nhân vật anh Hết được miêu tả trong đoạn trích:	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp... thông qua các lí lẽ và dẫn chứng... Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.	
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng ô nhiễm môi trường.	0,5
		c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: vấn đề ô nhiễm môi trường. 2. Thân bài a. Giải thích vấn đề Ô nhiễm môi trường là hiện trạng môi trường xuất hiện những chất độc, chất hại dẫn đến thay đổi nhanh chóng và gây tác hại xấu đến cuộc sống con người. b. Thực trạng - Hàng ngày có hàng tấn rác thải được đổ ra biển, các chất độc hại ngày càng tích lũy và ảnh hưởng xấu tới môi sinh và các sinh vật biển. Bên cạnh đó, môi trường nước ngọt cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. - Môi trường không khí bị ô nhiễm nặng nề do khí thải công nghiệp, khí thải xe cộ và mùi rác thải sinh hoạt của con người. - Diện tích rừng bị chặt phá ngày càng tăng. c. Nguyên nhân - Chủ quan: Do ý thức kém của con người. - Khách quan: Do hiện tượng cực đoan của xã hội; do sự quản lí của nhà nước hoạt động của các doanh nghiệp trong việc xử lí.	

	<p>d. Hậu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người. - Mất đi các nguồn lợi từ biển: các hải sản, du lịch biển. - Mất cân bằng đa dạng sinh học của môi trường sống. <p>e. Giải pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi người cần có ý thức bảo vệ môi trường sống quanh mình, thay đổi từ những thói quen nhỏ nhất để khiến cho môi trường được cải thiện tốt hơn. - Nhà nước cần tăng cường sự quản lý cũng như xử phạt nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm làm ô nhiễm môi trường. - Tiến hành áp dụng công nghệ khoa học để giải quyết hiện trạng ô nhiễm nước thải ... hiện nay. <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: hiện tượng ô nhiễm môi trường; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân. 	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p><i>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</i></p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p><i>Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.</i></p>	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 12: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Con bé Em cười tùm tùm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:

- Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.

Nó nghĩ và nó muốn chia sẻ với con Bích, bạn nó.

Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo, má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn Tết quá quá trời nên tính trước, nếu mừng một con bé Em đi về Ngoại thì mừng Hai hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thật nơ, bầu viên kim tuyến cho tụi bạn lé con mắt luôn.

Con Bích đang ngồi nướng bắp thế cho má nó đi sách căn cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bầy đặt nói gièm:

- Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mà có đồ mới chưa?

- Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dòn dòn, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.

- Vậy mày được mấy bộ?

- Có một bộ hà.

Con bé Em tròn mắt:

- Ít quá vậy?

- Con Út Một với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.

- Vậy à?

Bé Em mắt hửng hẳn, nó lựng khựng nửa muốn khoe, nửa muốn không.

Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:

- Còn đây?

- Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mùa Một tới mùa Bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết trơn. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lấm, hết sẩy luôn.

- May xong rồi.

Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hẳn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh Hai nó để lại. Áo nó thì chuyển cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mềm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chớ không so đo chuyện cũ mới, má nó nói hoài, “Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho”. Con bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nường:

- Bộ đồ may mai chắc đẹp lắm, bữa mùa Hai may mặc bộ đó đi nhà cô hen?

Rồi tới mùa một, mùa hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bầu sen, con bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bự. Cô giáo tụi nó khen:

- Cui hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.

Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, CỎ MẶC ÁO GÌ BÍCH VẪN QUÝ BÉ EM. THIẾT ĐÓ.

(Áo tết - Nguyễn Ngọc Tư [https:// isach.info](https://isach.info))

Câu 1: Chủ đề của truyện?

A. Đoàn kết, gắn bó

B. Lạnh lùng, vô cảm

C. Yêu thương, chia sẻ

D. Trung thực, thật thà

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện

A. Nhân vật Bích

B. Nhân vật người em

C. Cái áo

D. Cả nhân vật Bích và người em

Câu 3: Truyện kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi thứ hai

D. Cả ngôi thứ nhất và thứ ba

Câu 4: Dấu ngoặc kép trong câu: *Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chớ không so đo chuyện cũ mới, má nó nói hoài, “Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho”* có tác dụng:

A. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt

B. Đánh dấu tên tác phẩm

C. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

D. Đánh dấu lời dẫn gián tiếp

Câu 5: Chỉ ra phép liên kết trong hai câu văn: *Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hẳn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em.*

A. Phép thế B. Phép nối C. Phép lặp D. Phép lặp và phép thế

Câu 6: Chỉ ra biện pháp tu từ trong câu văn sau:

Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thật nơ, bầu viên kim tuyến cho tụi bạn lễ con mắt luôn.

A. Nói giảm nói tránh

B. Nói quá

C. Liệt kê

D. Nhân hoá

Câu 7: Các từ: “bấp” trong “bấp nưng”, “hẻm” trong “đầu hẻm”, “bự” trong “mèo bự” là:

A. Từ ngữ địa phương

B. Từ ngữ toàn dân

C. Cả đáp án A, B đều đúng

D. Cả đáp án A, b đều sai

Câu 8: Điều gì trong câu chuyện làm cho người đọc xúc động:

A. Hoàn cảnh khó khăn của gia đình Bích

B. Tình cảm yêu thương, quý mến của hai bạn bé Em và Bích dành cho nhau.

C. Tình cảm của cô giáo dành cho hai bạn nhỏ

D. Tình cảm của nhà văn dành cho các bạn nhỏ trong truyện

Câu 9: Theo em, tại sao bé em lại nghĩ thầm: “mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui”?

Câu 10: Bài học cuộc sống em tâm đắc nhất được rút ra từ câu chuyện trên? Nêu ý nghĩa của bài học ấy? (Trả lời từ 3-5 câu).

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) mà em đã được học, được nghe.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Học sinh có thể trình bày ý kiến cá nhân nhưng phải phù hợp. Ví dụ: Bé Em lại nghĩ thầm: “mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui”, vì: Bé Em và Bích là đôi bạn rất thân, nhà bé Em có điều kiện khá giả hơn, còn nhà Bích có điều kiện khó khăn, vất vả hơn nên nếu bé Em mặc đẹp hơn sẽ làm cho Bích chạnh lòng, tủi thân...	0,5 0,5

	10	<p>Câu 10. Học sinh có thể nêu ra một trong các bài học sau và lý giải ý nghĩa của bài học đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong cuộc sống, người có điều kiện khá giả, đủ đầy hơn hãy cảm thông và sẵn sàng sẻ chia với người khó khăn hơn - Tình bạn được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, sự đồng cảm và sẻ chia.... 	1,0
II		VIẾT	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học</p> <p>Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.</p>	
		<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.</p>	0,5
		<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. <p>2. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...) <p>3. Kết bài</p> <p>Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.</p>	
		<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
		<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm			10,0

ĐỀ 13: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Má buồn thiệt buồn khi nhắc lại hồi con gái má chừng mười, mười hai tuổi, “nhà mình nghèo quá, má không lo cho bây được đủ đầy...”. Tôi cười giòn, trời đất, thiệt thòi gì đâu,

má quên rồi sao? Những củ khoai lang còn ẩm má mang về khi tan chợ, những bộ quần áo mới má thất thểu chặt mót từng lợn rau, bó cải để sấm cho con, chiếc xe đạp nhỏ – món quà từ tháng lương của ba để con tới trường... Và con có cả một vạt sân vàng nắng...

Tôi nhớ, sân nhà mình chỉ nhỏ bằng hai tầng cây trứng cá. Nó lọt thỏm giữa ngôi nhà xám xám thấp tè và những giồng rau xanh biếc ngoài kia. [...]. Ranh giới giữa sân với vườn rau là những cái mương nhỏ tạo thành do má tôi lấy đất lên giồng. Sát hàng ba có một luống hẹ kiểng, trổ bông tím rập rờn suốt hai mùa nắng, mưa. Nhà tôi nghèo nên trồng loại bông coi cũng bình thường quá đỗi, lúc Tết, cũng chỉ thêm bông vạn thọ, mồng gà... bởi những cây hoa bình dị ấy chính tay tôi gieo trồng giáp biên sân. Bữa hai chín Tết, má phơi lá chuẩn bị gói bánh, tôi ngẩn ngơ nhìn “bức tranh” sân của mình, trời đất, sao mà đẹp dữ vậy không biết, viền quanh những tàu chuối xanh rờn là hàng trăm đóa hoa vàng rực rỡ. Tôi đứng ở đó, tự hào nhìn sự sống nở hoa từ bàn tay nhỏ nhoi, xương xẩu của mình (bàn tay xưa rày chỉ biết cầm đũa ăn cơm và... chơi chuyền).

Rồi hoa tàn, rồi mùa nắng hết. Mưa bắt đầu xập xoài, báo mùa đang đi tới. Tôi lóp ngóp xách rổ chận bắt mấy con cá rô óm nhách, dài nhằng, mình đầy nhót xăng xái lóc lên sân. Mặt sân đã ngấm mưa, đất vỡ ra, tràn xuống những chỗ nẻ [...]. Chà chà, chỉ cần đủ ba nắng, sân - thiên - đường của mình lại ráo hoảnh, sạch bong cho má coi.

Bây giờ nhớ lại, thấy lạ, lạ quá chừng... Sân nhà mình hồi ấy có rộng mấy đâu, chỉ có khoảng trời là lồng lộng phía trên đầu, nhưng đã đi hết cả tuổi thần tiên rồi, sao tôi vẫn còn nhớ tiếc. Chứ không à? Những đứa bạn dễ thương, những trò chơi tuổi nhỏ, cái xích đu tự tạo mắc lên cành cây bằng mấy cọng dây chuối, con đề gáy te te hoai dưới tấm đá chẻ bên góc nhà, tôi nhớ cả tiếng má rầy khi tôi trốn ngủ trưa lên ra sân gạch đụi nhảy dây. [...]. Coi lại, hồi nhỏ, tôi lang thang ngoài sân, vườn nhiều hơn trong nhà, trên mình đầy sẹo lớn nhỏ... Lúc tan bạn rồi, còn một mình, tôi vẫn thường thần thơ ở đó, mơ màng nghe bầy chim sâu, chim sẻ ríu rít cãi nhau, ngó con bướm nhỏ vỗ cánh thập tha thập thỏm...

Má cũng thường ra sân, nhưng không phải để thanh thoi chơi đùa, không phải để ngắm mặt trời lặn, đón trăng lên... Buổi sớm, má ra quét lá, tiếng chổi xao xác trong tiếng gà. Buổi chiều, má hay ngồi chỗ góc sân, nghe tôi nhảy từ trên cây xuống cái phịch như ai quăng bịch muối, má than (mà cười): “Con nhỏ này chắc Mụ bà nắn lộn” ... mà tay vẫn thoăn thoắt bó rau chuẩn bị cho buổi chợ sớm mai. Độ gần cuối tháng mười, lúa về sân, ba má ngồi quây lúa giữa trưa, bóng hai cây trứng cá đã bị tia thừa cành không đủ sức ngăn bớt cái nóng bùng bùng, mồ hôi chảy dài, bết bết tóc. Mỗi lần giở đệm lúa lên, hơi nước ướt đầm mặt đất, không hiểu sao, tôi cứ tưởng đấy là mồ hôi của má ba mình. Đường như không lần nào đứng trên mảnh sân - thiên - đường của tôi, má ba không tắt tả, bận bịu, lo toan... Nên cái hồi con mới, mười hai tuổi, nhà mình nghèo, má (và cả ba) thiệt thòi nhiều nhất. Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, má à. Má không tin con sao?

(Theo sân nhà - Nguyễn Ngọc

Tư)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Văn bản thơ
- C. Văn bản hồi ký

- B. Văn bản nghị luận
- D. Văn bản tản văn

Câu 2. Đối tượng bộc lộ cảm xúc của văn bản là:

- A. Khu vườn đầy hoa
C. Sân nhà với kỷ niệm tuổi thơ
- B. Trò chơi tuổi thơ
D. Những công việc vất vả của ba mẹ

Câu 3. Dòng nào dưới đây không thể hiện chất trữ tình của người viết?

- A. Tôi lóp ngóp xách rổ chận bắt mấy con cá rô ốm nhách, dài nhằng, mình đầy nhót xăng xái lóc lên sân
- B. ... Tôi vẫn thường thân thơ ở đó, mơ màng nghe bầy chim sâu, chim sẻ ríu rít cãi nhau, ngó con bướm nhỏ vỗ cánh thấp tha thấp thỏm....
- C. ... Tôi ngẩn ngơ nhìn “bức tranh” sân của mình ... viền quanh những tàu chuối xanh rờn là hàng trăm đóa hoa vàng rực rỡ.
- D. Đường như không lần nào đứng trên mảnh sân – thiên – đường của tôi, má ba không tắt tâm bận bịu, lo toan...

Câu 4. Phương thức biểu đạt của văn bản trên là:

- A. Tự sự, trữ tình, nghị luận
C. Tự sự, trữ tình, biểu cảm, nghị luận
- B. Miêu tả, trữ tình, biểu cảm
D. Miêu tả, trữ tình, biểu cảm, thuyết minh

Câu 5. Khoảng sân nhà hiện lên trong cảm xúc của “tôi” gắn với những mùa nào, với ai?

- A. Gắn với mùa xuân, mùa mưa, người mẹ tần tảo giàu yêu thương
- B. Gắn với việc trồng hoa
- C. Gắn với việc bắt cá rô
- D. Gắn với trò nhảy từ trên cây xuống

Câu 6. Câu văn nào thể hiện sự xúc động, niềm tự hào về vẻ đẹp, về sự kỳ diệu của lao động, của sự sống?

- A. Lúc Tết, cũng chỉ thêm bông hoa vạn thọ, mồng gà... bởi những cây hoa bình dị ấy chính tay tôi gieo trồng giáp biên sân
- B. Bởi những cây hoa bình dị ấy chính tay tôi gieo trồng giáp biên sân
- C. Nó lọt thỏm giữa ngôi nhà xam xám thấp tè và giàn rau xanh biếc ngoài kia
- D. “Tôi đứng ở đó, tự hào nhìn sự sống nở hoa từ bàn tay nhỏ nhoi, xương xẩu của mình”

Câu 7. Đoạn văn bản từ “Má cũng thường ra sân...” đến “bận bịu, lo toan...” thể hiện tâm trạng, cảm xúc gì của tác giả?

- A. Nuối tiếc tuổi thơ bên ba má
- B. Nhớ thương về hình ảnh người mẹ và công việc vất vả của ba má trên sân
- C. Xúc động trước hình ảnh của ba má khi đập lúa
- D. Tất cả các đáp án trên

Câu 8. Câu “*Mỗi lần giở đệm lúa lên, hơi nước ướt đầm mặt đất, không hiểu sao, tôi cứ tưởng đấy là mồ hôi của má ba mình*” thể hiện điều gì về nhân vật “tôi”?

- A. Yêu thương, thấu hiểu nỗi vất vả, cực nhọc của ba má
- B. Khắc sâu hình ảnh lao động vất vả của ba má
- C. Quan tâm, hiểu rõ công việc cực nhọc của ba má
- D. Biết ơn sự vất vả, hi sinh của ba má từ thuở ấu thơ

Câu 9. Sự sáng tạo của Nguyễn Ngọc Tư trong tản văn trên là gì? Mục đích của tản văn trên là:

Câu 10. Em hiểu câu “Nên cái hồi con mười, mười hai tuổi, nhà mình nghèo, má (và cả ba) thiệt thòi nhiều nhất. Còn con lúc ấy giàu có, đầy đủ lắm, mà à.” như thế nào?

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy bài văn phân tích bài thơ Thu vịnh của Nguyễn Khuyến ở phần đọc hiểu.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu 9. Cấu tứ mang hình thức câu chuyện, có tính đối thoại. Bộc lộ sự nhớ thương, niềm biết ơn và những suy ngẫm trưởng thành từ hình ảnh sân nhà và những con người trong ký ức tuổi thơ.	0,5 0,5
	10	Câu 10. Sự “thiệt thòi” của ba mẹ: chính là nỗi vất vả, cực nhọc sớm hôm - Sự “giàu có” của con: chính là một tuổi thơ vui đùa bên bạn bè, hòa mình với thiên nhiên, đón nhận tình yêu thương của ba mẹ	1,0
II		LÀM VĂN	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.	0,5
		c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. 2. Thân bài - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ	

	tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...)	
	3. Kết bài Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 14: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Mùa giáp hạt về, nồi cơm độn toàn khoai sắn. Bà nghen ngào nói với đàn cháu nhỏ: “Sắp hết gạo rồi, các cháu ráng chịu khổ một chút. Hồi bà còn bé như các cháu, đến mùa giáp hạt, ngay cả khoai sắn cũng không có mà ăn...”. Nghe bà kể, tôi chợt nhớ về nạn đói năm 1945 mà trong tiết học Lịch sử mấy hôm trước, thầy giáo đã tái hiện rất chi tiết. Đời bà khổ từ lúc lọt lòng cho tới tận về già, khi đã gần bước sang tuổi tám mươi vẫn còn chịu cảnh bần hàn, cơ cực. Thương bà, sau bữa cơm, tôi dặn đưa em không được vơi vĩnh, làm nũng bà.

Rồi thì gạo trong chum hết sạch, bà phải tát tưới mang rá sang nhà bên vay gạo. Dù gạo trong chum cũng đã vơi cạn, nhưng chẳng chút đắn đo, bà hàng xóm vẫn niềm nở cho bà tôi vay mấy bát gạo liền, lại còn cho thêm khúc cá đồng kho mặn.

[...] Những ngày tiếp đó, để tiết kiệm chút gạo ít ỏi mới vay được, bà cháu tôi đành phải ăn cháo rau má trộn với muối lạc, ba phần gạo, đến bảy phần là rau má thái nhỏ. Nuốt thìa cháo nóng vào lòng rồi mà cổ họng vẫn còn đắng đót. Đứa em tôi không quen ăn cháo rau má nên nôn thốc, nôn tháo. Bà thương trào nước mắt, liền buông đũa, lật đật nhóm bếp nấu cơm cho em.

Đêm nằm bên bà, tôi nghe rõ tiếng bà thở dài trầm buồn, mỗi mệp. Suốt mấy đêm liền, bà cứ thao thức trở mình mà không sao chợp mắt nổi. Tôi biết những ngày như thế này, bà có hàng trăm thứ phải lo nghĩ. Chủ nợ mấy quán tạp hóa ngoài chợ cũng đã đánh tiếng. Bà ngày càng gầy sọp đi. Khóe mắt hốc hác. Da dẻ xuống sắc vàng vọt. Tài sản có giá trị lớn nhất trong nhà lúc ấy là con nghé non chưa tròn hai năm tuổi, bà đành ngâm ngùi bán đi. Còn nhớ hôm đó, khi người đàn ông đi đôi ủng da màu đen lẳng lẳng dắt con nghé ra khỏi cổng, tôi và em tôi đã chạy theo òa khóc nức nở. Số tiền bán con nghé cũng chỉ vừa đủ trang trải nợ nần và mua thêm nửa yến gạo.

Trong một bữa tối, nhường phần cơm trắng cho đàn cháu nhỏ, bà ăn củ chuối luộc chấm nước mắm. Bà cười bảo: “Lúc trưa bà ăn cơm giờ vẫn còn no lắm. Với lại bà thích ăn củ chuối hơn”. Tự dưng lòng ngực nhói lên nghen nghen, tôi đáp lại: “Cháu cũng thích ăn củ chuối hơn ăn cơm. Bà xem kìa, cơm trắng vẫn còn nhiều quá!”. Bà ôm hai đứa cháu nhỏ cút cút vào lòng, đôi mắt lại rơm rớm nước...

(Trích Mùa giáp hạt - Phan Đức Lộc, Nguồn: <https://baoquangbinh.vn/van-hoa-van-nghe/201504/mua-giap-hat-2124378/>)

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn truyện?

- A. Ngôi thứ nhất, số ít
B. Ngôi thứ nhất, số nhiều.
C. Ngôi thứ ba
D. Đan xen ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3

Câu 2: Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn trích

- A. Tự sự, thuyết minh, miêu tả
B. Tự sự, miêu tả, biểu cảm
C. Tự sự, nghị luận, biểu cảm
D. Tự sự, nghị luận, thuyết minh

Câu 3. Xác định có bao nhiêu từ láy trong câu văn: “*Còn nhớ hôm đó, khi người đàn ông đi đôi ủng da màu đen lẳng lẳng dắt con nghé ra khỏi cổng, hai anh em tôi đã chạy theo òa khóc nức nở*”

- A. Một từ
B. Hai từ
C. Ba từ
D. Bốn từ

Câu 4: Cho biết tác dụng của thành phần trạng ngữ trong câu văn: “*Những ngày tiếp đó, để tiết kiệm chút gạo ít ỏi mới vay được, bà cháu tôi đành phải ăn cháo rau má trộn với muối lạc, ba phần gạo, đến bảy phần là rau má thái nhỏ.*”

- A. Chỉ thời gian, cách thức
B. Chỉ thời gian, địa điểm
C. Chỉ thời gian, mục đích
D. Chỉ thời gian, phương tiện

Câu 5. Nhà văn sử dụng ngôi kể thứ nhất tạo nên hiệu quả gì cho đoạn truyện?

- A. Lời kể tự nhiên, chân thực
B. Cảm xúc được bộc lộ tự nhiên, chân thành
C. Tạo tính khách quan cho câu chuyện
D. Cả A, B đúng

Câu 6. Nêu tác dụng của từ láy “tắt tưởi” trong câu văn: “*Rồi thì gạo trong chum hết sạch, bà phải tắt tưởi mang rá sang nhà bên vay gạo*”.

- A. Gọi dáng vẻ vội vã, vất vả, lo lắng của bà trong mùa giáp hạt
B. Gọi dáng vẻ nhanh nhẹn, tháo vát, lo lắng của bà trong mùa giáp hạt
C. Gọi dáng vẻ cần cù, chăm chỉ, lo lắng của bà trong mùa giáp hạt.
D. Gọi dáng vẻ nhỏ bé, vội vã, lo lắng của bà trong mùa giáp hạt

Câu 7. Từ câu trả lời: “*Cháu cũng thích ăn củ chuối hơn ăn cơm. Bà xem kìa, cơm trắng vẫn còn nhiều quá!*” giúp em hiểu gì về người cháu?”

- A. Người cháu biết yêu thương, thấu hiểu nỗi vất vả, nhọc nhằn và sự hi sinh thầm lặng của bà
B. Người cháu biết yêu bà.
C. Người cháu biết nhường nhịn cho bà.
D. Người cháu biết ơn bà.

Câu 8. Qua câu văn “*Trong một bữa tối, nhường phần cơm trắng cho đàn cháu nhỏ, bà ăn củ chuối luộc chấm nước mắm. Bà cười bảo: “Lúc trưa bà ăn cơm giờ vẫn còn no lắm. Với lại bà thích ăn củ chuối hơn*”

Cho thấy người bà có vẻ đẹp gì?

- A. Một người bà luôn lo lắng cho cháu.
B. Một người bà giàu tình yêu thương, đức hi sinh, hết lòng vì con cháu
C. Một người bà hết lòng vì cháu.
D. Bà luôn sợ cháu bị đói.

Câu 9 (1,0 điểm). Em thích nhất chi tiết nào trong đoạn trích? Vì sao?

Câu 10 (1,0 điểm). Đoạn trích trên đã gợi cho em những suy nghĩ gì về tình bà cháu?

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích bài thơ sau:

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.

Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.

Ao sâu nước cá, khôn chài cá,

Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.

Cải chửa ra cây, cà mới nụ,

Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.

Đầu trò tiếp khách, trầu không có,

Bác đến chơi đây ta với ta.

(Nguyễn Khuyến)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Học sinh có thể lựa chọn nhiều chi tiết khác nhau và có sự lí giải hợp lí. Ví dụ: <i>bà thở dài trăm buồn, mỗi mệ...</i>	0,5 0,5
	10	Câu 10. Học sinh có thể chia sẻ những suy nghĩ khác nhau về tình bà cháu miễn là nhân văn, chân thực, sâu sắc. Định hướng: + Tình bà dành cho cháu: ấm áp, yêu thương, hi sinh... + Tình cháu dành cho bà: thấu hiểu, biết ơn, trân trọng...	1,0
II		LÀM VĂN	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thật	0,5

	ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.	
	<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>1. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>- Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ.</p> <p>- Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...))</p> <p>3. Kết bài</p> <p>Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.</p>	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 15: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

"Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rủ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?"

(Trích Vợ Nhặt - Kim Lân)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Tự sự B. Miêu tả **C. Biểu cảm** D. Nghị luận

Câu 2. Xác định thể loại của đoạn văn trên

- A. Truyện ngắn** B. Tiểu thuyết C. Tùy bút D. Tản văn

Câu 3: Đối với người phụ nữ là "vợ nhặt" của con, bà cụ Tứ có thái độ

- A. Lạnh lùng. **B. Cảm thông, chấp nhận bằng sự thương xót.**
C. Khinh bỉ. D. Xua đuổi, không chấp nhận.

Câu 4: Đề tài của truyện ngắn Vợ nhặt là

- A. Viết về người dân lao động sau Cách mạng tháng Tám.
B. Viết về người dân lao động trong nạn đói năm 1945.

C. Viết về số phận của người phụ nữ ở nông thôn Việt Nam.

D. Viết về đời sống nông dân trong xã hội cũ.

Câu 5: Trong tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân, đón nàng dâu mới, bà cụ Tứ "nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này". Vì sao?

A. Vì bà sống trong niềm vui choáng ngợp.

B. Vì bà hạnh phúc quá lớn khi còn mình được có vợ.

C. Vì bà cố vui để cho hai con được vui.

D. Vì bà cụ Tứ vốn tính tình vui vẻ.

Câu 6: Cái tên của nhân vật Tràng trong truyện Vợ nhặt mang ý nghĩa gì?

A. Chỉ sự liên tiếp.

B. Chỉ một đồ vật trong nhà.

C. Không có ý nghĩa gì

D. Chỉ một con vật ngoài biển.

Câu 7: Ý nghĩa nhan đề vợ nhặt là

A. Thể hiện thảm cảnh của người dân trong nạn đói 1945

B. Bộc lộ sự cực khổ, đùm bọc và khát vọng, sức mạnh hướng tới cuộc sống, tổ ấm, niềm tin của con người trong cảnh khốn cùng.

C. Thể hiện sự khốn cùng của hoàn cảnh, thân phận con người bị rẻ rúng trong những năm tháng đói kém

D. Tất cả đều đúng

Câu 8: Đáp án nào không đúng khi nói về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Tràng?

A. Thuần hậu, hiền lành, chất phác

B. Tâm hồn lạc quan, yêu đời

C. Sức sống tiềm tàng và sức phản kháng mãnh liệt

D. Tấm lòng nhân hậu

Câu 9. Tâm trạng của nhân vật bà lão trong đoạn trích trên như thế nào khi con trai dẫn người đàn bà xa lạ về làm vợ?

Câu 10. Xác định thành ngữ dân gian được sử dụng trong đoạn văn và nêu hiệu quả nghệ thuật của các thành ngữ đó?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ trào phúng mà em yêu thích?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	C	0,5
	9	Câu 9. Tâm trạng vừa mừng, vừa lo không biết “chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?”	1,0

	<p>10 Câu 10. Các thành ngữ dân gian được sử dụng: Dựng vợ gả chồng, sinh con đẻ cái, ăn nên làm nổi</p> <p>- Hiệu quả nghệ thuật: Các thành ngữ dân gian quen thuộc trong lời ăn tiếng nói nhân dân được sử dụng một cách sáng tạo, qua đó dòng tâm tư của người kể hoà vào dòng suy nghĩ của bà cụ Tứ, suy nghĩ cảm xúc của nhân vật trở lên thật gần gũi, được thể hiện rất tự nhiên, nổi lòng, tâm trạng của người mẹ thương con được diễn tả thật chân thật.</p>	1,0
II	VIẾT	4,0
	<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn phân tích tác phẩm gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Phân tích một tác phẩm thơ mà em yêu thích.</i>	0,25
	<p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có)...</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương.</p> <p>- Phương án 1:</p> <p>- Ý 1: Câu thơ thứ ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng)</p> <p>- Ý 2: Câu thơ thứ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng)</p> <p>- Ýn...</p> <p>- Phương án 2:</p> <p>- Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán...)</p> <p>- Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng...)</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm</p>	3 đ
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 16: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

CÂU CHUYỆN ỐC SÊN

Ốc sên con ngày nọ hỏi mẹ:

- Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng

như thế? Thật mệt chết đi được!

- Vì cơ thể chúng ta không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò, mà bò cũng không nhanh
- Ốc sên mẹ nói.

- Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?"

- Vì chị sâu róm sẽ biến thành bướm, bầu trời sẽ bảo vệ chị ấy.

- Nhưng em giun đất cũng không có xương, cũng bò chẳng nhanh, cũng không biến hoá được, tại sao em ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?

- Vì em giun đất sẽ chui xuống đất, lòng đất sẽ bảo vệ em ấy.

Ốc sên con bật khóc, nói:

- Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta.

- Vì vậy mà chúng ta có cái bình! - Ốc sên mẹ an ủi con - Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta dựa vào chính bản thân chúng ta.

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Thanh niên, 2009)

Câu 1: Câu chuyện có mấy nhân vật chính?

A. Một

B. Hai

C. Ba

D. Bốn

Câu 2: Xác định thành phần biệt lập trong hai câu văn sau *Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế?*

A. Thành phần phụ chú *Tại sao*

B. Thành phần cảm thán *như thế*

C. Thành phần tình thái *phải*

D. Thành phần gọi đáp *ơi*

Câu 3: Vì sao Ốc sên con lại bật khóc và cảm thấy mình đáng thương?

A. Vì phải đeo cái bình vừa nặng, vừa cứng trên lưng.

B. Vì cơ thể không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò.

C. Vì không được bầu trời bảo vệ, lòng đất cũng chẳng che chở.

D. Vì Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh.

Câu 4: Em hiểu thế nào về câu nói của Ốc sên mẹ: “Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta phải dựa vào chính bản thân chúng ta”?

A. Chúng ta phải tin vào chính bản thân mình, biết trân trọng, yêu quý.

B. Không nên tị nạnh, so đo với người khác và cũng chẳng phải dựa vào ai.

C. Chúng ta phải tin rằng mình có nhiều đặc điểm mà người khác không có được.

D. Biết chấp nhận hoàn cảnh, cố gắng vươn lên, dựa vào nội lực của chính mình.

Câu 5: Trong những câu thơ dưới đây, câu thơ nào có cùng chủ đề với câu chuyện trên?

A. Trời cao đó nhưng chẳng bao giờ lặng

Chỉ có con mới nâng nổi chính mình

(**Không có gì tự đến đâu con** – Nguyễn Đăng Tuấn)

B. Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con.

(**Nói với con** – Y Phương)

C. Hạnh phúc khó khăn hơn

Mọi điều con đã thấy

Nhưng là con giành lấy
Từ hai bàn tay con.

(*Sang năm con lên bảy* – Vũ Đình Minh)

D. A và C

Câu 6: Em hiểu từ **bảo vệ** trong câu *Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta* nghĩa là gì?

- A. Chăm chút một cách âu yếm.
- B. Che chở, giữ gìn.
- C. Ôm vào lòng với tình yêu thương tha thiết.
- D. Hết sức chiều vì yêu, vì coi trọng.

Câu 7: Ý nghĩa hình ảnh **cái bình** trong lời ốc sên mẹ nói với ốc sên con là gì?

- A. Để đựng nước
- B. Để bảo vệ ốc sên con khỏi mưa nắng.
- C. Để ốc sên con có ngoại hình xinh xắn.
- D. Để ốc sên con tự vệ và bài học trân trọng những gì mình đang có.

Câu 8: Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong câu chuyện trên là:

- A. Làm cho thế giới loài vật (ốc sên) trở nên sinh động, gần gũi với con người.
- B. Làm cho thế giới loài vật (ốc sên) hiện lên một cách cụ thể, rõ ràng.
- C. Làm cho thế giới loài vật (ốc sên) hiện lên một cách đa dạng, phong phú.
- D. Nhân mạnh đời sống của thế giới loài vật (ốc sên).

Câu 9: Em có đồng ý với cách suy nghĩ và hành động của Ốc sên con trong câu chuyện không? Vì sao?

Câu 10: Qua câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	HS nêu quan điểm của mình và giải thích.	1,0
	10	HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất.	1,0
II			4,0

	<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn phân tích tác phẩm gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Phân tích một tác phẩm thơ mà em yêu thích.</i></p> <p>1. Mở bài: - Khái quát về vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay. - Nêu vấn đề cần nghị luận.</p> <p>2. Thân bài: a. Biểu hiện của ô nhiễm môi trường - Môi trường không khí: đang bị ô nhiễm hết sức nặng nề, Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh đã vượt quá ngưỡng mức cho phép về ô nhiễm không khí. Những năm gần đây nồng độ chỉ đã và đang tăng lên ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. - Ô nhiễm môi trường nước: Tình trạng ô nhiễm nguồn nước đang ngày càng báo động. Nguyên nhân chính là do một số khu công nghiệp đã xả nước thải không qua xử lý ra môi trường. Bên cạnh đó hiện tượng xả rác ra ao, hồ sông suối vẫn còn tồn tại ở rất nhiều nơi (dẫn chứng). - Ô nhiễm môi trường đất: Đất là môi trường sống của một số sinh vật, tuy nhiên hiện tượng đất nhiễm chì, nhiễm chất hóa học do thuốc trừ sâu đang trở thành một vấn nạn mà chúng ta vẫn đang tìm cách giải quyết. Đặc biệt đối với những vùng đất thuộc các khu công nghiệp thì việc ô nhiễm môi trường đất đã trở thành vấn đề thường trực (dẫn chứng). b. Nguyên nhân của ô nhiễm môi trường - Ý thức của một số doanh nghiệp còn kém: một số doanh nghiệp bất chấp pháp luật cố ý xả chất thải chưa qua xử lý vào môi trường, gây nên hiện tượng ô nhiễm môi trường nặng nề ở biển, sông. - Người dân xả rác thải dẫn đến tình trạng ô nhiễm diện rộng không kiểm soát được. Sự quản lý của nhà nước còn nhiều yếu kém, hệ thống quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn còn nhiều lỗ hổng. c. Giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường - Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp cá nhân vi phạm. Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường. Đồng thời nêu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người.</p> <p>3. Kết bài: - Khái quát nhận định của cá nhân về vấn đề nghị luận và liên hệ bản thân.</p>	0,25
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,25

	- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

2. THƠ SÁU CHỮ - BẢY CHỮ

ĐỀ 1: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

TIẾNG THU

(Lưu Trọng Lư)

*Em không nghe mùa thu
dưới trăng mờ thồn thức?*

*Em không nghe rạo rức
hình ảnh kẻ chinh phu
trong lòng người cô phụ?*

*Em không nghe rừng thu,
lá thu kêu xào xạc,
con nai vàng ngơ ngác
đạp trên lá vàng khô?*

(Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học 2000, tr.289)

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do B. Lục bát C. Bốn chữ D. Năm chữ

Câu 2. Nhân vật bộc lộ cảm xúc trong bài thơ là ai?

- A. Nhân vật em B. Người cô phụ C. Kẻ chinh phu D. Nhân vật trữ tình

Câu 3. Cảm xúc đó chủ yếu hướng về đối tượng nào?

- A. Tiếng thu B. Nhân vật em C. Kẻ chinh phu D. Người cô phụ

Câu 4. Ý nào nói đầy đủ nhất phương thức biểu đạt của bài thơ? A. Biểu cảm kết hợp miêu tả B. Tự sự kết hợp miêu tả, nghị luận C. Miêu tả kết hợp tự sự nghị luận D. Tự sự kết hợp miêu tả, thuyết minh.

Câu 5. Dòng nào nói đúng nhất về đặc điểm gieo vần trong hai khổ cuối của bài thơ?

- A. Vần chân, liền B. Vần chân, cách C. Vần lưng, liền D. Vần lưng, cách

Câu 6. Trong bài thơ có tất cả bao nhiêu từ láy?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 7. Trong câu Lá vàng kêu xào xạc sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- A. Nhân hoá B. Ẩn dụ C. Hoán dụ D. So sánh

Câu 8. Em hiểu thế nào về từ kẻ chinh phu trong bài thơ?

- A. Người đàn ông đi làm ăn xa B. Người đàn ông đi phu hồ
C. Người đàn ông đi chinh chiến D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9. Em hiểu như thế nào nhan đề Tiếng thu của bài thơ?

Câu 10. Viết đoạn văn từ 4-6 dòng nêu cảm nhận của em về bài thơ trên.

II. VIẾT (4 điểm)

Trình bày suy nghĩ về câu nói: “*Học tập là cuốn vở không có trang cuối*”

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. (1 điểm) - Hình ảnh mùa thu được nhà thơ sử dụng để nói lên nỗi niềm của nhân vật trữ tình, nhan đề đã khéo léo trong việc sử dụng mùa thu, mùa của nỗi buồn để nói lên nỗi niềm của nhân vật.	1,0
	10	Câu 10. (1 điểm) - Đọc bài thơ, tôi cảm nhận được sự man mác nỗi buồn của người cha để của tác phẩm. Cảm nhận được nỗi buồn man mác, những hình ảnh đầy biểu tượng ấy gộp vào nhau, tạo nên một bài thơ đầy sức sống nhưng cũng rất chi là hữu tình.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>“ Học tập là cuốn vở không có trang cuối ”.</i>	0,25
		1. Yêu cầu cần đạt a. Về kĩ năng: - Biết cách làm văn nghị luận xã hội về tư tưởng đạo lí. - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. b. Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày nhiều cách nhưng nêu được các ý chính sau: 1. Mở bài - Giới thiệu câu nói trên. 2. Thân bài a. Giải thích câu nói: + Học tập là gì? Là quá trình học hỏi, tiếp thu kiến thức và luyện tập kĩ năng.	3 đ

	<p>+ Cuốn vở là gì? Cuốn vở là đồ dùng học tập cần thiết nhằm ghi chép những điều đã học tập.</p> <p>+ Cuốn vở không có trang cuối nghĩa là gì? Nghĩa là việc học không bao giờ dừng lại.</p> <p>→ Ý nghĩa câu nói: Học tập là công việc không ngừng nghỉ, cần phải tiếp tục suốt đời.</p> <p>b. Phân tích, chứng minh</p> <p>* Vì sao học tập là cuốn vở không có trang cuối?</p> <p>+ Việc học tập rất quan trọng, kiến thức rất cần cho cuộc sống. Người có tri thức sẽ có khả năng thực hiện được mọi công việc, giải quyết được mọi vấn đề trong cuộc sống.</p> <p>+ Kiến thức nhân loại là vô tận mà hiểu biết của mỗi người còn quá ít ỏi.</p> <p>+ Những kiến thức mới mẻ luôn xuất hiện trong đời sống con người, nếu không học tập thì ta sẽ lạc hậu.</p> <p>+ Dừng học tức là thụt lùi (Học như bơi thuyền ngược nước. Không tiến sẽ phải lùi)</p> <p>c. Học sinh đưa dẫn chứng và phân tích</p> <p>- Bàn luận:</p> <p>+ Đánh giá tính đúng đắn của câu nói: Câu nói khẳng định tầm quan trọng của việc học tập, nhắc nhở mỗi người không ngừng học tập, phấn đấu vươn lên chiếm lĩnh tri thức.</p> <p>+ Phê phán: những người chưa cố gắng học tập (lười biếng, ngại khó...) hoặc tự bằng lòng với kiến thức của mình ...</p> <p>3. Kết bài</p> <p>+ Liên hệ bản thân, rút bài học:</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 2: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Đã thấy xuân về với gió đông,
 Với trên màu má gái chưa chồng.
 Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
 Ngược mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
 Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.
 Lá nôn, nhành non ai trắng bạc?
 Gió về từng trận, gió bay đi...*

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.*

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,
Tay lần tràng hạt miệng nam vô.*

(Theo Xuân về - Nguyễn Bính, 1937)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

- A. Nghị luận. B. Tự sự. C. **Miêu tả.** D. Biểu cảm.

Câu 2. Xác định thể thơ của văn bản trên.

- A. Tự do. B. Thất ngôn. C. Thơ mới. D. **Bảy chữ.**

Câu 3. Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ:

“Lúa thì con gái mượt như nhung”.

A. **Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.**

- B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.
C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.
D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

Câu 4. Cảm xúc của tác giả trong câu thơ: *“Lá nồn, nhành non ai trắng bạc?”* là:

- A. Bồi hồi, xúc động. B. Buồn thương, nuối tiếc.
C. Lưu luyến, vắn vưng. D. **Ngỡ ngàng, vui sướng.**

Câu 5. Cho biết nội dung chính của bài thơ?

A. **Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.**

- B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.
C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.
D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

Câu 6. Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong”.

- A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.
B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.
C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.
D. **Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.**

Câu 7. Câu thơ *“Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung”*

Sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nhân hoá B. **So sánh** C. Điệp từ D. Liệt kê

Câu 8. Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong”.

- A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.
B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.
C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.

D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

Câu 9. Qua bài thơ em hãy nhận xét về tâm hồn, tình cảm của thi sĩ trong bài thơ.

Qua bài thơ “Xuân về” của Nguyễn Bính, em thấy trân trọng những nét đẹp về văn hóa nào của Việt Nam?

Câu 10. Từ đó em rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

II. VIẾT (4 điểm)

Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>Câu 9.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm của thi nhân: Bài thơ đã cho thấy sự quan sát tỉ mỉ, cận thận của tác giả với từng cảnh vật, con người và sự thay đổi nó khi xuân về. Chính tỏ tác giả phải là người yêu mùa xuân, yêu thiên nhiên và con người thì mới có thể miêu tả hay và rõ nét như thế - Qua bài thơ “Xuân về” của Nguyễn Bính, Cảnh xuân, tình xuân được nhà thơ nói đến rất bình dị, mộc mạc, rất thân thuộc đậm đà, đáng yêu. Nguyễn Bính đã gọi lên cái hồn quê nơi thôn quê, đã để thương, để nhớ trong lòng người bấy nay. Em thấy thêm trân trọng những nét đẹp về văn hóa của Việt Nam. Mong rằng những truyền thống này sẽ được giữ gìn và phát triển lâu dài 	1,0
	10	<p>Câu 10. Học sinh tự bộc lộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ Xuân về của nhà thơ Nguyễn Bính, bài học mà em rút ra được là tình cảm nồng cháy, tha thiết với vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của cuộc sống con người. Chúng ta hãy cảm nhận vẻ đẹp của cuộc sống bằng tất cả trái tim, tình cảm đối với cuộc sống này. 	1,0
II		VIẾT	4,0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. 	0,25

	- Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng.	
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.	0,25
	Học sinh có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Mở bài: - Giới thiệu về chuyến đi của bản thân với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen. 2. Thân bài: - Giới thiệu chung về chuyến đi đó. - Kể lại chuyến đi của bản thân theo một trình tự hợp lí: + Chuyến đi đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em? + Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một chuyến đi khó quên? + Em đã làm gì trong chuyến đi đó? + Chuyến đi đó đã tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào? + Em có những suy nghĩ gì sau chuyến đi đó xảy ra? 3. Kết bài: - Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên)	3 đ
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 3: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

*Thăm thẳm trời xanh lộng đáy hồ,
Mùi hoa thiên lý thoảng chiều thu.
Con cò bay lả trong câu hát,
Giấc trẻ say dài nhịp võng ru.*

*Lá thắp cành cao gió đuổi nhau,
Góc vườn rưng vội chiếc mo cau.
Trái na mở mắt, nhìn ngơ ngác,
Đàn kiến trường chinh tự thuở nào.*

*Lúa trở đồng tơ, ngậm cốm non,
Lá dài vươn sắc lười guom con.
Tiếng chim mách lẻo cây hồng chín,*

Điểm nhạt da trời những chấm son. (...)

(Trích Chiều thu, Nguyễn Bính, NXB Văn học, 1993)

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản:

- A. Tự do
C. Thất ngôn bát cú
B. Thất ngôn (bảy chữ)
D. Song thất lục bát

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là:

- A. Miêu tả
B. Biểu cảm
C. Tự sự
D. Nghị luận

Câu 3: Các biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai là:

- A. Nhân hóa, liệt kê
B. Nhân hóa, so sánh
C. Điệp từ, điệp ngữ
D. Đối lập, tương phản

Câu 4: Ở khổ thơ đầu của bài thơ cảnh vật được miêu tả bằng những giác quan nào?

- A. Thị giác
B. Thính giác
C. Khứu giác
D. Cả ba giác quan trên

Câu 5: Đề tài của bài thơ là:

- A. Đề tài cuộc sống thôn quê
B. Đề tài vẻ đẹp đồng quê
C. Đề tài cảnh đẹp đất nước
D. Đề tài vẻ đẹp thiên nhiên

Câu 6: Chủ đề của bài thơ là:

- A. Tâm trạng băng khuâng thương nhớ quê nhà của người con xa quê
B. Tâm trạng lưu luyến của con người khi rời xa quê hương
C. Vẻ đẹp thơ mộng, đầy sức sống của bức tranh thiên nhiên chiều thu
D. Vẻ đẹp của cuộc sống lao động bình dị nơi quê nhà

Câu 7: Bức tranh mùa thu được miêu tả trong bài thơ là bức tranh như thế nào?

- A. Bức tranh buồn, hiu hắt
B. Bức tranh tươi tắn, đầy sức sống
C. Bức tranh kì vĩ, tráng lệ
D. Bức tranh bí ẩn, kì thú

Câu 8: Câu thơ “*Lá thấp cành cao gió đuổi nhau,*

Góc vườn rụng vội chiếc mo cau”. Sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- A. So sánh
B. Nhân hoá
C. Liệt kê
D. Điệp từ

Câu 9: Nhận xét về nét đặc sắc của tác giả trong cách cảm nhận vẻ đẹp của mùa thu.

Câu 10: Từ đoạn thơ trên, hãy cho biết vai trò của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người. (Trả lời khoảng 5 dòng).

II. VIẾT (4 điểm)

Suy nghĩ của em về tình yêu quê hương của Tế Hanh trong đoạn thơ sau:

*Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.*

*Dân chài lười làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!
(Trích Quê hương, Tế Hanh, NXB Giáo dục 2014, tr.17)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Thi nhân cảm nhận mùa thu bằng tất cả các giác quan và lắng nghe mùa thu bằng cả tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của mình: Bằng thị giác, nhà thơ cảm nhận được trời xanh, gió lồng, cánh cò, là thấp cảnh cao, trái na mở mắt, lúa trổ đồng; bằng thính giác, nhà thơ lắng nghe được tiếng câu hát, nhịp võng ru, tiếng chim mách lẻo; bằng khứu giác, nhà thơ cảm nhận được mùi của mùa thu: Mùi thiên lí... Như vậy, cách cảm nhận mùa thu của nhà thơ rất đặc biệt, nhà thơ như căng mọi giác quan của mình để đón nhận cảnh thu.	1,0
	10	Câu 10. Ý nghĩa của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người: Quê hương là nguồn cội, là nơi ta sinh ra, gắn bó một chặng đường đời, hoặc sống cả cuộc đời ở đó. Quê hương có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi người. Đó là nơi chúng ta cất tiếng khóc chào đời, nơi có mẹ cha, những người thân yêu. - Là nơi ta có sự kết nối với họ. Quê hương không chỉ nuôi dưỡng ta lớn lên về thể xác, mà còn nuôi dưỡng tâm hồn. Hạt lúa củ khoai cho ta vóc dáng, văn hóa, truyền thống làng quê cho ta biết yêu nguồn cội, biết uống nước nhớ nguồn. Quê hương còn là động lực để mỗi con người lao động, sáng tạo, cống hiến, làm giàu cho nơi mình đã sinh ra. Quê hương nâng đỡ tâm hồn ta mỗi lúc ta đi xa, chào đón ta mỗi khi ta trở về. Quê hương nuôi lớn tình yêu Tổ quốc và ý thức xây đắp, bảo vệ đất nước.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i> Có đủ Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề, Thân	0,25

	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tình yêu quê hương của Tế Hanh trong đoạn thơ.</p> <p>Học sinh có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>1. Mở bài - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm và đoạn thơ.</p> <p>2. Thân bài + Triển khai các nhận xét về tình yêu quê hương và nghệ thuật đặc sắc của tác giả thể hiện trong đoạn thơ: - Đoạn thơ diễn tả tình yêu quê hương tha thiết, trong sáng của nhà thơ Tế Hanh trong hoàn cảnh xa cách: + Khắc chạm trong tâm trí nhà thơ là cảnh dân làng đón thuyền đánh cá trở về bến. Tình yêu quê hương ở đây gắn liền với niềm vui, hạnh phúc của người dân chài khi được mẻ cá “đầy ghè”; là niềm tự hào về những chàng trai làng chài khỏe mạnh, cường tráng; là tình cảm yêu mến với con thuyền và biển cả, thiên nhiên. + Nỗi nhớ quê hương bồi hồi, da diết luôn thường trực trong lòng tác giả qua những hình ảnh gần gũi, thân thương nhất: <i>màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi...</i> và hương vị mặn mòi của biển cả. - Nghệ thuật: lời thơ bình dị mà gợi cảm; thể thơ 8 chữ với cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt; các biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác...sử dụng rất tinh tế.</p> <p>3. Kết bài - Đánh giá chung: Giá trị của đoạn thơ, bài thơ; bày tỏ suy nghĩ của bản thân.</p>	<p>0,25</p> <p>3 đ</p>
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	<p>0,25</p>
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	<p>0,25</p>

ĐỀ 4: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Quê hương là vàng hoa bí
 Là hồng tím giậu mỏng tôi
 Là đỏ đôi bờ dâm bụi
 Màu hoa sen trắng tinh khôi.
 Quê hương mỗi người chỉ một
 Như là chỉ một mẹ thôi
 Quê hương nếu ai không nhớ...*

(*Quê hương - Đỗ Trung Quân*)

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát
C. Thơ sáu chữ
- B. Tự do
D. Lục bát biến thể

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên?

- A. Biểu cảm
B. Tự sự
C. Miêu tả
D. Miêu tả kết hợp biểu cảm

Câu 3: Cụm từ được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ là:

- A. Con đò B. Quê hương C. Chùm khế D. Điều biếc

Câu 4: Tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ là tình cảm gì?

- ## A. Nỗi nhớ về tuổi thơ, sự hoài niệm về tuổi thơ B. Tình yêu thiên nhiên

C. Tình yêu quê hương đất nước

Câu 5: Việc nhắc lại 2 lần câu hỏi tu từ “Quê hương là gì hả mẹ”? có tác dụng gì?

- A. Nhấn mạnh sự da diết tình cảm lưu luyến của nhân vật trữ tình.
B. Thể hiện sự nặng lòng của nhân vật trữ tình đối với quê hương.

C. Thể hiện sự thắc mắc của em bé với nhân vật trữ tình.

D. Ca ngợi vẻ đẹp quê hương của nhân vật trữ tình.

Câu 6: Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: “Quê hương là con điều biếc”?

A. Nhắc nhớ những kỷ niệm gắn gũi bình dị về quê hương của mỗi người

B. Thấy được sự êm đềm của quê hương đối với tuổi thơ của mỗi người

C. Gọi tả không gian nghệ thuật tuyệt đẹp về tuổi thơ gắn liền với quê hương

D. Gọi hình ảnh cánh điều biếc trao nghiêng trên bầu trời tuổi thơ của nhân vật trữ tình

Câu 7: Ba câu thơ cuối tác giả muốn nhắn nhủ người đọc điều gì?

A. Yêu mến trân trọng những giá trị về cuộc sống

B. Mỗi chúng ta phải biết yêu thương, trân trọng những điều xung quanh mình

C. Tình yêu quê hương bắt đầu từ những điều giản dị nhất.

D. Mỗi chúng ta hãy luôn sống và làm việc có ích, yêu quê hương xứ sở của mình

Câu 8: Nét độc đáo của bài thơ được thể hiện;

A. qua những từ ngữ, hình ảnh giản dị chứa đựng tình cảm yêu quê hương sâu sắc.

B. qua hình ảnh quê hương đa màu sắc muôn hoa đua nở của tác giả

C. về thể thơ 6 chữ giàu cảm xúc của tác giả khi nói về quê hương

D. về tình cảm, cảm xúc của tác giả giành cho quê hương của mình

Câu 9: Qua bài thơ, tác giả muốn gửi gắm tới người đọc thông điệp gì? (Trình bày từ 1 đến 3 câu văn)

Câu 10: Từ việc đọc hiểu văn bản thơ, là học sinh chúng ta cần thể hiện tình yêu quê hương bằng những việc làm cụ thể nào? (Trình bày khoảng 3 câu văn)

II. VIẾT (4 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “Trang phục đẹp là trang phục hợp văn hóa, hợp lứa tuổi”. Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	<p>Câu 9. Học sinh đưa ra được một vài thông điệp phù hợp với nội dung của bài thơ, có thể đưa ra những thông điệp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quê hương là nơi khi ta đi xa mà luôn nhớ về. - Quê hương giáo dục chúng ta, nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta để ta được trở thành một con người tốt, thành một công dân tốt. 	1,0

		- Chúng ta phải nhớ đến, trân trọng, biết ơn quê hương mình.	
	10	Câu 10. Học sinh nêu những việc làm cụ thể của bản thân góp phần xây dựng quê hương. <i>(Nêu tối thiểu 3 việc làm)</i> - Tích cực học tập, rèn luyện đạo đức, kỹ năng...sống trở thành người công dân tốt góp phần xây dựng quê hương. - Sống đoàn kết, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn... - Giữ gìn phong tục, truyền thống tốt đẹp của quê hương... - Quảng bá, giới thiệu hình ảnh của quê hương đến với mọi người.	1,0
II		VIẾT	4,0
		1. Hình thức: - Vận dụng tốt kiểu bài nghị luận có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm. - Trình bày bố cục ba phần. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp. - Diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc. - Ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác. 2. Nội dung: Triển khai theo dàn bài gợi ý sau:	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> “Trang phục đẹp là trang phục hợp văn hóa, hợp lứa tuổi”. Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên	0,25
		Học sinh có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Mở bài: - Giới thiệu vấn đề nghị luận: trang phục của học sinh và trích dẫn câu nói 2. Thân bài: - Giải thích sơ lược ý kiến: - Ý kiến trên nhằm đưa ra vấn đề về trang phục đẹp của người học sinh. Khuyến chúng ta phải biết lựa chọn trang phục hợp lứa tuổi, hợp văn hóa. - Bàn luận: + Khẳng định vấn đề đúng: Quan điểm về trang phục trên là hoàn toàn đúng đắn. Xét trên thực tế, học sinh là lứa tuổi còn rất trẻ, sống phụ thuộc, học tập trong một môi trường tập thể. Bởi vậy, trang phục phải có sự hòa đồng với bạn bè, làm xóa đi ranh giới phân biệt giàu nghèo. Do vậy, đồng phục học đường là cần thiết để tạo nên sự bình đẳng, đoàn kết trong bạn bè để cùng nhau phấn đấu đi tới mục đích thi đua, rèn luyện, tu dưỡng. Bên cạnh trang phục học đường, những khi đi chơi hay ở nhà, học sinh cũng cần chọn trang phục phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt, đó là sự gọn gàng, giản dị,	3 đ

	<p>kín đáo. Đồng thời việc lựa chọn trang phục cần phù hợp với hoàn cảnh sống của gia đình, đất nước.</p> <p>+ Ý nghĩa của việc thực hiện trang phục đẹp.</p> <p>+ Mở rộng vấn đề: Hiện nay vẫn còn một bộ phận học sinh ăn mặc thiếu lành mạnh, không phù hợp với văn hóa, lứa tuổi. Thật đáng lên án và phê phán...</p> <p>- Bài học nhận thức.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề nghị luận. Đưa ra lời khuyên phù hợp.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 5: Đọc kĩ nội dung đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

TRONG LỜI MẸ HÁT

*“Tuổi thơ chở đầy cổ tích
 Dòng sông lời mẹ ngọt ngào
 Đưa con đi cùng đất nước
 Chòng chành nhịp võng ca dao
 Con gặp trong lời mẹ hát
 Cánh cò trắng, dải đồng xanh
 Con yêu màu vàng hoa mướp
 “Con gà cục tác lá chanh”
 Thời gian chạy qua tóc mẹ
 Một màu trắng đến nôn nao
 Lưng mẹ cứ còng dần xuống
 Cho con ngày một thêm cao
 Mẹ ơi trong lời mẹ hát
 Có cả cuộc đời hiện ra
 Lời ru chắp con đôi cánh
 Lớn rồi con sẽ bay xa*

(Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát, NXB Giáo dục, 2008)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận. B. Tự sự. **C. Biểu cảm** D. Miêu tả.

Câu 2. Ở văn bản này, người con đã gặp trong lời mẹ hát những hình ảnh quen thuộc nào?

A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh.
 B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh.
 C. Có cả cuộc đời hiện ra.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: *Thời gian chạy qua tóc mẹ?*

- A. So sánh. B. Nói quá. C. Nhân hóa. D. Hoán dụ.

Câu 4. Em hiểu như thế nào về nội dung chính của lời thơ sau:

*Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao*

- A. Gọi hình ảnh người mẹ vất vả.
B. Tình yêu thương của người con đối với mẹ.
C. **Thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con đối với mẹ**
D. Tình thương của người mẹ đối với con.

Câu 5. Lời thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị lời ru của mẹ?

- A. Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao.
B. **Lời ru chắp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa**
C. Tuổi thơ chờ đầy cỏ tích/ Dòng sông lời mẹ ngọt ngào.
D. Con gặp trong lời mẹ hát/ Cánh cò trắng, dải đồng xanh.

Câu 6. Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của văn bản?

- A. **Đề cập đến ý nghĩa lời ru của mẹ, đồng thời thể hiện lòng biết ơn của nhà thơ đối với công ơn của mẹ.**
B. Đề cập đến hình bóng người mẹ gắn với tuổi thơ và lời ru ngọt ngào.
C. Đề cập đến những năm tháng tuổi thơ của tác giả cùng người mẹ tảo tần.
D. Đề cập đến tấm lòng người mẹ.

Câu 7. Ở văn bản này, người con đã gặp trong lời mẹ hát những hình ảnh quen thuộc nào?

- A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh.
B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh.
C. Có cả cuộc đời hiện ra.
D. **Cả A, B, C đều đúng.**

Câu 8. Hình ảnh người mẹ qua đoạn thơ trên hiện lên như thế nào?

- A. Người mẹ tảo tần, vất vả B. Người mẹ yêu thương con
B. Người mẹ hi sinh tất cả vì con D. **Tất cả ý trên đều đúng**

Câu 9. Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển tâm hồn của người con? Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho em những cảm xúc gì?

Câu 10. Nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm thông điệp gì từ văn bản trên?

II. VIẾT (4 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận về tình trạng học tủ, học vẹt của học sinh hiện nay?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5

	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. - Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển tâm hồn của người con. Lời ru của mẹ đã mang cả thế giới truyền đạt lại cho con, lời ru đó cùng con khôn lớn và đã là thứ cổ vũ tinh thần con đến suốt cuộc đời. - Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho em hình ảnh người mẹ tần tảo, yêu thương con của mình vô bờ bến. Khi đọc bài thơ, em thấy rất xúc động và thấy yêu thương mẹ của mình nhiều hơn.	1,0
	10	Câu 10. Qua văn bản trên, nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm đến mọi người thông điệp: + Hãy luôn yêu thương và trân trọng khi còn có mẹ. + Lời ru con là một văn hóa rất đẹp, hãy giữ gìn và phát huy nó. + Luôn ghi nhớ công ơn nuôi dưỡng và giáo dục của bố mẹ mình.	1,0
II		VIẾT	4,0
		1. Hình thức: - Vận dụng tốt kiểu bài nghị luận có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm. - Trình bày bố cục ba phần. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp. - Diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc. - Ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác. 2. Nội dung: Triển khai theo dàn bài gợi ý sau:	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: “Lỗi học vẹt, học tủ của học sinh hiện nay”</i>	0,25
		Học sinh có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Mở bài - Dẫn dắt, nêu khái quát về vấn đề học vẹt và học tủ trong xã hội ngày nay. Sơ lược nhận định, ý kiến của em về vấn đề này. 2. Thân bài a. Giải thích về học vẹt học tủ: - Học tủ là gì? Chỉ học một hoặc một vài phần trong số những kiến thức, bài học cần thiết. - Học vẹt là gì? Học thuộc vanh vách câu từ nhưng không hiểu ý nghĩa bài học. - Học tủ, học vẹt là cách học sai lầm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng học tập. b. Nêu thực trạng học vẹt và học tủ trong nhà trường: cách học	3 đ

	<p>trở nên phổ biến, tràn lan, ít được quan tâm, kiểm soát ... (dẫn chứng một số ví dụ cụ thể).</p> <p>c. Những nguyên nhân dẫn đến học vẹt, học tủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần tự giác học tập của học sinh chưa cao (lười học bài, chờ may rủi nên chỉ học một phần). - Học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc lí giải và vận dụng kiến thức. - Nhiều trường hợp giáo viên nhồi nhét kiến thức, không tóm gọn trọng tâm bài học, cho ghi chép tràn lan khiến học sinh khó có thể vừa học thuộc vừa lí giải kĩ, tạo cảm giác mệt mỏi, chán học. - Việc rèn luyện, thực hành, ứng dụng thực tế trong nhà trường chưa được chú trọng khiến học sinh không có cơ hội kiểm chứng kiến thức, tiếp thu kiến thức thụ động, khó làm chủ kiến thức. <p>d. Những tác hại của học tủ, học vẹt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh mất hứng thú với việc học, dễ chán nản. - Không làm chủ được kiến thức, không ứng dụng được kiến thức vào thực tế khiến việc học mất đi ý nghĩa của nó. - Chất lượng giáo dục ngày càng đi xuống. - Hiệu quả làm việc trong tương lai không lí tưởng. - Xã hội ngày càng kém phát triển. <p>e. Biện pháp khắc phục việc học vẹt học tủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền giúp học sinh cần nâng cao ý thức, điều chỉnh thái độ trong học tập và tiếp cận kiến thức. - Học sinh xác định rõ mục tiêu học tập để có phương pháp học phù hợp. - Cải cách, điều chỉnh phương thức giảng dạy kiến thức trong nhà trường. (tăng số lượng và hiệu quả các tiết thực hành, tóm gọn kiến thức trọng tâm tránh cho học sinh ghi chép thừa quá nhiều, làm sinh động bài giảng...). <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại quan điểm, ý kiến về vấn đề học tủ, học vẹt. Bàn luận mở rộng vấn đề. 	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. 	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 6: Đọc kĩ nội dung đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Lần đầu khi mới làm quen
Anh khen cái nhìn em đẹp
Trời mưa òa cơn nắng đến*

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 9. Từ nội dung đoạn trích trên em hãy trình bày suy nghĩ của mình về cách sử dụng lời ca ngợi trong cuộc sống?

Câu 10. Em hiểu như thế nào về các dòng thơ sau: “Em sợ lời khen của anh Như sợ chiều về, hắt tối”

II. VIẾT (4 điểm)

Hãy giới thiệu một trò chơi mang bản sắc dân tộc Việt Nam.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	<p>Câu 9. Lời khen rất quan trọng trong đời sống của chúng ta, nó là động lực giúp mọi người cảm thấy hạnh phúc hơn và nỗ lực hơn. Nó thúc đẩy mọi người cố gắng và nỗ lực nhiều hơn.</p> <p>- Tuy nhiên chúng ta phải biết sử dụng lời khen đúng lúc, đúng chỗ không nên khen ngợi những điều chưa thật sự tốt mà cần dành lời khen cho những người thật sự cố gắng, tránh những lời khen sáo rỗng. Tóm lại lời khen có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống vì vậy mỗi chúng ta đừng tiết kiệm lời khen để cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.</p>	1,0
	10	<p>Câu 10. Hai câu thơ trên có thể hiểu là người con gái được một người con trai khen về nhan sắc, tài năng... nhưng cô gái trẻ bỗng đâm ra lo sợ lo sợ sự sụp đổ của tâm hồn mới bừng sáng cùng nỗi héo hon của những tính cách của mình. Tác giả lo sợ lời khen đó sẽ mãi biến mất u tối như sự hắt hiu của xế chiều.</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		<p>1. Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tốt kiểu bài thuyết minh có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm. - Trình bày bố cục ba phần. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp. - Diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc. - Ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác. <p>2. Nội dung:</p>	0,25

	Triển khai theo dàn bài gợi ý sau:	
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Hãy giới thiệu một trò chơi mang bản sắc dân tộc Việt Nam.	0,25
	<p>* Yêu cầu chung:</p> <p>- Về kiến thức: cung cấp kiến thức chính xác, khách quan, hữu ích về một trò chơi <i>mang bản sắc dân tộc Việt Nam</i>: Nghĩa là một trò chơi có từ thời xa xưa, thể hiện những nét riêng của dân tộc Việt Nam, toát lên nếp sống của người dân (trò chơi thả diều, chơi chuyền, chơi nhảy dây, chơi ô ăn quan, kéo co,...). Đây là đề mở để học sinh tự lựa chọn một trò chơi dân gian mà các em yêu thích và am hiểu nhất để giới thiệu.</p> <p><i>Lưu ý: Nếu học sinh thuyết minh về một trò chơi nhưng không mang bản sắc dân tộc Việt Nam, giám khảo cho 1,0 điểm.</i></p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Bố cục bài hoàn chỉnh có mở bài, thân bài, kết bài.</p> <p>+ Diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p>+ Trình bày rõ ràng, biết sử dụng các phương pháp thuyết minh phù hợp và kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm.</p> <p>1. Mở bài</p> <p>- Dẫn dắt, giới thiệu về một trò chơi dân gian.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>Học sinh thuyết minh theo các ý chính sau:</p> <p>- Giới thiệu nguyên liệu (dụng cụ) để làm trò chơi.</p> <p>- Thời gian và địa điểm chơi.</p> <p>- Cách thức chơi.</p> <p>- Ý nghĩa của trò chơi trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam, đặc biệt là tuổi ấu thơ.</p> <p>3. Kết bài.</p> <p>- Khái quát cảm nghĩ về trò chơi dân gian.</p>	3 đ
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,25
	- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	<i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 7: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh
Trên con đường viễn trắng mép đồi xanh
Người các ấp tung bùng ra chợ Tết
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỗ biếc
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon*

Vài cụ già chống gậy bước lom khom
 Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ
 Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ
 Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu
 Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau
 Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa
 Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa
 Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh
 Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh
 Người mua bán ra vào đầy cổng chợ...
 (Theo Chợ Tết - Đoàn Văn Cừ)

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ trên?

- A. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt
 B. Thể thơ Lục bát
 C. Thể thơ 7 chữ
D. Thể thơ tám chữ

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ

- A. Tự sự
 B. Miêu tả
C. Biểu cảm
 D. Nghị luận

Câu 3. Em có nhận xét gì khung cảnh chợ Tết?

- A. Vắng vẻ
B. Đẹp, tươi vui
 C. Lộn xộn, xơ xác
 D. Hoang sơ, đổ nát

Câu 4: Bên cạnh những dáng vẻ riêng, những người đi chợ Tết có điểm gì chung?

- A. Ai cũng vui vẻ**
 B. Ai cũng lo lắng
 C. Ai cũng chán nản
 D. Ai cũng hồi hộp

Câu 5. Câu thơ sau: “Sương hồng lam ôm ấp mái nhà tranh”. Sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- A. Nhân hoá**
 B. So sánh
 C. Ẩn dụ
 D. Hoán dụ

Câu 6: Người các ấp đi chợ Tết trong khung cảnh đẹp như thế nào?

- A. Bức tranh mùa xuân vui tươi, tràn đầy sức sống.
B. Bức tranh chợ Tết miền trung du giàu màu sắc và vô cùng sinh động đã nói về cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc của những người dân quê.
 C. Bức tranh chợ Tết miền Tây sông nước đầy sôi động cho thấy một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân quê.
 D. Bức tranh đầy màu sắc hoang sơ, heo hút của những con người sống ở vùng núi thưa thớt ít người qua lại.

Câu 7. Cho biết trong câu sau có mấy từ tượng hình:

Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon
 Vài cụ già chống gậy bước lom khom

- A. 2 từ**
 B. 3 từ
 C. 4 từ
 D. 5 từ

Câu 8: Nội dung chính của bài thơ trên là gì?

- A. Đoạn thơ miêu tả và kể về một phiên chợ Tết ở nông thôn Việt Nam.
 B. Đi chợ Tết là một nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc
 C. Người đi chợ Tết ai cũng vui vẻ, từ cụ già cho tới các cô thiếu nữ, trẻ con, người mua kẻ bán tấp nập trong khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp đậm sắc xuân.
D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 9. Thông điệp bài thơ gửi tới bạn đọc?

Câu 10. Nêu cảm nhận của em về bài thơ Chợ tết của Đoàn Văn Cừ?

II. VIẾT (4 điểm)

Câu nói của M. Go-rơ-ki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống” gợi cho em những suy nghĩ gì?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Bài thơ đã vẽ ra được một bức tranh chợ Tết ở miền trung du thật đẹp, thật tươi vui thể hiện cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân ở vùng đồi núi. Thông qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước tha thiết của nhà thơ...	1,0
	10	Câu 10. Học sinh tự cảm nhận trả lời các ý cơ bản sau: - Bài thơ là một bức tranh chợ Tết miền trung du giàu màu sắc và vô vùng sinh động. - Người đi chợ Tết ai cũng vui vẻ, từ cụ già cho tới các cô thiếu nữ, trẻ con, người mua kẻ bán tấp nập trong khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp đậm sắc xuân.	1,0
II		VIẾT	4,0
		* Yêu cầu về kĩ năng: - Bài văn nghị luận bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc. - Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	0,25
		* Yêu cầu về kiến thức: - HS có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	0,25
		1. Mở bài: - Giới thiệu vai trò của sách (Sách là báu vật không thể thiếu trong	

	<p>đời sống con người)</p> <p>- Trích dẫn câu nói của M. Go-rơ-ki: “”</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giải thích sách là gì?</p> <p>- Là kho tàng tri thức</p> <p>- Là sản phẩm của quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và là kho tàng quý báu của nhân loại</p> <p>b. Lí giải vì sao: Sách là nguồn kiến thức vô tận, chỉ có kiến thức mới là con đường sống?</p> <p>- Sách là nguồn kiến thức vô tận của loài người, là sản phẩm kì diệu của con người.</p> <p>- Sách cho ta hiểu về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, giúp con người hiểu sâu hơn về khoa học tự nhiên, về tâm lí, tình cảm...qua nhiều loại sách khác nhau. (dẫn chứng)</p> <p>- Sách giúp ta hiểu về cuộc sống con người trong các thời kì khác nhau, các dân tộc khác nhau... (dẫn chứng)</p> <p>- Chỉ có kiến thức, chúng ta mới biết được cái đúng cái sai, điều phải điều trái, chính nghĩa phi nghĩa. Từ đó, ta mới tìm được con đường đi phía trước của mình một cách đúng đắn. Ta mới sống một cách đúng nghĩa.</p> <p>c. Suy nghĩ của bản thân về câu nói của M. Go-rơ-ki: Câu nói hoàn toàn đúng vì ông đã chỉ ra được tác dụng to lớn của sách.</p> <p>- Cần phải chọn sách tốt, sách hay để đọc và tránh xa sách dở, sách có hại.</p> <p>- Cần phải chăm đọc sách để hiểu biết nhiều hơn và sống tốt hơn.</p> <p>- Cần tiếp cận ánh sáng trí tuệ chưa đựng trong sách, hiểu nội dung sách và làm theo sách...</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định tính đúng đắn của câu nói.</p> <p>- Khẳng định lại tác dụng to lớn của sách.</p> <p>- Nêu phương hướng hành động của cá nhân.</p>	3 đ
	<p>d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 8: Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
 Con thuyền xuôi mái nước song song.
 Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
 Cúi một cành khô lạc mấy dòng.

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

*Bèo giạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khỏi hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

(Theo Tràng Giang – Huy Cận)

Câu 1: Ấn tượng, cảm giác chung dễ thấy nhất về khung cảnh, không khí của "tràng giang" trong bài thơ Tràng giang của Huy Cận toát ra từ khổ thơ thứ hai là gì?

- A. Hoang vắng, trơ trọi, quạnh quẽ
B. Trơ trọi, hoang vắng.
C. Quạnh quẽ.
D. Hoang vắng.

Câu 2: Trong khổ thơ hai bài Tràng giang của Huy Cận, từ nào không phải là từ láy?

- A. "chót vót" B. "chợ chiều" C. "đìu hiu" D. "lơ thơ"

Câu 3: Hình ảnh dòng sông trong bài thơ là biểu tượng cho điều gì?

- A. Nỗi buồn nhân thế
B. Dòng sông nhân thế
C. Không gian vô cùng vô tận
D. Tất cả đều đúng

Câu 4: Trong khổ hai bài Tràng giang của Huy Cận, thi sĩ dùng cái gì để diễn tả sự vắng lặng, cô tịch của không gian?

- A. Sự thiếu vắng hình ảnh sự sống con người.
B. Sự thiếu vắng tình người.
C. Sự thiếu vắng âm thanh và ánh sáng.

D. Sự thiếu vắng âm thanh sự sống con người.

Câu 5: Câu thơ đề từ “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài” của bài Tràng giang có ý nghĩa:

- A. Thể hiện nỗi buồn và sự nhớ thương trước vũ trụ bao la, bát ngát.
B. Thể hiện tâm trạng cô đơn của thi sĩ
C. Thể hiện tâm trạng bâng khuâng của con người khi đối diện với thiên nhiên.
D. Thể hiện sự nhỏ bé của con người trước vũ trụ bao la đến rợn ngợp

Câu 6: Nội dung nào sau đây đúng khi nói về bài thơ “Tràng giang” của Huy Cận?

A. Bài thơ điển hình cho hệ thống thi pháp trung đại: hoài niệm, cổ kính, hoang sơ đậm chất Đường thi.

B. Bài thơ tạo dựng một bức tranh thiên nhiên cổ kính, hoang sơ với tầm vóc mênh mang, vô biên, đậm chất Đường thi, song vẫn có nét quen thuộc, gần gũi.

C. Bài thơ mang lại một không gian mênh mông, bao la, vô tận với những hình ảnh thiên nhiên mang tầm vóc vũ trụ lớn lao, to lớn, kì vĩ.

D. Bài thơ là bức tranh thiên nhiên sông nước Việt Nam quen thuộc, gần gũi, thân thiết, bình dị ở bất kì một làng quê nào, thể hiện nỗi lòng yêu quê hương đất nước Việt Nam.

Câu 7. Nỗi niềm thấm đẫm toàn bộ bài thơ Tràng giang của Huy Cận là:

- A. Nỗi hoài nghi. B. Nỗi băn khoăn.
C. Nỗi tuyệt vọng. D. **Nỗi buồn.**

Câu 8. Âm điệu chung của bài thơ là gì?

- A. Nhẹ nhàng, thanh thoát. B. **Buồn man mác, sâu lắng.**
C. Vui tươi, hóm hỉnh, dí dỏm. D. Sinh động, nhộn nhịp.

Câu 9. Đoạn trích cho thấy tình cảm, thái độ gì của nhà thơ?

Câu 10. Nêu cảm nhận của em khi đọc bài thơ?

II. VIẾT (4 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận nêu tác hại của thuốc lá.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Qua đoạn trích cho thấy từ cảnh vật, không gian đều mang nét gợi buồn cho thấy tâm trạng u buồn của tác giả. Một bức tranh gợi về số phận nổi trôi, bơ vơ, bất hạnh của kiếp người trong xã hội cũ.	1,0
	10	Câu 10. Học sinh tự cảm nhận (3-5 dòng)	1,0
II		VIẾT	4,0
		* Yêu cầu về kĩ năng: Viết đúng kiểu bài văn nghị luận kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm. Bài viết có bố cục hợp lí. Ngôn từ trong sáng, dễ hiểu. Hình thức trình bày sạch sẽ.	0,25
		* Yêu cầu về kiến thức: - HS có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: 1. Mở bài:	0,25

	<p>- Giới thiệu về tệ nạn hút thuốc lá và tác hại của nó đối với sức khỏe con người.</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>- Đánh giá được hiện trạng của tệ nạn hút thuốc lá hiện nay.</p> <p>- Phân tích được những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tệ nạn.</p> <p>- Phân tích rõ tác hại của hút thuốc lá.</p> <p>+ Về sức khỏe. Người hút: Chất ni – co – tin, hắc ín trong khói thuốc gây ra bệnh về hô hấp, tim mạch...(Dẫn chứng). Đối với mọi người: Khi hít phải khói thuốc cũng bị các bệnh như người hút.</p> <p>+ Về kinh tế: Hút thuốc là làm tổn hại về kinh tế của người hút (Dẫn chứng)</p> <p>+ Về đạo đức: là con đường dẫn đến các tệ nạn khác.</p> <p>- Đề xuất được các biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn.</p> <p>3. Kết bài: Nêu ý kiến của bản thân, lời khuyên, lời kêu gọi hãy tránh xa tệ nạn hút thuốc lá.</p>	3 đ
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 9: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,
Nằm mát, đàn trâu ngấm nghĩ nhai.
Ve ve rung cánh, ruồi say nắng
Gà gáy trong thôn những tiếng dài.*

*Trời lơ cao vút không buông gió;
Đồng cỏ cào phô cánh lướt hồng,
Êm đêm sóng lúa trôi trên lúa;
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.*

*Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,
Bà hàng thừa khách ngủ thiu thiu
Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...
Đứng lặng trong mây một cánh diều.*

*Cành thưa, nắng tưới, chim không đứng;
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè.
Vài cô về chợ buông quang thúng
Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.*

*Thời gian dừng bước trên đồng vắng;
Lá ngập ngừng sa nhẹ lướt ao.
Như mơ đường khói lên trời nắng;
Trường học làng kia tiếng trống vào.*

(Trưa hè, Bằng Bá Lân Hoài Thanh, Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học, 2009)

Câu 1. Bài thơ *Trưa hè* được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát B. Sáu chữ C. Bảy chữ D. Tự do

Câu 2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong dòng thơ “*Nằm mát, đàn trâu ngẫm nhai.*”?

- A. Ẩn dụ B. Nhân hóa C. So sánh D. Hoán dụ

Câu 3. Nhan đề của bài thơ được đặt theo cách nào?

- A. Một hình ảnh gây ấn tượng, khơi nguồn cho cảm xúc của tác giả
B. Một sự việc gây ấn tượng sâu sắc cho tác giả
C. Một đề tài khái quát nội dung của cả bài thơ
D. Một âm thanh đặc biệt trong cảm nhận của tác giả

Câu 4. Trong khổ thơ thứ nhất, những hình ảnh nào dưới đây là tín hiệu đặc trưng của mùa hè?

- A. Gốc đa già, vũng bóng B. Ve rung cánh, ruồi say nắng
C. Gà gáy, ruồi say nắng D. Gốc đa già, đàn trâu

Câu 5. Các từ “*bà*”, “*cô*” được sử dụng trong các dòng thơ “*Bà hàng thưa khách ngủ thiêu thiêu*” và “*Vài cô về chợ buồng quang thúng*” thể hiện sắc thái biểu cảm như thế nào?

- A. Bông đùa B. Giễu cợt
C. Trang trọng D. Thân mật

Câu 6. Nhận xét nào đúng về cách miêu tả trưa hè trong hai khổ thơ đầu?

- A. Cảnh được miêu tả từ gần đến xa, từ thấp đến cao.
B. Cảnh được miêu tả từ gần đến xa, từ cao xuống thấp.
C. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, từ thấp đến cao.
D. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, từ cao xuống thấp.

Câu 7. Trong khổ thơ cuối bài, tác giả đã sử dụng những giác quan nào để cảm nhận về trưa hè?

- A. Thị giác, xúc giác B. Thính giác, khứu giác
C. Thị giác, thính giác D. Thính giác, xúc giác

Câu 8. Phương án nào dưới đây nêu đúng cảm hứng chủ đạo của bài thơ?

- A. Nỗi niềm cảm thương của tác giả trước những vất vả, khó nhọc của người dân quê.
B. Cảm xúc khó chịu, ngột ngạt của tác giả trước không gian trưa hè oi ả ở vùng quê.
C. Niềm vui của nhà thơ trước vẻ đẹp của con người lao động giữa trưa hè.
D. Tình yêu, sự gắn bó tha thiết của tác giả dành cho thiên nhiên, con người nơi vùng quê.

Câu 9. (1 điểm) Qua những hình ảnh được miêu tả trong bài thơ, em hãy nhận xét về bức tranh trưa hè tại miền quê của tác giả.

Câu 10. (1 điểm) Mùa hè trên mỗi miền quê sẽ mang những nét đẹp khác nhau. Hãy viết đoạn văn ngắn (10 - 12 dòng) giới thiệu về mùa hè trên quê hương em.

II. VIẾT (4 điểm)

Viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ *Trưa hè* của Bằng Bá Lân.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. - Học sinh có thể diễn đạt khác nhau nhưng nêu được nhận xét về bức tranh trưa hè tại miền quê của tác giả. Ví dụ: + Bức tranh trưa hè được miêu tả qua những hình ảnh đặc trưng của mùa hè. Những hình ảnh mộc mạc, giản dị ấy đã gợi nên một không gian vắng vẻ, yên tĩnh như ngưng đọng. + Bức tranh trưa hè yên bình, mang đậm hồn quê Bắc Bộ đã cho thấy tài năng, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của nhà thơ.	1,0
	10	Câu 10. Hình thức đoạn văn: 10 - 12 dòng - Nội dung: Giới thiệu được những nét đẹp tiêu biểu của mùa hè trên quê hương mình qua những hình ảnh, màu sắc, âm thanh...	1,0
II		VIẾT	4,0
		* Yêu cầu về kĩ năng: Viết đúng kiểu bài văn nghị luận kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm. Bài viết có bố cục hợp lí. Ngôn từ trong sáng, dễ hiểu. Hình thức trình bày sạch sẽ.	0,25
		* Yêu cầu về kiến thức: - HS có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: 1. Mở bài: - Giới thiệu tên văn bản, tác giả, nêu cảm nghĩ chung về yếu tố nghệ thuật hay nội dung đặc sắc ở dòng thơ/khổ thơ/đoạn thơ/bài thơ. 2. Thân bài - Nêu cụ thể và lí giải được những cảm nhận, cảm xúc và suy nghĩ về yếu tố nghệ thuật hay nội dung đặc sắc đã xác định. - Phân tích những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.	0,25

	(Nêu dẫn chứng hợp lí) 3. Kết bài - Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc đã trình bày.	3 đ
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 10: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

NÚI ĐÔI

... Bỗng cuối mùa chiêm quân giặc tới
Ngơ chùa cháy đỏ những thân cau
Mới ngỡ lời thôi, đành lỗi hẹn
Đâu ngờ từ đó bật tin nhau.

Anh vào bộ đội, lên Đông Bắc
Chiến đấu quên mình năm lại năm
Mấy bận dân công về lại hỏi
Ai người Xuân Dục, núi Đôi chăng?

Anh nghĩ, quê ta giặc chiếm rồi
Trăm nghìn căm uất bao giờ nguôi
Mỗi tin súng nổ vành đai địch
Sương trắng người đi lại nhớ người.

Đồng đội có nhau thường nhắc nhở
Trung du làng nước vẫn chờ trông
Núi Đôi bất động kê ba xóm
Em vẫn đi về những bến sông?

Náo nức bao nhiêu ngày trở lại
Lệnh trên ngừng bắn, anh về xuôi
Hành quân qua tắt đường sang huyện
Anh ghé thăm nhà, thăm núi Đôi.

Mới tới đầu ao, tin sét đánh
Giật giết em rồi, dưới gốc thông
Giữa đêm bộ đội vây đồn Thừa
Em sống trung thành, chết thủy chung!

Anh ngược nhìn lên hai dốc núi
Hàng thông bờ có con đường quen.

Nặng trĩu bóng dưng mờ bóng khói
Núi vẫn đôi mà anh mất em!

Dân chợ Phù Linh ai cũng bảo:
Em còn trẻ lắm, nhất làng trong;
Mấy năm cô ấy làm du kích
Không hiểu vì sao chẳng lấy chồng?

Từ núi qua thôn, đường ghềnh lồi
Xuân Dục, Đoài Đông cỏ ngút đầy
Sân biển thành ao, nhà đổ chái
Ngõ ngang bờ bụi cánh dơi bay

Cha mẹ đưa nhau về nhận đất
Tóc bạc thương từ mỗi gốc cau
Nửa gianh nửa mái lều che tạm
Sương nắng khuây dần chuyện xót đau.

Anh nghe có tiếng người qua chợ:
Ta gắng: mùa sau lúa sẽ nhiều
Ruộng thâm mỗ hôi từng nhát cuốc
Làng ta rồi đẹp biết bao nhiêu!

Nhưng núi còn kia, anh vẫn nhớ.
Oán thù còn đó, anh còn đây
Ở đâu cô gái làng Xuân Dục
Đã chết vì dân giữa đất này!

Ai viết tên em thành liệt sĩ
Bên những hàng bia trắng giữa đồng
Nhớ nhau anh gọi em: đồng chí
Một tấm lòng trong vạn tấm lòng.

Anh đi bộ đội sao trên mũ
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.

(Vũ Cao - Thơ tình thể kỉ XX)

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

- A. Bốn chữ
- B. Năm chữ
- C. Sáu chữ
- D. Bảy chữ

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong 2 câu thơ sau:

Em mãi là hoa trên đỉnh núi
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 4. Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện sự khốc liệt của chiến tranh.

- A. mùa chiêm quân giặc tới, lỗi hẹn.
- B. ngơ chùa cháy đỏ những thân cau, lỗi hẹn, bất tin.
- C. lỗi hẹn, bất tin, mùa chiêm quân giặc tới.
- D. Ý kiến khác

Câu 5. Nội dung tác giả đề cập đến thông qua 2 câu thơ cuối là gì?

- A. Nhấn mạnh niềm tự hào về vẻ đẹp lí tưởng của phẩm chất cách mạng.
- B. Ca ngợi vẻ đẹp của con người và thiên nhiên trong thời chiến.
- C. Ca ngợi vẻ đẹp của con người trong thời chiến.
- D. A và C

Câu 6. Nội dung chính của bài thơ trên đề cập đến vấn đề gì?

- A. Diễn tả câu chuyện tình yêu xúc động thời kháng chiến.
- B. Thể hiện sự mất mát, đau thương nhưng không bị lụy.
- C. Tưởng nhớ những người đã ngã xuống với sự yêu thương và tấm lòng trân trọng.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 7. Cụm từ “tin sét đánh” thể hiện điều gì?

- A. Sự ngạc nhiên
- B. Sự bàng hoàng
- C. Sự đau đớn
- D. Ý kiến khác

Câu 8. Từ tâm trạng của người chiến sĩ qua hai câu thơ, tác giả muốn đề cập đến điều gì?

Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu

- A. Vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ luôn gắn liền với tình yêu quê hương.
- B. Tâm hồn người chiến sĩ luôn tồn tại một không gian hoài niệm, nhưng nhớ về người mình yêu.
- C. Cả A và B
- D. Ý kiến khác

Câu 9 (1,0 điểm). Trình bày suy nghĩ của em về một câu thơ mà em thích nhất trong bài “Núi Đồi” – Vũ Cao.

Câu 10 (1,0 điểm). Viết đoạn văn khoảng 5 dòng đến 7 dòng nêu suy nghĩ của anh/chị về vai trò, lí tưởng của tuổi trẻ sau khi đọc đoạn thơ trên.

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng ô nhiễm môi trường.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 1	D	0,5
Câu 2	C	0,5
Câu 3	A	0,5
Câu 4	B	0,5
Câu 5	D	0,5
Câu 6	D	0,5
Câu 7	B	0,5
Câu 8	C	0,5
Câu 9	- Viết được câu thơ mà em cho là hay nhất. - Chỉ ra được cái hay, cái đẹp về nội dung của câu thơ thông qua các từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu.	1,0
Câu 10	- Đảm bảo đúng hình thức - Trình bày được biểu hiện, vai trò lí tưởng của tuổi trẻ: + Tuổi trẻ là măng non tương lai của đất nước, đất nước có phát triển phồn thịnh hay không là do sự cống hiến của những người trẻ sau này. + Chính vì thế, mỗi người trẻ cần sống có ước mơ, lí tưởng, hướng đến những điều tốt đẹp và cố gắng trau dồi, hoàn thiện bản thân nhất có thể. => Khẳng định lại vai trò lí tưởng của tuổi trẻ đối với quê hương đất nước.	1,0

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp... thông qua các lí lẽ và dẫn chứng... Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.	0,25

	<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng ô nhiễm môi trường.</p>	0,25
	<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>1. Mở bài Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: vấn đề ô nhiễm môi trường.</p> <p>2. Thân bài</p> <p><i>a. Giải thích vấn đề</i> Ô nhiễm môi trường là hiện trạng môi trường xuất hiện những chất độc, chất hại dẫn đến thay đổi nhanh chóng và gây tác hại xấu đến cuộc sống con người.</p> <p><i>b. Thực trạng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng ngày có hàng tấn rác thải được đổ ra biển, các chất độc hại ngày càng tích lũy và ảnh hưởng xấu tới môi sinh và các sinh vật biển. Bên cạnh đó, môi trường nước ngọt cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. - Môi trường không khí bị ô nhiễm nặng nề do khí thải công nghiệp, khí thải xe cộ và mùi rác thải sinh hoạt của con người. - Diện tích rừng bị chặt phá ngày càng tăng. <p><i>c. Nguyên nhân</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ quan: Do ý thức kém của con người. - Khách quan: Do hiện tượng cực đoan của xã hội; do sự quản lý của nhà nước hoạt động của các doanh nghiệp trong việc xử lý. <p><i>d. Hậu quả</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người. - Mất đi các nguồn lợi từ biển: các hải sản, du lịch biển. - Mất cân bằng đa dạng sinh học của môi trường sống. <p><i>e. Giải pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi người cần có ý thức bảo vệ môi trường sống quanh mình, thay đổi từ những thói quen nhỏ nhất để khiến cho môi trường được cải thiện tốt hơn. - Nhà nước cần tăng cường sự quản lý cũng như xử phạt nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm làm ô nhiễm môi trường. - Tiến hành áp dụng công nghệ khoa học để giải quyết hiện trạng ô nhiễm nước thải ... hiện nay. <p>3. Kết bài Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: hiện tượng ô nhiễm môi trường; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân.</p>	2,5
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,5

	e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0,5
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng.	

ĐỀ 11: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

*Mũi Cà Mau: mằm đất tươi non
 Máy trăm đời lần luôn ra biển;
 Phù sa vạn dặm tới đây tuôn,
 Dừng lại; và chân người bước đến.
 Tổ quốc tôi như một con tàu,
 Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau.
 Những dòng sông rộng hơn ngàn thước.
 Trùng điệp một màu xanh lá đước.
 Đước thân cao vút, rễ ngang mình
 Trổ xuống nghìn tay, ôm đất nước!
 Tổ quốc tôi như một con tàu,
 Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau.*

(Mũi Cà Mau - Xuân Diệu, 10-1960)

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

- A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Sáu chữ **D. Bảy chữ**

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

- A. Tự sự B. Miêu tả **C. Biểu cảm** D. Nghị luận

Câu 3. Các từ: trăm, vạn, ngàn, nghìn là từ loại gì?

- A. Động từ B. Danh từ C. Lượng từ D. Số từ

Câu 4 (0,5 điểm). Việc sử dụng số từ góp phần tăng hiệu quả biểu đạt nội dung của văn bản như thế nào?

- A. Ca ngợi, tự hào về vùng đất Cà Mau tươi đẹp, trù phú, tràn trề nhựa sống.
 B. Thể hiện quá trình phát triển lâu dài và bền vững của đất nước.
 C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 5. Cà Mau thuộc vùng đất nào của đất nước ta.

- A. Vùng cực Nam** B. Vùng cực Bắc
 C. Vùng Đông bắc D. Vùng cực Đông

Câu 6. Câu thơ "Mũi Cà Mau: Mỏ đất tươi non" gợi cho em những hiểu biết gì về vùng đất này?

- A. Vùng đất cần cỗi thiếu sức sống.
B. Gợi một Cà Mau xinh đẹp, tiềm năng tràn trề nhựa sống qua một quá trình phát triển lâu dài và bền vững.
 C. Vùng đất với thiên nhiên hoang sơ, vắng lặng.
 D. Vùng đất với sông ngòi, kênh rạch chằng chịt

Câu 7. Biện pháp nghệ thuật tiêu biểu của bài thơ trên là

A. So sánh B. Nhân hoá **C. Điệp ngữ** D. Liệt kê

Câu 8. Nội dung chính của bài thơ trên là?

A. Tác giả thể hiện tình yêu, sự tin tưởng vào sự phát triển của đất nước.

B. Miêu tả mảnh đất Cà Mau với những rừng đước xanh mát, những dòng sông rộng lớn bao la.

C. Là mảnh đất tươi non, là vùng đất cực nam của tổ quốc.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 9. Văn bản trên gọi cho em cảm xúc gì đối với quê hương, Tổ quốc? (nêu cảm nhận ngắn gọn trong 4 - 6 dòng)

Câu 10. Thông điệp mà tác giả gửi đến qua bài thơ trên là gì?

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng nghiện internet.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5
	8	D	0,5
	9	- Qua văn bản trên đã cho ta thấy được Cà Mau trên dáng hình Việt Nam. Nó hiện lên với vẻ đẹp tươi mới. Từ đây cho thấy rằng đất nước ta vốn dĩ có những địa danh đẹp và nên thơ như vậy. Những địa danh, thắng cảnh ấy càng làm ta cảm thấy tự hào về nét đẹp của dải đất hình chữ S. Và hơn nữa là sự yêu quý dành cho những cảnh đẹp nói riêng và quê hương đất nước nói chung.	1,0
	10	Học sinh có thể trình bày: - Bài thơ thể hiện niềm tự hào dân tộc, sự sáng tạo độc đáo trong thơ dân tộc Việt Nam là một khối thống nhất, không thể tách rời, tình yêu quê hương đất nước, trách nhiệm của mỗi người với đất nước...	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp... thông qua các lí lẽ và dẫn chứng... Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.	0,25

	<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng nghiện internet.</p>	0,25
	<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>1. Mở bài Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Bên cạnh những mặt tốt mà Internet mang lại, việc lạm sử dụng nó sẽ dẫn đến hiện tượng nghiêm trọng đó là hiện tượng nghiện Internet trong giới trẻ hiện nay.</p> <p>2. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích: Internet là gì? là một loại phương tiện công nghệ của xã hội. Tại đó, con người có thể trao đổi thông tin, tìm kiếm thông tin, dùng nó cho nhiều mục đích khác nhau. - Thực trạng: – Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay. + Quên ăn, quên ngủ, xao nhãng trong mọi công việc + Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game. - Nguyên nhân: Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học ham chơi. - Hậu quả: <ul style="list-style-type: none"> + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau... + Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ... - Biện pháp: Cần định hướng đúng đắn cho giới trẻ về Internet để tận dụng lợi ích của nó mang lại. <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp... - Mở rộng, kết luận lại vấn đề. 	3 đ
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. 	0,25
	<p>e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 12: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

MÙA XUÂN CHÍN

*Trong làn nắng ửng: khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang.*

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi;*

Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vất vẻo lưng chừng núi,
Hồn hển như lời của nước mây,
Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng:
“Chị ấy, năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?”
(Hàn Mặc Tử)

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

- A. Thơ sáu chữ
- C. Thơ lục bát

- B. Thơ bảy chữ**
- D. Thơ tự do

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là?

- A. Biểu cảm**
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Thuyết minh

Câu 3. Thiên nhiên và con người trong bức tranh mùa xuân được thể hiện như thế nào trong bài?

- A. Mang vẻ đẹp cổ điển
- B. ảm đạm, cô đơn, đờm đờn buồn
- C. Tâm trạng buồn tủi
- D. Trẻ trung, hồn nhiên và tràn đầy sức sống**

Câu 4. Trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ được thể hiện bằng những từ ngữ nào sau đây?

- A. Làn nắng ửng, khói mơ tan
- B. Lấm tấm vàng, bóng xuân sang
- C. Sóng cỏ xanh tươi, mùa xuân chín
- D. Tất cả các đáp án trên**

Câu 5: Bài thơ Mùa xuân chín thuộc phong trào thơ nào?

- A. Thơ mới.**
- B. Thơ Cách mạng.
- C. Thơ lãng mạn.
- D. Thơ hiện thực.

Câu 6: Dòng nào sau đây được xem là nội dung đầy đủ của bài thơ Mùa xuân chín của Hàn Mặc Tử?

- A. Bài thơ là bức tranh thiên nhiên tươi đẹp lúc giao mùa.
- B. Bài thơ là bức tranh thiên nhiên và con người tươi đẹp.
- C. Bài thơ là bức tranh thiên nhiên, con người tươi đẹp và tình cảm yêu mến của nhà thơ.**
- D. Bài thơ thể hiện tình cảm yêu mến của nhà thơ trước thiên nhiên đất trời.

Câu 7: Nhan đề Mùa xuân chín được cấu tạo bởi những loại từ nào?

- A. Danh từ và động từ.**
- B. Danh từ và số từ.
- C. Số từ và tính từ.
- D. Động từ và lượng từ.

Câu 8. Con người trong bài thơ hiện diện qua những hình ảnh nào?

- A. Bao cô thôn nữ hát trên đồi/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.
- B. Tiếng ca vất vẻo lưng chừng núi.
- C. Khách xa, gặp lúc mùa xuân chín/ Chị ấy, năm nay còn gánh thóc.

D. Cả 3 đáp án trên.**Câu 9.** Lí giải tại sao tác giả lại đặt nhan đề “Mùa xuân chín”**Câu 10.** Con người trong bài thơ hiện diện qua những hình ảnh nào? Hình ảnh nào gắn với nhân vật trữ tình? Hình ảnh nào là đối tượng quan sát hay nằm trong tâm tưởng của nhân vật trữ tình?**Phần II. Viết (5,0 điểm)**

Viết bài văn phân tích bài thơ “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	- Học sinh nêu được các ý sau: - Tác giả đặt tên cho bài thơ là “Mùa xuân chín” với ý nghĩa: cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân trong bài thơ đang ở độ tươi đẹp nhất, viên mãn nhất. Nhưng trạng thái đó cũng đồng nghĩa với việc mùa xuân đang và sẽ trôi qua, cái đẹp không tồn tại vĩnh hằng, mãi mãi, để lại trong lòng nhà thơ sự nuối tiếc khôn nguôi.	1,0
	10	- Con người trong bài thơ hiện diện qua những hình ảnh: + <i>Bao cô thôn nữ hát trên đồi/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.</i> + <i>Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi.</i> + <i>Khách xa, gặp lúc mùa xuân chín/ Chị ấy, năm nay còn gánh thóc.</i> - Hình ảnh gắn với nhân vật trữ tình: Khách xa. Hình ảnh là đối tượng quan sát của nhân vật trữ tình: bao cô thôn nữ hát trên đồi, trong đám đó có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi. Hình ảnh nằm trong tâm tưởng của nhân vật trữ tình: Hình ảnh một cô gái gánh thóc bên bờ sông.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		b. Xác định đúng cấu trúc đề: Bài thơ Mùa xuân chín	0,25
		c. Có thể triển khai theo cách sau: 1. Mở bài - Giới thiệu về tác giả Hàn Mặc Tử.	

	<p>- Giới thiệu bài thơ "Mùa xuân chín" đây là một bài thơ tiêu biểu, góp phần làm nên tên tuổi của Hàn Mặc Tử.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>- Dấu hiệu báo xuân sang:</p> <p>+ Làn nắng ửng</p> <p>+ Khói mờ</p> <p>+ Mái nhà tranh bên giàn thiên lý</p> <p>=> Thanh tĩnh, bình dị, duyên dáng mà đậm thắm yêu thương</p> <p>- Cảnh vật thôn quê đậm hơi xuân:</p> <p>+ Làn mưa xuân tưới thêm sức sống</p> <p>+ Cỏ cây xanh tươi "gợn tới trời"</p> <p>+ Niềm vui của con người khi xuân đến</p> <p>- Niềm hạnh phúc của lứa đôi</p> <p>- Tiếng thơ ngân sao khiến lòng người băng khuâng, xao xuyến</p> <p>=> Xuân mang vị "chín" của lòng người, của đời người.</p> <p>+ Đánh giá về nội dung và nghệ thuật</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Khái quát lại những nét chính về nội dung và nghệ thuật.</p> <p>- Ngôn ngữ kết tinh với tấm lòng hồn hậu của thi nhân, Hàn Mặc Tử đã viết nên một "mùa xuân chín" vẹn tròn, đầy đặn, thiết tha.</p>	3 đ
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

3. THƠ ĐƯỜNG LUẬT

A. THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

“Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà
 Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
 Lom khom dưới núi, tiều vài chú
 Lác đác bên sông, chợ mấy nhà ...
 Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
 Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.
 Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
 Một mảnh tình riêng, ta với ta.”

(Qua Đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)

Câu 1: Qua Đèo Ngang là tác phẩm viết theo thể thơ gì?

A. Song thất lục bát

B. Lục bát

C. Ngũ ngôn

D. Thất ngôn bát cú Đường luật

Câu 2: Bài thơ “Qua Đèo Ngang” viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự.

B. Biểu cảm.

C. Miêu tả.

D. Nghị luận.

Câu 3: Trong bài thơ Qua Đèo ngang, cảnh vật được miêu tả vào thời điểm nào?

A. Vào lúc sáng sớm

B. Vào lúc buổi trưa vắng vẻ

C. Vào buổi chiều tà

D. Vào buổi tối

Câu 4: Hai câu thơ đầu bài thơ diễn tả không gian đèo Ngang như thế nào?

A. Hoang sơ, huyền ảo

B. Hùng vĩ, vắng lặng

C. Thơ mộng, yên bình

D. Hoang sơ, vắng lặng

Câu 5: Nghệ thuật nổi bật trong câu thứ ba và thứ tư là gì?

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Đảo ngữ

D. Điệp ngữ

Câu 6: Tâm trạng của bà Huyện Thanh Quan được bộc lộ qua bài thơ là tâm trạng gì?

A. Yêu say mê vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước

B. Đau xót, ngậm ngùi trước sự đổi thay của quê hương

C. Buồn đau da diết khi phải sống trong cảnh cô đơn

D. Cô đơn trước thực tại, da diết nhớ về quá khứ của đất nước

Câu 7: Những từ nào gọi lên cảm giác hoang vắng, quạnh hiu. của đèo Ngang?

A. Lác đác

B. Lom khom

C. Quốc quốc

D. Gia gia

Câu 8: Tâm trạng của tác giả như thế nào khi bước tới Đèo Ngang?

A. Nhớ nước thương nhà, mang nỗi buồn cô đơn thâm lặng.

B. Vui tươi trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ.

C. Thích thú khi được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên cũng như con người ở Đèo Ngang.

D. Một mỏi sau một chặng đường dài đến với Đèo Ngang.

Câu 9. Qua bài Qua Đèo Ngang, em có nhận xét gì về đặc điểm tài liệu của nhưng tây ngôn ngữ thơ Bà Huyện Thanh Quan?

Câu 10. Từ đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn từ 4-6 câu trình bày suy nghĩ của mình về vẻ đẹp thiên nhiên. Trong đoạn văn đó có sử dụng một cặp quan hệ từ.

II. VIẾT (4 điểm)

Viết một bài văn kể về chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hoá ở địa phương em.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5

	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>Câu 9. - Ngôn ngữ thơ:</p> <p>+ Bà Huyện Thanh Quan: Giàu tính ước lệ, nhiều điển tích, điển cổ.</p> <p>- Phong cách:</p> <p>+ Bà Huyện Thanh Quan: Trang nhã, đậm chất hoài cổ.</p> <p>- Phép đảo ngữ được vận dụng tài tình ở các câu thực, luận đã nhấn mạnh sự heo hút, thừa thót của cảnh vật và nỗi “nhớ nước”, “thương nhà” tha thiết của nhà thơ.</p>	0,25 0,75
	10	<p>Câu 10.</p> <p>- HS trình bày theo hình thức đoạn văn, cảm nhận về vẻ đẹp thiên nhiên gợi ra từ đoạn thơ</p> <p>a. Mở đoạn: 4 câu thơ đầu bài thơ Qua đèo ngang của Bà huyện thanh quan đã gợi cho chúng ta những cảm nhận về vẻ đẹp của thiên nhiên</p> <p>b. Thân đoạn: Triển khai cảm nhận</p> <p>+ Thiên nhiên trong bài thơ hiện lên lúc chiều tà tại liệu của nhưng tây với cảnh vật đơn sơ, bình dị</p> <p>+ Thiên nhiên trong bài thơ là không gian thiên nhiên quen thuộc với mỗi người</p> <p>+ Trước thiên nhiên hoang sơ giản dị ấy, chúng ta thấy:</p> <p>- Rung động trước cảnh đẹp của thiên nhiên</p> <p>- Sống gần gũi, hòa hợp với thiên nhiên</p> <p>+ Từ những rung cảm ấy, để mỗi chúng ta biết:</p> <p>- Yêu quý, giữ gìn bảo vệ thiên nhiên</p> <p>- Phê phán những hành động phá hoại thiên nhiên</p> <p>c. Kết đoạn:</p> <p>- Khẳng định lại vẻ đẹp của thiên nhiên và bày tỏ suy nghĩ cá nhân.</p>	0,5 0,5
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài, thân bài, kết bài	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> kể lại chuyến đi tham quan khu di tích lịch sử, văn hoá tại địa phương.	0,25
		<p><i>c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí</i></p> <p>HS triển khai bài văn theo bố cục mở bài, thân bài, kết bài. Bài viết cần có lối diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; ngôn ngữ phong phú, dễ hiểu; nói được cảm xúc và sự tự hào về lịch sử dân tộc và giữ gìn vẻ đẹp của dân tộc, quê hương nơi mình sinh sống. Dưới đây là một số gợi ý</p>	
		<p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu lí do, mục đích của chuyến tham quan, bày tỏ khái quát</p>	0,5

	cảm xúc ban đầu	
	2. Thân bài - Kể được diễn biến chuyến đi: cảnh vật trên đường đi, trình tự chuyến tham quan, những hoạt động chính trong chuyến đi... - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích: phong cảnh, công trình... 3. Kết bài: - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân: tự hào, yêu mến, biết ơn...	2,0
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo.	0,25

ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

“Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
 Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
 Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
 Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
 Cải chửa ra cây, cà mới nụ
 Bầu vừa rụng rốn mướp đương hoa
 Đầu trò tiếp khách trầu không có
 Bác đến chơi đây ta với ta!”

(Bạn đến chơi nhà - Nguyễn Khuyến)

Câu 1: Bạn đến chơi nhà thuộc thể thơ gì?

A. Thất ngôn bát cú

B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Lục bát

D. Song thất lục bát

Câu 2: Bài thơ “Qua Đèo Ngang” viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự.

B. Biểu cảm.

C. Miêu tả.

D. Nghị luận.

Câu 3: Biện pháp nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng trong bài thơ là?

A. Đảo ngữ, liệt kê

B. Nhân hóa, liệt kê

C. Đối lập, liệt kê

D. Nói quá

Câu 4: Trong các dòng sau, dòng nào là thành ngữ?

A. Ao sâu nước cả

B. Cải chửa ra cây

C. Bầu vừa rụng rốn

D. Đầu trò tiếp khách

Câu 5: Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ “cả” trong câu “Ao sâu nước cả khôn chài cá”

A. To

B. Lớn

C. Dồi dào

D. Tràn trề

Câu 6: Từ câu thơ thứ hai đến câu sáu, tác giả nói về sự thiếu thốn về vật chất nhằm mục đích gì?

A. Miêu tả cảnh nghèo của mình

B. Giải bày hoàn cảnh thực tế của mình

C. Không muốn tiếp đãi bạn

D. Diễn đạt một cách dí dỏm tình cảm chân thành, sâu sắc

Câu 7: Nhận định nào không đúng về bài thơ?

A. Bài thơ thể hiện tâm trạng mừng vui khi có bạn đến chơi nhà.

B. Thể hiện cuộc sống nghèo túng, khổ khó và nỗi hổ thẹn với bạn.

C. Sử dụng từ ngữ thuần Việt, giản dị, gần gũi cuộc sống thôn quê.

D. Thể hiện tình bạn đậm đà, thắm thiết.

Câu 8. Nhận xét về tình bạn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ *Bạn đến chơi nhà*?

A. Tình bạn chân thành, thắm thiết, trong sáng, không màng tới vật chất

B. Tình bạn nghèo nàn, thiếu thốn đủ đường

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B sai

Câu 9. Có người cho rằng, đọc bài thơ *“Bạn đến chơi nhà”*, ta vẫn cảm nhận được rất nhiều phong vị làng quê Bắc Bộ. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Trình bày ý kiến của mình thành một đoạn văn. Tài liệu của Nhung tây

Câu 10. Việc sử dụng đại từ nhân xưng của nhung tây xưng *“bác”* trong câu thơ *“Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,”* có tác dụng gì? Hãy cho biết ngôn ngữ trong bài thơ *“Bạn đến chơi nhà”* có gì đặc biệt so với các bài thơ khác?

II. VIẾT (4 điểm)

Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì mãi chơi mà xao nhãng việc học tập và còn vi phạm những sai lầm khác. Hãy viết bài văn nghị luận nêu ý kiến của em về hiện tượng đó.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	<p>Câu 9. Học sinh bày tỏ quan điểm và lí giải hợp lí + Đồng ý vì: - Điều thú vị của đoạn thơ này đó là tác giả nói không có cá, không có gà, không có rau dưa... Nhưng đoạn thơ vẫn gợi nên một bức tranh thôn quê dân dã, thân thuộc mà sinh động. Hình ảnh Nguyễn Khuyến trong bức tranh quê ấy thật hồn hậu, ông sống chan hoà với thiên nhiên vườn Bùi chốn cũ, ông hăng hái dẫn người bạn của mình đi thăm thú điền viên. Làng cảnh vùng chiêm trũng này cũng chính</p>	<p>0,25</p> <p>0,75</p>

		là nơi ông giữ trọn khí tiết thanh cao của mình. Do đó, bài thơ không chỉ gọi nên một bức tranh quê mộc mạc mà còn gọi cả tình quê âm áp, hồn hậu. Tài liệu của Nhung tây	
	10	Câu 10. Việc sử dụng đại từ nhân xưng “ <i>bác</i> ” có tác dụng: tỏ thái độ niềm nở, thân mật, kính trọng. Ngôn ngữ của bài thơ: dân dã, đời thường, tài liệu của nhung tây hình ảnh quen thuộc với cảnh sắc nông thôn và đời sống người nông dân: ao vườn, cải...	0,5 0,5
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài, thân bài, kết bài	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì mãi chơi mà xao nhãng việc học tập và còn vi phạm những sai lầm khác. Hãy viết bài văn nghị luận nêu ý kiến của em về hiện tượng đó. Tài liệu của Nhung tây	0,25
		<p>* Yêu cầu chung: Kiểu bài: Nghị luận - HS biết vận dụng các kĩ năng của bài nghị luận để làm bài Tập làm văn có bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài đầy đủ. - Biết kết hợp các yếu tố: biểu cảm, tự sự, miêu tả và vận dụng thực tế cuộc sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận...</p> <p>* Yêu cầu cụ thể: Bài viết đảm bảo các ý sau:</p>	
		<p>1. Mở bài: - Nêu vấn đề nghị luận.</p> <p>2. Thân bài: <i>a. Giải thích:</i> Trò chơi điện tử là gì? Hiểu một cách đơn giản, trò chơi điện tử là những trò chơi được chơi trên thiết bị điện tử như máy tính, điện thoại (thường được gọi là game). <i>b. Biểu hiện:</i> - Nhiều quán internet mọc lên. - Trò chơi này đã thu hút nhiều đối tượng, nhất là học sinh. - Học sinh có thể ngồi hàng ngày, hàng giờ trước màn hình vi tính, mê mẩn với những trò chơi như: liên minh huyền thoại, nông trại, thời trang, ... quên cả thời gian, quên ăn, quên học. <i>c. Nguyên nhân:</i> - Do ý thức bản thân, ham mê quá mức và chưa xác định được mục đích học tập. - Do cha mẹ quá nuông chiều con, buông lỏng hoặc quá tin tưởng vào con, không quan tâm đến con. - Thích chinh phục khám phá ... <i>d. Hậu quả:</i> - Ảnh hưởng tới sức khỏe như: cận thị, sức khỏe giảm nhanh.</p>	0,5 2,0 0,5

	<p>- Tồn tiền của gia đình một cách vô ích hay nảy sinh nhiều tật xấu (nói dối, trộm cắp, lừa lọc,).</p> <p>- Xao nhãng việc học, học tập sút kém.</p> <p><i>e. Biện pháp:</i></p> <p>- Xác định nhiệm vụ chính là học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách, không lãng phí thời gian vào trò chơi vô bổ đó.</p> <p>- Cần có sự quan tâm thường xuyên của gia đình, sự quản lý của nhà trường và xã hội. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Bản thân mỗi bạn trẻ cần ý thức rõ ràng những mặt lợi, mặt hại của trò chơi điện tử để tự điều chỉnh mình, tự rèn luyện ý thức tự giác.</p> <p>- Chỉ nên xem đây là thú tiêu khiển mang tính giải trí.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo.</p>	0,25

ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Phân phát mưa phùn xâm xẩm bay
Mặc manh áo ngắn giục trâu cày
Nàng dâu sớm đã gieo dưa đỏ
Bà lão chiều còn xới đậu đây
Mía cạnh giậu tre đang nảy ngọn
Khoai trong đám cỏ đã xanh cây
Điền viên nghĩ thật nguồn vui thú
Dẫu chẳng “hành môn” đôi cũng khuây.*

(Chiều xuân ở thôn Trùng Mai - Nguyễn Bảo)

Câu 1. Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Ngũ ngôn

C. Thất ngôn bát cú

D. Song thất lục bát

Câu 2. Hai câu thơ đầu của bài thơ gieo vần nào?

A. Vần chân, vần liền

B. Vần lưng, vần liền

C. Vần chân, vần cách

D. Vần lưng, vần cách

Câu 3. Bài thơ có thể chia bố cục theo thứ tự nào?

A. Luận, kết, đề, thực

B. Đề, thực, luận, kết

C. Đề, luận, kết, thực

D. Thực, luận, đề, kết

Câu 4. Câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào? “Phân phát mưa phùn xâm xẩm bay”

A. Nhân hoá

B. So sánh

C. Đảo ngữ

D. Điệp ngữ

Câu 5. Theo em, việc sử dụng các biện pháp tu từ trong câu thơ (trong câu hỏi 3) có tác dụng gì?

A. Gọi bức tranh mùa xuân thôn dã thật bình dị với mưa xuân hoà vào không khí thật nhẹ nhàng

B. Gọi trạng thái mưa đầu xuân.

C. Gọi bức tranh lao động đầu xuân.

D. Đầu xuân có mưa phùn khiến cây cối đâm chồi nảy lộc.

Câu 6. Em hiểu thế nào là “*thú điền viên*”?

A. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn của các nho gia.

B. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn, thường để chỉ những vị quan lui về ở ẩn.

C. Thú vui ở ẩn của các vị quan sau khi thôi chốn quan trường.

D. Thú vui ở ẩn của các vị vua sau khi nhường ngôi.

Câu 7. Theo em, đâu là nội dung chính của bài thơ?

A. Thể hiện tình yêu với những vần thơ giản dị, chân chất. _____

B. Thể hiện tình cảm dành dành cho cảnh quê.

C. Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống, con người của tác giả.

D. Thể hiện vẻ đẹp của bức tranh lao động bình dị trong một gia đình dân cày.

Câu 8. Tình cảm, cảm xúc tác giả gửi gắm trong bài thơ là gì?

A. Thương người dân cày vất vả, lam lũ.

B. Nhớ cảnh mưa phùn của quê hương tác giả.

C. Nhớ cảnh điền viên khi ở quê nhà.

D. Tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết với quê hương của tác giả.

Câu 9. Bức tranh quê hương được tác giả vẽ lên là bức tranh thôn dã bình dị và lồng trong đó là sự gắn kết giữa nhà thơ và người làm ruộng, là bức tranh lao động bình dị của một gia đình dân cày. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?

Câu 10. Từ văn bản trên hãy viết đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết). Tài liệu của Nhung tây

II. VIẾT (4 điểm)

Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5
	8	D	0,5
	9	- Học sinh đưa ra ý kiến và lí giải hợp lí vẫn cho điểm. + Đồng ý	0,25

		<p>- Gia đình nơi thôn quê ấy tuy vất vả với “<i>manh áo ngắn</i>”, “<i>giục trâu cày</i>” trong thời tiết “<i>phân phát mưa phùn</i>” nhưng người đọc thấy được sự gắn kết giữa những con người trong một gia đình dân cày.</p> <p>- Tác giả hòa cùng nhịp sống của người quê để cảm nhận sâu sắc hồn quê.</p> <p>Tài liệu của Nhung tây</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p>
	10	<p>Câu 10.</p> <p>- Đảm bảo bố cục đoạn văn độ dài khoảng 5 đến 7 câu.</p> <p>- Viết đoạn văn nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên.</p> <p>- Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết). Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Tài liệu của Nhung tây</p>	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>
II		VIẾT	4,0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i></p> <p>- Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.</p> <p>- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.</p> <p>- Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.</p>	0,25
		<p>HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu về chuyến đi của bản thân với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>- Giới thiệu chung về chuyến đi đó.</p> <p>- Kể lại chuyến đi của bản thân theo một trình tự hợp lí:</p> <p>+ Chuyến đi đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em?</p> <p>+ Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một chuyến đi khó quên?</p> <p>+ Em đã làm gì trong chuyến đi đó?</p> <p>+ Chuyến đi đó đã tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào?</p> <p>+ Em có những suy nghĩ gì sau chuyến đi đó xảy ra?</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên)</p>	
		<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25

		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25
--	--	---	------

ĐỀ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Chiều trời bàng lãng bóng hoàng hôn,
 Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.
 Góc mái, ngư ông về viễn phố,
 Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
 Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
 Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
 Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,
 Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?
 (Chiều hôm nhớ nhà Bà Huyện Thanh Quan)

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn

D. Lục bát

Câu 2: Bài thơ được gieo vần gì?

A. Vần lưng

B. Vần liền

C. Vần chân

D. Vần cách

Câu 3: Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là gì?

A. Vui mừng, phấn khởi

B. Buồn, ngậm ngùi

C. Xót xa, sầu tủi

D. Cả ba phương án trên

Câu 4: Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A. Nghị luận kết hợp biểu cảm

B. Biểu cảm kết hợp tự sự

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

Câu 5: Nội dung của bài thơ là gì?

A. Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

B. Tâm trạng hân hoan, vui sướng khi nhớ về quê nhà

C. Nhớ tiếc một thời vàng son của Thăng Long cũng là trở về cội nguồn của dân tộc, tự hào về sức sống và nền văn hiến Đại Việt

D. Hoài niệm về những tàn dư thừa trước

Câu 6: Nhận định nào sau đây đúng nhất về thơ của Bà Huyện Thanh Quan?

A. Trẻ trung, mạnh mẽ đầy hơi thở dân gian.

B. Trang nhã, đậm chất bác học và thấm đẫm niềm hoài cổ.

C. Ngôn ngữ bình dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày.

D. Trang nhã, đậm chất bác học.

Câu 7: Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ Chiều hôm nhớ nhà?

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình

B. Thủ pháp nghệ thuật phóng đại được sử dụng hiệu quả

C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm, giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc

Câu 8: Căn cứ vào nội dung bài thơ cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?

A. Lòng tự trọng

B. Yêu nhà, yêu quê hương

C. Sự hoài cổ

D. Cả ba ý trên

Câu 9: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các câu thơ sau: Gác mái, ngư ông về viễn phố, Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.

Câu 10: Từ nội dung của bài thơ, em hãy nêu rõ vai trò của quê hương đối với mỗi người. (Trả lời khoảng 5-7 dòng)

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Học sinh chỉ rõ và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ: Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế nhàn của ngư ông đang sống ở miền quê, đã thoát vòng danh lợi: Đảo vị ngữ "Gác mái" càng nhấn mạnh sự nghỉ ngơi thư thái của ngư ông. "Gõ sừng" cũng được đảo ra phía trước để nhấn mạnh cử động của mục tử (người chăn trâu) nhưng là cử động trở về, nghỉ ngơi. Tóm lại, hai câu thực đã thể hiện một cách tài hoa chủ đề "chiều hôm nhớ nhà" => tạo nên không khí tĩnh lặng, cảnh chiều thêm tĩnh mịch và ẩn chứa một nỗi niềm man mác, băng khuâng của lòng người.	0.5 0.5
	10	Câu 10. Quê hương chính là nơi chôn nhau cắt rốn của ta, là nơi nuôi ta lớn lên với biết bao kỉ niệm chẳng thể phai nhòa. - Quê hương dạy ta biết lớn khôn và trưởng thành. Quê hương cho ta những năm tháng tuổi thơ tuyệt vời mà suốt hành trình trưởng thành ta không bao giờ tìm lại được. - Quê hương ấy, những con người quen thuộc ấy sẽ theo dấu chân ta trên suốt quãng đời của mình ...	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo về hình thức: một bài văn phân tích một tác phẩm thơ, bố cục 3 phần: MB, TB, KB</i>	0,25

	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.	0,25
	<i>c. Hs có trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	3.0
	1. Mở bài: - Giới thiệu khái quát về Bà Huyện Thanh Quan (những nét chính về con người, cuộc đời, sự nghiệp sáng tác...) Giới thiệu khái quát về bài thơ Chiều hôm nhớ nhà (hoàn cảnh sáng tác hoặc tóm tắt nội dung) Ví dụ: thông qua tác phẩm Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan đã khẳng định tài hoa thơ phú của mình. Bài thơ chứa một niềm tâm sự hoài cổ, nuối tiếc thời xưa được thể hiện qua nghệ thuật miêu tả cảnh để bộc lộ tình của tác giả.	0.5
	2. Thân bài * Nội dung: - Ở bài thơ, ta bắt gặp một quang cảnh buồn, hoang vắng, cô tịch. Đó là cảnh buổi hoàng hôn tím sẫm, cái khoảng không gian và thời gian buồn, gợi nhớ nhất trong một ngày. - Xuất hiện hình ảnh con người nhưng chỉ thoáng bóng thôi, và quang cảnh chỉ có thế. Đó là những người dân lao động nghèo, vất vả làm ăn, sinh hoạt của họ thật tẻ nhạt, thiếu sinh động. - Bà luôn hoài cổ để chối bỏ thực tại và bày tỏ sự chán ghét thực tại. Đó là nỗi nhớ nước, nhớ nhà bà luôn giấu kín trong lòng. - Trước cảnh, bà bộc lộ được niềm tâm sự của mình, một tâm sự hoài cổ, đầy nuối tiếc, muốn níu giữ những kỉ niệm xa xưa.	1.5
	* Nghệ thuật - Bài thơ đã đạt đến sự chuẩn mực trong việc sử dụng thể thơ Đường luật. - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình được sử dụng tài năng và đem đến hiệu quả nghệ thuật to lớn.	0.5
	- Nghệ thuật đảo ngữ, chơi chữ cùng việc sử dụng các từ láy. 3. Kết bài: - Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Chiều hôm nhớ nhà và cảm nghĩ của em về bài thơ.	0.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...	0,25

ĐỀ 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Nhà nước ba năm mở một khoa,

Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
 Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,
 Âm oẹ quan trường miệng thét loa.
 Lọng cắm rợp trời, quan sứ đến,
 Váy lê quét đất, mụ đầm ra.
 Nhân tài đất Bắc nào ai đó?
 Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà!

(Trích Lễ xướng danh khoa đình Dậu - Trần Tế Xương)

Câu 1: Bài thơ Nôm - Đường luật “Vịnh khoa thi Hương” được viết bằng thể thơ nào sau đây?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
 B. Thất ngôn bát cú
 C. Thất ngôn trường thiên
 D. Ngũ ngôn bát cú.

Câu 2: Kỳ thi Hương - Khoa Đình Dậu (1897) được Trần Tế Xương viết trong bài “Vịnh khoa thi Hương” diễn ra ở đâu?

- A. Hà Nội
 B. Nam Kì
 C. Nam Định
 D. Hà Tây

Câu 3: Cảnh trường thi như thế nào qua hai câu thơ “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ; Âm oẹ quan trường miệng thét loa”?

- A. Thật bát nháo, kì quặc và ô hợp.
 B. Thật tung bừng sinh động.
 C. Thật căng thẳng và hồi hộp.
 D. Thật quy mô và nghiêm túc.

Câu 4: Thái độ và tâm trạng của tác giả thể hiện như thế nào trước cảnh trường thi trong bài “Vịnh khoa thi Hương”.

- A. Vui mừng và tự hào
 B. Chán ngán, xót xa, đau đớn.
 C. Tiếc nuối, băng khuâng
 D. Phẫn uất, ngậm ngùi

Câu 5: Giá trị châm biếm của bài thơ bộc lộ rõ nét nhất qua hai câu thơ nào?

- A. Nhà nước ba năm mở một khoa/ Trường Nam thi lẫn với trường Hà.
 B. Lôi thôi sĩ tử vai đeo Lọ/ Âm oẹ quan trường miệng thét loa.
 C. Lọng cắm rợp trời quan sứ đến/ Váy lê quét đất mụ đầm ra.
 D. Nhân tài đất Bắc nào ai đó/ Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.

Câu 6: Trần Tế Xương viết bài “Vịnh khoa thi Hương” với dụng ý gì?

- A. Tác giả vẽ nên một phần hiện thực nhốn nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu, đồng thời nói lên tâm sự của mình trước tình cảnh đất nước.
 B. Bài thơ ghi lại cảnh “nhập trường” vừa ghi lại cảnh lễ xướng danh qua đó nói lên tâm trạng đau đớn, chua xót của nhà thơ trước hiện thực mất nước, giao thời nhốn nháo, nhố nhăng.
 C. Ca ngợi những thí sinh thi đỗ ở kì thi năm Đình Dậu

D. Đáp án A và B

Câu 7: Giá trị tư tưởng thể hiện ở hai câu cuối “Nhân tài đất Bắc nào ai đó, Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà” trong bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” là gì?

- A. Tư tưởng yêu nước
 B. Tư tưởng thân dân
 C. Tư tưởng dân chủ
 D. Tư tưởng yếm thế

Câu 8: Trần Tế Xương viết bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” với dụng ý gì?

- A. Ca ngợi những thí sinh thi đỗ ở kỳ thi này khoa Đình Dậu (1897).
 B. Ca ngợi tính ưu việt trong cách chọn nhân tài của triều đình nhà Nguyễn.

C. Vẽ nên một bức tranh bát nháo, ô hợp của xã hội thực dân nửa phong kiến buổi đầu, đồng thời bộc lộ tâm trạng của mình trước hiện thực đảo điên.

D. Cảm thương cho buổi “chợ chiều” của nền Nho học Việt Nam

Câu 9. Nêu suy nghĩ của bản thân về lời nhắn gửi của Tế Xương trong 2 câu thơ cuối?

Câu 10. Trong bài thơ trên Nhân vật nào trong bài thơ để lại ấn tượng cho em nhiều nhất? Vì sao?

II. VIẾT (4 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận để nêu rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội mà chúng ta cần phải kiên quyết và nhanh chóng bài trừ như cờ bạc, ma túy, hoặc tiếp xúc với văn hóa phẩm không lành mạnh.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	A	0,5
	8	C	0,5
	9	Câu 9. (1 điểm) - Trước thực tại đất nước oái ăm nhục nhã, Tú Xương đã bật ra tiếng kêu than. Đất Bắc ở đây là chỉ Hà Nội – mảnh đất hội tụ nhân tài nước nhà. Câu thơ là tiếng kêu đầy đau đớn của Tú Xương với chính bản thân mình hay là một lời kêu gọi đến những ai còn nghĩ tới sự vinh nhục của đất nước. Âm điệu câu thơ thể hiện sự xót xa, xốn xang của nhà thơ. Nhân tài ở đây không ai khác chính là những người trí thức của thời đại.	0.5 0.5
	10	Câu 10. (1 điểm) Nhân vật em ấn tượng nhiều nhất là những người sĩ tử. Vì tác giả đã vẽ lên trước mắt người đọc hình ảnh người thí sinh lồi thoi với những chai lọ trên vai thật là xóc xếch trong khi đáng ra họ phải là những thư sinh nho nhã, thanh lịch.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:</i> Có đủ Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các luận điểm thể hiện rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội ; Kết bài khái quát được vấn đề nghị luận.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Tác hại của một trong những tệ	0,25

	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...	0,25

ĐỀ 6: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Công danh đã được hợp về nhàn,
Lành dữ âu chi thế ngợi khen.
Ao cạn vớt bèo cấy muống,
Trì thanh phát cỏ ương sen.
Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,
Thuyền chở yên hà nặng vạy then.
Bui có một lòng trung liễn hiếu,
Mài chắt khuyết, nhuộm chắt đen.
(Thuật hứng bài 24 - Nguyễn Trãi)*

Câu 1. Thể thơ của bài *Thuật hứng* được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt

D. Thơ 7 chữ

Câu 2. Phép đối được sử dụng trong những câu thơ nào?

A. Hai câu đề

B. Hai câu thực, hai câu luận

C. Hai câu kết

D. Hai câu luận và hai câu kết.

Câu 3. Câu thơ thứ nhất hiểu là:

A. Công thành, danh toại, hoàn cảnh hiện tại của Nguyễn Trãi thích hợp với việc về nhàn.

B. Với Nguyễn Trãi, công danh không còn nữa thì lựa chọn tốt nhất là lui về nhàn.

C. Nguyễn Trãi vẫn khao khát lập công danh nhưng thời thế thay đổi buộc phải về nhàn.

D. Công danh không thể vui bằng thú nhàn, Nguyễn Trãi chọn thú nhàn.

Câu 4. Suy nghĩ "Về nhàn rồi thì việc tốt xấu đến cũng không sợ người đời khen hay chê nữa" được thể hiện trong câu thơ nào?

A. *Công danh đã được hợp về nhàn,*

B. *Lành dữ âu chi thế ngợi khen.*

C. *Bui có một lòng trung liễn hiếu,*

D. *Mài chắt khuyết, nhuộm chắt đen.*

Câu 5. Nội dung biểu đạt của hai câu thực và hai câu luận:

A. Nói về cuộc sống lao động vất vả nhưng giàu có, đầy đủ vật chất của Nguyễn Trãi khi về nhàn.

B. Nói về những công việc lao động nhằm chán và ước mơ của Nguyễn Trãi về một cuộc sống phóng túng ngoài kia.

C. Nói về cuộc sống lao động bình dị và khẳng định cuộc sống tinh thần phong phú của Nguyễn Trãi khi về nhàn.

D. Nói về cuộc sống lao động thiếu thốn trong hiện tại đối lập với cảnh giàu sang, phú quý ngày còn làm quan. Tài liệu của Nhung tây

Câu 6. Đường như tác giả đã thu nhận tất cả vẻ đẹp thiên nhiên vào làm thành tài sản riêng của mình, đúng như mơ ước "Túi thơ chứa hết mọi giang san" -Nhận xét này phù hợp với nội dung những câu thơ nào?

A. Hai câu luận

B. Hai câu đề

B. Hai câu thực

D. Hai câu kết.

Câu 7. Nội dung biểu đạt của hai câu thơ cuối là:

A. Thể hiện lòng trung thành của Nguyễn Trãi đối với vua;

B. Thể hiện lòng hiếu thảo của Nguyễn Trãi với cha mẹ;

C. Thể hiện lòng trung với nước, hiếu với dân không một tác động khách quan nào có thể thay đổi.

D. Thể hiện tấm lòng phục tùng vua cha không điều kiện bất kể đúng sai của Nguyễn Trãi.

Câu 8. Em hãy khái quát ngắn gọn nội dung bài thơ trên.

A. Bài thơ thể hiện sự lựa chọn của Nguyễn Trãi về cuộc sống nhàn, vui thú với thiên nhiên, với công việc đồng ruộng...

B. Tận hưởng cuộc sống tự nhiên dân dã, rời xa chốn quan trường nhiều nhương, sát phạt...

C. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn thanh cao, bình dị của Nguyễn Trãi.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 9. Em hãy chỉ ra những yếu tố của văn học dân gian trong bài thơ trên.

Câu 10. Em hãy viết đoạn văn khoảng 8 - 10 dòng nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi thể hiện trong bài thơ trên.

II. VIẾT (4 điểm)

Một số bạn em đang đua đòi theo lối ăn mặc không lành mạnh. Em hãy viết một bài nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đúng đắn hơn.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. (1 điểm) Những yếu tố của văn học dân gian trong bài thơ trên: - Viết về thú sống nhàn, gần gũi với thú vui của người xưa trong ca	0.5

		<p>dao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm thế an nhàn, ung dung, tự tại của Nguyễn Trãi có nét tương đồng với tâm thế của người bình dân trong ca dao, dân ca. - Sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ dân gian tự nhiên, bình dị: Ao cạn, bèo, rau muống, trì thanh... Có thể nói, trong bài thơ, những khuôn thước cứng nhắc, những yếu tố tượng trưng, ước lệ của thơ trung đại đã được thay thế bằng những chất liệu gần gũi, ngôn ngữ dân tộc được sử dụng tinh tế, gợi cảm. 	0.5
	10	Câu 10. (1 điểm) (học sinh tự cảm nhận)	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Về Hình thức: - Có bố cục mạch lạc, lời văn trong sáng, diễn đạt mạch lạc, trình bày sạch đẹp không mắc lỗi diễn đạt, chính tả.	0,25
		b. Về nội dung: - Nắm được thể loại văn nghị luận chứng minh. - Nêu được những biểu hiện của lối ăn mặc không lành mạnh, đưa ra những lời khuyên về cách ăn mặc đúng đắn. HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau, song cần đảm bảo được các ý chính sau:	0,25
		1. Mở bài: - Dẫn dắt: hiện tượng chạy đua theo mốt của học sinh hiện nay. - Nêu vấn đề: Làm tương đó là hợp thời nhưng tốn tiền của, thời gian vô ích, làm phai nhạt truyền thống văn hóa dân tộc. Vậy chạy theo mốt đúng hay không?	0.5
		2. Thân bài: HS cần trình bày được các ý sau: Nếu bạn trút bỏ những chiếc áo sơ mi trắng, quần xanh/ đen để mặc vào mình những bộ quần áo không hợp với người Việt Nam. Hôm nay là một quần bò tua gấu, ngày mai là áo ngắn cũn cỡn, giày cao gót, áo chun...thì mọi người sẽ nghĩ gì về bạn... Có những bạn trước đây ăn mặc giản dị sau thời gian cách ăn mặc thay đổi, cho rằng cách ăn mặc mới này là” sành điệu”.... Dù vậy, vẫn còn có những bạn mặc bộ quần áo mà một số các bạn khác cho là lỗi thời, lạc hậu nhưng bạn đó vẫn được rất nhiều người tôn trọng quý mến vì bộ quần áo bạn mặc vẫn hợp tuổi trẻ, vẫn đẹp, vẫn hấp dẫn...Vì vậy ta có thể khẳng định rằng: đẹp không phải căn cứ vào mốt... Hiện nay, nước ta có nhiều khách du lịch đến, nếu họ thấy trên hè phố toàn những thanh niên, học sinh ...với những bộ quần áo “sành điệu” như vậy liệu họ sẽ nghĩ gì về cách ăn mặc của thanh niên Việt Nam. Tài liệu của Nhung tây	1.5
		3. Kết bài:	0.5

	- Khái quát lại nội dung vấn đề về cách ăn mặc không lành mạnh của một số bạn HS hiện nay. - Đưa ra những lời khuyên bổ ích và liên hệ bản thân....	0.5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...	0,25

ĐỀ 7: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên, hai nợ, âu đành phận,
Năm nắng, mười mưa, dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:
Có chồng hờ hững cũng như không!*

(Trích *Thương vợ* - Trần Tế Xương)

Câu 1: Bài thơ *Thương vợ* được làm theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
B. Ngũ ngôn tứ tuyệt
C. Thất ngôn bát cú
D. Thất ngôn

Câu 2: Tú Xương gửi gắm tâm sự gì qua hai câu luận "Một duyên hai nợ âu đành phận/ Năm nắng mười mưa dám quản công" trong bài *Thương vợ*?

- A. Sự trân trọng của ông đối với tấm lòng và đức độ của bà Tú.
B. Tình yêu chung thủy của ông đối với người vợ của mình.
C. Sự biết ơn của ông Tú đối với công lao của bà Tú.
D. Sự trân trọng của ông đối với tình yêu chung thủy của bà Tú.

Câu 3: Trần Tế Xương viết bài thơ "Thương vợ", vì mục đích gì?

- A. Chế giễu mình.
B. Tỏ sự đau khổ, bất lực trước đời sống khó khăn của gia đình.
C. Thể hiện sự yêu thương, quý trọng, cảm thông, chia sẻ của ông đối với vợ, đồng thời bộc lộ tâm sự của mình.

D. Nói lên sự vô tích sự của mình và đề cao người vợ "chịu thương chịu khó".

Câu 4: Dòng nào không phải là nét đặc sắc nghệ thuật của hai câu luận trong bài *Thương vợ* của Tú Xương?

- A. Sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm.
B. Vận dụng thành ngữ dân gian.
C. Dùng điển tích, điển cố.
D. Sử dụng phép đối.

Câu 5: Điểm khác biệt giữa Trần Tế Xương với các nhà thơ khác thời phong kiến là gì?

- A. Trần Tế Xương sáng tác chủ yếu là thơ Nôm, ngoài ra còn có văn tế, phú và câu đối.
B. Trần Tế Xương dành hẳn một đề tài về người vợ đang sống của mình, bao gồm thơ, văn tế, câu đối.

C. Trần Tế Xương sử dụng nhiều thể thơ khác nhau như thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, lục bát.

D. Trần Tế Xương sáng tác không chỉ để thể hiện tình cảm của mình với dân, với nước, với đời mà còn vì tấm lòng trân trọng với những giá trị của cuộc sống.

Câu 6: Trong câu thơ thứ hai trong bài Thương vợ của Tú Xương, tác giả đã tự họa mình là con người:

A. Hèn nhát và ích kỉ.

B. Chăm chỉ và chịu khó làm ăn.

C. Tầm thường và vô tích sự.

D. Biết chia sẻ và giúp đỡ vợ con.

Câu 7: Hai câu sau sử dụng những biện pháp tu từ nào?

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

A. Đảo ngữ, đối xứng, ẩn dụ.

B. Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ.

C. Nhân hóa, đảo ngữ, hoán dụ.

D. Đối xứng, nhân hóa, ẩn dụ.

Câu 8: Tình cảm thật của Tú Xương dành cho bà Tú gửi gắm đằng sau câu chữ của câu kết là:

A. Tình yêu tha thiết đối với vợ của nhà thơ.

B. Sự cảm phục đối với vợ của nhà thơ.

C. Tình thương sâu nặng đối với vợ của nhà thơ.

D. Sự kính trọng đối với vợ của nhà thơ.

Câu 9: Qua bài thơ “Thương vợ”, em có nhận xét gì về tâm sự và vẻ đẹp nhân cách của Tú Xương?

Câu 10. Hình ảnh “con cò” trong bài thơ “Thương vợ” có ý nghĩa gì?

II. VIẾT (4 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận để nêu rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội mà chúng ta cần phải kiên quyết và nhanh chóng bài trừ như cờ bạc, ma túy, hoặc tiếp xúc với văn hóa phẩm không lành mạnh.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	C	0,5

[illegible]

	<p>tệ nạn xã hội khác như trộm cắp, cướp giật, mại dâm ... làm cho an ninh xã hội bất ổn...(Lấy dẫn chứng)</p> <p>=> Cần phải nói không với tệ nạn xã hội, kiên quyết và nhanh chóng bài trừ tệ nạn trên ra khỏi cộng đồng vì một nếp sống văn minh, lành mạnh.</p> <p><i>d. Giải pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản thân mỗi người nhận thức được tác hại của tệ nạn xã hội, có cách phòng tránh và tuyên truyền cho mọi người về tác hại của nó. - Mỗi người nên có ý thức sống lành mạnh, trong sạch, luôn tỉnh táo, đủ bản lĩnh để chống lại mọi thử thách, cám dỗ của tệ nạn. - Nhà nước cần phải có hình thức xử phạt nghiêm minh đối với những hành vi vi phạm tệ nạn xã hội... <p>Liên hệ và rút ra bài học cho bản thân. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại tác hại của tệ nạn xã hội, bày tỏ thái độ kiên quyết bài trừ tệ nạn xã hội ra khỏi đời sống. 	0.5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát , dùng phương tiện liên kết câu ...</p>	0,25

ĐỀ 8: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
 Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
 Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
 Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
 Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
 Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
 Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
 Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

(Trích Thu điếu - Nguyễn Khuyến)

Câu 1: Bài thơ Thu điếu được làm theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
 B. Ngũ ngôn tứ tuyệt
 C. Thất ngôn bát cú
 D. Thất ngôn

Câu 2: Màu sắc chủ đạo trong bức tranh mùa thu của Nguyễn Khuyến là:

- A. Màu xanh ngắt
 B. Màu vàng úa
 C. Mùa trắng toát
 D. Mùa đỏ

Câu 3: Cái gì không được miêu tả trong sáu câu thơ đầu bài Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?

- A. Bầu trời.
 B. Tầng mây.
 C. Mặt nước ao.
 D. Âm thanh.

Câu 4: Thời đại Nguyễn Khuyến sống có đặc điểm:

- A. Khủng hoảng lớn về kinh tế.
- B. Khủng hoảng toàn diện về tư tưởng và văn hóa.**
- C. Văn học nghệ thuật hầu như không phát triển.
- D. Có nhiều thành tựu lớn về khoa học kỹ thuật.

Câu 5: Điểm nhìn trong bài “Thu điếu” rất đặc sắc, được thể hiện:

- A. Cảnh thu được đón nhận từ cao xa đến gần, rồi lại từ gần đến cao, xa.
- B. Cảnh thu được đón nhận không theo một trật tự nào.
- C. Cảnh thu được đón nhận từ gần đến cao, xa và rồi từ cao, xa trở lại gần.**
- D. Cảnh thu được ngắm theo trình tự thời gian.

Câu 6: Cảnh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài “Thu điếu” là vùng quê nào?

- A. Đồng bằng Trung Bộ
- B. Đồng bằng Bắc Bộ**
- C. Đồng bằng sông Cửu Long
- D. Đồng bằng duyên hải miền Trung.

Câu 7: Ý nào không có trong chủ đề của bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến?

- A. Những trăn trở của tác giả trong một lần đi câu cá.**
- B. Nỗi niềm u hoài của nhân vật trữ tình - tác giả.
- C. Tâm hồn thanh cao của tác giả.
- D. Vẻ đẹp u tĩnh của cảnh vật mùa thu.

Câu 8: Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ là

- A. Vẻ đẹp bình dị, quen thuộc của cảnh thu điển hình cho cảnh sắc mùa thu của thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ.
- B. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại
- C. Bài thơ cũng cho tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến: Ông bỏ lại lối sống mưu cầu danh lợi để trở về quê sống thanh nhàn, ẩn dật
- D. Tất cả đều đúng**

Câu 9. Qua bài thơ “Câu cá mùa thu”, em có cảm nhận như thế nào về tấm lòng của tác giả đối với thiên nhiên, đất nước?

Câu 10. Em có nhận xét gì về không gian trong bài thơ “Câu cá mùa thu”? Miêu tả không gian như vậy góp phần diễn tả tâm trạng như thế nào của tác giả?

II. VIẾT (4 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận để khuyên một số bạn trong lớp cần phải học tập chăm chỉ hơn.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5

	<p>+ Đối với xã hội: - Là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác như trộm cắp, cướp giật, mại dâm ... làm cho an ninh xã hội bất ổn...(Lấy dẫn chứng)</p> <p>=> Cần phải nói không với tệ nạn xã hội, kiên quyết và nhanh chóng bài trừ tệ nạn trên ra khỏi cộng đồng vì một nếp sống văn minh, lành mạnh.</p> <p><i>d. Giải pháp</i></p> <p>- Bản thân mỗi người nhận thức được tác hại của tệ nạn xã hội, có cách phòng tránh và tuyên truyền cho mọi người về tác hại của nó.</p> <p>- Mỗi người nên có ý thức sống lành mạnh, trong sạch, luôn tỉnh táo, đủ bản lĩnh để chống lại mọi thử thách, cám dỗ của tệ nạn.</p> <p>- Nhà nước cần phải có hình thức xử phạt nghiêm minh đối với những hành vi vi phạm tệ nạn xã hội...</p> <p>Liên hệ và rút ra bài học cho bản thân.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại tác hại của tệ nạn xã hội, bày tỏ thái độ kiên quyết bài trừ tệ nạn xã hội ra khỏi đời sống.</p>	0.5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...</p>	0,25

ĐỀ 9: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

*Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỗ bước,
Gian nan chi kể sự con con.*

(Trích *Đập đá ở Côn Lôn* - Phan Châu Trinh)

Câu 1: Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
C. Ngũ ngôn

- B. Thất ngôn bát cú**
D. Tự do

Câu 2: Trong 4 câu thơ đầu tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt nào?

- A. Biểu cảm và thuyết minh.

- B. Miêu tả và thuyết minh.

- C. Tự sự và miêu tả.**

- D. Tự sự và biểu cảm

Câu 3: Bốn câu thơ trên tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- A. Khoa trương, cường điệu hoá.**

- B. Hoán dụ và nhân hoá.

- C. So sánh và ẩn dụ.

- D. Nhân hoá và ẩn dụ.

Câu 4: Cảm xúc nổi bật trong bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” là gì?

- A. Tình yêu quê hương, đất nước và sự thông cảm với những người dân bị đô hộ.
- B. Lòng căm thù giặc sâu sắc của các chiến sĩ cách mạng.**
- C. Cảm xúc lãng mạn hào hùng của tác giả.
- D. Cảm xúc rung động trước cảnh đẹp của quê hương.

Câu 5: Hai câu mở đầu bài thơ Đập đá ở Côn Lôn nói về vấn đề gì?

*Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lùng lẫy làm cho lở núi non.*

- A. Trách nhiệm của kẻ làm trai.
- B. Lợi thế của kẻ làm trai.
- C. Tư thế của kẻ làm trai.**
- D. Nhiệm vụ của kẻ làm trai.

Câu 6: Nội dung **không đúng** với bài thơ mà tác giả đã đề cập đến?

A. thể hiện một hình tượng đẹp, một khí thế ngang tàng, vẻ đẹp凛冽 của nhà cách mạng Phan Chu Trinh.

B. Khắc họa những gian nan, cực nhọc vất vả mà những người chí sĩ cách mạng phải chịu đựng và hi sinh cho đất nước.

C. Tinh thần lạc quan, dù gặp phải tình cảnh gian nguy nhưng vẫn không hề sờn lòng đổi chí.

D. ý chí sắt đá của người chí sĩ, tin tưởng vào chính mình, vào con đường chính nghĩa đã lựa chọn.

Câu 7: Chủ đề của bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” nói lên điều gì?

- A. Đề cao công lao của các chiến sĩ cách mạng trong cuộc đấu tranh chống quân xâm lược.
- B. Dựng lại hình ảnh lao động khổ sai của các chiến sĩ cách mạng khi bị giặc bắt.
- C. Miêu tả lại cảnh đập đá ở Côn Lôn.
- D. Thể hiện ý chí kiên cường bất khuất, khí phách hiên ngang, lòng trung thành sắt son của người chiến sĩ cách mạng.**

Câu 8: Hình ảnh tác giả hiện lên trong bài thơ "Đập đá ở Côn Lôn" là

A. Phong thái ung dung và đường hoàng, khí phách kiên cường, bất khuất vượt lên trên hoàn cảnh tù ngục khốc liệt

B. Hình tượng đẹp凛冽, ngang tàng của người anh hùng cứu nước dù gặp nguy nan nhưng vẫn không sờn lòng đổi chí.

C. Người chiến sĩ sục sôi nhiệt huyết cách mạng cùng khát khao được "phá cũi xổ lồng"

D. Tư thế ung dung tự tại, vượt lên hoàn cảnh, hướng lòng mình tới thiên nhiên với tình cảm thiết tha, sâu sắc.

Câu 9. Nội dung chính của bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” thể hiện là gì?

Câu 10. hân tích giọng điệu, hình ảnh trong bốn câu đầu bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn” để thấy được tâm tư, khí phách của tác giả.

II. VIẾT (4 điểm)

Hiện nay một số bạn trong lớp còn lơ là trong học tập, em hãy viết một bài văn để khuyên các bạn ấy học tập chăm chỉ hơn.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

	u		
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. “Đập đá ở Côn Lôn” của Phan Châu Trinh kể về việc đập đá- công việc khổ sai người tù phải làm- làm nổi bật lên tinh thần quật cường, ngang tàng của chí sĩ lúc buổi lâm nguy. Đây là nơi thực dân Pháp dùng để đầy đọa, giam hãm những người yêu nước của ta.	0.5 0.5
	10	Câu 10. - Khẩu khí: ngang tàng, mạnh mẽ, sáng khoái, hình tượng nhân vật hiện lên thật oai phong,凛冽 như một nhân vật thần thoại. - Nghệ thuật: Tác giả chọn bút pháp khoa trương và giọng điệu pha chút tự hào khiến cho nhà nho, người tù Phan Châu Trinh chân yếu tay mềm “bach diện thư sinh” ấy thoát biến thành một dũng sĩ với vóc dáng khổng lồ và sức mạnh phi thường. - Nhịp thơ mạnh, dồn dập, gấp gáp... tạo nên không khí sôi động, dữ dội của trận giao tranh ác liệt. Mỗi nhịp thơ như ứng với một nhịp búa vung lên, giáng xuống. - Qua những câu thơ trên, dũng sĩ đập đá mà như muốn san bằng bất công, tàn ác vĩ đại ngấm ở đời. Tài liệu của Nhung tây	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Hiện nay một số bạn trong lớp còn lơ là trong học tập, em hãy viết một bài văn để khuyên các bạn ấy học tập chăm chỉ hơn.</i>	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:</i> Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được các ý cơ bản sau:	3.0
		<i>c. Học sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau. Dưới đây là một số định hướng:</i> 1. Mở bài: - Giới thiệu sơ lược tầm quan trọng của việc học tập.	0.5

	<p>- Phản ánh sơ lược thực tại hiện tượng lơ là trong học tập của một số bạn trong lớp.</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>- Tình hình học tập chung của cả lớp:</p> <p>+ Nhiều bạn chăm chỉ học tập, làm vui lòng thầy cô, cha mẹ. Xứng đáng cho mọi người noi theo.</p> <p>+ Một số bạn trong lớp còn chểnh mảng, lơ là trong học tập: không chịu học bài, làm bài, bỏ học tự do. Làm thầy cô, cha mẹ buồn phiền, lo lắng.</p> <p>- Những lời khuyên bảo:</p> <p>+ Các bạn ham vui chơi, không chịu học hành thì sau này khó có niềm vui trong cuộc sống.</p> <p>+ Cuộc sống sau này cần phải có tri thức, muốn có tri thức thì ngay bây giờ cần phải chăm chỉ học tập.</p> <p>+ Có kiến thức bạn sẽ làm chủ bản thân.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định vai trò to lớn của việc học tập đối với mỗi người đặc biệt là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường.</p>	<p>1.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...</p>	0,25

ĐỀ 10: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,
Chạy mỗi chân thì hăng ở tù.
Đã khách không nhà trong bốn bể,
Lại người có tội giữa năm châu.
Dang tay ôm chặt bồ kinh tế,
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.
Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.
(Trích Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông - Phan Châu Trinh)

Câu 1: Bài thơ Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác được viết theo thể loại nào?

A. Tự do.

B. Thất ngôn bát cú.

C. Thất ngôn tứ tuyệt.

D. Ngũ ngôn.

Câu 2: Bài thơ được sáng tác bằng

A. Chữ Hán

B. Chữ Nôm

C. Chữ quốc ngữ

D. Cả chữ Hán và chữ nôm

Câu 3: Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Khi Phan Bội Châu đang hoạt động cách mạng tại Việt Nam.

B. Khi Phan Bội Châu đang bị giam cầm tại nhà tù Việt Nam

C. Khi Phan Bội Châu bị bọn quân phiệt tỉnh Quảng Đông bắt giam.

D. Khi đang lưu lạc tại Nhật Bản

Câu 4: Nội dung của hai câu thơ "Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu - Chạy mỗi chân thì hãy ở tù" trong bài thơ là

A. Biểu hiện niềm tự hào cao độ về tài năng của tác giả.

B. Biểu hiện thái độ hài hước của tác giả trước hoàn cảnh thay đổi.

C. Nói về cuộc đời bôn ba đầy gian khổ của tác giả.

D. Biểu hiện thái độ coi thường hiểm nguy, tinh thần không hề nao núng của tác giả.

Câu 5: Ba chữ "bồ kinh tế" trong câu thơ Bữa tay ôm chặt bồ kinh tế của bài thơ Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác có ý nghĩa gì?

A. Là nói lên ước mơ giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc ra khỏi cuộc đời nô lệ.

B. Lấy từ chữ "kinh bang tế thế" có nghĩa là trị nước cứu đời, một hoài bão lớn lao của những anh hùng hào kiệt.

C. Là dụng cụ đựng thóc gạo thời xưa.

D. Là ám chỉ sự nghiệp cách mạng lâu dài và vĩ đại.

Câu 6: Bài thơ *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* viết về đối tượng nào?

A. Người phụ nữ

B. Người nông dân

C. Người tù Cách mạng

D. Người tri thức

Câu 7: Đây là nghệ thuật nổi bật của bài thơ?

A. Giọng thơ hào hứng, lời cuốn

B. Thể thơ tự do, đặc sắc

C. Các hình ảnh ước lệ cổ điển

D. Tất cả các phương án trên

Câu 8. *Thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp,*

Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.

Dòng nào nói đúng nhất tư tưởng của Phan Bội Châu trong hai câu thơ kết bài?

A. Khẳng định tư thế hiên ngang của tác giả: coi thường cái chết

B. Khẳng định ý chí sắt thép, kiên trì cách mạng

C. Khẳng định sự tin tưởng vào tương lai, sự nghiệp

D. Kết hợp cả 3 nội dung trên

Câu 9. Qua bài thơ em cảm nhận được gì về người anh hùng yêu nước Phan Bội Châu?

Câu 10. Cảm nhận về hai câu thơ cuối: Hai câu thơ cuối khẳng định rõ khí phách, ý chí bền bỉ của bậc hào kiệt.

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ “Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông” của Phan Châu Trinh.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5

	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Cả bài thơ toát lên một tinh thần bất khuất, một tư thế vững vàng của bậc trượng phu trong cơn sóng gió. Truyền thống yêu nước, chí khí anh dũng của dân tộc đang tiếp tục mạch chảy bất tận trong tâm huyết chí sĩ Phan Bội Châu. Hình ảnh người anh hùng đã tạc vào lịch sử như một minh chứng cho tinh thần yêu nước, xả thân vì lý tưởng chính nghĩa.	0.5 0.5
	10	Câu 10. - Từ “còn” thể hiện niềm tin sắt đá rằng con đường cách mạng vẫn tiếp tục. - “bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu”: lòng dũng cảm, tinh thần lạc quan của người anh hùng.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích bài thơ Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được các ý cơ bản sau:	3.0
		1. Mở bài - Giới thiệu khái quát về nhà thơ Phan Bội Châu - Giới thiệu khái quát về bài thơ Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác - Nêu lên vấn đề nghị luận: Hình ảnh nhà cách mạng yêu nước qua bài thơ Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác.	0.5
		2. Thân bài a. Hai câu đề: Phong thái ung dung, lạc quan của nhà cách mạng yêu nước - Câu 1: + Điệp ngữ "vẫn" lặp lại hai lần + Từ ngữ Hán Việt "hào kiệt", "phong lưu" → Nêu lên hoàn cảnh của người cách mạng và hơn thế nó như một lời khẳng định phong cách sống ung dung, đàng hoàng, đỉnh đạc của người cách mạng đầu trong bất cứ hoàn cảnh nào. - Câu 2: "Chạy mỏi chân thì hãy ở tù" là một cách nói khỏe khoắn, toát lên tinh thần lạc quan của nhà cách mạng	1.5

	<p>b. Hai câu thực: Tâm thế vững vàng, thoải mái, hiên ngang của nhà cách mạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thành công thủ pháp đối lập thường thấy đã làm nổi bật hình ảnh người cách mạng với phong thái ung dung. - "khách không nhà": cho chúng ta thấy hoàn cảnh khó khăn, vất vả trên con đường hoạt động cách mạng, nhưng hơn hết là tâm thế tự do, là tinh thần ung dung ngay trong chính hoàn cảnh khó khăn, nguy hiểm thiếu thốn. - Sử dụng từ "lại" như một lời nhấn mạnh, tác giả đã thể hiện rõ thái độ mỉa mai của mình trước hành động khủng bố những người yêu nước, những nhà cách mạng của thực dân Pháp. <p>c. Hai câu luận: Khẩu khí và sức mạnh tinh thần của người cách mạng yêu nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu thơ "Bữa tay ôm chặt bồ kinh tế" như một lời khẳng định đầy danh thếp về hoài bão kinh bang tế thế - Cách nói phóng đại "cười tan cuộc oán thù" dường như đã khẳng định sức mạnh, niềm tin của những cách mạng họ có thể chiến thắng, có thể đánh tan mọi âm mưu xâm lược của kẻ thù. <p>d. Hai câu kết: Lời khẳng định tư thế hiên ngang và ý chí kiên cường của người cách mạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp điệp ngữ - Hai câu thơ cho chúng ta thấy rõ những phẩm chất tốt đẹp của những con người cách mạng - sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn, nguy hiểm, thiếu thốn và gian khổ để hoàn thành sự nghiệp, sứ mệnh của mình. <p>3. Kết bài</p> <p>Khái quát lại hình ảnh nhà cách mạng yêu nước trong bài thơ và cảm nghĩ của bản thân.</p> <p>Tài liệu của Nhung tây</p>	0.5
	<p>c. Hai câu luận: Khẩu khí và sức mạnh tinh thần của người cách mạng yêu nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu thơ "Bữa tay ôm chặt bồ kinh tế" như một lời khẳng định đầy danh thếp về hoài bão kinh bang tế thế - Cách nói phóng đại "cười tan cuộc oán thù" dường như đã khẳng định sức mạnh, niềm tin của những cách mạng họ có thể chiến thắng, có thể đánh tan mọi âm mưu xâm lược của kẻ thù. <p>d. Hai câu kết: Lời khẳng định tư thế hiên ngang và ý chí kiên cường của người cách mạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp điệp ngữ - Hai câu thơ cho chúng ta thấy rõ những phẩm chất tốt đẹp của những con người cách mạng - sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn, nguy hiểm, thiếu thốn và gian khổ để hoàn thành sự nghiệp, sứ mệnh của mình. <p>3. Kết bài</p> <p>Khái quát lại hình ảnh nhà cách mạng yêu nước trong bài thơ và cảm nghĩ của bản thân.</p> <p>Tài liệu của Nhung tây</p>	0.5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...</i></p>	0,25

ĐỀ 11: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng,
 Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.
 Năm thì mười họa chẳng hay chớ
 Một tháng đôi lần có cũng không.
 Có đám ăn xôi, xôi lại hãm,
 Cầm bằng làm mướn, mướn không công.
 Thân này ví biết đường này nhỉ

Thà trước thôi đành ở vậy xong.

(Làm lẽ - hồ Xuân Hương)

Câu 1. Thể thơ của bài *Thuật hứng* được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn bát cú Đường luật
- B. Thất ngôn tứ tuyệt
- C. Ngũ ngôn tứ tuyệt
- D. Thơ 7 chữ

Câu 2. Phép đối được sử dụng trong những câu thơ nào?

- A. Hai câu đề
- B. Hai câu thực, hai câu luận
- C. Hai câu kết
- D. Hai câu luận và hai câu kết.

Câu 3. Đây là thành ngữ dân gian trong bài thơ trên:

- A. Năm thì mười họa, một tháng đôi lần
- B. Năm thì mười họa, cổ đấm ăn xôi
- C. Một tháng đôi lần, cổ đấm ăn xôi
- D. Kẽ đắp chặn bông, cầm bằng làm mướn.

Câu 4. Câu thơ viết về sự bất công trong hôn nhân đa thê:

- A. *Kẽ đắp chặn bông, kẻ lạnh lùng*
- B. *Chém cha cái kiếp lấy chồng chung*
- C. *Cổ đấm ăn xôi, xôi lại hẩm*
- D. *Cầm bằng làm mướn, mướn không công.*

Câu 5. Hai câu thơ *Năm thì mười họa chẳng hay chớ - Một tháng đôi lần có cũng không* diễn tả điều gì?

- A. Diễn tả gợi chuyện buồn the, chán gối, hạnh phúc lứa đôi vợ chồng.
- B. Diễn tả tâm trạng buồn tủi của người vợ lẽ khi bị vợ cả thị uy.
- C. **Diễn tả sự thừa thớt, họa hoằn của hành vi ái ân giữa chồng với vợ lẽ.**
- D. Diễn tả thái độ phản kháng mạnh mẽ vượt lên trên nghịch cảnh của Hồ Xuân Hương.

Câu 6. Dòng nào không liên quan đến nội dung biểu đạt của 2 câu thơ: *Cổ đấm ăn xôi, xôi lại hẩm - Cầm bằng làm mướn, mướn không công*:

- A. Vì khát vọng một chút hạnh phúc lứa đôi nhỏ nhoi mà người đàn bà phải hạ mình "cổ đấm ăn xôi", chấp nhận mang thân đi làm lẽ.
- B. Khi chấp nhận cảnh làm lẽ rồi, người vợ lẽ mới nhận ra bản chất xấu xa của chế độ đa thê.
- C. Hai câu thơ diễn tả tâm trạng tủi nhục, uất hận của kiếp làm lẽ.
- D. **Hai câu thơ diễn tả sức sống mãnh liệt của Hồ Xuân Hương dù phải sống trong cảnh làm lẽ tủi cực.**

Câu 7. Bài thơ khiến ta liên tưởng đến cảnh ngộ của Hồ Xuân Hương trong câu thơ nào sau đây:

- A. *Thân em vừa trắng lại vừa tròn - Bảy nổi ba chìm với nước non*
- B. *Có phải duyên nhau thì thăm lại - Đùng xanh như lá, bạc như vôi*
- C. *Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn - Trơ cái hồng nhan với nước non*
- D. ***Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại - Mảnh tình san sẻ tí con con.***

Câu 8.

Câu 9. Cảm nhận về tâm trạng, thái độ của chủ thể trữ tình thể hiện trong bài thơ.

Câu 10. Nêu những phương diện thể hiện tư tưởng nhân đạo của bài thơ.

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích vẻ đẹp nghệ thuật và nội dung trong bài thơ sau:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*
(Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8		0,5
	9	<p>Câu 9. Cảm nhận về tâm trạng, thái độ của chủ thể trữ tình thể hiện trong bài thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng: Hồ Xuân Hương khi phải sống trong cảnh làm lẽ nhiều bất công đã cảm thấy vô cùng hụt hẫng, chua xót, bẽ bàng, thậm chí, đến cuối bài thơ, bà còn cảm thấy hối hận vì đã quyết định mang thân đi làm vợ lẽ. - Thái độ: Bài thơ thể hiện thái độ phản kháng mãnh liệt của Hồ Xuân Hương đối với chế độ đa thê. Thái độ ấy được thể hiện ngay trong cách nói dữ dội: Chém cha cái kiếp lấy chồng chung... 	<p>0.5</p> <p>0.5</p>
	10	<p>Câu 10. Những biểu hiện của tư tưởng nhân đạo trong bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ thể hiện niềm tự thương cho chính mình của Hồ Xuân Hương, cũng là tiếng nói cảm thương cho những người phụ nữ phải chịu cảnh lấy chồng chung. Vì được trải nghiệm qua hai lần làm lẽ, nên nữ sĩ thấu hiểu hơn ai hết cảnh ngộ thiệt thòi, tủi hổ của kẻ phải làm vợ lẽ. - Từ đó, bà cất lên tiếng nói tố cáo chế độ đa thê đã khiến người phụ nữ không có được hạnh phúc trọn vẹn. - Bài thơ còn là tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc trọn vẹn cho những người phụ nữ bất hạnh trong xã hội bất công xưa. 	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25

	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích bài thơ Cảnh khuya</i>	0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được các ý cơ bản sau:</i>	3.0
	1. Mở bài: - Giới thiệu về bài thơ <i>Cảnh khuya</i> của Hồ Chí Minh. 2. Thân bài: - Khái quát chung: + Nêu hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, khái quát nội dung của bài thơ - Vẻ đẹp thiên nhiên trong hai câu đầu: + Tiếng suối thì thầm, róc rách, vang vọng như tiếng hát, tiếng ca ngọt ngào. Tiếng suối được so sánh với “tiếng hát xa”: tiếng suối trở nên có âm điệu hơn và tình cảm hơn. + Trăng mang ánh sáng chở che, toả rạng nơi rừng núi chiến khu. + Ánh trăng bao trùm lấy cảnh vật, bao trùm những bóng cổ thụ già, bóng cây lại bao bọc lấy những lùm hoa. - Thiên nhiên thơ mộng, hữu tình, đẹp để gợi cảm, có âm thanh, có hình sắc. - Vẻ đẹp tâm hồn người cách mạng: + Bác không ngủ: Bối thiên nhiên quá đẹp. Bối lòng vẫn đang nặng trĩu nỗi lo toan cho dân tộc. - Một trái tim chưa giây phút nào thôi lo cho Tổ quốc, cho dân tộc -- Tình yêu nước tha thiết, mãnh liệt. - Đánh giá: + Nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt; Ngôn ngữ giản dị, trong sáng; Hình ảnh mang tính biểu tượng cao, sử dụng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ... Tài liệu của Nhung tây + Nội dung: Bài thơ đã miêu tả cảnh ánh trăng ở chiến khu Việt Bắc cũng như thể hiện tình yêu thiên nhiên, lòng yêu nước ta thiết, mãnh liệt của nhà thơ. 3. Kết bài: - Tổng hợp nghệ thuật, nội dung bài thơ - Liên hệ bản thân	0.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	1.5
	<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...</i>	0.5
		0,25
		0,25

ĐỀ 12: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Vũ trụ nội mạc phi phận sự,
 Ông Hi Văn tài bộ đã vào lòng.
 Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông,
 Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng.
 Lúc bình Tây, cờ đại tướng,
 Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.
 Đô môn giải tổ chi niên,
 Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưỡng.
 Kìa núi nọ phau phau mây trắng,
 Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
 Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì,
 Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng.
 Được mắt dương dương người tái thượng,
 Khen chê phơi phới ngọn đông phong.
 Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,
 Không Phật, không tiên, không vương tục.
 Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú,
 Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung.
 Trong triều ai ngất ngưỡng như ông!

(Trích Bài ca ngất ngưỡng - Nguyễn Công Trứ)

Câu 1: Nguyễn Công Trứ viết “Bài ca ngất ngưỡng” vào năm 1848, đó là lúc, ông:

- A. Thi đậu giải nguyên
 B. Đang làm Phủ doãn Thừa Thiên
 C. Cáo quan về hưu
 D. Bị giáng làm lính thú ở biên thuý

Câu 2: Từ “ngất ngưỡng” trong câu “Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng” thể hiện phẩm chất gì của tác giả Nguyễn Công Trứ lúc đang ở triều?

- A. Tự ti
 B. Tự kiêu
 C. Tự hào
 D. Tự tin

Câu 3: Từ “ngất ngưỡng” trong câu “Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưỡng” thể hiện điều gì của Nguyễn Công Trứ lúc “đô môn giải tổ”?

- A. Sự hóm hỉnh
 B. Sự khẳng định cá tính mãnh liệt
 C. Sự chán nản, bất cần.
 D. Sự trêu ghẹo thể thái nhân tình.

Câu 4: Câu nào thể hiện hàm ý “làm quan là một sự mất tự do và gò bó” của Nguyễn Công Trứ?

- A. Vũ trụ nội mạc phi phận sự
 B. Đô môn giải tổ chi niên
 C. Khen chê phơi phới ngọn đông phong
 D. Ông Hi Văn tài bộ đã vào lòng

Câu 5: Ông Hi Văn ở câu “Ông Hi Văn tài bộ đã vào lòng” trong “Bài ca ngất ngưỡng” là biệt hiệu của ai?

- A. Nguyễn Công Trứ
 B. Nguyễn Khuyến
 C. Cao Bá Quát
 D. Nguyễn Đình Chiểu

Câu 6: Ý nghĩa của câu “Vũ trụ nội mạc phi phận sự” trong “Bài ca ngất ngưỡng”?

- A. Sự kiêu hãnh của một đấng nam nhi sống trong trời đất.
 B. Thái độ bàng quan, vô trách nhiệm với đất nước.
 C. Tuyên ngôn trách nhiệm cao đẹp của Nguyễn Công Trứ đối với đất nước.
 D. Tuyên bố xa lánh vòng danh lợi.

Câu 7: Câu nào sau đây bộc lộ tài năng quân sự của nguyên Công Trứ?

A. Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông

B. Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng

C. Lúc bình Tây, cờ đại tướng

D. Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên

Câu 8: Dòng nào nói đúng quan niệm của nhà nho ngày xưa?

A. Xem trọng "đức" hơn "tài".

B. Chỉ xem trọng "tài", phủ nhận

"đức".

C. Chỉ xem trọng "đức", phủ nhận "tài".

D. Xem "tài" "đức" như nhau.

Câu 9. Dựa vào bài “Bài ca ngất ngưỡng”, theo em vì sao Nguyễn Công Trứ biết làm quan là gò bó, mất tự do nhưng vẫn làm?

Câu 10. Nêu cảm nhận của em về cái Ngông của Nguyễn Công Trứ thông qua “Bài ca ngất ngưỡng”

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu” của nhà thơ Trần Tế Xương.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu 9. Nguyễn Công Trứ biết làm quan và mất tự do. Ông coi chốn quan trường là cái lồng giam hãm con người (Ông Hi Văn tài bộ đã vào lồng). Thế nhưng ông vẫn ra làm quan vì ông quan niệm đó là nơi để thể hiện tài năng và nhiệt huyết cho xã hội, cho triều đình, cho đạo vua tôi nên ông có quyền ngất ngưỡng nhất trong triều. Vì ông coi việc làm quan là một điều kiện, một phương tiện để thể hiện hoài bão vì dân vì nước và tài năng của mình. điều quan trọng là trong một môi trường có nhiều trói buộc, ông vẫn thực hiện được lí tưởng xã hội của mình và vẫn giữ được bản lĩnh, cá tính.	0.5 0.5
	10	Câu 10. Cái Ngông của Nguyễn Công Trứ là cái tôi hơn đời, dám khẳng định tài năng và nhân cách của bản thân, đó còn là cái tôi cống hiến hết sức mình cho đất nước và cho cuộc đời.	1,0

II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích bài thơ “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu” của nhà thơ Trần Tế Xương.</i>	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được các ý cơ bản sau:</i>	3.0
		<p>- Nêu được vấn đề cần nghị luận về tác phẩm văn học:</p> <p>1. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Nêu khái quát nội dung bài thơ</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ</p> <p>- Phân tích làm rõ các luận điểm:</p> <p>a. Cuộc thi năm Đinh Dậu:</p> <p>Hai câu đề mang tính chất tự sự, kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu:</p> <p><i>Nhà nước ba năm mở một khoa,</i> <i>Trường Nam thi lẫn với trường Hà.</i></p> <p>Bề ngoài có vẻ thật bình thường, kì thi mở theo đúng thông lệ đã có từ trước (ba năm mở một khoa). Tuy nhiên, tính chất không bình thường bộc lộ rõ ngay từ cách thức tổ chức: Trường Nam thi lẫn với trường Hà. Trước đây, trường Nam (Nam Định) và trường Hà (Hà Nội) đều thi riêng. Đến khoa Đinh Dậu, trường Nam, trường Hà thi chung. Từ “<i>lẫn</i>” – lẫn lộn từng pheo - đã báo trước sự ô hợp, láo nháo trong thi cử.</p> <p>b. Bọn sĩ tử, quan trường không còn nho phong, sĩ khí:</p> <p>Hai câu thực và hai câu luận gợi tả cụ thể hơn những nét đặc biệt của khoa thi Đinh Dậu.</p> <p>Ngòi bút tác giả hướng đến hai đối tượng chủ yếu nhất trong các kì thi: sĩ tử (người đi thi) và quan trường (quan coi việc thi).</p> <p><i>Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,</i> <i>Ấm oẹ quan trường miệng thét loa.</i></p> <p>- Hình ảnh sĩ tử chẳng hề mang dáng dấp thư sinh. Họ thật luộm thuộm có vẻ bệ rạc: vai đeo lọ. Biện pháp đảo ngữ lôi thôi sĩ tử vừa nhấn mạnh sự luộm thuộm, không gọn gàng, vừa gây ấn tượng khái quát về hình ảnh những sĩ tử khoa thi này. Họ không có tư thế người đi thi, càng không có tư thế người làm chủ trong kì thi. Hình ảnh sĩ tử trong thơ Tú Xương đã phản ánh sự sa sút về “<i>nho phong sĩ khí</i>”, do sự nhốn nháo, ô hợp của hoàn cảnh xã hội đem lại.</p>	<p>0.5</p> <p>1.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>

	<p>- Hình ảnh quan trường xuất hiện với vẻ ra oai, nạt nộ. Cái oai của quan trường là cái oai cố tạo, cái oai “vờ”. Từ âm ọe biểu đạt âm thanh của tiếng nói to nhưng bị can trong cồ họng nên trầm và nghe không rõ, nói lên cái oai không thực chất của quan trường. Cùng với biện pháp đảo ngữ âm ọe giọng thét loa của quan trường, có thể thấy được sự huyền ảo, lộn xộn của cảnh trường thi này. Quan phải thét vì sĩ tử chẳng ai nghe. Sĩ tử không ai nghe nên quan càng phải cố tỏ cái oai vờ nạt nộ.</p> <p>c. Bộ mặt của bọn thực dân:</p> <p>- Hình ảnh quan sứ và mục đầm xuất hiện trong sự tiếp đón rất linh đình: Cờ cấm rợp trời. Cách ăn mặc của quan bà có phần diêm dúa, lòe loẹt: Váy lê quét đất mục đầm ra. Biện pháp đảo ngữ: <i>Cờ cấm rợp trời quan sứ đến - Váy lê quét đất mục đầm ra</i> cho thấy cờ trước, người sau, thấy váy trước, người sau, càng lộ rõ sự phô trương về hình thức. Quan sứ, bà đầm xuất hiện tuy có sự tiếp đón linh đình nhưng cũng không khác gì một màn trình diễn.</p> <p>- Nghệ thuật đối của thơ Đường luật được vận dụng một cách triệt để, tạo nên sức mạnh đã kích dữ dội, quyết liệt, sâu cay. Tú Xương đã đem “cờ” che đầu quan sứ đối với “váy” bà đầm. Với cách đối trên, nhà thơ đã hạ nhục bọn thực dân xâm lược.</p> <p>- Tất cả hình ảnh sĩ tử, quan trường, quan sứ và mục đầm giữa trường thi đều nói lên sự thiếu tôn nghiêm và có phần lộ bịch của khoa thi Đình Dậu.</p> <p>d. Nỗi đau xót, tủi nhục của tác giả:</p> <p>- Hai câu kết có sự chuyển hướng đột ngột về giọng điệu, cảm xúc. Sáu câu trên có giọng mỉa mai, châm biếm. Đến hai câu kết, giọng điệu chủ yếu là trữ tình:</p> <p><i>Nhân tài đất Bắc nào ai đó</i> <i>Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.</i></p> <p>- Hai câu thơ là lời lay gọi, đánh thức lương tri, lương tâm. Câu hỏi phiếm chỉ Nhân tài đất Bắc nào ai đó vừa để chỉ những sĩ tử trong khoa thi Đình Dậu - nơi tụ hội của tài trí đất Bắc - vừa mang ý nghĩa khái quát: tất cả những ai tự cho mình là “nhân tài đất Bắc”. Tú Xương nhắc tất cả nhân tài đất Bắc đó, hãy ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà. Trông cảnh nước nhà để nhận ra hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước. Từ nước nhà đặt ở cuối bài thơ mang dư âm tha thiết, có tác dụng thức tỉnh tinh thần dân tộc.</p> <p>* Đánh giá về nghệ thuật, nội dung</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện</i></p>	0,25

ĐỀ 13: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)****CHẠY TÂY***Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây**Một bàn cờ thế phút sa tay**Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy**Mất ổ bầy chim dáo dác bay**Bến Nghé của tiền tan bọt nước**Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây**Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng?**Nỡ để dân đen mắc nạn này!***Câu 1:** Bài thơ Chạy giặc được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn trường thiên

C. Thất ngôn

D. Thất ngôn bát cú

Câu 2:

“Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,”

“Súng Tây” là chỉ tiếng súng của ai?

A. Thực dân Pháp

B. Đế quốc Mỹ

C. Thực dân Anh

D. Tất cả đều sai

Câu 3: Thời điểm khi diễn ra cuộc tàn sát của thực dân Pháp?

A. Tan học

B. Tan chợ

C. Tan ca

D. Tất cả các đáp án trên đều sai

Câu 4: Trong bài thơ Chạy giặc, hình ảnh nào lần đầu tiên xuất hiện trong văn học Việt Nam?

A. Bầy chim

B. Dân đen

C. Tan chợ

D. Súng Tây

Câu 5: Hai câu thơ nào sau đây trong bài Chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét nhất sự hoảng hốt, ngơ ngác, mất phương hướng của nhân dân khi giặc Pháp xâm lược?

A. Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây, / Một bàn cờ thế phút sa tay”

B. “Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy, / Mất ổ đàn chim dáo dác bay”

C. “Bến Nghé của tiền tan bọt nước / Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây”

D. “Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng / Nỡ để dân đen mắc nạn này?”

Câu 6: Nội dung chính của các câu thơ dưới đây là gì?

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,

Một bàn cờ thế phút sa tay.

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,

Mất ổ bầy chim dáo dác bay.

Bến Nghé của tiền tan bọt nước,

Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây

- A. Cảnh đất nước và nhân dân khi thực dân Pháp đến xâm lược
 B. Tâm trạng, thái độ của tác giả trước cảnh nước mất, nhà tan
 C. Cả hai đáp án trên đều đúng
 D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 7: Đáp án **không phải** nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ Chạy giặc?

- A. Các biện pháp tu từ: từ láy, phép đối
 B. Vận dụng sáng tạo hình ảnh, thành ngữ dân gian
 C. Hình ảnh thơ gợi hình gợi cảm
 D. Ngôn ngữ thơ tinh tế, giàu cảm xúc

Câu 8:

“Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
 Mất ổ đàn chim dáo dác bay”

Hai câu thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- A. Ẩn dụ B. Hoán dụ C. Nhân hóa D. Đảo ngữ

Câu 9: Bài thơ gửi đến chúng ta thông điệp gì?

Câu 10: Em hãy kể một việc làm thể hiện tinh thần yêu nước

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ “Chạy Tây” của Nguyễn Đình Chiểu

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	D	0,5
	9	1. Lời kêu gọi tha thiết lòng yêu nước trong mỗi người để hành động chống kẻ thù xâm lược. 2. Cảnh trù phú, tươi đẹp, bình yên trước kia đã bị hủy diệt đến kiệt cùng, tan hoang. 3. Giặc đến tàn phá cuộc sống yên bình của nhân dân. Đất nước rơi vào cảnh khốn cùng. 4. Cảnh chạy giặc trong nỗi kinh hoàng của nhân dân.	0,25 0,25 0,25 0,25
	10	- HS kể một vài việc làm thể hiện tinh thần yêu nước	1,0

	- Ngôn ngữ châm biếm sắc cạnh (rày đầu vắng, nở để dân đen), than oán triều đình nhà Nguyễn sợ giặc, bỏ mặc dân tình khổ ải. - Nỗi cảm khái trước cảnh điêu linh của nhân dân. 3. Kết luận - Giá trị hiện thực: tái hiện cảnh chạy giặc của người dân trong những ngày thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Nam Bộ. - Giá trị tư tưởng, tình cảm: biểu lộ lòng yêu nước, thương dân tha thiết, lòng căm thù giặc xâm lược bạo tàn.	0,25
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

ĐỀ 14: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

Có đất nào như đất ấy không?
 Phố phường tiếp giáp với bờ sông.
 Nhà kia lỗi phép con khinh bố,
 Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
 Keo cú người đâu như cắt sắt,
 Tham lam chuyện thờ rặt hơi đồng.
 Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh,
 Có đất nào như đất ấy không?
 (Đất Vị Hoàng, Trần Tế Xương)

(*cắt sắt*: Chặt thải ra từ sắt nung, ý nói không còn dẻo găm gì được nữa; *hơi đồng*: Hoi tiền bạc - ngày xưa tiền đúc bằng đồng).

Câu 1: Bài thơ Chạy giặc được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
 B. Thất ngôn trường thiên
 C. Thất ngôn
 D. Thất ngôn bát cú

Câu 2. Giọng điệu chủ đạo của bài thơ:

- A. Trào phúng, mỉa mai
 B. Trào phúng xuất phát từ cái gốc trữ tình
 C. Trữ tình sâu lắng
 D. Trữ tình vẫn mang màu sắc tếu táo, đùa vui

Câu 3. Bài thơ phê phán những thói hư, tật xấu gì của con người:

- A. Tham lam, ăn của đút lót
 B. Ngu ngốc, gàn dở, làm những chuyện ngược đời
 C. Bất hiếu, lỗi đạo, keo kiệt, tham lam
 D. Hèn nhát, nhu nhược để người khác đè đầu cưỡi cổ.

Câu 4. Dòng nào không phải là điểm đặc biệt trong cấu trúc bài thơ?

- A. Bài thơ chia làm 4 phần: Đề, thực, luận, kết
 B. Mở đầu - kết thúc đều là câu hỏi tu từ

C. Câu mở đầu lặp lại nguyên vẹn ở câu kết

D. Không phải chỉ có hai câu, bài thơ có đến bốn câu tả thực (3-4, 5-6)

Câu 5. Tác dụng chính của những câu hỏi tu từ trong bài thơ:

A. Vừa gọi sự tò mò, vừa tạo ấn tượng về một vùng đất lạ lùng, khác biệt;

B. Tạo nên màu sắc kì thú cho mảnh đất được nhắc đến;

C. Giúp lời thơ thêm cân xứng, hài hòa

D. Giúp lời thơ tăng thêm tính gợi hình, biểu cảm.

Câu 6. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ luận *Keo cú người đâu như cắt sắt - Tham lam chuyện thở rất hơi đồng* là:

A. Phép đối

B. Phép đối, so sánh

C. Phép ẩn dụ

D. Phép cường điệu, phóng đại

Câu 7. Dòng nào không liên quan đến nội dung bài thơ "

A. Tú Xương kịch liệt lên án, tố cáo những thói hư tật xấu của con người lúc bấy giờ, phê phán những con người vì đồng tiền mà đánh mất giá trị bản thân, giá trị đạo đức xã hội.

B. Phê phán hiện thực thối nát, cái xấu, cái ác, trắng đen lẫn lộn..

C. Thể hiện nỗi đau đớn trước hiện thực đất nước

D. Thể hiện niềm nhớ tiếc về đất nước thời thái bình, thịnh trị.

Câu 8. Phép đối được sử dụng trong

A. Hai câu đề

B. Hai câu thực

C. Hai câu thực, hai câu luận

D. Hai câu kết

Câu 9. Hình ảnh người vợ trong câu thơ “Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng” gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 10. Cảm nhận về tâm sự, nỗi lòng của Tú Xương thể hiện trong bài thơ trên.

II. PHẦN VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ Đất Vị Hoàng của Tú Xương

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	C	0,5
	9	- Người vợ trong bài thơ trên: Danh đá, chua ngoa, đánh mất cả đạo làm vợ.	0,25 0,25

	<p>Trần Tế Xương, đó không chỉ là cảnh vật đan xen giữa cái mới và cái cũ, mà đó còn chính là những con người, bên cạnh lối sống nửa tây nửa ta ketch cớm thì vẫn có những con người thuần Việt bảo vệ những giá trị tốt đẹp còn lại. Vẫn tiếp tục cảm xúc ấy, ở những câu thơ tiếp theo nhà thơ Trần Tế Xương tiếp tục vạch trần cái giả dối, xấu xa của xã hội hiện thời, đó cũng là điều khiến nhà thơ đau lòng nhất, bởi đó không chỉ dừng lại ở sự đổi thay của cảnh vật nữa mà đó là sự thay đổi của con người, là sự suy đồi của các giá trị đạo đức:</p> <p>b. Hai câu thực</p> <p>- Xã hội Việt Nam xưa đều vô cùng coi trọng chữ tình, đó chính là sự gắn kết giữa vợ và chồng, tạo nên sự hòa thuận, yên ấm. Ngoài ra còn có chữ hiếu, tức người làm con phải biết kính trọng, yêu thương bậc sinh thành. Nhưng “Nhà kia lỗi phép con khinh bố”, trong một gia đình người con có trách nhiệm yêu thương, phụng dưỡng, sự bỏ bê không quan tâm đã là bất hiếu, đáng lên án, nhưng ở đây đưa con “khinh” bố thì trật tự của gia đình, nề nếp của xã hội đâu còn. Ngay cả người gần gũi nhất, quan tâm chăm sóc hàng ngày còn đổi lại sự khinh thường thì đối với những người trong xã hội đối với anh ta phải chăng là “cỏ rác”. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>c. Hai câu luận</p> <p>- Nhà thơ Trần tế Xương đã mạnh mẽ lên án xã hội ketch cớm, thói nát ấy bằng những từ thông tục nhằm tố cáo mạnh mẽ không chỉ xã hội mà cả những con người suy đồi, nguyên nhân chính tạo ra mọi sự tiêu cực. Con người sống với nhau không còn bằng tình nghĩa, yêu thương nữa mà khô cứng, vô tình, vụ lợi. Từ đó nhà thơ cũng lên án bao thói hư tật xấu nảy sinh trong xã hội, con người ấy, đó là sự tham lam, tư lợi. Trong xã hội con người chỉ biết đến lợi ích, sống với nhau bằng lí tính thì xã hội đang trên đà suy vong, bởi xét cho cùng cuộc sống như vậy có hơn cuộc sống của những con vật là bao?</p> <p>d. Hai câu kết</p> <p>- Câu kết không còn là sự lên án nữa là là sự trăn trở, đau đớn đến bất lực. Nơi quê hương thân yêu của nhà thơ bị biến đổi đến không còn nhận ra, đối với một con người suốt đời gắn bó với quê hương như nhà thơ mà nói thì đó là mất mát không có từ ngữ nào có thể diễn tả.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Khẳng định lại giá trị nội dung nghệ thuật.</p>	0,25
--	--	------

		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

B. THƠ TỨ TUYỆT

ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Dịch thơ:

Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

(Trích Ngắm trăng, Nhật kí trong tù của Hồ Chí Minh)

Câu 1: Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn

D. Tự do

Câu 2: Bài thơ được sáng tác bằng chữ?

A. Chữ quốc ngữ

B. Chữ Hán

C. Chữ Nôm

D. Chữ Pháp

Câu 3: Tập thơ Nhật kí trong tù được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Trong hoàn cảnh Bác Hồ đang hoạt động cách mạng ở Pháp.

B. Trong hoàn cảnh Bác Hồ bị giam trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây (Trung Quốc).

C. Trong thời gian Bác Hồ ở Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

D. Trong thời gian Bác Hồ ở Hà Nội để lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống

Câu 4: " Minh nguyệt " có nghĩa là gì?

A. Trăng sáng

B. Trăng đẹp

C. Trăng soi

D. Ngắm trăng

Câu 5: Dòng nào nói đúng nhất hoàn cảnh ngắm trăng của Bác Hồ trong bài thơ “Ngắm trăng”?

A. Trong khi đang đàm đạo việc quân trên thuyền.

B. Trong đêm không ngủ vì lo lắng cho vận mệnh đất nước.

C. Trong nhà tù thiếu thốn không rượu cũng không hoa.

Câu 6: Hai câu thơ đầu giúp ta hình dung tâm trạng của người như nào?

A. Người đang bị giam trong tù với tâm trạng lo nghĩ, thất vọng

B. Ung dung, thả hồn mình hòa với thiên nhiên

D. Có những suy tư, lo lắng cho con đường cách mạng của mình

D. Trên đường đi hui quanh từ nhà tù này sang nhà tù khác.

Câu 7: Câu thơ cuối Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. So sánh

C. ẩn dụ

B. Điệp từ

D. Nhân hoá

Câu 8: Ý nào không đúng về bài thơ Ngắm trăng?

A. Bài thơ đơn thuần tả và kể chuyện ngắm trăng

B. Bài thơ trích trong tập Nhật kí trong tù.

C. Bài thơ vừa có nghĩa đen, vừa có nghĩa bóng.

D. Nguyên bản bài thơ viết theo thể tứ tuyệt.

Câu 9. Đọc bài thơ em học tập được điều gì ở Bác?

Câu 10. Viết đoạn văn từ 8 - 10 dòng trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ cuối?

II. VIẾT (4 điểm)

Hãy viết bài văn giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	<p>Câu 9. Đọc bài thơ em học tập được ở Bác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học tập ở Bác tình yêu thiên nhiên, yêu trăng, yêu cái đẹp của tự nhiên. - Học tập ở Bác phong thái ung dung lạc quan. - Yêu Đảng, yêu Bác, yêu Cách mạng. 	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	10	<p>Câu 10. Viết đoạn văn khoảng 8 câu trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ cuối bài thơ</p> <p>Đoạn văn cần đảm bảo các ý chính sau:</p> <p>a. Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề</p> <p>Hai câu cuối của bài thơ là sự giao hòa của Bác với trăng, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên đến say mê, phong thái ung dung lạc quan, khát vọng tự do của Bác ngay trong cảnh ngục tù đọa đầy, tối tăm.</p> <p>b. Thân đoạn:</p> <p>+ Nội dung: Dù trong hoàn cảnh ngục tù tối tăm, thiếu thốn, đọa đầy về thân xác, qua song sắt nhà tù, Bác vẫn say mê ngắm trăng qua, thả hồn theo ánh trăng sáng và gửi gắm vào đó khát</p>	1,0

		vọng tự do cháy bỏng. Đáp lại, vầng trăng đã vượt qua song sắt để ngắm Bác. Vậy là cả người và trăng đều chủ động tìm đến nhau. Vầng trăng lung tai liệu của nhung tây linh bổng chốc biến thành người bạn tri ân tri kỉ của Bác. c. Kết đoạn - Khẳng định lại tình cảm của Bác với vầng trăng	
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích	0,25
		c. giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích 1. Mở bài HS có thể triển khai giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu tác giả cuốn sách, tên cuốn sách.	0,25
		2. Thân bài - Giới thiệu hình thức của cuốn sách - Giới thiệu nội dung chính của cuốn sách - Giới thiệu giá trị cuốn sách mang lại - Lí do yêu thích cuốn sách	2,5
		3. Kết bài - Khẳng định lại giá trị cuốn sách	0,25
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang

(Trích Tức cảnh Pác Bó - Hồ Chí Minh)

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn

D. Tự do

Câu 2: Dòng nào nói đúng nhất giọng điệu chung của bài Tức cảnh Pác Bó?

A. Giọng tha thiết, trù mến.

B. sẵn khoái, tự nhiên, hóm hỉnh

C. Giọng nghiêm trang, chùng mực.

D. Giọng buồn thương, phiền muộn.

Câu 3: Dòng nào diễn tả đúng nhất nghĩa của từ “chông chênh”?

A. Không vững chãi vì không có chỗ dựa chắc chắn.

B. Ở thế không vững, lắc lư nghiêng ngả như chực ngã.

C. Cao và không có chỗ bầu vịu, luôn đu đưa, nguy hiểm.

D. Ở trạng thái bất định, khi lên khi xuống, khi nghiêng qua khi ngã lại.

Câu 4: Nhận xét nào nói đúng nhất tâm trạng của Bác Hồ được thể hiện qua câu thơ cuối “Cuộc đời cách mạng thật là sang”

A. Vui thích vì được sống chan hòa với thiên nhiên.

B. Tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước.

C. Lạc quan với cuộc sống cách mạng đầy gian khổ

D. Người đang an ủi, động viên chính mình vượt qua khó khăn

Câu 5: Trong bài thơ, cuộc sống vật chất của Bác Hồ như thế nào?

A. Bác Hồ được sống một cuộc sống vật chất đầy đủ, sang trọng.

B. Bác Hồ sống bình dị nhưng không hề thiếu thốn.

C. Bác Hồ sống với cuộc sống thiếu thốn, gian khổ nhưng Bác vẫn cho rằng đó là một cuộc sống sang trọng.

D. Bác Hồ sống một cuộc sống tẻ nhạt, buồn chán, không có ý nghĩa.

Câu 6: Nhận định nào nói đúng nhất về con người Bác trong bài thơ Tức cảnh Pác Bó?

A. Bình tĩnh và tự chủ trong mọi hoàn cảnh.

B. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn.

C. Quyết đoán, tự tin trước mọi tình thế của cách mạng.

D. Yêu nước thương dân, sẵn sàng cống hiến cả cuộc đời cho Tổ quốc.

Câu 7: Nội dung của bài thơ là

A. Hiện thực cảnh sinh hoạt bình dị, nề nếp, gian khổ, thiếu thốn của Bác.

B. Thể hiện tình yêu thiên nhiên của người chiến sĩ cách mạng.

C. Vẻ đẹp tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của bác Hồ trong cuộc sống cách mạng gian lao ở Pác Bó.

D. Tất cả đều đúng

Câu 8: Nhận định nào nói đúng nhất về con người Bác trong bài thơ Tức cảnh Pác Bó?

A. Bình tĩnh và tự chủ trong mọi hoàn cảnh.

B. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn.

C. Quyết đoán, tự tin trước mọi tình thế của cách mạng.

D. Yêu nước thương dân, sẵn sàng cống hiến cả cuộc đời cho Tổ quốc.

Câu 9. Nhận xét tâm trạng, cảm xúc của Bác khi ở Pác Bó?

Câu 10. Nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ? Tại sao Bác Hồ cảm thấy cuộc sống gian khổ đó thật là sang?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích những nét chính về nội dung nghệ thuật bài “Tức cảnh Pác Bó” của Hồ Chí Minh.

uigeli.xyz
GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	<p>Câu 9. Nhận xét về tâm trạng cảm xúc trong bài</p> <p>- Bác cảm thấy vui vẻ, lạc quan yêu đời, yêu tai liệu của nhưng tây thiên nhiên, yêu công việc cách mạng, luôn làm chủ cuộc sống dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.</p> <p>- Nhận xét tâm trạng, cảm xúc của Bác:</p> <p>- Bác luôn lạc quan, vui vẻ, yêu thiên nhiên, cuộc sống, yêu công việc kháng chiến, luôn làm chủ được cuộc sống dù trong bất cứ hoàn cảnh nào.</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	10	<p>Câu 10. Ý nghĩa nhan đề: "Tức cảnh" có nghĩa là nhìn cảnh vật làm người ta có cảm xúc bật ngay ra 1 bài thơ, cho thấy bác rất lạc quan khi làm việc ở Pác Pó hoàn cảnh sáng tác: Sau ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, tháng 2-1941 Bác Hồ trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở trong nước.</p> <p>- Mặc dù ở Pác Bó thiếu thốn về điều kiện làm việc thế nhưng Bác vẫn làm tốt công việc cách mạng của mình. Dù có khó khăn, gian khổ Bác vẫn làm cho công việc cách mạng của mình thật là sang. Điều đó chứng tỏ Bác vẫn lạc quan trong công việc dù có khó khăn đến đâu. Sự khó khăn gian khổ thiếu thốn về vật chất không làm nao núng tinh thần người chiến sĩ cách mạng, trái lại Bác còn cảm thấy thế là đủ, thế là sang.</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Nghị luận về nội dung và nghệ thuật bài thơ “Tức cảnh Bác Pó”	0,25
		1. Mở bài	

	<p>- giới thiệu về Tức cảnh Pác bó của Hồ Chí Minh</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. 3 câu đầu: Cảnh sinh hoạt và làm việc của Bác ở Pác Bó</p> <p>- Cảnh sinh hoạt của Bác: Thời gian diễn ra liên tục quay vòng sáng – tối. Không gian: suối và hang. Ăn uống đạm bạc.</p> <p>- Cuộc sống giản dị, đều đặn và nền nếp.</p> <p>- Cảnh làm việc của Bác: Điều kiện làm việc khó khăn</p> <p>b. Cảm nghĩ của Bác về cuộc sống ở Pác Bó Cuộc sống dù nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng Người vẫn luôn cảm thấy vui vẻ. Bác sống một cuộc đời giản dị, cống hiến sức mình cho dân tộc.</p> <p>3. Kết luận Khái quát nội dung bài thơ Tức cảnh Pác Bó và nêu cảm nhận của em về bài thơ này.</p>	0,25
		2,5
		0,25
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo.</p>	0,25

ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)

Câu 1: Hai bài thơ “Cảnh khuya” được viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự **B. Biểu cảm** C. Nghị luận D. Miêu tả

Câu 2: Bài thơ được viết theo thể loại thơ nào?

A. Lục bát B. Song thất lục bát
C. Thất ngôn bát cú **D. Thất ngôn tứ tuyệt**

Câu 3: Bài thơ miêu tả cảnh vật ở đâu?

A. Thủ đô Hà Nội. **B. Việt Bắc.** C. Tây Bắc. D. Nghệ An.

Câu 4: Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Trước Cách mạng tháng Tám, Bác Hồ mới về nước.
B. Những năm tháng hòa bình ở miền Bắc sau kháng chiến chống Pháp.

C. Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

D. Những năm tháng kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Câu 5: Vẽ đẹp hai câu thơ đầu của bài Cảnh khuya là:

A. Sử dụng có hiệu quả phép so sánh và nhân hóa.

B. Miêu tả âm thanh tinh tế và hình ảnh sinh động.

C. Vận dụng sáng tạo những hình ảnh quen thuộc của Đường thi.

D. Kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm trực tiếp.

Câu 6: Dòng nào sau đây dịch nghĩa cho câu thơ “Yên ba thâm xứ đàm quân sự” ?

A. Nơi sâu thẳm mật mù khói sóng bàn việc quân.

B. Đêm nay, đêm rằm tháng giêng, trăng đúng lúc tròn nhất.

C. Sông xuân, nước xuân tiếp giáp với trời xuân.

D. Nửa đêm quay về trăng đầy thuyền.

Câu 7: Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ Cảnh khuya là:

A. Cảnh vật vừa có màu sắc cổ điển vừa toát lên sức sống của thời đại.

B. Tâm hồn thi sĩ kết hợp thật đẹp với phẩm chất chiến sĩ trong con người Hồ Chí Minh.

C. Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật có giá trị biểu cảm cao.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 8. Đặc sắc cả về nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ Cảnh khuya là:

A. Cảnh vật có màu sắc cổ điển vừa toát lên sức sống của thời đại

B. Tâm hồn thi sĩ kết hợp thật đẹp với phẩm chất chiến sĩ trong con người Hồ Chí Minh

C. Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật có giá trị biểu cảm cao.

D. Gồm cả 3 yếu tố trên

Câu 9. Hai câu thơ cuối tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì Nêu tác dụng? Qua đó em hiểu được tâm trạng gì của Bác?

Câu 10. Từ hoàn cảnh sáng tác bài thơ em hiểu gì về con người của Bác?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ “Cảnh khuya” của Chủ tịch Hồ Chí Minh

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>Câu 9. Tác dụng sự lặp lại của điệp từ: " chưa ngủ":</p> <p>- Thể hiện sự hòa hợp giữa con người và cảnh vật => cảnh càng khuya càng làm nổi rõ con người; con người càng thức khuya càng thấy sự hữu tình của cảnh.</p> <p>Chưa ngủ là vì chưa muốn ngủ - thể chủ động => dành thời gian để ngắm cảnh, để lo việc nước, chứ không phải là vì không</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

		ngủ được => sự sâu sắc của tâm trạng và tình cảm ⇒ Điệp ngữ “chưa ngủ” đặt lặp lại ở cuối câu thứ ba và đầu câu thứ tư là một bản lề mở ra hai phía của tâm trạng trong một con người Hồ Chí Minh.	
	10	Câu 10. Mặc dù ra đời trong hoàn cảnh hết sức khó khăn của đất nước, vận mệnh dân tộc đang nghìn cân treo sợi tóc, nhưng hai bài thơ vẫn thể hiện được phong thái ung dung, tinh thần lạc quan, tâm hồn chan hòa thiên nhiên, say đắm thưởng ngoạn vẻ đẹp của thiên nhiên trong mọi hoàn cảnh. Đồng thời ẩn trong mỗi câu thơ tả cảnh ngụ tình ấy là nỗi niềm lo lắng, canh cánh trong lòng suy nghĩ cho nhân dân, vận mệnh nước nhà của Bác	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Nghị luận về nội dung và nghệ thuật bài thơ “Cảnh khuya”	0,25
		1. Mở bài - Giới thiệu về tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ Cảnh khuya	0,25
		2. Thân bài <i>a. Hai câu thơ đầu: vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên</i> - Sử dụng biện pháp so sánh: tiếng suối như tiếng hát - Thiên nhiên tạo nên một bản nhạc quyến rũ - Điệp từ "lòng": gợi sự huyền ảo của cảnh đêm <i>b. Hai câu sau: hình ảnh nhân vật trữ tình</i> - Khẳng định vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên - Tâm trạng lo âu đến nỗi không ngủ được của Bác	
		3. Kết bài Khái quát nội dung bài thơ và nêu cảm nhận của em về bài thơ này.	0,25
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

ĐỀ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Phiên âm

*Giam phòng ban trưởng thiên thiên đồ,
Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền;
Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự,
Lai Tân y cựu thái bình thiên.*

Dịch nghĩa

*Ban trưởng nhà giam ngày ngày đánh bạc,
Cảnh trưởng tham lam ăn tiền phạm nhân bị giải;
Huyện trưởng chong đèn làm việc công,
Lai Tân vẫn thái bình như xưa.*

Dịch thơ

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh;
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

(Lai Tân - Nam Trân dịch)

Câu 1: Bài thơ "Lai Tân" được viết theo thể thơ

A. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật

B. Song thất lục bát

C. Ngũ ngôn bát cú đường luật

D. Thất ngôn bát cú đường luật

Câu 2: Bài thơ "Lai Tân" được viết bằng

A. Pháp Ngữ

B. Chữ Hán

C. Chữ Quốc Ngữ

D. Chữ Nôm

Câu 3: Sắc thái châm biếm, mỉa mai của bài thơ thể hiện ở câu thơ nào?

A. Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc.

B. Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh.

C. Chong đèn, huyện trưởng làm công việc.

D. Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.

Câu 4: Ý nghĩa của câu thơ "Trời đất Lai Tân vẫn thái bình" là gì?

A. Khen ngợi những việc làm của quan lại Lai Tân.

B. Ca ngợi sự cần mẫn "làm công việc" của huyện trưởng.

C. Thể hiện sự phê phán, mỉa mai của tác giả.

D. Phản ánh hiện thực xã hội Lai Tân thái bình

Câu 5: Ban trưởng ở nhà lao Lai Tân có tật xấu nào?

A. Háo sắc.

B. Hút thuốc phiện

C. Ăn hối lộ

D. Đánh bạc.

Câu 6: Bộ máy quan lại ở Lai Tân được thể hiện như thế nào qua ba câu đầu của bài thơ?

A. Làm tròn trách nhiệm và phận sự của mình.

B. Làm việc một cách hình thức.

C. Chỉ quan tâm đến việc bóc lột người dân.

D. Không làm tròn chức năng của người đại diện pháp luật.

Câu 7: Từ "chong đèn" trong câu "Chong đèn, huyện trưởng làm công việc" có nghĩa gì?

A. Hút thuốc phiện.

B. Đốt đèn để đọc sách vào đêm khuya.

C. Cầm ngọn đèn đứng gác.

D. Chong đèn để tránh bóng đêm

Câu 8: Nội dung của bài thơ "Lai Tân" là gì?

A. Phê phán các quan lại Lai Tân không quan tâm đến cuộc sống của người dân

B. Phê phán thực trạng đen tối của xã hội Trung Quốc

C. Ca ngợi sự thái bình của xã hội Trung Quốc

D. Cả ba nội dung trên

Câu 9. Các nhân vật trong bài thơ Lai Tân thuộc thành phần nào trong xã hội? Hãy làm rõ dụng ý của tác giả khi nhằm vào nhóm đối tượng này.

Câu 10. Theo em, nội dung câu kết có mâu thuẫn với nội dung của các câu thơ trước không? Vì sao?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ “Lai Tân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	D	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	<p>Câu 9. Ban trưởng nhà giam - con người thực thi pháp luật nơi nhà tù cai quan tù nhân lại chuyên đánh bạc.</p> <p>- Cảnh trưởng kiểm ăn quanh - hành động của một kẻ cướp cạn, trăn lột xương tủy của tù nhân, rất dơ bẩn và tàn nhẫn.</p> <p>- Huyện trưởng chong đèn làm công việc - cứ ngỡ là đang thâu đêm suốt tháng để lo công việc, đắm chìm trong công việc quên cả nghỉ ngơi. Nhưng không - đó là đang hút thuốc phiện, người có chức vụ lớn thì lại thờ ơ, vô trách nhiệm, chìm ngập trong tận cùng của tệ nạn.</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	10	<p>Câu 10. Nội dung câu kết không mâu thuẫn với nội dung của các câu thơ trước vì: Ba tiếng thái bình thiên một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, bất ngờ (người đọc chờ một câu kết tựa như một cú đòn sấm sét, hạ gục đối thủ).</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Nghị luận về nội dung và nghệ thuật bài thơ “Lai Tân”	0,25
		1. Mở bài	

	Giới thiệu tác giả Nguyễn Ái Quốc và tập thơ Nhật kí trong tù: - Nguyễn Ái Quốc, một tượng đài chính trị và văn học trong lịch sử dân tộc Việt Nam, người đã có công cống hiến một số lượng khổng lồ thơ ca vào văn hóa nhân loại. - Lai Tân là một trong những bài thơ nổi bật được sáng tác trong khoảng thời gian tác giả bị giam cầm tại Trung Quốc.	0,25
	2. Thân bài - Bài thơ mang đậm màu sắc mỉa mai, châm biếm + Bộ mặt thật đằng sau cái mác hào nhoáng của Trung Quốc, ba nhân vật biểu tượng cho các tầng lớp quan chức trong chế độ Tưởng Giới Thạch. + "Ban trưởng, cảnh trưởng, huyện trưởng" đều là những chức vụ có vị trí, quyền lợi, nhưng lại làm những việc khuất tất. - Những con người được coi là cánh tay đắc lực của chính quyền, trông coi, cải tạo và áp giải tù nhân phạm tội thực chất là những kẻ mặt rệp, những tên tội phạm với nhân cách tha hóa được nhà nước bảo trợ. - Trời đất Lai Tân vẫn thái bình. + Thái bình ở đây là cái vỏ bọc bên ngoài nhằm đánh lừa dân chúng, ẩn sâu bên trong là bộ máy thống trị ngu dốt, thối nát, ngay cả quan lại cũng tha hóa, cận bã. + Mảnh đất Lai Tân thái bình thịnh trị êm ấm thì ra bên trong là như vậy, mở rộng ra là cả xã hội Trung Quốc mục ruỗng đến xương tủy nhưng ngoài mặt vẫn phải tỏ ra thờ ơ, làm như những tệ nạn kia không hề tồn tại.	2,5
	3. Kết bài - Khái quát giá trị, đặc sắc bài thơ: Bài thơ hàm súc, ngắn gọn với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đã vạch trần bộ mặt thật của đám quan lại tham ô, bần tước nói riêng và cả bộ máy chính quyền Trung Hoa nói chung thời bấy giờ.	0,25
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

ĐỀ 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Chiều tối

Phiên âm

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

Dịch nghĩa

Chim mới về rừng tìm cây ngủ,
Chòm mây lẻ loi trôi lững lờ trên tầng không
Thiếu nữ xóm núi xay ngô,
Ngô vừa xong, lò than đã đỏ.

Dịch thơ

Chim mới về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.
(Trích Chiều tối - Hồ Chí Minh)

Câu 1: Bài thơ được sáng tác theo thể thơ?

A. Thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn

D. Thơ tự do

Câu 2: Bài thơ “Chiều tối” được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Lúc vừa mới bị bắt giam

C. Khi bác được trả tự do

B. Trên đường Bác chuyển nhà lao

D. Lúc chiều tối trong nhà lao

Câu 3: Mục đích của Bác Hồ khi viết tập thơ “Nhật kí trong tù” là gì?

A. Để tuyên truyền cách mạng, vận động quần chúng nhân dân hăng hái tham gia cách mạng.

B. Để giác ngộ các tầng lớp thanh niên, nâng cao trình độ hoạt động cách mạng cho họ.

C. Để lên án sự cai trị áp bức bóc lột của thực dân Pháp ở nước ta, kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

D. Để “ngâm ngợi cho khuây” trong những ngày ở tù khi chờ đợi cuộc sống tự do.

Câu 4: Hai câu đầu bài thơ “chiều tối” gợi lên trong lòng người đọc cảm giác gì rõ nhất?

A. Sự cô đơn, trống vắng

B. Sự mệt mỏi, cô quạnh

C. Sự buồn chán hiu hắt

D. Sự băng khuâng, buồn bã

Câu 5: Dòng nào nêu đúng những yếu tố thể hiện màu sắc cổ điển của bài thơ “chiều tối”?

A. Thể thơ và cách miêu tả

B. Thể thơ và thi liệu

C. Ngôn từ và hình ảnh

D. Âm hưởng và cách ngắt nhịp

Câu 6: Sự vận động của cảnh vật và con người từ hai câu đầu đến hai câu cuối của bài thơ “chiều tối” cho thấy đặc điểm gì trong tâm hồn Hồ Chí Minh?

A. Luôn hướng tới sự sống, ánh sáng, tương lai

B. Luôn hướng tới niềm vui lạc quan, yêu đời

C. Luôn hướng tới con người, cảnh vật, lao động

D. Luôn hướng tới lao động, hoạt động, vận động.

Câu 7: Nội dung nào sau đây không phải nội dung bài "Chiều tối"?

A. "Chiều tối" thể hiện nghị lực lớn của Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh tù đầy.

B. "Chiều tối" thể hiện niềm vui quên mình của người tù Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh tù đầy.

C. "Chiều tối" thể hiện sự bất công của chế độ nhà tù Tưởng Giới Thạch

D. "Chiều tối" thể hiện tâm hồn chan hoà thiên nhiên của người tù cộng sản Hồ Chí Minh.

Câu 8: Hình ảnh "sơn thôn thiếu nữ" trong bài thơ Chiều tối của Hồ Chí Minh có ý nghĩa như thế nào?

A. Cảnh vật con người phải sống quanh quẩn, mờ nhạt nơi núi rừng khiến nhân vật trữ tình động lòng thương xót.

B. Vẻ đẹp của sự sống con người làm cho bức tranh chiều tối đang buồn bỗng trở nên tươi vui, ấm áp.

C. Không có tác động gì đến khung cảnh.

D. Sự xuất hiện của hình ảnh con người quá nhỏ bé, làm cho cảnh thêm lạnh lẽo, hoang vu.

Câu 9. Nêu cảm nghĩ của anh (chị) về sự vận động của cảnh vật và tâm trạng của nhà thơ trong bài "Chiều tối"?

Câu 10 Trong bài thơ "Chiều tối", hình ảnh nào thể hiện tập trung vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	Trong bài thơ "Chiều tối", sự vận động của con người và cảnh vật đối lập nhau, nó được thể hiện như sau: - Ở hai câu thơ đầu tả cảnh thiên nhiên cảnh vật rơi vào trạng thái tĩnh lặng, hình ảnh của cánh chim mỏi của chòm mây lững lờ khiến cho tâm trạng con người cũng hoàn toàn rơi vào trạng thái lẻ loi, buồn tủi. - Tuy nhiên trong hai câu thơ cuối, với những hình ảnh là bình dị trong cuộc sống sinh hoạt của người dân xóm núi lại cho thấy một khung cảnh tươi vui, đầm ấm với hình ảnh "lò than"	0,5 0,25 0,25

		rực hồng. Khung cảnh trong hai câu thơ cuối cho thấy tinh thần lạc quan của người chiến sĩ, trong mọi hoàn cảnh đều vui tươi, lạc quan, yêu đời.	
	10	<p>Câu 10.</p> <p>- Hình ảnh thể hiện vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh trong bài: Hình ảnh thiếu nữ xay ngô tối và hình ảnh bếp lửa hồng</p> <p>+ Ý nghĩa hình ảnh:</p> <p>- Cho thấy tình yêu của Bác với những người dân nghèo. Tâm trạng trên đường chuyển ngục tuy rất mệt mỏi nhưng chỉ cần nhìn thấy những hình ảnh giản dị đã làm Người vui vẻ.</p> <p>Cùng đó cho thấy Bác luôn nhớ đến quê hương, đất nước tình yêu quê bao la như tâm hồn Bác vậy.</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)</i>	0,25
		<p><i>c. Triển khai hợp lí bài văn cần đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>1. Mở bài</p> <p>Nêu vấn đề cần nghị luận: một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại (nghiện game - ham mê trò chơi điện tử, lối sống ích kỉ, vô cảm)</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>Giải thích khái niệm về thói xấu: Nghiện game là gì? Sống ích kỉ là gì? Lối sống ảo là gì...</p> <p>b. Trình bày ý kiến phê phán, lí lẽ và bằng chứng để chứng minh phê phán là có cơ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của thói xấu - Nguyên nhân hình thành thói xấu - Tác hại của thói xấu <p>c. Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý kiến phản biện: không đồng tình với ý kiến của người viết (giả định) - Học sinh cần ý thức tác hại của thói xấu để tránh mắc phải. - Tích cực học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân tốt đẹp 	0,25 2,5 0,25

	hơn.	
	3. Kết bài Khẳng định ý kiến phê phán, bài học cho chính mình.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo.	0,25

ĐỀ 6: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Ghé mắt trông lên thấy bảng treo,
Kìa đèn Thái thú đứng cheo leo.
Vĩ đây đôi phận làm trai được,
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu.*

(Trích Đèn đèn Sầm Nghi Đống - Hồ Xuân Hương)

Câu 1: Bài thơ Đèn đèn Sầm Nghi Đống được viết theo thể thơ nào?

- A. Ngũ ngôn bát cú
B. Ngũ ngôn tứ tuyệt.
C. Thất ngôn bát cú.
D. Thất ngôn tứ tuyệt.

Câu 2: Đèn Sầm Nghi Đống ở đâu

- A. Đào Duy Từ, Hoàn Kiếm, Hà Nội**
B. Nguyễn Gia Thiều, Hoàn Kiếm, Hà Nội
C. Thành phố Hồ Chí Minh
D. Vĩnh Phúc

Câu 3: Hồ Xuân Hương sáng tác chủ yếu theo các chủ đề

- A. Nội dung bênh vực, đề cao phụ nữ**
B. Chê bôi đàn ông
C. Than thân trách phận
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 4: Nội dung chính của bài thơ

- A. Bài thơ là một khát vọng được bình đẳng, khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ.
B. Thái độ "bất kính" của bà là một thách thức đối với ý thức trọng nam khinh nữ, thách thức với các "sự nghiệp anh hùng" của nam nhi, thách thức đối với thần linh.
C. Bài thơ thể hiện mạnh mẽ nhu cầu giải phóng cá tính của con người, bất chấp các ước lệ ràng buộc của xã hội phong kiến.
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 5: Từ "Thái thú" ý nói điều gì?

- A. Một chức quan có từ thời nhà Hán**
B. Tên gọi
C. Tên địa danh
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 6: Ý nghĩa câu thơ "Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo" là:

- A. Nhà thơ không nhìn thẳng, cũng không thèm quay sang để nhìn rõ mà chỉ là nhìn nghiêng, nhìn chéo, có thể chỉ là liếc qua.
B. Ngồi đèn đối với bà chẳng là cái gì cả, chỉ là nhân thể đi qua thì ghé mắt nhìn xem nó ra sao.
C. Cách nhìn ấy cho ta thấy ngay thái độ ngạo mạn của nhà thơ độc nhất vô nhị này.
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Vì sao tác giả sử dụng từ "kia" trong câu “Kìa đèn Thái Thú đứng cheo leo”

- A. Nói về sự yêu thích
B. Thích thú
C. Ngạc nhiên
D. Vui mừng

Câu 8: Vì sao tác giả sử dụng từ "cheo leo" trong câu “Kìa đèn Thái Thú đứng cheo leo”

- A. Tác giả mang đến cảm giác ngôi đèn đó chẳng có gì vững chãi, dang hoàng
B. Tác giả mang đến cảm giác ngôi đèn hoang sơ
C. Tác giả mang đến cảm giác ngôi đèn hùng vĩ, vững chãi
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9. Hãy cho biết ý nghĩa nhan đề bài thơ?

Câu 10. Thông qua bài thơ này, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thơ trào phúng mà em thích nhất.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	C	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu 9. Bài thơ là một khát vọng được bình đẳng, khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ. Thái độ “bút kinh” của bà là một thách thức đối với ý thức trọng nam khinh nữ, thách thức với các sự nghiệp anh hùng” của nam nhi, thách thức đối với thần linh. Bài thơ thể hiện mạnh mẽ nhu cầu giải phóng cá tính của con người, bất chấp các ước lệ ràng buộc của xã hội phong kiến.	1,0
	10	Câu 10. Qua bài thơ chúng ta cần thể hiện thái độ trân trọng, ca ngợi tài năng của người phụ nữ, không nên tôn thờ những con người hèn mọn, bạc nhược.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài phân tích tác phẩm VH</i> - Hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học. - Hiểu được cách trình bày luận điểm, luận cứ, lập luận trong bài văn nghị luận văn học. - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề	0,25

	<p>c. - Vận dụng được các kỹ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học.</p> <p>- Trình bày được quan điểm, ý kiến (tán thành) của người viết về giá trị đặc sắc của TPVH.</p>	0,25
	<p>1. Mở bài Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có).</p> <p>2. Thân bài Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương.</p> <p>- Phương án 1: - Ý 1: Câu thơ thứ ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) - Ý 2: Câu thơ thứ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng)</p> <p>- Phương án 2: - Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán...) - Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng...)</p> <p>3. Kết bài Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng, giá trị nghệ thuật của tác phẩm.</p>	3 đ
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 7: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Phiên âm:

Hoành sóc giang sơn cáp kỉ thu,
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu.

Dịch nghĩa:

Cầm ngang ngọn giáo giữ gìn non sông đã mấy thu,
Ba quân như hổ báo, khí thế hùng dũng nuốt trôi trâu.
Thân nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh,
Thì luống thẹn thùng khi nghe người đời kể chuyện Vũ hầu.

Dịch thơ:

*Múa giáo non sông trải mấy thu,
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.
Công danh nam tử còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*

(Trích Tỏ lòng - Phạm Ngũ Lão)

Câu 1: Bài thơ “Thuật hoài” ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất
- B. Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ hai**
- C. Cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ ba
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 2: Cụm từ "khí thế nuốt trâu" được hiểu là:

- A. Khí phách mạnh mẽ.
- B. Khí phách lão luyện.
- C. Khí phách anh hùng.**
- D. Khí phách hiên ngang.

Câu 3: Dòng nào không gắn với nội dung bài thơ Tỏ lòng?

- A. Vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người thời Trần**
- B. Tâm vóc, tư thế, hành động của con người thời Trần
- C. Chí lớn lập công danh của con người thời Trần
- D. Khí thế hào hùng mang tinh thần quyết chiến, quyết thắng thời Trần

Câu 4: Biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong câu thơ thứ hai là gì?

- A. Nhân hóa
- B. So sánh**
- C. Ẩn dụ
- D. Liệt kê

Câu 5: Cách nào hiểu đúng nghĩa của từ “Ba quân”?

- A. Hình ảnh quân đội nhà Trần.**
- B. Hình ảnh dân tộc.
- C. Hình ảnh quân đội nhà Trần và nhà Nguyên.
- D. Hình ảnh quân đội nhà Nguyên.

Câu 6: Dòng nào nêu đúng nhất lí do “thẹn” của nhà thơ?

- A. Chưa đạt được danh vọng gì nên xấu hổ với vợ con, tổ tiên.
- B. Chưa lập công, lập danh và chưa hoàn thành nghĩa vụ đối với đất nước.**
- C. Chưa tài giỏi và giàu sang như Vũ hầu.
- D. Chưa có địa vị và quyền cao chức trọng như Vũ hầu.

Câu 7: Dòng nào không phải là thành công nghệ thuật của bài thơ?

- A. Thủ pháp gợi, thiên về ấn tượng bao quát
- B. Bút pháp nghệ thuật hoành tráng có tính sử thi
- C. Ngôn ngữ trong sáng, đậm đà bản sắc dân tộc**
- D. Hình tượng thơ lớn lao, kì vĩ, súc tích

Câu 8: Chủ thể trữ tình của "Tỏ lòng" là:

- A. Một nhà nho.
- B. Một nhà sư.
- C. Một nhà vua.
- D. Một vị tướng.**

Câu 9. Có gì đáng lưu ý về không gian, thời gian trong bài thơ “Tỏ lòng” khi con người xuất hiện? Con người ở đây mang tư thế, dáng vóc như thế nào?

Câu 10. Em cảm nhận như thế nào về sức mạnh của quân dân nhà Trần trong “Tỏ lòng” qua câu thơ “Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu”?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Trong câu thơ đầu, hình ảnh con người xuất hiện giữa không gian, thời gian bao la rộng mở + Chiều rộng của núi sông, chiều cao của Ngân Hà (sao Ngưu) thăm thẳm + Thời gian được đo bằng năm (cáp kỷ thu- mấy năm) + Con người được đặt trong không gian kì vĩ đó trở nên vĩ đại hơn → Hình ảnh con người hiên ngang, mang tầm vóc của con người vũ trụ, non sông	1,0
	10	Câu 10. “Ba quân khí thể mạnh nuốt trôi trâu” có hai cách hiểu: - Thứ nhất, có nghĩa ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu. - Thứ hai, ba quân khí thể hùng mạnh át sao Ngưu Tựu chung lại, câu thơ nói về sức mạnh của quân đội nhà Trần về trí, lực. Điều đó được minh chứng bằng lịch sử: + Các vị tướng trí dũng song toàn: Trần Quốc Tuấn, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão... + Khí thế thay đổi trời đất khi quân đội nhà Trần từng đánh bại Mông Nguyên và giặc phương Bắc...	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Tình yêu thương trong cuộc sống.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo	3 đ

các yêu cầu sau:

1. Mở bài:

+ Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.

+ Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.

2. Thân bài:

a. Nêu quan niệm về tình yêu thương?

- *Tình yêu thương* là sự quan tâm, chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người.

b. Biểu hiện

- Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống (HS nêu được từ 3-4 biểu hiện GV cho điểm tối đa)

- Trong gia đình ông bà cha mẹ anh chị em yêu thương đùm bọc nhau.

- Cha mẹ hi sinh, chấp nhận những khó khăn gian khổ để đổi lấy cuộc sống ấm no hạnh phúc cho con.

- Con cái biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và yêu thương anh chị em.

- Ngoài xã hội: Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động nhường chỗ trên xe bus cho cụ già, chia sẻ phần ăn sáng của mình cho em bé đang đói bụng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần...

c. Dẫn chứng về tình yêu thương

- Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã biết yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược, có biết bao nhiêu bà mẹ VN nuôi giấu bộ đội như con đẻ của mình, biết bao nhiêu chiến sĩ coi đồng đội của mình như anh em ruột thịt, sẵn sàng đồng cam cộng khổ, thậm chí hi sinh cả tính mạng của mình để cứu đồng đội. Và chính có tình yêu thương, đoàn kết đó mà nhân dân ta đã dành lại được độc lập, tự do.

- Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xóa đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hay mỗi khi một vùng nào trong cả nước gặp thiên tai hạn hán, lũ lụt thì nhân nhân cả nước cũng như kiều bào ở nước ngoài cùng chung tay giúp đỡ chia sẻ vật chất, động viên tinh thần để họ có thể ổn định cuộc sống.

- Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như “*Trái tim cho em*”, “*Lục lạc vàng*”, “*Vì bạn xứng đáng*”, “*Cặp lá yêu thương*”, “*Hiến máu nhân đạo*”...

d. Phản biện:

Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan

	<p>tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành... Những người đó cần phải lên án và phê phán.</p> <p>e. Bài học nhận thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp theo cần có ý thức rèn luyện tình yêu thương ở mọi lúc mọi nơi bằng những hành động thiết thực trong cuộc sống. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn. - Học tập theo những tấm gương có tình yêu thương con người. - Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh. - Tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện: chăm sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh... <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khẳng định vai trò của tình yêu thương. + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. 	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. 	0,25
	<p>e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 8: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn,
Bảy nổi ba chìm mấy nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Nhưng em vẫn giữ tấm lòng son.*

(Trích Bánh trôi nước - Hồ Xuân Hương)

Câu 1. Bánh trôi nước được làm theo thể thơ gì?

A. Song thất lục bát

B. Ngũ ngôn tứ tuyệt

C. Thất ngôn tứ tuyệt

D. Lục bát

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ?

A. Biểu cảm

B. Miêu tả

C. Tự sự

D. Miêu tả

Câu 3. Qua hình ảnh chiếc bánh trôi nước, Hồ Xuân Hương muốn nói gì về người phụ nữ?

A. Vẻ đẹp về hình thể

B. Vẻ đẹp tâm hồn

C. Số phận bất hạnh

D. Vẻ đẹp và số phận long

đong

Câu 4. Dòng nào dưới đây không phù hợp khi miêu tả chiếc bánh trôi nước?

A. Hình tròn, trắng mịn

B. Nhân son đỏ

C. Được hấp trên nước

D. Có thể rắn hoặc nát

Câu 5. Trong hai nghĩa, nghĩa nào quyết định giá trị của bài thơ?

A. Nghĩa thực

B. Nghĩa ẩn dụ

Câu 6. Câu “*Bảy nổi ba chìm mấy nước non.*” sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật gì?

- A. So sánh B. Nhân hoá **C. Thành ngữ** D. Liệt kê.

Câu 7. Thành ngữ nào sau đây gần với thành ngữ “bảy nổi ba chìm”?

- A. Cơm niêu nước lọ **B. Lên thác xuống ghềnh**
C. Nhà rách vách nát D. Cơm thừa canh cặn

Câu 8. Nội dung của bài thơ là gì?

- A. Bánh trôi nước là bài thơ có nhiều tầng ý nghĩa, với ý nghĩa tả thực là miêu tả chiếc bánh trôi nước trắng, tròn, chìm nổi
B. Bài thơ là tiếng lòng cảm thông, xót xa cho thân phận lênh đênh, chìm nổi của người phụ nữ trong xã hội cũ.
C. Là tiếng nói trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất trong sáng, tình nghĩa, sắt son của người phụ nữ Việt Nam ngày xưa.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 9. Từ bài thơ, em suy nghĩ về thân phận người phụ nữ xưa và nay.

Câu 10. Bài thơ gồm mấy lớp nghĩa? Các lớp nghĩa đó có nội dung như thế nào? Lớp nghĩa nào là chính?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích văn bản “Bánh trôi nước” - Hồ Xuân Hương.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Cuộc đời, số phận của người phụ nữ xưa: khổ cực, lận đận, truân chuyên. - Cuộc đời của người phụ nữ ngày nay bình đẳng với nam giới. Họ có chỗ đứng trong xã hội và tự định đoạt cuộc đời, số phận của mình.	1,0
	10	Câu 10. Bài thơ gồm hai lớp nghĩa. Nội dung: - Lớp nghĩa đen: nói về chiếc bánh trôi nước ở màu sắc, chất liệu, hình dáng, cách làm. - Lớp nghĩa bóng: nói về người phụ nữ có hình thức xinh đẹp, phẩm	1,0

	chất trong trắng, son sắt, thủy chung, tình nghĩa nhưng thân phận lại chìm nổi bấp bênh, không tự làm chủ. - Lớp nghĩa bóng là chủ yếu.	
II	VIẾT	4,0
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
	1. Mở bài - Giới thiệu về tác giả Hồ Xuân Hương - Giới thiệu về bài thơ Bánh trôi nước (khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật) 2. Thân bài a. Hình ảnh bánh trôi nước - Hình dáng bên ngoài: trắng, tròn - Cách thức làm bánh: + Bấy nổi ba chìm + Tùy thuộc vào sự khéo léo của người làm bánh: rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn - Nhân bánh có màu đỏ: tấm lòng son ⇒ Tác giả miêu tả chiếc bánh trôi nước một cách căn kẽ, chi tiết, cụ thể, từ hình dáng bên ngoài, nhân bánh đến cách thức làm bánh. Nghĩa tả thực của bài thơ là hình ảnh chiếc bánh trôi nước trắng, tròn và luộc chưa chín thì chìm, chín rồi thì nổi. b. Hình ảnh người phụ nữ - Trắng, tròn: vẻ đẹp ngoại hình duyên dáng, nữ tính của người phụ nữ - Số phận lận đận, chìm nổi, bấp bênh, phụ thuộc của người phụ nữ: + Bấy nổi ba chìm + Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn - Vẻ đẹp tâm hồn với tấm lòng thủy chung, son sắt: tấm lòng son ⇒ Với cách nói ẩn dụ, tác giả ca ngợi vẻ đẹp ngoại hình và tâm hồn của người phụ nữ, đồng thời, cảm thương sâu sắc cho số phận lận đận, chìm nổi, phụ thuộc của họ 3. Kết bài - Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ: + Nội dung: mượn hình ảnh chiếc bánh trôi nước, qua đó thể hiện sự trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ và sự cảm thương sâu sắc trước số phận chìm nổi của họ + Nghệ thuật: thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, ngôn ngữ bình dị, xây dựng	3 đ

	nhiều tầng ý nghĩa... - Mở rộng: liên hệ với những câu ca dao viết về người phụ nữ bắt đầu bằng cụm từ “thân em”	
	d. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 9: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Mời trầu

“Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi
Này của Xuân Hương mới quệt rồi
Có phải duyên nhau thì thăm lại
Đừng xanh như lá bạc như vôi.”

(Thơ Hồ Xuân Hương, NXB Văn học Hà Nội 1987)

Câu 1: Bài thơ Mời trầu được viết theo thể thơ nào?

- A. Lục bát B. Thất ngôn bát cú đường luật

- C. Thất ngôn tứ tuyệt D. Tự do

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của bài là gì?

- A. Tự sự B. Biểu Cảm C. Miêu tả D. Nghị luận

Câu 3: Bài thơ Mời trầu nói về hình ảnh gì?

- A. Trầu, cau B. Trầu C. Cau D. Lá lốt

Câu 4: Thành ngữ được sử dụng trong bài thơ là:

- A. Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi,
B. Này của Xuân Hương mới quệt rồi.
C. Có phải duyên nhau thì thăm lại,
D. **Đừng xanh như lá, bạc như vôi.**

Câu 5: Hình ảnh: “Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi” là hình ảnh ẩn dụ chỉ ra cái gì?

- A. Người phụ nữ B. **Số phận người phụ nữ**
C. Tình yêu của người phụ nữ D. Suy nghĩ của người phụ nữ

Câu 6: Bài thơ gắn với phong tục gì của người Việt?

- A. **Miếng trầu là đầu câu chuyện** B. Cúng ông Công, ông Táo
C. Chơi hoa dịp Tết D. Bày mâm ngũ quả

Câu 7: Nhà thơ muốn nhắn nhủ điều gì qua câu thơ: “Đừng xanh như lá bạc như vôi”

- A. Khuyên mọi người sống phải coi trọng tình nghĩa, thủy chung
B. Khuyên mọi người sống phải luôn nghĩ cho bản thân mình
C. **Khuyên mọi người sống không nên coi trọng tình nghĩa, thủy chung**
D. Khuyên mọi người sống phải biết cố gắng làm việc, không phụ thuộc vào người khác

Câu 8: Bài thơ nói lên điều gì?

- A. **Ý thức cá nhân, tinh thần đấu tranh đòi hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa**

B. Khát khao về tình yêu đôi lứa

C. Nỗi niềm đau thương, tuyệt vọng khi tình yêu bị phản bội

D. Tất cả những ý trên đều đúng

Câu 9. Nêu suy nghĩ của em về khát vọng của người phụ nữ được thể hiện trong bài thơ?

Câu 10. Nhận xét về lời nhắn nhủ của tác giả trong câu thơ cuối.

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích những nét chính về nội dung nghệ thuật bài thơ “Mời trầu” - Hồ Xuân Hương.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu 9. Dưới sự hà khắc của chế độ xã hội phong kiến, người phụ nữ bị kìm kẹp, hạn chế về mọi mặt, họ phải chịu đủ mọi sự bất công, oan trái và gần như phụ thuộc hoàn toàn vào nam giới. Và Hồ Xuân Hương chính là một trong số ít những người phụ nữ dám đứng lên để bày tỏ tiếng lòng của mình, để đòi lại sự tự do đẳng quyền cho phụ nữ. Khát khao đó của bà là nỗi khát khao mãnh liệt về tình yêu, về sự sắt son chung thủy và hạnh phúc. Nhưng chính xã hội phong kiến với những luật lệ hà khắc khiến cho những ước mơ hạnh phúc tưởng chừng như có thể kia lại trở nên xa vời với người phụ nữ, họ mong muốn được sống bên người mình yêu, ước mong có được một tình yêu trọn vẹn, thủy chung...nhưng tất cả đều chỉ là vô vọng.	1,0
	10	Câu 10. Câu thơ: " <i>Đừng xanh như lá bạc như vôi</i> " nhà thơ muốn nhắn nhủ: - Hồ Xuân Hương bày tỏ thái độ không đồng tình trước sự bội bạc, bạc bẽo. - Nhà thơ khuyên mọi người sống phải coi trọng tình nghĩa, thủy chung	1,0
II		VIẾT	4,0

	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
	1. Mở bài - Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Xuân Hương, tác phẩm Mời trầu. 2. Thân bài - Nội dung bài thơ: Qua bài thơ Mời trầu, bà đã thể hiện rõ nét niềm khao khát về sự trọn vẹn của hạnh phúc lứa đôi. + “Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi”: lấy cái hồn của dân tộc Việt Nam, chính là sự thanh cao của quả cau, miếng trầu keo sơn để nói về tình yêu của mình. + “Này của Xuân Hương mới quệt rồi”: “quệt” là một động từ độc đáo, được dùng bởi con người cũng độc đáo, mạnh mẽ và đầy cá tính, khiến cho độc giả cảm thấy thích thú, và càng thêm yêu hơn cái quệt thật dễ thương, thấm đậm sự tình ý ấy + “Có phải duyên nhau thì thấm lại/Đừng xanh như lá, bạc như vôi”: màu “xanh” của lá và màu “bạc” của vôi, khi được pha trộn lại hai màu này bạc và xanh đã hòa thành “thấm” rồi; một loạt các từ ngữ “có phải... thì... đừng ... như...” xuất hiện, chẳng khác gì con dao sắc nhọn, cứa vào lòng, vào trái tim vốn chân thành, chung tình của nữ thi sĩ. - Giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật mà tác phẩm mang lại. 3. Kết bài Nêu suy nghĩ và tình cảm của bản thân dành cho tác giả, tác phẩm.	3 đ
	d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. <i>Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</i>	0,25

ĐỀ 10: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

*Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm hồ Hàm Tử quan
Thái Bình tu chí lực
Vạn cổ thử gian san.*

(Tụng giá hoàn kinh sư - Trần Quang Khải)

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt

D. Ngũ ngôn

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của bài là gì?

C. Chiến thắng quan trọng có công sức của tác giả: chiến thắng ở Chương Dương và Hàm Tử

A. Dũng B. Sai

C. Khẳng định sự bền vững, hưng thịnh của đất nước

D. Cả chữ Hán và chữ nôm.

C. Động từ mạnh kết hợp với biện pháp tu từ liệt kê.

Câu 10. Cách biểu ý, biểu cảm ở hai bài thơ Phò giá về kinh và Nam quốc sơn hà có gì giống và khác nhau?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích văn bản “Phò giá về kinh” của Trần Quang Khải.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0

	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>Câu 9. Nội dung thể hiện trong hai câu đầu và hai câu sau khác nhau:</p> <p>+ Hai câu đầu kể lại những chiến công lẫy lừng trong cuộc chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược: Đây là chiến thắng hào hùng của dân tộc đối với giặc Mông Nguyên xâm lược. Điều này buộc ta phải suy nghĩ về nội dung và cách đưa tin chiến thắng ở 2 câu này. Tác giả đã đảo trật tự trước sau khi nói về hai cuộc chiến thắng. Chiến thắng Chương Dương sau nhưng được nói trước là do ta đang sống trong không khí chiến thắng Chương Dương vừa diễn ra, kể đó mới sống lại không khí chiến thắng Hàm Tử trước đó 2 tháng.</p> <p>+ Hai câu sau là lời quyết tâm xây dựng, phát triển đất nước trong cảnh thái bình: Đây là lời động viên xây dựng phát triển đất nước trong thời bình và niềm tin sắt đá vào sự bền vững muôn đời của đất nước</p> <p>- Nhận xét cách thể hiện nội dung bài thơ:</p> <p>+ Được thể hiện qua thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt cô đọng cảm xúc.</p> <p>+ Giọng điệu: Hào hùng, tự hào, vui sướng, hân hoan</p> <p>+ Hình thức: Cô đúc, dồn nén cảm xúc bên trong ý tưởng</p>	1,0
	10	<p>Câu 10. Hình thức biểu ý:</p> <p>2 bài thơ đều thể hiện bản lĩnh, khí phách của dân tộc ta.</p> <p>+ Một bài nêu cao chân lý lớn lao nhất, thiêng liêng nhất, vĩnh viễn nhất: Nước Việt Nam là của người Việt Nam, không ai được xâm phạm, nếu xâm phạm là sẽ thất bại.</p> <p>+ Một bài thể hiện khí thế chiến thắng hào hùng của dân tộc đối với ngoại xâm và bày tỏ khát vọng xây dựng phát triển đất nước trong hòa bình với niềm tin đất nước bền vững lâu đời.</p> <p>* Hình thức biểu cảm:</p> <p>+ Một bài thuộc thể thất ngôn tứ tuyệt.</p> <p>+ Một bài thuộc thể ngũ ngôn tứ tuyệt.</p> <p>=> Nhưng đều có ý tưởng giống nhau ở chỗ: Có cách nói chắc nịch, cô đúc, trong đó ý tưởng và cảm xúc hòa làm một, cảm xúc nằm trong ý tưởng.</p>	1,0
II		VIẾT	4,0

	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
	<p>I. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về tác giả Trần Quang Khải (những nét chính về cuộc đời, đặc điểm sáng tác...) - Giới thiệu về bài thơ “Phò giá về kinh” (hoàn cảnh ra đời, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật...) <p>II. Thân bài</p> <p>1. Hai câu thơ đầu: Hào khí chiến thắng của dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai câu đầu nói về chiến thắng quan trọng của quân và dân ta, trong đó có sự góp sức của tác giả, mang tính thời sự nóng hổi - Dùng phép liệt kê và phép đối để làm nổi bật hai chiến thắng ở Chương Dương và Hàm Tử - Các động từ mạnh “đoạt”, “cầm” với nhịp điệu ngắn, nhanh diễn tả diễn tả sức mạnh hào hùng và không khí chiến thắng của dân ta <p>⇒ Hai câu thơ đầu ca ngợi chiến thắng hào hùng của dân tộc trong cuộc chiến đấu chống quân Mông – Nguyên xâm lược, qua đó thể hiện lòng tự hào dân tộc</p> <p>2. Hai câu còn lại: Khát vọng muôn đời thái bình, thịnh trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời động viên, xây dựng và phát triển đất nước trong cảnh thái bình: “thái bình tu trí lực” - Khẳng định sự bền vững, thịnh trị của đất nước: “vạn cổ thử giang san” - Đó không chỉ là khát vọng của một người mà là mong ước, khát khao của toàn dân tộc <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ: <p>+ Nội dung: Bài thơ thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình, thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần</p> <p>+ Nghệ thuật: thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, hình thức diễn đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận chung về bài thơ: Bài thơ chính tới cảm hứng hào sảng, tự hào, kiêu hãnh trước những chiến công lẫy lừng, vang dội trước kẻ thù. Niềm tin, khát vọng dân tộc thái bình, thịnh trị. Bài thơ là khúc khải hoàn ca hùng tráng, cao đẹp của dân tộc. 	3 đ
	d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. <i>Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc</i>	0,25

4. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

ĐỀ 1:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm) **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

Gần trưa, Chiêu Minh vương hộ tống nhà vua tiền Trần Quốc Tuấn ra bến Đông làm lễ tế cờ xuất sư. [...] Không khí trang trọng đến tức thở. Nhân Tông vái Trần Quốc Tuấn và phán:

- Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trăm xin trao cho Quốc công.

Trần Quốc Tuấn nghiêm trang đáp lễ:

- Lão thần thề không để nhục mệnh của bề hạ.

Nhân Tông ban kiếm Thượng Phương, trao quyền chém trước tâu sau cho Trần Quốc Tuấn. Nhà vua chăm chú nhìn vị tướng già và thấy Trần Quốc Tuấn quắc thước lạ lùng.

Từ trên đài cao, Trần Quốc Tuấn lặng nhìn các đội quân hàng ngũ chỉnh tề bên dưới. [...] Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề. Ông thét lớn:

- Bớ ba quân!

Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước.

Trần Quốc Tuấn lại thét tiếp:

- Quan gia đã hạ chỉ cho ta lĩnh cờ tiết chế cùng các người xuất sư phá giặc. Kiếm Thượng Phương đây! -Trần Quốc Tuấn nâng cao kiếm lên khỏi đầu.

- Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.

Quân sĩ lại đồng thanh dạ ran. Nhân Tông vẫy Dã Tượng lại gần, cầm lấy cái gậy trúc xương cá của Trần Quốc Tuấn. Nhà vua ân cần trao cây gậy cho vị tướng già và dặn dò: [...]

- Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trăm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

(Trích Trên sông truyền hịch, Hà Ân)

Câu 1. Ý nào nói đúng về phương thức biểu đạt của văn bản?

A. Tự sự, biểu cảm, nghị luận

B. Tự sự, nghị luận, miêu tả

C. Tự sự, miêu tả, biểu cảm

D. Tự sự, thuyết minh, nghị luận

Câu 2. Vua Trần Nhân Tông gửi gắm với Trần Quốc Tuấn vấn đề trọng đại gì?

A. Trao kiếm

B. Dặn dò nhiều điều

C. Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trăm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

D. Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trăm xin trao cho Quốc công.

Câu 3. Vua ban vật quý gì cho Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tuấn sẽ có quyền gì?

A. Rượu quý, quyền lãnh đạo ba quân.

B. Ban kiếm Thượng Phương, quyền gặp vua bất cứ lúc nào.

C. Áo choàng, quyền quản lý quân sĩ.

D. Ban kiếm Thượng Phương, quyền chém trước tâu sau.

Câu 4. Tại sao không khí buổi lễ tế cờ xuất sư được miêu tả **trang trọng đến tức thở**?

- A. Vì đây là buổi lễ quan trọng chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại quân Nguyên - Mông xâm lược.
 B. Vì đây là buổi lễ vua lên ngôi.
 C. Vì đây là buổi lễ quan trọng của hoàng cung.
 D. Vì đây là buổi chia tay sinh tử.

Câu 5. Sự việc vua trao cho Trần Quốc Tuấn quyền chém trước tâu sau cho ta thấy vua là người như thế nào?

- A. Vua rất anh minh
 B. Vua rất tin tưởng Trần Quốc Tuấn
 C. Vua rất tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông.
 D. Cả A, B, C.

Câu 6. Em hiểu thế nào về lời hứa của Trần Quốc Tuấn với vua: Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.

- A. Trần Quốc Tuấn rất tự tin.
 B. Trần Quốc Tuấn tự tin và thể hiện quyết tâm mang về chiến thắng để báo đáp niềm tin tưởng của vua.
 C. Trần Quốc Tuấn hứa hẹn chiến thắng quân giặc.
 D. Trần Quốc Tuấn sẽ bảo vệ danh dự cho vua.

Câu 7. “Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông đư sức gánh sứ mệnh nặng nề”. Câu văn này gợi đến tâm trạng, cảm xúc gì của Trần Quốc Tuấn?

- A. Trần Quốc Tuấn cảm nhận được sức mạnh của dân tộc và niềm hứng khởi khi đón nhận sứ mệnh vua ban.
 B. Trần Quốc Tuấn thấy vui vẻ.
 C. Trần Quốc Tuấn thấy ai cũng đáng tin yêu
 D. Trần Quốc Tuấn thấy dân tộc mình thật kiên cường.

Câu 8. Có thể hiểu câu dặn dò của vua với Trần Quốc Tuấn "Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trăm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe" như thế nào?

- A. Vua mong Trần Quốc Tuấn bình an trở về.
 B. Vua mong Trần Quốc Tuấn biết bảo trọng thân thể vì vua, vì đất nước.
 C. Vua lo lắng, yêu mến, kính trọng Trần Quốc Tuấn.
 D. Cả A, B, C

Câu 9. Em hãy nêu nhận xét của mình về vị tướng già Trần Quốc Tuấn?

Câu 10. Qua văn bản và cách biểu hiện của các nhân vật, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5

	2	D	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Trần Quốc Tuấn là một vị tướng giỏi, uy nghi, dũng mãnh. Ông được các vua thời Trần tín nhiệm, nhân dân yêu mến, là con người suốt cả đời theo nghiệp nhà binh, bảo vệ đất nước bao phen khỏi kẻ thù xâm lược, đã từng đánh thắng giặc Nguyên Mông lần thứ nhất vào năm 1257, lần thứ hai vào năm 1285, lần thứ ba vào năm 1288.	1,0
	10	Câu 10. Chúng ta cần phải sống và làm việc hết mình vì đất nước. - Phải đặt lợi ích, vận mệnh dân tộc lên mọi lợi ích khác. - Dù là ở cương vị cao hơn cũng luôn phải tôn trọng người lớn tuổi, người có tài. Khi làm việc gì cũng luôn cần sự tự tin và quyết tâm.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn thuyết minh gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	0,25
		1. Mở bài: - Giới thiệu về một hiện tượng tự nhiên mà em muốn thuyết minh, giải thích - Nêu cái nhìn bao quát về hiện tượng này (có ích hay có hại, có quan trọng với đời sống hay không) b. Thân bài: - Giới thiệu về khái niệm, tên gọi khoa học của hiện tượng đó - Biểu hiện của hiện tượng tự nhiên: + Đặc điểm nổi bật? - Xuất hiện ở đâu, khi nào? - Hiện nay có thay đổi gì so với những lần xuất hiện trước? - Giải thích về hiện tượng tự nhiên: + Nguyên nhân gây xuất hiện hiện tượng tự nhiên đó - Các chuyên gia đã giải thích như thế nào (có thể trích dẫn các ý kiến của những chuyên gia trong ngành) - Trong các nguyên nhân đó có điều gì là do con người gây ra? - Mối quan hệ giữa con người và hiện tượng tự nhiên: - Hiện tượng tự nhiên đó tác động như thế nào đối với đời sống con	3 đ

	người? (tiêu cực/tích cực) - Con người bày tỏ thái độ và có hành động gì trước hiện tượng đó? c. Kết bài: - Đánh giá của em về hiện tượng	
	d. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 2:**I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm) Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

Ông Phạm Ngũ Lão là chàng trai làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương. Ông có sức khỏe lạ thường, muôn người không địch nổi.

Phạm Ngũ Lão mặt mũi khôi ngô, văn võ đều giỏi. Nhà vốn chỉ có nghề làm ruộng, đến ông mới theo nghiệp bút nghiên. Mới hai mươi tuổi ông đã có tính khảng khái. Trong làng có người tên là Bùi Công Tiến đỗ tiến sĩ làm lễ ăn mừng, cả làng kéo đến mừng rỡ, chỉ Ngũ Lão không đến.

Bà mẹ Ngũ Lão bảo rằng:

- Con làm thế nào cho bằng người ta thì làm. Nay người ta ăn mừng, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng một chút?

Phạm Ngũ Lão thưa rằng:

- Thưa mẹ, con chưa làm nên gì để vui lòng mẹ mà con đi mừng người ta thì con lấy làm nhục lắm.

Nhà ở bên cạnh đường cái, có một hôm, Phạm Ngũ Lão ngồi vệ đường vót tre đan sọt. Chợt có Hưng Đạo Vương đi qua để vào kinh, quan quân kéo đi rất đông. Quân đi mở đường thấy Ngũ Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, quát lên bắt phải đứng dậy. Ngũ Lão cứ ngồi nghiêm nhiên như không nghe tiếng. Quân lính cầm ngọn giáo đâm vào đùi, Ngũ Lão cũng cứ ngồi vững không động mình. Đến lúc xe Hưng Đạo Vương đến nơi, trông thấy thế lấy làm lạ gọi đến hỏi, bấy giờ Ngũ Lão mới biết là có quan quân đi qua, và quân lính đã đâm vào đùi mình.

Hưng Đạo Vương hỏi rằng:

- Nhà thầy kia ở đâu, sao ta đi qua đây mà cứ ngồi chững chàng làm vậy?

Ngũ Lão thưa rằng:

- Tôi đang mài nghề một việc, cho nên không biết là ngài trẩy qua đây.

Hưng Đạo Vương lấy làm kì, hỏi đến việc học hành kinh sử thì hỏi đâu nói đây, không sót chỗ nào, ứng đối nhanh như nước chảy.

Hưng Đạo Vương bèn sai quân lấy thuốc dầu dịt vào vết đâm, rồi cho Ngũ Lão ngồi xe đem về kinh, tiến cử lên vua Trần Thánh Tông.

Vua thấy người có sức khỏe, lại có học thức, cho sung chức quản vệ sĩ. Các vệ sĩ không chịu, xin đấu sức với Ngũ Lão. Ngũ Lão xin vâng, nhưng xin vua cho về nhà ba tháng để thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin đấu sức và nhận chức luôn thể.

Vua cho về, Ngũ Lão về nhà, ra ngoài đồng, tìm chỗ gò cao tập nhảy, cứ cách mười trượng chạy đến nhảy vọt qua gò. Tập luyện xong xuôi rồi, vào kinh đấu sức.

Khi đấu quyền với các vệ sĩ thì không ai địch nổi. Sau Ngũ Lão thách tất cả các vệ sĩ cùng ra đấu. Các vệ sĩ xúm xít chung quanh hàng trăm người, Ngũ Lão tay đâm chân đá, nhảy nhót như bay, chạm phải ai kẻ ấy không ngã đau thì què tay. Các vệ sĩ không tài gì mà đánh lại được, bấy giờ mới xin chịu phục.

Vua thấy người kiên dũng làm vậy, cho theo Hưng Đạo Vương đi đánh giặc Nguyên thì đánh trận nào cũng thắng, lập nên công trạng rất nhiều. Hưng Đạo Vương có lòng yêu mến, gả con gái nuôi là Nguyên quận chúa cho. Về sau, vua nước Ai Lao đem hơn một vạn quân và voi sang cướp đất Thanh, Nghệ. Vua sai Ngũ Lão cầm quân đi đánh. Ngũ Lão sai dân chặt tre đục dài độ một trượng, chồng chất trên các vệ đường. Khi Ngũ Lão kéo quân vào đánh giặc, giặc thúc voi sấn lên, Ngũ Lão chỉ chân tay không mà sấn vào gặp đống tre nào thì vớ lấy đống tre chỗ ấy, đập vào chân voi. Voi bị đau, gầm rống lên chạy trở về, giày xéo lên cả quân Ai Lao. Ngũ Lão mới thúc quân đánh trận sang, quân giặc tan vỡ, phải trốn về nước. Vì có những công to ấy, Ngũ Lão được cất lên làm Điện tiền thượng tướng quân. Đến khi mất, được phong làm thượng đẳng phúc thần, và được dân làng Phù Ủng lập miếu thờ ngay ở chỗ nhà Ngũ Lão.

(Câu chuyện Chàng trai làng Phù Ủng - Theo Phan Kế Bính, Nam Hải dị nhân lược truyện)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của câu chuyện trên là:

- A. Miêu tả B. Biểu cảm **C. Tự sự** D. Nghị luận

Câu 2. Câu chuyện Chàng trai làng Phù Ủng kể về nhân vật nào?

- A. Hưng Đạo Vương **B. Phạm Ngũ Lão**
C. Bùi Công Tiến D. Trần Thánh Tông

Câu 3. Tại sao Phạm Ngũ Lão không đến ăn mừng Bùi Công Tiến đỗ tiến sĩ

A. Vì Phạm Ngũ Lão cảm thấy chưa làm được gì để vui lòng mẹ, nếu đi mừng người ta thì sẽ lấy làm nhục

B. Vì Phạm Ngũ Lão cảm thấy ganh tị khi Bùi Công Tiến đỗ tiến sĩ.

C. Vì Phạm Ngũ Lão nhà nghèo, không có tiền để đi ăn mừng Bùi Công Tiến đỗ tiến sĩ.

D. Vì Phạm Ngũ Lão bận rộn công việc, phấn đấu để làm vui lòng mẹ.

Câu 4. Chi tiết Ngũ Lão bị đâm vào đùi nhưng không hề nhúc nhích cho thấy ông là một người như thế nào?

A. Là một người không biết sợ, ra vẻ ta đây

B. Là một người chịu đau tốt

C. Là một người khảng khái, cương trực

D. Là một người thích gây ấn tượng, tạo sự chú ý

Câu 5: Từ nhỏ, Phạm Ngũ Lão đã nổi tiếng với

A. Văn hay chữ tốt

B. Có tài bơi lội

C. Có tài bắn súng

D. Thông minh, văn võ song toàn, chí khí khác thường

Câu 6: Chuyện gì xảy ra với Phạm Ngũ Lão khi Trần Hưng Đạo và quân lính đi qua?

A. Trần Hưng Đạo xuống xe và dừng lại hỏi chuyện Phạm Ngũ Lão

B. Phạm Ngũ Lão bị quân lính dẹp đường lấy giáo đâm vào đùi chảy máu nhưng ông vẫn ngồi yên.

C. Phạm Ngũ Lão không cho quân lính và Trần Hưng Đạo qua đường

D. Phạm Ngũ Lão xin được yết kiến Trần Hưng Đạo

Câu 7: Kẻ thù gọi Phạm Ngũ Lão là gì?

A. Viên hổ tướng họ Phạm

B. Mãnh hổ họ Phạm

C. Hổ đại

D. Phạm Hổ

Câu 8: Nguyên nhân mà Phạm Ngũ Lão không thấy đau khi bị giáo đâm chảy máu là gì?

A. Vì ông mình đồng da sắt

B. Vì ông không sợ đau

C. Vì ông muốn thoát khỏi cuộc sống nghèo khó

D. Vì ông mãi nghĩ mấy câu trong binh thư nên không biết Trần Hưng Đạo đi qua

Câu 9 (1,0 điểm) Chi tiết nào cho thấy Ngũ Lão là người có tài cầm quân đánh giặc?

Câu 10 (1,0 điểm) Những nét tính cách nào của Ngũ Lão được thể hiện qua câu chuyện trên?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>Câu 9. Những chi tiết cho thấy Phạm Ngũ Lão có tài cầm quân của Phạm Ngũ Lão:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo Hưng Đạo Vương đi đánh giặc Nguyên thì đánh trận nào cũng thắng, lập nên công trạng rất nhiều. <p>Về sau, vua nước Ai Lao đem hơn một vạn quân và voi sang cướp đất Thanh, Nghệ. Vua sai Ngũ Lão cầm quân đi đánh. Ngũ Lão sai dân chặt tre đục dài độ một trượng, chồng chất trên các vệ đường...</p>	1,0
	10	<p>Câu 10. - Là một vị tướng tài giỏi xuất sắc đời nhà Trần, đã có công giúp Trần Hưng Đạo đánh đuổi quân xâm lược nhà Nguyên ở phương Bắc và đẩy lùi sự xâm lấn của quân Ai Lao ở phía Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là người tính tình khảng khái, vừa có chí lớn vừa có tài cao, đã lập công lớn giết giặc cứu nước, nêu tấm gương sáng ngời về chí làm trai cho các thế hệ thanh niên đời sau học tập. 	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo bố cục bài văn thuyết minh gồm ba phần: Mở bài, thân	0,25

	<i>bài, kết bài.</i>	
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	0,25
	1. Mở bài: - Giới thiệu về một hiện tượng tự nhiên mà em muốn thuyết minh, giải thích - Nêu cái nhìn bao quát về hiện tượng này (có ích hay có hại, có quan trọng với đời sống hay không) b. Thân bài: - Giới thiệu về khái niệm, tên gọi khoa học của hiện tượng đó - Biểu hiện của hiện tượng tự nhiên: + Đặc điểm nổi bật? - Xuất hiện ở đâu, khi nào? - Hiện nay có thay đổi gì so với những lần xuất hiện trước? - Giải thích về hiện tượng tự nhiên: + Nguyên nhân gây xuất hiện hiện tượng tự nhiên đó - Các chuyên gia đã giải thích như thế nào (có thể trích dẫn các ý kiến của những chuyên gia trong ngành) - Trong các nguyên nhân đó có điều gì là do con người gây ra? - Mối quan hệ giữa con người và hiện tượng tự nhiên: - Hiện tượng tự nhiên đó tác động như thế nào đối với đời sống con người? (tiêu cực/tích cực) - Con người bày tỏ thái độ và có hành động gì trước hiện tượng đó? c. Kết bài: - Đánh giá của em về hiện tượng	3 đ
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 3:**I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm) Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**

Tháng 6, ngày 24, sao sa.

Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng: “Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?”

Hưng Đạo Vương trả lời:

- Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kẻ thanh dã, đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh là vì có thế. Vừa rồi Toa Đô, Ô

Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản binh chế trường trận là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.

Quốc Tuấn là con An Sinh Vương, lúc mới sinh ra, có một thầy tướng xem cho và bảo: “Người này ngày sau có thể giúp nước cứu đời”. Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ. An Sinh Vương trước đây vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng, mang lòng hậm hực, tìm khắp những người tài nghệ để dạy Quốc Tuấn. Lúc sắp mất, An Sinh cầm tay Quốc Tuấn giới giảng rằng:

- Con mà không vì cha lấy được thiên hạ thì cha dưới suối vàng cũng không nhắm mắt được. Quốc Tuấn ghi để điều đó trong lòng, nhưng không cho là phải.

Đến khi vận nước ở trong tay, quyền quân quyền nước đều do ở mình, ông đem lời cha dặn nói với gia nô là Dã Tượng, Yết Kiêu. Hai người gia nô can ông:

- Làm kế ấy tuy được phú quý một thời mà để lại tiếng xấu ngàn năm. Nay đại vương há chẳng đủ phú quý hay sao? Chúng tôi xin chết già làm gia nô, chứ không muốn làm quan mà không có trung hiếu, chỉ xin lấy người ta làm thịt dê là Duyệt làm thầy mà thôi!

Quốc Tuấn cảm phục đến khóc, khen ngợi hai người. Một hôm Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương:

- Người xưa có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ thế nào?

Hưng Vũ Vương trả lời:

- Dầu khác họ cũng còn không nên, huống chi là cùng một họ!

Quốc Tuấn ngẫm cho là phải.

Lại một hôm Quốc Tuấn đem chuyện ấy hỏi người con thứ là Hưng Nhượng Vương Quốc Tảng. Quốc Tảng tiến lên thưa:

- Tống Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ.

Quốc Tuấn rút gươm kể tội:

- Tên loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra.

Định giết Quốc Tảng. Hưng Vũ Vương hay tin, vội chạy tới khóc lóc xin chịu tội thay, Quốc Tuấn mới tha. Đến đây, ông dặn Hưng Vũ Vương:

- Sau khi ta chết, hãy nắp quân tài đã rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng.

Mùa thu, tháng 8, ngày 20, Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn mất ở phủ đệ Vạn Kiếp, được tặng thái sư Thượng phụ Thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương.

Thánh Tông có soạn bài văn bia ở sinh từ của Quốc Tuấn, ví ông với Thượng phụ ngày xưa. Lại vì ông có công lao lớn, gia phong là Thượng quốc công, cho phép ông được quyền phong tước cho người khác, từ Minh tự trở xuống, chỉ có tước Hầu thì phong trước rồi tâu sau. Nhưng Quốc Tuấn chưa bao giờ phong tước cho một người nào. Khi giặc Hồ vào cướp, Quốc Tuấn lệnh cho nhà giàu bỏ thóc ra cấp lương quân, mà cũng chỉ cho họ làm lang tướng giả chứ không dám cho họ tước lang tướng thực, ông kính cẩn giữ tiết làm tôi như vậy đấy.

Quốc Tuấn lại từng soạn sách để khích lệ tướng sĩ dưới quyền, dẫn chuyện Kỉ Tín chết thay để thoát Hán Cao, Do Vu giơ lưng chịu giáo để cứu Sở Tử. Thế là dạy đạo trung đó.

Khi sắp mất, ông dặn con rằng:

- Ta chết thì phải hỏa táng, lấy vật tròn đựng xương, bí mật chôn trong vườn An Lạc, rồi san đất và trồng cây như cũ, để người đời không biết chỗ nào, lại phải làm sao cho mau mục.

Quốc Tuấn giữ Lạng Giang, người Nguyên hai lần vào cướp, ông liên tiếp đánh bại chúng, sợ sau này có thể xảy ra tai họa đào mả chằng. Ông lo nghĩ tới việc sau khi mất như thế đây.

Ông lại khéo tiến cử người tài giỏi cho đất nước, như Dã Tượng, Yết Kiêu là gia thần của ông, có dự công dẹp Ô Mã Nhi, Toa Đô. Bọn Phạm Ngũ Lão, Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trục vốn là môn khách của ông, đều nổi tiếng thời đó về văn chương và chính sự, bởi vì ông có tài mưu lược, anh hùng, lại một lòng giữ gìn trung nghĩa vậy. Xem như khi Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng: “Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi”, Quốc Tuấn trả lời: “Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng”. Vì thế, đời Trùng Hưng lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên. Sau khi mất rồi, các châu huyện ở Lạng Giang hễ có tai nạn, dịch bệnh, nhiều người cầu đảo ông. Đến nay, mỗi khi đất nước có giặc vào cướp, đến lễ ở đền ông, hễ tráp đựng kiếm có tiếng kêu thì thế nào cũng thắng lớn.

(Trích Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là?

- A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2. Vì sao Quốc Tuấn khi nghe những lời “giới giảng” của cha thì dấu kín trong lòng, chỉ đến khi vận nước ở trong tay, quyền quân, quyền nước đều do ở mình ông mới đem lời cha dặn nói với gia nô Dã Tượng, Yết Kiêu?

- A. Vì muốn thử lòng các gia nô dưới quyền mình.
B. Vì muốn thử lòng mình, và muốn làm vui đi một chuyện không vui.
C. Vì muốn nghiệm lại chủ kiến của mình và tìm thêm người chia sẻ.
D. Vì muốn vững tin hơn vào điều mình không cho là phải.

Câu 3. Khi vua hỏi về kế đánh quân Nguyên, ngoài kế thanh dã, dùng đoản (bình) chế trường (trận)... không dưới bốn lần, Hưng Đạo Đại Vương đặc biệt nhấn mạnh vào một điều mà ông luôn xem là “thượng sách”. “Thượng sách” đó, nói một cách đầy đủ mà khái quát nhất, là gì?

- A. Phải thấy được sức mạnh đoàn kết toàn dân trong cả nước.
B. Vua tôi, tướng sĩ trong cả nước phải đồng tâm hiệp lực với nhau.
C. Vua tôi, tướng sĩ, binh lính phải thực lòng yêu thương nhau.
D. Phải thu phục lòng dân, tập hợp, phát huy bằng được sức mạnh, ý chí đoàn kết toàn dân.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây không đúng với Trần Quốc Tuấn:

- A. Là một vị tướng anh hùng, đầy tài năng mưu lược.
B. Là một người cha nghiêm khắc giáo dục con cái.
C. Là một vị vua đặt tình nhà trên nợ nước.

D. Là một người cống hiến cho đời sau nhiều tác phẩm quân sự có giá trị.

Câu 5. Xác định biện pháp tu từ trong đoạn: *Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được.* Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

A. So sánh B. Nhân hoá C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

Câu 6. Trong văn bản có nói đến *binh pháp*. Binh pháp là gì? Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm gì đáng chú ý?

A. Là chống giặc phải tùy thời mà tạo thế.
B. Phải vận dụng linh hoạt, không có một khuôn mẫu nào nhất định.

C. Cả A, B đều đúng

D. cả A, B đều sai

Câu 7. Tác giả bộc lộ thái độ gì khi viết về Hưng Đạo Vương?

A. Ca ngợi Hưng Đạo Vương là một trong những hình tượng đẹp nhất về người anh hùng giải phóng dân tộc.

B. Ca ngợi những chiến công hiển hách của người lãnh đạo nhân dân ta dưới thời Trần.

C. Lòng biết ơn và ngưỡng mộ đức thánh Trần.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 8. Câu văn “Đến khi lớn lên, dung mạo khôi ngô, thông minh hơn người, đọc rộng các sách, có tài văn võ.” Câu văn trên thuộc kiểu câu nào?

A. Câu đặc biệt

B. Câu rút gọn

C. Câu trần thuật

D. Câu cầu khiến

Câu 9. (1,0 điểm) Em có nhận xét gì về nghệ thuật kể chuyện trong văn bản?

Câu 10. (1,0 điểm) Em rút ra được điều gì qua lời trình bày của Trần Quốc Tuấn với vua về kế sách giữ nước?

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) mà em đã được học, được nghe.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5

	9	<p>Câu 9. Nghệ thuật kể chuyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách kể về các nhân vật lịch sử không đơn điệu theo trình tự thời gian. - Nhà viết sử không chỉ kể chuyện một cách phức hợp, với nhiều chiều thời gian, mà còn khéo léo lồng vào câu chuyện những nhận xét sâu sắc nhằm định hướng cho người đọc có những nhận xét, đánh giá thoả đáng. - Cách kể chuyện trong đoạn trích vừa mạch lạc, khúc chiết vừa giải quyết được những vấn đề then chốt về nhân vật đồng thời vẫn giữ được mạch truyện tiếp nối logic. Chuyện vì thế trở nên sinh động, hấp dẫn. Nhân vật lịch sử cũng vì thế mà được nổi bật chân dung. 	1,0
	10	<p>Câu 10. - Nội dung lời trình bày của Trần Quốc Tuấn với vua:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nên tùy thời thế mà có sách lược phù hợp, binh pháp cần vận dụng linh hoạt, không có khuôn mẫu nhất định. + Điều kiện quan trọng nhất để thắng giặc là toàn dân đoàn kết một lòng + Do đó phải giảm thuế khoá, bớt hình phạt, không phiền nhiễu dân, chăm lo cho dân có đời sống sung túc... đó chính là "thượng sách giữ nước". - Qua nội dung lời trình bày, người đọc nhận thấy Trần Quốc Tuấn không những là vị tướng tài năng, mưu lược, có lòng trung quân mà còn biết thương dân, trọng dân và biết lo cho dân. 	1,0
II		VIẾT	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học</p> <p>Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.</p>	0,25
		<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.</p>	0,25
		<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. <p>2. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, 	3 đ

	biện pháp tu từ...)	
	3. Kết bài Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	
	d. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Trần Thủ Độ là người có công lập nên nhà Trần, lại là chú của vua và đứng đầu trăm quan, nhưng không vì thế mà tự cho mình vượt qua phép nước

Có lần, Linh Từ Quốc Mẫu, vợ ông, muốn xin riêng cho một người làm chức câu đương. Trần Thủ Độ bảo người ấy:

- Người có phu nhân xin cho làm chức câu đương, không thể ví như những câu đương khác. Vì vậy, phải chặt một ngón chân để phân biệt.

Người ấy kêu van mãi, ông mới tha cho.

Một lần khác, Linh Từ Quốc Mẫu ngồi kiệu đi qua chỗ thêm cấm, bị một người quân hiệu ngăn lại. Về nhà, bà khóc:

- Tôi là vợ thái sư mà bị kẻ dưới khinh nhờn.

Ông cho bắt người quân hiệu đến. Người này nghĩ là phải chết. Nhưng khi nghe anh ta kể rõ ngọn ngành, ông bảo:

- Người ở chức thấp mà biết giữ phép nước như thế, ta còn trách gì nữa!

Nói rồi, lấy vàng, lụa thưởng cho.

Trần Thủ Độ có công lớn, vua cũng phải nể. Có viên quan nhân lúc vào chầu vua, ứa nước mắt tâu:

- Bệ hạ còn trẻ mà thái sư chuyên quyền, không biết rồi xã tắc sẽ ra sao. Hạ thần lấy làm lo lắng.

Vua đem viên quan đến gặp Trần Thủ Độ và nói:

- Kẻ này dám tâu xằng với trẫm là Thượng phụ chuyên quyền, nguy cho xã tắc.

Trần Thủ Độ trầm ngâm suy nghĩ rồi tâu:

- Quả có chuyện như vậy. Xin Bệ hạ quở trách thần và ban thưởng cho người nói thật.

(Theo Thái sư Trần Thủ Độ - Trích Đại Việt sử ký toàn thư)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là?

- A. Miêu tả **B. Tự sự** C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 2: Khi có người muốn xin chức câu đương, Trần Thủ Độ đã làm gì?

- A. Đồng ý nhưng yêu cầu chặt đứt một ngón tay để phân biệt.
B. Không đồng ý và đuổi về.

C. Đồng ý nhưng yêu cầu chặt đứt một ngón chân để phân biệt.

D. Nể tình phu nhân xin nên cho người ấy chức câu đương.

Câu 3: Trước việc làm của người quân hiệu, Trần Thủ Độ xử lý ra sao?

A. Đuổi việc người quân hiệu.

B. La mắng, khiển trách người quân hiệu.

C. Khen người quân hiệu ở chức thấp mà biết giữ phép nước và lấy vàng lụa thưởng cho người quân hiệu.

D. Bắt người quân hiệu xin lỗi phu nhân.

Câu 4: Em hiểu **thái sư** nghĩa là gì?

A. **Chức quan đầu triều thời xưa.**

B. Chú của vua.

C. Chức quan võ nhỏ.

D. Chức quan chuyên lo việc xét xử.

Câu 5: Khi biết có viên quan tâu với vua rằng mình chuyên quyền, thái độ của thái sư Trần Thủ Độ như thế nào?

A. Không vui.

B. Tức giận người đó.

C. Nhận lỗi nhưng tức giận.

D. Nhận lỗi và xin vua ban thưởng cho người nói thật.

Câu 6: Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất nghĩa của từ công dân?

A. Người làm việc trong cơ quan của nhà nước.

B. Người dân của một nước, có quyền lợi và nghĩa vụ đối với đất nước.

C. Người lao động chân tay làm công ăn lương.

D. Người dân từ 18 tuổi trở lên.

Câu 7: Câu “Người ấy kêu van mãi, ông mới tha cho”. Câu ghép trên được nối bằng cách nào?

A. Nối trực tiếp.

B. Nối bằng 1 quan hệ từ.

C. Nối bằng 1 cặp quan hệ từ

D. Nối bằng quan hệ từ và dấu phẩy.

Câu 8: Ý nghĩa của câu chuyện Thái sư Trần Thủ Độ?

A. Ca ngợi Linh Từ Quốc Mẫu là một người phụ nữ xứng đáng là vợ của Thái sư.

B. Ca ngợi vua anh minh.

C. Ca ngợi thái sư Trần Thủ Độ - một người cư xử gương mẫu, nghiêm minh, không vì tình riêng mà làm sai phép nước.

D. Giới thiệu cho chúng ta một số chức quan thời phong kiến.

Câu 9. Nêu cảm nhận của em về nhân vật Trần Thủ Độ trong đoạn trích trên?

Câu 10. Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì cho bản thân?

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) mà em đã được học, được nghe.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5

	5	D	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	C	0,5
	9	Câu 9. Thái sư Trần Thủ Độ là người gương mẫu, nghiêm minh, công bằng, không vì tình riêng mà làm sai phép nước.	1,0
	10	Câu 10. - Cố gắng học, luôn chấp hành nội quy trường, lớp, chấp hành luật giao thông. - Em sẽ không vì người thân của mình làm chức vụ lớn mà tỏ thái độ kênh kiệu phách lối với người khác. - Cố gắng học để có kiến thức, có kỹ năng sau này sẽ tự mình xin việc làm, không dựa dẫm, ỷ lại vào người khác. - Dũng cảm nhận lỗi khi mình làm sai. (Học sinh có thể bộc lộ một số cách khác)	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. Tài liệu của Nhung tây	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.	0,25
		c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. 2. Thân bài - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người, tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...)) 3. Kết bài Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	3 đ
		d. Chính tả, ngữ pháp	0,25

	- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. Tài liệu của Nhung tây	0,25

ĐỀ 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

(1) Không khí quả là người quý giá với người da đỏ bởi lẽ bầu không khí này là của chung, muông thú, cây cối và con người cùng nhau hít thở. Người da trắng cũng cùng chia sẻ, hít thở bầu không khí đó. Nhưng hình như người da trắng chẳng để ý gì đến nó. Nếu chúng tôi bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải nhớ rằng không khí đối với chúng tôi là vô cùng quý giá và phải chia sẻ linh hồn với tất cả cuộc sống mà không khí ban cho. Ngọn gió mang lại hơi thở đầu tiên của cha ông chúng tôi và cũng nhận lại hơi thở cuối cùng của họ. Nếu có bán cho Ngài mảnh đất này, Ngài phải giữ gìn và làm cho nó thành một nơi thiêng liêng cho ngay cả người da trắng cũng có thể thưởng thức được những làn gió thấm đượm hương hoa đồng cỏ. (2) Như vậy, chúng tôi mới cân nhắc những ý muốn mua mảnh đất này của Ngài. Nếu có quyết định chấp nhận yêu cầu của Ngài, chúng tôi phải đưa ra một điều kiện – đó là, người da trắng phải đối xử với các muông thú sống trên mảnh đất này như những người anh em. (3) Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống. Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú? Và nếu chúng ra đi, thì con người cũng sẽ chết dần chết mòn vì nỗi buồn cô đơn về tinh thần, bởi lẽ điều gì sẽ xảy đến với con thú thì cũng chính xảy ra đối với con người. Mọi vật trên đời đều có sự ràng buộc. (4) Ngài phải dạy cho con cháu rằng mảnh đất dưới chân chúng là những nắm tro tàn của cha ông chúng tôi, và vì thế, chúng phải kính trọng đất đai. Ngài phải bảo chúng rằng đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống của chủng tộc chúng tôi bồi đắp nên. Hãy khuyên bảo chúng như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của đất. Con người chưa biết làm tổ để sống, con người giản đơn là một sợi tơ trong cái tổ sống đó mà thôi. Điều gì con người làm cho tổ sống đó, tức là làm cho chính mình. (5) Ngay cả đối với người da trắng, họ được đi cùng và nói chuyện với chúng như người bạn đối với người bạn, cũng không thể nào tránh khỏi số phận chung của con người. Sau hết chúng ta có thể trở thành anh em và hãy chờ xem. Nhưng điều mà chúng tôi biết trước được là đến một ngày nào đó người da trắng sẽ hiểu là chúng ta có cùng một Chúa, có thể lúc này Ngài nghĩ Ngài có Người (Chúa) nên Ngài muốn có mảnh đất này của chúng tôi. Nhưng Ngài sẽ không thể nào có được. Người là vị chúa của con người và tình cảm của Người sẽ được chia sẻ công bằng cho người da đỏ cũng như người da trắng. Mảnh đất này đối với Người là quý giá và làm tổn hại đến mảnh đất là khinh rẻ Đấng tạo thế. Người da trắng cũng vậy, rồi sẽ qua đi và còn sớm hơn tất cả các bộ lạc khác. Làm ô uế nắm mồ của Ngài, thì một đêm nào đó Ngài sẽ chết vì ngạt thở trên đất hoang mạc của Ngài. (Trích

Bức thư của thủ lĩnh da đỏ – Xi-at-ton, Theo tài liệu Quản lí môi trường phụ vụ phát triển bền vững, NXB Giáo dục, 2017)

Câu 1: Bức thư đã phê phán những hành động và thái độ gì của người da trắng thời đó?

- A. Tàn sát những người da đỏ.
- B. Hủy hoại nền văn hóa của người da đỏ.
- C. Thờ ơ, tàn nhẫn đối với thiên nhiên và môi trường sống.**
- D. Xâm lược các dân tộc khác.

Câu 2: Sự khác biệt của người da đỏ với người da trắng được thể hiện qua khía cạnh nào?

- A. Thái độ với đất đai
- B. Sự khác biệt về lối sống
- C. Thái độ với tự nhiên
- D. Tất cả đều đúng**

Câu 3: Trong đoạn trích trên, tác giả coi mình là:

- A. Người văn minh.
- B. Kẻ hoang dã.**
- C. Người chủ của vùng đất mà người da đỏ đang sống.
- D. Người trung thành với lợi ích của người da đỏ.

Câu 4: Thông điệp mà Bức thư của thủ lĩnh da đỏ muốn nhấn mạnh là gì?

- A. Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình.**
- B. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác.
- C. Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.
- D. Hãy khuyên bảo chúng tôi như chúng tôi thường dạy con cháu mình: Đất là Mẹ.

Câu 5: Trong đoạn trích, tác giả bức thư đã sử dụng kết hợp những biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh, nhân hóa và ẩn dụ.
- B. So sánh, nhân hóa và hoán dụ.
- C. So sánh, hoán dụ và ẩn dụ.
- D. So sánh, nhân hóa và điệp ngữ.**

Câu 6: Cụm từ "tôi là kẻ hoang dã" được lặp lại nhiều lần trong bức thư có ý nghĩa như thế nào?

- A. Thể hiện sự khiêm tốn của vị thủ lĩnh.
- B. Nhấn mạnh sự khác biệt của về lối sống của người da trắng và da đỏ.
- C. Nói lên người da đỏ chỉ biết một cách sống là hoà hợp với thiên nhiên.
- D. Tất cả đều đúng**

Câu 7: Giá trị bức thư của Xi-át-ton viết ở thế kỷ XIX cho tới hôm nay là gì?

- A. Tình yêu thiên nhiên và bảo vệ môi trường.**
- B. Đề cao quá trình đô thị hoá.
- C. Thái độ chống chiến tranh.
- D. Tất cả đều đúng

Câu 8. Vấn đề có ý nghĩa nhân loại nào được đặt ra trong văn bản này?

- A. Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên
- B. Phải chăm lo bảo vệ thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của mình
- C. Phải biết bảo vệ môi trường để bảo vệ nguồn sống.
- D. Cả 3 đáp án trên**

Câu 9. Từ văn bản Bức thư của thủ lĩnh da đỏ, em suy nghĩ gì về vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên?

Câu 10. Hãy giải thích vì sao một bức thư nói về chuyện mua bán đất đai cách đây một thế kỉ rưỡi nay vẫn được nhiều người xem là một trong những văn bản hay nhất nói về thiên nhiên và môi trường.

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết một đoạn văn (*khoảng 300 chữ*) chia sẻ cảm xúc về bài thơ sau:

Nhớ mùa thu Hà Nội

Hà Nội mùa thu, cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ
 Nằm kề bên nhau, phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu.
 Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội
 Mùa hoa sữa về thơm từng ngọn gió
 Mùa cỏm xanh về thơm bàn tay nhỏ
 Cỏm sữa vĩa hè thơm bước chân qua.
 Hồ Tây chiều thu, mặt nước vàng lay bờ xa mời gọi
 Màu sương thương nhớ, bày sấm cảm nhỏ vỗ cánh mặt trời.
 Hà Nội mùa thu đi giữa mọi người
 Lòng như thăm hỏi, tôi đang nhớ ai
 Sẽ có một ngày trời thu Hà Nội trả lời cho tôi
 Sẽ có một ngày từng con đường nhỏ trả lời cho tôi.
 Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội
 Nhớ đến một người...
 Để nhớ mọi người.

(Trịnh Công Sơn, lời thơ của bài hát *Nhớ mùa thu Hà Nội*)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	D	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Hiện nay môi trường và tài nguyên thiên nhiên đang bị ô nhiễm, bị khai thác bừa bãi. Điều đó đã dẫn đến hậu quả lớn về thời tiết, khí hậu và con người: thiên tai, lũ lụt, ảnh hưởng đến điều kiện	1,0

		sống, sức khỏe, tính mạng con người. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên có tầm quan trọng như vậy nên chúng ta cần thực hiện nhiều biện pháp để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Môi trường, tài nguyên thiên nhiên có vai trò đặc biệt quan trọng với cuộc sống của con người. Vì vậy chúng ta cần tích cực bảo vệ môi trường, tài nguyên nhiều hơn mỗi ngày. Biện pháp bảo vệ hiệu quả nhất là thực hiện tốt và nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường về tài nguyên thiên nhiên.	
	10	Câu 10. Tình yêu quê hương, đất nước của người da đỏ gắn liền với tình yêu đất đai, tình yêu thiên nhiên, môi trường sống xung quanh họ. Họ muốn bảo vệ thiên nhiên, đất đai của mình. - Cái mà họ muốn bảo vệ có ý nghĩa vô cùng quan trọng với thời đại chúng ta, đó là nguồn sống của nhân loại.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của đoạn văn .</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng nội dung chủ yếu cần bày tỏ cảm xúc.</i>	0,25
		<p><i>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:</i></p> <p>- Bài thơ là những dòng cảm xúc và nỗi nhớ thiết tha về một Hà Nội cổ kính, nên thơ vào độ thu về.</p> <p>- Về cấu trúc, bài thơ có năm khổ không đều nhau về số dòng, số chữ. Mỗi khổ biểu đạt một khía cạnh nội dung, cảm xúc; nhưng tất cả thể hiện nỗi nhớ của Trịnh Công Sơn về mùa thu và con người Hà Nội. Hai dòng đầu là nỗi nhớ về một Hà Nội mùa thu với vẻ đẹp lãng mạn, cổ kính mang dấu ấn của đất Kinh kỳ xưa. Khổ hai là nỗi nhớ của tác giả về hương hoa sữa, hương cốm mới – những nét rất đặc trưng của mùa thu Hà Nội. Khổ ba là hình ảnh Hồ Tây trong một buổi chiều thu huyền ảo, khói sương. Khổ bốn và năm là tình yêu và nỗi nhớ của tác giả về con người Thủ đô trong nỗi niềm riêng “nhớ đến một người”.</p> <p>- Bài thơ với ngôn từ và hình ảnh gợi cảm, mượt mà, đã diễn tả tài tình thần thái của mảnh đất kinh kỳ. Đó là một Hà Nội thật lãng mạn, mộng mơ khi mùa thu về cùng với nét trầm tư, cổ kính của “phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu” mà không nơi nào có được. Qua bài thơ, người đọc bắt gặp hồn thiêng núi sông ngàn năm, đồng thời vẽ nên một bức tranh mùa thu tuyệt vời, mê đắm lòng người qua hình ảnh “cây com nguội vàng, cây bàng lá đỏ”.</p> <p>- Nếu khổ đầu Trịnh Công Sơn hoài niệm về đẹp ấn tượng nhất, dễ</p>	3 đ

	<p>nhận thấy nhất của mùa thu Hà Nội qua màu đỏ của lá bàng, màu vàng của hàng cây cơm nguội, thì sang khổ hai tác giả lại tập trung vào cái tinh vi, vô hình nhưng lại sống động của mùi hoa sữa và hương cốm thơm mỗi độ thu về. Trong khoảnh khắc giao mùa ấy, nét đặc trưng của mùa thu Hà Nội được tác giả khám phá và đưa vào ca từ các hình ảnh vô cùng mới mẻ, ấn tượng. Từng ngọn gió mùa thu thơm nồng nàn hoa sữa, từng bàn tay nhỏ nhắn thơm hương cốm xanh, ngay cả những bước chân người đi trên hè phố cũng bắt giắc vương vương thơm mùi cốm sữa. Xa Hà Nội, nhưng những gì thuộc về Hà Nội vẫn không rời, cứ vẫn vương như một nỗi niềm: “Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội/Mùa hoa sữa về, thơm từng ngọn gió/Mùa cốm xanh về, thơm bàn tay nhỏ/Cốm sữa via hè, thơm bước chân qua”.</p> <p>- Trong khổ ba, hình ảnh Hồ Tây vào buổi chiều thu hiện lên huyền ảo và nên thơ như một bức tranh thủy mặc được nhà danh họa vừa phác vẽ xong. Mặt nước hồ lay động dưới ánh chiều vàng như thể đang xuyên xao, rung cảm theo tiếng mời gọi của bờ xa. Màu sương mờ lãng đãng, giăng giăng như niềm nhớ thương da diết; từng bầy sâm cầm tránh rét đang bay về hướng mặt trời tím hơi ẩm cuối thu.</p> <p>- Bài thơ sử dụng nhiều hình ảnh đặc trưng của Hà nội, các phép điệp ngữ, điệp cấu trúc, ngôn ngữ gợi cảm... trong lời thơ gợi lên tình cảm lưu luyến, băng khuâng và cả nỗi nhớ thiết tha trong tâm hồn tác giả.</p> <p>- Bài thơ làm chúng ta ngỡ ngàng khi nhận được tín hiệu tình yêu thiết tha, bỏng cháy của Trịnh Công Sơn dành cho con người nơi đây. Bắt đầu là tình yêu đối với một người khi “đi giữa mọi người”. Nỗi nhớ ở đây vừa hiện hữu, cụ thể về “một người” nhưng lại hoàn toàn vô hình, vô danh tính. Chính nét khơi gợi nhiều mộng lung ấy đã được sự chia sẻ, đồng cảm của nhiều bạn đọc yêu thơ, các thể hệ yêu nhạc Trịnh Công Sơn, yêu mùa thu Hà Nội.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 6: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Gửi các bậc phụ huynh kính mến!

Khi kỳ thi của các con đang tới gần, chúng tôi biết rằng, các vị đang mong ngóng con mình sẽ có được kết quả tốt nhất!

Tuy nhiên, xin quý vị hãy nhớ rằng, trong số các con những người có mặt tại kỳ thi này, sẽ có người trở thành một nghệ sỹ. Và một nghệ sỹ thì không cần hiểu sâu về môn Toán học. Có người sẽ trở thành doanh nhân - và công việc này không cần phải quá giỏi về Lịch sử hay Văn học Anh. Có người sẽ trở thành một nhạc sỹ và với họ, Hóa học sẽ chẳng có ý nghĩa gì cả. Có người sẽ trở thành vận động viên công việc này đòi hỏi có sức khỏe, thể chất tốt, chứ không cần quá giỏi về bộ môn Vật lý, giống như Schooling của chúng ta (là vận động viên bơi lội của đội tuyển Singapore vừa đoạt Huy chương vàng tại Olympic Rio 2016). Nếu con của bạn đạt điểm cao, đó là một điều thật tuyệt vời! Nhưng nếu con không thể hoàn thành tốt kỳ thi của mình thì xin quý vị đừng làm mất đi sự tự tin và nhân phẩm của con! Hãy nhẹ nhàng nói với con bạn rằng: Ôn thôi mà, đó chỉ là một kỳ thi. Và con được sinh ra trong cuộc đời này cho nhiều thứ lớn lao hơn nó. Hãy chia sẻ với con bạn, dù điểm số của con bao nhiêu, bố mẹ vẫn yêu thương con và không phán xét bất cứ điều gì về con!

Xin các bậc phụ huynh hãy làm như vậy! Và nếu các vị làm được, hãy chờ đợi con mình chinh phục thế giới như thế nào nhé! Một kỳ thi hay điểm số kém sẽ không thể gạt bỏ được những ước mơ và tài năng bên trong con người các con!

Và cuối cùng, tôi xin quý vị đừng bao giờ nghĩ rằng, chỉ có kỹ sư hay bác sỹ mới là những người hạnh phúc duy nhất trên thế giới này!

Trân trọng

Hiệu trưởng

(Trích bức thư của hiệu trưởng Singapore gửi phụ huynh)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm **D. Nghị luận**

Câu 2. Nội dung chính của đoạn trích trên?

A. Nhấn mạnh những quan điểm của thầy hiệu trưởng Singapore trước những bậc phụ huynh.

B. Nhấn mạnh vai trò của nhà trường.

C. Nhấn mạnh vai trò của giáo dục

D. Nhấn mạnh tác hại của việc học, những sai lầm của việc học.

Câu 3. Theo quan điểm của người viết, vì sao các bậc cha mẹ không nên tạo áp lực điểm số cho con mình?

A. Vì sẽ làm mất đi năng lực tự học của các con

B. Vì nó sẽ làm mất đi sự tự tin và nhân phẩm của con.

C. Vì sẽ làm mất đi năng lực sáng tạo, phẩm chất tự có của các con.

D. vì sẽ làm mất đi năng lực tư duy

Câu 4. Câu sau sử dụng biện pháp tu từ gì? “Và một nghệ sỹ thì không cần hiểu sâu về môn Toán học. Có người sẽ trở thành doanh nhân - và công việc này không cần phải quá giỏi về Lịch sử hay Văn học Anh”

A. So sánh

B. Nhân hoá

C. Liệt kê

D. Ẩn dụ

Câu 5. Chỉ ra biện pháp tu từ trong đoạn trích trên?

A. Liệt kê

B. So sánh

C. Điệp ngữ

D. Điệp cấu trúc.

Câu 6. Cho biết câu văn “*Và cuối cùng, xin đừng nghĩ rằng chỉ có kỹ sư hay bác sĩ mới là những người hạnh phúc duy nhất trên thế giới này.*” thuộc kiểu câu gì chia theo mục đích nói? Chức năng dùng để làm gì?

A. Câu nghi vấn (câu hỏi)

B. Câu cầu khiến

C. Câu cảm thán

D. Câu trần thuật.

Câu 7. Phần đầu văn bản thầy hiệu trưởng chia sẻ với phụ huynh với một tâm trạng như thế nào?

A. Vui vẻ, tự hào

B. Mong ngóng lo lắng

C. Hồi hộp lo âu

D. Tâm trạng lo sợ

Câu 8. Ý nghĩa của bức thư trên là

A. Thầy hiệu trưởng dặn dò các em hãy làm tốt bài thi của mình.

B. Thầy hiệu trưởng đã nhắn nhủ các bậc cha mẹ đừng quá coi trọng điểm số.

C. Thành công trong tương lai của con họ không hoàn toàn gắn kết vào những con điểm trong các kỳ thi như thế này. Tài liệu của Nhung tây

D. Cả ba nội dung trên

Câu 9. Theo em, qua bức thư trên, thầy hiệu trưởng muốn nhắn nhủ điều gì với các bậc phụ huynh học sinh?

Câu 10. Tại sao thầy hiệu trưởng lại nói rằng: “Nếu con bạn đạt điểm cao, điều đó thật là tuyệt vời? Nhưng nếu con không thể xin đừng làm mất sự tự tin và nhân phẩm của con” Em hiểu gì về câu nói trên?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>Câu 9.</p> <p>- Mỗi học sinh, con em của họ là một tài năng ẩn giấu, chúng có thể không giỏi cái này, cái kia nhưng chắc chắn sẽ có đam mê với một điều gì đó. Đừng thúc ép, bó buộc học sinh vào khuôn khổ của điểm số, hãy để chúng tự tạo cho mình lối đi riêng</p> <p>- Các bậc phụ huynh hãy cố gắng đặt mình vào vị trí của con để cảm nhận về những áp lực, sự ràng buộc mà chúng gặp phải. Tất cả đều</p>	1,0

		không giúp ích được cho sự phát triển của ước mơ. Hãy thông cảm, khuyến khích, hỗ trợ học sinh theo đuổi những gì được coi là thể mạnh và chúng yêu thích. Đừng ép con phải thật giỏi trong một lĩnh vực con không thích và cũng không liên quan lắm tới ước mơ của mình - Không những thế, cần theo dõi sát sao học sinh để nhận ra điểm mạnh, điểm yếu, từ đó có cách hỗ trợ tốt hơn	
	10	Câu 10. Vì theo thầy hiệu trưởng mỗi một học sinh có năng lực, sử trường khác nhau. Học tập chỉ là phương diện, không quyết định nhân phẩm, tính cách con người. Điểm số chỉ thể hiện một phần năng lực, đừng vì một bài thi chưa làm thoả mãn kì vọng của cha mẹ mà khiến con sợ hãi, đánh mất đi sự tự tin và niềm đam mê ở sử trường khác.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)	0,25
		<i>c. Triển khai hợp lí bài văn cần đảm bảo các yêu cầu sau:</i> 1. Mở bài Nêu vấn đề cần nghị luận: một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại (nghiện game – ham mê trò chơi điện tử, lối sống ích kỉ, vô cảm) 2. Thân bài a. Làm rõ vấn đề nghị luận Giải thích khái niệm về thói xấu: Nghiện game là gì? Sống ích kỉ là gì? Lối sống ảo là gì... b. Trình bày ý kiến phê phán, lí lẽ và bằng chứng để chứng minh phê phán là có cơ sở - Biểu hiện của thói xấu - Nguyên nhân hình thành thói xấu - Tác hại của thói xấu c. Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân - Nêu ý kiến phản biện: không đồng tình với ý kiến của người viết (giả định) - Học sinh cần ý thức tác hại của thói xấu để tránh mắc phải. - Tích cực học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân tốt đẹp hơn. 3. Kết bài Khẳng định ý kiến phê phán, bài học cho chính mình.	3 đ
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25

	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25
--	---	------

ĐỀ 7: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước. Lịch sử đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

(Trích Tinh thần yêu nước của nhân dân ta - Hồ Chí Minh)

Câu 1: Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm **D. Nghị luận**

Câu 2: Văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta được ra đời trong hoàn cảnh nào?

- A. Trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông.

B. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- C. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

- D. Trong cuộc kháng chiến chống phát-xít Nhật.

Câu 3: Văn bản nghị luận về nội dung gì?

- A. Truyền thống chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

- B. Tinh thần đoàn kết trong xây dựng đất nước ta.

C. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

- D. Truyền thống hiếu học của nhân dân ta.

Câu 4: Vấn đề nghị luận của bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta nằm ở vị trí nào?

- A. Câu mở đầu tác phẩm**

- B. Câu mở đầu đoạn hai

- C. Câu mở đầu đoạn ba

- D. Phần kết luận.

Câu 5: Để chứng minh làm rõ tinh thần yêu nước của đồng bào ta ngày nay, tác giả đã nêu những biểu hiện của lòng yêu nước, đó là những biểu hiện nào?

- A. Tất cả mọi người đều có lòng yêu nước

- B. Từ tiền tuyến đến hậu phương đều có hành động yêu nước

- C. Mọi nghề nghiệp, mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi đều thi đua yêu nước.

D. Cả ba phương án trên.

Câu 6: Trong bài văn trên, Bác Hồ viết về lòng yêu nước của nhân dân ta trong thời kỳ nào?

- A. Trong quá khứ

- B. Trong hiện tại

C. Trong quá khứ và hiện tại

- D. Trong tương lai

Câu 7: Câu “Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào

- A. Sử dụng biện pháp so sánh.

B. Sử dụng biện pháp liệt kê

- C. Sử dụng biện pháp ẩn dụ.

- D. Sử dụng biện pháp nhân hóa.

Câu 8: Bài văn Tinh thần yêu nước của nhân dân ta đề cập đến lòng yêu nước của nhân dân ta trong những lĩnh vực nào?

- A. Trong việc xây dựng đất nước.
- B. Trong công cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.
- C. Trong việc giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt.

D. Tất cả đều đúng

Câu 9. Thông điệp mà tác giả muốn gửi tới chúng ta qua văn bản tinh thần yêu nước của nhân dân ta là gì?

Câu 10. Qua văn bản trên, em hãy cho biết em cần phải làm gì để thể hiện trách nhiệm bảo vệ chủ quyền đất nước ta. Tài liệu của Nhung tây

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu” của nhà thơ Trần Tế Xương.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Văn bản ca ngợi và tự hào về tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết của nhân dân ta, từ đó kêu gọi mọi người cùng phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc.	1,0
	10	Câu 10. Luôn nêu cao ý thức trách nhiệm lòng tự hào dân tộc. - Là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường luôn ý thức tu dưỡng phẩm chất đạo đức, tích lũy tri thức để đóng góp cả vật chất và tinh thần cho công cuộc giữ vững chủ quyền dân tộc.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về tác phẩm văn học</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trò chơi điện tử	0,25
		<i>c. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về tác phẩm văn học</i> - Hiểu được đề bài yêu cầu những gì, sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí. - HS triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm và mỗi	0,5

	<p>luận điểm viết thành một đoạn văn. HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>- Nêu được vấn đề cần nghị luận về <i>tác phẩm văn học</i>:</p> <p>1. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - nêu khái quát nội dung bài thơ</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>a . Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bài thơ</p> <p>b. Phân tích làm rõ các luận điểm:</p> <p>* Cuộc thi năm Đinh Dậu: Hai câu đề mang tính chất tự sự, kể lại cuộc thi năm Đinh Dậu:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Nhà nước ba năm mở một khoa, Trường Nam thi lẫn với trường Hà.</i></p> <p>Bề ngoài có vẻ thật bình thường, kì thi mở theo đúng thông lệ đã có từ trước (ba năm mở một khoa). Tuy nhiên, tính chất không bình thường bộc lộ rõ ngay từ cách thức tổ chức: Trường Nam thi lẫn với trường Hà. Trước đây, trường Nam (Nam Định) và trường Hà (Hà Nội) đều thi riêng. Đến khoa Đinh Dậu, trường Nam, trường Hà thi chung. Từ “<i>lẫn</i>” – lẫn lộn tưng phèo - đã báo trước sự ô hợp, láo nháo trong thi cử.</p> <p>* Bọn sĩ tử, quan trường không còn nho phong, sĩ khí: Hai câu thực và hai câu luận gợi tả cụ thể hơn những nét đặc biệt của khoa thi Đinh Dậu.</p> <p>Ngòi bút tác giả hướng đến hai đối tượng chủ yếu nhất trong các kì thi: sĩ tử (người đi thi) và quan trường (quan coi việc thi).</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ, Ậm oẹ quan trường miệng thét loa.</i></p> <p>- Hình ảnh sĩ tử chẳng hề mang dáng dấp thư sinh. Họ thật luộm thuộm có vẻ bệ rạc: vai đeo lọ. Biện pháp đảo ngữ lôi thôi sĩ tử vừa nhấn mạnh sự luộm thuộm, không gọn gàng, vừa gây ấn tượng khái quát về hình ảnh những sĩ tử khoa thi này. Họ không có tư thế người đi thi, càng không có tư thế người làm chủ trong kì thi. Hình ảnh sĩ tử trong thơ Tú Xương đã phản ánh sự sa sút về “<i>nho phong sĩ khí</i>”, do sự nhốn nháo, ô hợp của hoàn cảnh xã hội đem lại.</p> <p>- Hình ảnh quan trường xuất hiện với vẻ ra oai, nạt nộ. Cái oai của quan trường là cái oai cố tạo, cái oai “vờ”. Từ ậm oẹ biểu đạt âm thanh của tiếng nói to nhưng bị can trong cổ họng nên trầm và nghe khò khè, nói lên cái oai không thực chất của quan trường. Cùng với biện pháp đảo ngữ ậm oẹ giọng thét loa</p>	2.5

	<p>của quan trường, có thể thấy được sự huyền ảo, lộn xộn của cảnh trường thi này. Quan phải thét vì sĩ tử chẳng ai nghe. Sĩ tử không ai nghe nên quan càng phải cố tỏ cái oai vờ nạt nộ.</p> <p>* Bộ mặt của bọn thực dân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh quan sứ và mũ đầm xuất hiện trong sự tiếp đón rất linh đình: Cờ cắm rợp trời. Cách ăn mặc của quan bà có phần diêm dúa, lòe loẹt: Váy lê quét đất mũ đầm ra. Biện pháp đảo ngữ: <i>Cờ cắm rợp trời quan sứ đến - Váy lê quét đất mũ đầm ra</i> cho thấy cờ trước, người sau, thấy váy trước, người sau, càng lộ rõ sự phô trương về hình thức. Quan sứ, bà đầm xuất hiện tuy có sự tiếp đón linh đình nhưng cũng không khác gì một màn trình diễn. - Nghệ thuật đối của thơ Đường luật được vận dụng một cách triệt để, tạo nên sức mạnh đả kích dữ dội, quyết liệt, sâu cay. Tú Xương đã đem “cờ” che đầu quan sứ đối với “váy” bà đầm. Với cách đối trên, nhà thơ đã hạ nhục bọn thực dân xâm lược. Tài liệu của Nhung tây - Tất cả hình ảnh sĩ tử, quan trường, quan sứ và mũ đầm giữa trường thi đều nói lên sự thiếu tôn nghiêm và có phần lố bịch của khoa thi Đình Dậu. <p>* Nỗi đau xót, tủi nhục của tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai câu kết có sự chuyển hướng đột ngột về giọng điệu, cảm xúc. Sáu câu trên có giọng mỉa mai, châm biếm. Đến hai câu kết, giọng điệu chủ yếu là trữ tình: <p><i>Nhân tài đất Bắc nào ai đó</i> <i>Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai câu thơ là lời lay gọi, đánh thức lương tri, lương tâm. Câu hỏi phiếm chỉ Nhân tài đất Bắc nào ai đó vừa để chỉ những sĩ tử trong khoa thi Đình Dậu - nơi tụ hội của tài trí đất Bắc - vừa mang ý nghĩa khái quát: tất cả những ai tự cho mình là “nhân tài đất Bắc”. Tú Xương nhắc tất cả nhân tài đất Bắc đó, hãy ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà. Trông cảnh nước nhà để nhận ra hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước. Từ nước nhà đặt ở cuối bài thơ mang dư âm tha thiết, có tác dụng thức tỉnh tinh thần dân tộc. - Đánh giá về nghệ thuật, nội dung <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát nội dung 	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.</p>	0,25

ĐỀ 8: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

“Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hột cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ. Cái nhà sàn của Bác vẻn vẻn chỉ có vài ba phòng, và trong lúc tâm hồn của Bác lồng gió thời đại, thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lồng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao!”

(Trích Đức tính giản dị của Bác Hồ - Phạm Văn Đồng)

Câu 1: Phép lập luận nào được sử dụng chủ yếu trong bài văn?

- A. Chứng minh B. Bình giảng C. Bình luận D. Phân tích

Câu 2: Theo em hiểu, lối sống giản dị là

- A. Là lối sống gần gũi với thiên nhiên
B. Là lối sống không cầu kì, phù hợp với hoàn cảnh của bản thân và xã hội.
 C. Là lối sống khép mình, ít chia sẻ với xung quanh.
 D. Là lối sống xa hoa, khoa trương với mọi người xung quanh

Câu 3: Vì sao Bác Hồ rất giản dị trong lời nói và bài viết?

- A. Vì Bác sinh ra ở nông thôn.
B. Vì Bác muốn nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được.
 C. Vì thói quen.
 D. Vì Bác có năng khiếu thơ văn.

Câu 4: Trong văn bản Đức tính giản dị của Bác Hồ, theo tác giả Phạm Văn Đồng, điều quan trọng cần làm nổi bật khi nói về Bác là gì?

- A. Cuộc đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất của Người.
 B. Lối sống bình dị của Người từ bữa ăn, làm việc cho đến lối cư xử đối với mọi người.
C. Sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn.
 D. Đức tính giản dị và tâm hồn cao thượng của Người.

Câu 5: Chứng cứ nào không được tác giả dùng để chứng minh sự giản dị trong bữa ăn của Bác Hồ trong đoạn trích Đức tính giản dị của Bác Hồ?

- A. Bác thích ăn những món được nấu rất công phu.**
 B. Lúc ăn không để rơi vãi một hạt cơm.
 C. Chỉ vài ba món giản đơn.
 D. Ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm

Câu 6: Đức tính giản dị của Bác Hồ được chứng minh qua các phương diện nào?

- A. Bữa ăn hằng ngày, nhà ở
 B. Việc làm
 C. Trong lời nói, bài viết của mình

D. Tất cả đều đúng

Câu 7: Viết về sự giản dị của Bác Hồ, tác giả đã dựa trên những cơ sở nào?

- A. Nguồn cung cấp thông tin từ những người phục vụ của Bác

B. Sự tưởng tượng, hư cấu của tác giả

C. Sự hiểu biết tường tận kết hợp với tình cảm yêu kính chân thành, thân thiết của tác giả đối với đời sống hàng ngày và công việc của Bác Hồ.

D. Những buổi tác giả phỏng vấn Bác Hồ.

Câu 8: Nét đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của bài văn là

A. Luận điểm ngắn gọn, tập trung, sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

B. Sử dụng nhiều phương pháp nghị luận như chứng minh, giải thích, nêu vấn đề

C. Luận chứng phong phú, cụ thể, xác thực.

D. Tất cả đều đúng

Câu 9. Qua bài văn “Đức tính giản dị của Bác Hồ” này, em hiểu như thế nào là đức tính giản dị và ý nghĩa của nó trong cuộc sống?

Câu 10. Qua văn bản về đức tính giản dị? Em sẽ làm gì để rèn luyện đức tính ấy?

II. VIẾT (4 điểm)

Phân tích những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ sau:

CHIỀU HỒM NHỚ NHÀ

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,

Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.

Gác mái, ngư ông về viễn phố,

Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,

Dặm liễu sương sa khách bước dồn.

Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?

(Bà Huyện Thanh Quan)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	C	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Giản dị là một đức tính, một phẩm chất cao đẹp mà mỗi chúng ta nên có. Giản dị với mỗi người thường thể hiện ở lời nói, ở việc làm, thể hiện trong lối sống, trong quan hệ với người xung quanh. Nó là cách ứng xử cao đẹp, nói lên sự hiểu biết của bản thân mỗi chúng ta. Giản dị giúp chúng ta	0.5

	lòng. - Trước cảnh, bà bộc lộ được niềm tâm sự của mình, một tâm sự hoài cổ, đầy nuối tiếc, muốn níu giữ những kỉ niệm xa xưa. * Nghệ thuật - Bài thơ đã đạt đến sự chuẩn mực trong việc sử dụng thể thơ Đường luật. Tài liệu của Nhung tây - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình được sử dụng tài năng và đem đến hiệu quả nghệ thuật to lớn. - Nghệ thuật đảo ngữ, chơi chữ cùng việc sử dụng các từ láy. 3. Kết bài: - Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Chiều hôm nhớ nhà và cảm nghĩ của em về bài thơ.	0.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát , dùng phương tiện liên kết câu ...	0,25

ĐỀ 9: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

1. CHIẾN TRANH VÀ “NGƯỜI BẢN XỨ”

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen bán thiu, những tên “An-nam-mít” bán thiu, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa “con yêu”, những người “bạn hiền” của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Dùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”. Nhưng họ đã phải trả bằng một cái giá khá đắt cái vinh dự ngọt ngào ấy, vì để bảo vệ cho cái công lý và tự do mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đổ ngọt xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây trên các bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh kỳ diệu của trò biển diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để bảo vệ tổ quốc của các loài thủy quái.

Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu thơ mộng vùng Ban-căng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng nước mẹ muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, - chả thế sao lại đem nường họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên bờ sông Mác-nơ, hoặc trong bãi lầy miền Săm-pa-nơ, để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn “bô-sơ”, nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khôn khổ ấy cũng đã khắc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa.

2. CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: Dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khoá, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên, từ 1915 – 1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên: lính khổ đở, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v...

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu “vật liệu biết nói” châu Á, thì vật liệu này đã không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ “vật liệu biết nói” đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là “chế độ lính tình nguyện” (danh từ mĩ mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ những lạm hết sức trắng trợn.

Đây! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này: Vị “chúa tỉnh” mỗi viên công sứ ở Đông Dương quả là một vị “chúa tỉnh” ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu Đ thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khoẻ mạnh, nghèo khổ, những người này phải chịu chết thoi nhưng không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: “đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra”.

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những người lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hi sinh “cho Tổ quốc”, đã trịnh trọng tuyên bố rằng:

- “Các bạn đã tấp nập đầu quân, các bạn đã không ngần ngại rời bỏ quê hương xiết bao triu mến để người thì hiến xương máu của mình như lính khổ đở, kẻ thì hiến dưng cánh tay lao động của mình như lính thợ”.

Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lỵ, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hoà và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sôi sảng đầu quân “tấp nập” và “không ngần ngại”? [...]

(Trích Bản án chế độ thực dân Pháp - Hồ Chí Minh)

Câu 1: Nguyễn Ái Quốc là tên gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kì nào?

- A. Thời kì niên thiếu Bác sống ở Huế.
- B. Thời kì Bác hoạt động cách mạng ở nước ngoài.
- C. Thời kì Bác lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống Pháp.**
- D. Thời kì Bác lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống Mĩ.

Câu 2: Nội dung chủ yếu của bản án chế độ thực dân Pháp là gì?

- A. Tố cáo và lên án những tội ác tày trời của thực dân Pháp trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá...
- B. Thể hiện tình cảm tủi nhục, khốn khổ của những người dân ở các xứ thuộc địa trên thế giới.
- C. Bước đầu vạch ra đường lối đấu tranh cách mạng đúng đắn cho các nước thuộc địa để tự giải phóng, giành độc lập.

D. Gồm ý A, B, C.

Câu 3: Nguyên nhân chính của việc các quan cai trị thực dân thay đổi thái độ đối với người dân thuộc địa?

- A. Vì chính quyền thực dân muốn thực hiện chính sách cai trị mới.
- B. Vì chính quyền thực dân muốn biến những người dân thuộc địa thành tấm bia đỡ đạn cho chúng trong cuộc chiến tranh phi nghĩa.**
- C. Vì chính quyền thực dân muốn giúp đỡ những người dân thuộc địa có một cuộc sống tốt hơn.
- D. Vì chính quyền thực dân muốn những người dân thuộc địa phải phục tùng họ tốt hơn nữa.

Câu 4: Ý nào dưới đây không thể hiện hành động trốn tránh và chống đối việc phải "đi lính tình nguyện" của những người dân thuộc địa?

- A. [...] bước chân vào trại lính là họ tìm mọi cơ hội để trốn thoát.
- B. Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách là cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất.
- C. Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài gòn, ở Biên Hoà và ở nhiều nơi khác nữa...

D. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do".

Câu 5: Thái độ của các quan cai trị thực dân đối với những người dân thuộc địa sau khi chiến tranh kết thúc như thế nào?

- A. Rũ bỏ mọi lời hứa hẹn và đối xử tàn tệ đối với những người dân thuộc địa.**
- B. Rũ bỏ mọi lời hứa hẹn. Tài liệu của Nhung tây
- C. Đối xử tàn tệ đối với những người dân thuộc địa.
- D. Nồng nhiệt chào đón họ trở về.

Câu 6: Sự ra đời của tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” có tác dụng như thế nào?

- A. Đã giải phóng các dân tộc bị áp bức ra khỏi “gông xiềng” của chủ nghĩa thực dân.
- B. Khơi dậy ý chí đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, đồng thời tạo nên một làn sóng đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.
- C. Giáng đòn tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa thực dân, đồng thời vạch ra con đường cách mạng và tương lai cho các dân tộc bị áp bức.**
- D. Làm cho bọn thực dân khiếp sợ và không dám tiếp tục bóc lột nhân dân các thuộc địa.

Câu 7: Theo Nguyễn Ái Quốc, nguyên nhân chính của việc bọn quan cai trị thực dân thay đổi thái độ đối với dân thuộc địa là gì?

A. Vì chính quyền thuộc địa có chủ trương mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân thuộc địa.

B. Vì chính quyền thực dân muốn biến những người dân thuộc địa thành tấm bia đỡ đạn cho chúng trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa.

C. Vì chính quyền thuộc địa thực hiện một chính sách cai trị hoàn toàn khác với trước đó.

D. Vì chính quyền thuộc địa, những người dân thuộc địa sẽ đứng lên chống lại chúng.

Câu 8: Giọng điệu chủ yếu trong đoạn trích “Thuế máu” là gì?

A. Giọng điệu vừa đanh thép, vừa mỉa mai chua chát.

B. Giọng điệu biểu cảm, giàu hình tượng.

C. Giọng điệu tán dương và tăng bốc.

D. Giọng điệu hùng hồn, giàu sức thuyết phục.

Câu 9. Tại sao tác giả cho rằng thuế máu là thứ thuế dã man nhất trong văn bản “Thuế máu”?

Câu 10. Nhan đề “Thuế máu” gợi cho em suy nghĩ gì?

II. VIẾT (4 điểm)

Trình bày suy nghĩ về câu nói: “*Học tập là cuốn vở không có trang cuối*”

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu 9. - Vì trong phần này tác giả đã vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa và các thủ đoạn tàn bạo của thực dân Pháp trong việc dùng người dân thuộc địa làm vật hi sinh trong các cuộc chiến tranh thảm khốc để mang lại quyền lợi cho nước Pháp. Lợi dụng xương máu của những người nghèo khổ để làm giàu, đó là một trong những tội ác ghê tởm nhất của chủ nghĩa thực dân.	0.5 0.5
	10	Câu 10. - “Thuế” vốn là một khái niệm đã quen thuộc. Nhưng tại sao lại gọi là “Thuế máu”? Cách đặt nhan đề tạo nên sự tò mò, mang đến sự chú ý, ấn tượng mạnh mẽ và gợi ra trong lòng độc giả nhiều suy nghĩ. Phải chăng chế độ của thực dân xâm lược tàn bạo và hà khắc đến mức nhân dân ta phải đóng	1,0

		<p>thuế bằng “máu”. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>- Chữ “Máu” ở đây có lẽ Nguyễn Ái Quốc dùng với ngụ ý là sức lực, sức khỏe, hay chính là tính mạng của chính người dân.</p> <p>- Cái tên "Thuế máu" này gọi lên số phận thảm thương của người dân thuộc địa, gọi lên lòng căm phẫn, thái độ mỉa mai của tác giả đối với tội ác ghê tởm của chính quyền thực dân.</p>	
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo về hình thức: một bài văn nghị luận một tác phẩm thơ, bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, Kết bài.</i>	0,25
		<p>a. Về kĩ năng:</p> <p>- Biết cách làm văn nghị luận xã hội về tư tưởng đạo lí.</p> <p>- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0,25
		c. Hs có trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	3.0
		<p>Học sinh có thể trình bày nhiều cách nhưng nêu được các ý chính sau:</p> <p>1. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu câu nói</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Giải thích câu nói:</p> <p>+ Học tập là gì? Là quá trình học hỏi, tiếp thu kiến thức và luyện tập kĩ năng.</p> <p>+ Cuốn vở là gì? Cuốn vở là đồ dùng học tập cần thiết nhằm ghi chép những điều đã học tập.</p> <p>+ Cuốn vở không có trang cuối nghĩa là gì? Nghĩa là việc học không bao giờ dừng lại .</p> <p>- Ý nghĩa câu nói: Học tập là công việc không ngừng nghỉ, cần phải tiếp tục suốt đời.</p> <p>b. Phân tích, chứng minh</p> <p>* Vì sao học tập là cuốn vở không có trang cuối?</p> <p>+Việc học tập rất quan trọng, kiến thức rất cần cho cuộc sống. Người có tri thức sẽ có khả năng thực hiện được mọi công việc, giải quyết được mọi vấn đề trong cuộc sống.</p> <p>+ Kiến thức nhân loại là vô tận mà hiểu biết của mỗi người còn quá ít ỏi. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>+ Những kiến thức mới mẻ luôn xuất hiện trong đời sống con người, nếu không học tập thì ta sẽ lạc hậu.</p> <p>+ Dừng học tức là thụt lùi (Học như bơi thuyền ngược nước. Không tiến sẽ phải lùi)</p>	<p>0.5</p> <p>1.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>

	b. Học sinh đưa dẫn chứng và phân tích c. Bàn luận: + Đánh giá tính đúng đắn của câu nói: Câu nói khẳng định tầm quan trọng của việc học tập, nhắc nhở mỗi người không ngừng học tập, phấn đấu vươn lên chiếm lĩnh tri thức. + Phê phán: những người chưa cố gắng học tập (lười biếng, ngại khó...) hoặc tự bằng lòng với kiến thức của mình ... 3. Kết bài + Liên hệ bản thân, rút bài học:	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát , dùng phương tiện liên kết câu ...	0,25

ĐỀ 10: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

“Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm “cung điện” của mình. Quả như một câu chuyện thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một người siêu phàm nào đó trong cổ tích. Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ chính trị, làm việc và ngủ, với những đồ đạc rất mộc mạc giản dị đơn sơ. Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn đậm dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.”

(Trích Phong cách Hồ Chí Minh - Lê Anh Trà)

Câu 1: Văn bản này thuộc thể loại nào?

A. Tự sự

B. Trữ tình

C. Thuyết minh

D. Nhật dụng sử dụng yếu tố nghị luận

Câu 2: Lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông của Bác được thể hiện như thế nào?

A. Nơi ở và nơi làm việc mộc mạc, đơn sơ

B. Trang phục giản dị: bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp

C. Ăn uống đạm bạc: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối...

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3: Trong quá trình tiếp thu tinh hoa văn hóa nước ngoài, Người tiếp thu một cách có chọn lọc, không ảnh hưởng thụ động, biết tiếp thu cái hay, cái đẹp phê phán hạn chế, tiêu cực, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 4. Em hiểu từ “phong cách” trong “phong cách Hồ Chí Minh” có nghĩa là gì?

A. Lối sống, cung cách sinh hoạt, làm việc, hoạt động, ứng xử tạo nên cái riêng của một người nào đó.

B. Đặc điểm có tính chất hệ thống về tư tưởng và nghệ thuật, biểu hiện trong sáng tác của một nghệ sĩ hay trong các sáng tác nói chung thuộc cùng một thể loại.

C. Dạng ngôn ngữ sử dụng theo yêu cầu chức năng diễn hình nào đó, khác với những dạng khác về đặc điểm từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 5. Để làm nổi bật lối sống rất giản dị của Hồ Chí Minh, tác giả đã sử dụng phương thức lập luận nào?

A. Chứng minh

B. Bình luận

C. Giải thích

D. Phân tích

Câu 6. Vì sao Hồ Chủ tịch lại có vốn văn hóa sâu rộng?

A. Học tập để nói, viết thạo tiếng nước ngoài: Anh, Pháp, Hoa...

B. Đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, học hỏi từ thực tiễn lao động

C. Tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật của khu vực khác nhau trên thế giới một cách sâu sắc, uyên thâm

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7. Ý nào nói đúng nhất những phương diện thể hiện lối sống giản dị của chủ tịch Hồ Chí Minh?

A. Nơi ở và nơi làm việc

B. Trang phục

C. Ăn uống và nơi ở

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 8. Bài học rút ra từ phẩm chất của Bác qua văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh” là gì?

A. Tấm lòng nhân hậu bao dung

B. Lối sống giản dị, thanh cao và ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc

C. Đức tính tiết kiệm

D. Sự liêm chính trong công việc

Câu 9. Cách học của Bác có còn phù hợp trong bối cảnh học tập hiện nay không? Em có thể học tập được gì từ phương pháp học tập của Bác?

Câu 10. Bác Hồ đã tiếp thu văn hóa nhân loại bằng cách nào? Qua đó, giúp em hiểu thêm điều gì về Bác?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩa của em về vấn đề “Học vẹt, học tử” của học sinh hiện nay.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5

	8	B	0,5
	9	<p>Câu 9. Trong quá trình tìm đường cứu nước Bác đã đến nhiều nơi, tiếp xúc văn hóa của nhiều nước bao gồm cả phương Đông và phương Tây. Đến bất cứ nơi nào Bác cũng chăm chú, tỉ mỉ quan sát. Nhưng sự học hỏi của Bác không phải là bắt chước mà là sự học hỏi có chọn lọc. Bác lựa chọn những gì tinh túy nhất, hay nhất để học cho mình. Cách học của Bác vẫn còn phù hợp trong bối cảnh học tập hiện nay. Học từ chính những người xung quanh mình, tiếp thu, góp nhặt những gì tinh túy để bổ sung vào vốn kiến thức của mình.</p> <p>Tài liệu của Nhung tây</p>	1,0
	10	<p>Câu 10. Hồ Chí Minh “đã tiếp thu” mọi cái hay cái đẹp của các nền văn hóa và “đã nhào nặn” tới cái gốc văn hóa dân tộc đã thấm sâu vào tâm hồn mình, máu thịt mình, nên đã trở thành “một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại”. Người “nói và viết thạo” nhiều ngoại ngữ như Pháp, Anh, Hoa, Nga. Không phải là lăm tiền đi du lịch mà trái lại cuộc đời Người “đầy truân chuyên”. Người “đã làm nhiều nghề”, và đặc biệt là “đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm”. Tài liệu của Nhung tây</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		<p>1. Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tốt kiểu bài nghị luận có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm. - Trình bày bố cục ba phần. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp. - Diễn đạt trôi chảy, trong sáng, mạch lạc. - Ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu chính xác. <p>2. Nội dung:</p> <p>Triển khai theo dàn bài gợi ý sau:</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: “Lối học vẹt, học tủ”</i></p>	0,25
		<p>Học sinh có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, nêu khái quát về vấn đề học vẹt và học tủ trong xã hội ngày nay. Sơ lược nhận định, ý kiến của em về vấn đề này. <p>2. Thân bài</p> <p>a. Giải thích về học vẹt học tủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học tủ là gì? Chỉ học một hoặc một vài phần trong số những kiến thức, bài học cần thiết. - Học vẹt là gì? Học thuộc vanh vách câu từ nhưng không hiểu ý nghĩa bài học. 	

	<p>- Học tủ, học vẹt là cách học sai lầm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng học tập.</p> <p>b. Nêu thực trạng học vẹt và học tủ trong nhà trường: cách học trở nên phổ biến, tràn lan, ít được quan tâm, kiểm soát ... (dẫn chứng một số ví dụ cụ thể).</p> <p>c. Những nguyên nhân dẫn đến học vẹt, học tủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần tự giác học tập của học sinh chưa cao (lười học bài, chờ may rủi nên chỉ học một phần). - Học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc lí giải và vận dụng kiến thức. - Nhiều trường hợp giáo viên nhồi nhét kiến thức, không tóm gọn trọng tâm bài học, cho ghi chép tràn lan khiến học sinh khó có thể vừa học thuộc vừa lí giải kĩ, tạo cảm giác mệt mỏi, chán học. - Việc rèn luyện, thực hành, ứng dụng thực tế trong nhà trường chưa được chú trọng khiến học sinh không có cơ hội kiểm chứng kiến thức, tiếp thu kiến thức thụ động, khó làm chủ kiến thức. <p>d. Những tác hại của học tủ, học vẹt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh mất hứng thú với việc học, dễ chán nản. - Không làm chủ được kiến thức, không ứng dụng được kiến thức vào thực tế khiến việc học mất đi ý nghĩa của nó. - Chất lượng giáo dục ngày càng đi xuống. - Hiệu quả làm việc trong tương lai không lí tưởng. - Xã hội ngày càng kém phát triển. <p>e. Biện pháp khắc phục việc học vẹt học tủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền giúp học sinh cần nâng cao ý thức, điều chỉnh thái độ trong học tập và tiếp cận kiến thức. - Học sinh xác định rõ mục tiêu học tập để có phương pháp học phù hợp. Tài liệu của Nhung tây - Cải cách, điều chỉnh phương thức giảng dạy kiến thức trong nhà trường. (tăng số lượng và hiệu quả các tiết thực hành, tóm gọn kiến thức trọng tâm tránh cho học sinh ghi chép thừa quá nhiều, làm sinh động bài giảng...) <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại quan điểm, ý kiến về vấn đề học tủ, học vẹt. Bàn luận mở rộng vấn đề. 	3 đ
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. 	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

I

ĐỀ 11: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

“Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ đang sống vô cảm, không quan tâm tới những chuyện diễn ra xung quanh mình. Họ không hề mảy may trước những cảnh tượng bất bình, đau khổ, cũng như không biết chiêm ngưỡng, tán thưởng những điều mang lại cho mình những cảm xúc tích cực.

(...) Gia đình, nhà trường và xã hội có một vai trò hết sức quan trọng. Gia đình chính là môi trường đầu đời hình thành nên những cảm xúc yêu thương, lòng nhân ái, giáo dục và trang bị cho trẻ những chuẩn mực đạo đức, giúp họ học cách lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ. Khi người lớn sống có trách nhiệm, quan tâm tới nhau, có những hành vi ứng xử đẹp, mang tính nhân văn thì đó sẽ là tấm gương để giới trẻ noi theo. Cùng với gia đình, nhà trường nên trang bị cho thanh thiếu niên những kỹ năng sống thiết thực, biết giúp đỡ mọi người, biết khơi dậy ở họ lòng nhân ái và tinh thần đấu tranh trước cái xấu, cái ác. Xã hội phải đề cao và tôn vinh những tấm gương sống cao đẹp, sống có trách nhiệm và nghĩa tình, sẵn sàng xả thân vì cộng đồng; tôn vinh và phát huy những giá trị truyền thống và đạo lý của dân tộc: “lá lành đùm lá rách”; “thương người như thể thương thân”.

(Theo <http://tuyengiao.bacgiang.gov.vn/>, ngày 27/06/2018)

Câu 1. Đoạn trích trên mang đặc trưng của kiểu văn bản nào?

- | | |
|---------------------------|-------------------------------|
| A. Văn bản thông tin | B. Văn bản nghị luận |
| C. Văn bản tự sự, miêu tả | D. Văn bản thuyết minh |

Câu 2. Mở đầu đoạn trích người viết nêu lên thực trạng gì?

- A. Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ đang sống vô cảm
 B. Hiện nay các bạn trẻ rất thông minh, năng động.
 C. Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ sẵn sàng xả thân vì cộng đồng
 D. Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ có hành vi ứng xử đẹp...

Câu 3: Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “vô cảm”?

- A. Vô cảm là lạnh nhạt, không hề quan tâm, để ý tới, không hề có chút tình cảm gì.
 B. Vô cảm là không có cảm xúc, không có tình cảm (trước những tình huống đáng ra phải có).
 C. Vô cảm là rung động mạnh mẽ trong lòng và trong thời gian tương đối ngắn, nhiều khi làm tê liệt nhận thức.
 D. Vô cảm là phản ứng tâm lí theo hướng tích cực với sự kích thích của hiện thực khách quan

Câu 4. Để đẩy lùi lối sống vô cảm trong các bạn trẻ, theo em đó là trách nhiệm của ai?

- | | |
|------------------------------|--|
| A. Trách nhiệm của gia đình. | B. Trách nhiệm của nhà trường. |
| C. Trách nhiệm của xã hội. | D. Trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội. |

Câu 5: Theo em, khi người lớn sống có trách nhiệm, quan tâm tới nhau, có những hành vi ứng xử đẹp, mang tính nhân văn sẽ tác động như thế nào đến giới trẻ?

- | | |
|--|---|
| A. Sẽ là tấm gương cho giới trẻ noi theo. | B. Sẽ khiến cho giới trẻ ngưỡng mộ. |
| C. Sẽ khiến cho giới trẻ có lối sống đẹp. | D. Sẽ khiến giới trẻ sống có trách nhiệm. |

Câu 6. Theo em, khi lối sống vô cảm trong xã hội, trong giới trẻ được đẩy lùi, xã hội sẽ như thế nào?

- A. Kinh tế sẽ phát triển vững mạnh.
 B. Đất nước phát triển trong hòa bình, hữu nghị.

C. Xã hội phát triển trong sự hài hòa, nhân văn.

D. Môi trường lành mạnh, trong sáng.

Câu 7. Nội dung chính mà đoạn trích muốn thể hiện là gì?

A. Đoạn trích nêu lên thực trạng về hiện tượng vô cảm ở giới trẻ hiện nay.

B. Đoạn trích nêu lên vấn đề về thói vô cảm ở giới trẻ hiện nay.

C. Đoạn trích nêu lên thực trạng về thói vô cảm ở giới trẻ và đưa ra giải pháp để thay đổi thực trạng đó.

D. Đoạn trích nêu vấn đề vô cảm ở giới trẻ và đưa ra giải pháp để thay đổi thực trạng.

Câu 8. Tác dụng của việc sử dụng các phép liên kết trong đoạn trích trên là:

A. Tạo tính mạch lạc và liên kết trong các câu văn trong đoạn văn.

B. Thể hiện rõ liên kết về mặt chủ đề của đoạn văn.

C. Tạo sự liên kết logic về mặt nội dung cho đoạn văn.

D. Tạo sự mạch lạc hoặc liên kết về mặt hình thức cho đoạn văn.

Câu 9. Từ bài viết em thấy rằng xã hội cần phải đề cao, trân trọng những con người như thế nào?

Câu 10. Theo em học sinh cần có trách nhiệm như thế nào để đẩy lùi lối sống vô cảm trong giới trẻ (nêu ít nhất hai biện pháp/ việc làm).

II. VIẾT (4 điểm)

Trình bày suy nghĩ về câu nói: “*Học tập là cuốn vở không có trang cuối*”

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	C	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu 9. Xã hội phải đề cao và tôn vinh những tấm gương sống cao đẹp, sống có trách nhiệm và nghĩa tình, sẵn sàng xả thân vì cộng đồng	1,0
	10	Câu 10. Trách nhiệm của học sinh: - Chăm chỉ học tập, sống có nghĩa tình, sẵn sàng xả thân vì cộng đồng - Trân trọng, phát huy các giá trị truyền thống và đạo lý tốt đẹp của dân tộc. Tài liệu của Nhung tây	1,0

	- Yêu thương, chia sẻ với mọi người	
II	VIẾT	4,0
	<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. “ Học tập là cuốn vở không có trang cuối”.</i>	0,25
	<p>1. Yêu cầu cần đạt</p> <p>a. Về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách làm văn nghị luận xã hội về tư tưởng đạo lí. - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. <p>b. Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày nhiều cách nhưng nêu được các ý chính sau:</p> <p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu câu nói trên. <p>2. Thân bài</p> <p>a. Giải thích câu nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học tập là gì? Là quá trình học hỏi, tiếp thu kiến thức và luyện tập kĩ năng. + Cuốn vở là gì? Cuốn vở là đồ dùng học tập cần thiết nhằm ghi chép những điều đã học tập. + Cuốn vở không có trang cuối nghĩa là gì? Nghĩa là việc học không bao giờ dừng lại. <p>→ Ý nghĩa câu nói: Học tập là công việc không ngừng nghỉ, cần phải tiếp tục suốt đời.</p> <p>b. Phân tích, chứng minh</p> <p>* Vì sao học tập là cuốn vở không có trang cuối?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Việc học tập rất quan trọng, kiến thức rất cần cho cuộc sống. Người có tri thức sẽ có khả năng thực hiện được mọi công việc, giải quyết được mọi vấn đề trong cuộc sống. + Kiến thức nhân loại là vô tận mà hiểu biết của mỗi người còn quá ít ỏi. Tài liệu của Nhung tây + Những kiến thức mới mẽ luôn xuất hiện trong đời sống con người, nếu không học tập thì ta sẽ lạc hậu. + Dừng học tức là thụt lùi (Học như bơi thuyền ngược nước. Không tiến sẽ phải lùi) <p>c. Học sinh đưa dẫn chứng và phân tích</p> <p>- Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá tính đúng đắn của câu nói: Câu nói khẳng định tầm quan trọng của việc học tập, nhắc nhở mỗi người không ngừng học tập, phấn đấu vươn lên chiếm lĩnh tri thức. + Phê phán: những người chưa cố gắng học tập (lười biếng, ngại 	3 đ

	khó...) hoặc tự bằng lòng với kiến thức của mình ...	
	3. Kết bài + Liên hệ bản thân, rút bài học:	
	d. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 12: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

“Chiếu xây dựng việc học

Xuống chiếu cho quan viên và toàn thể dân chúng trong thiên hạ được biết: Xây dựng đất nước lấy dạy học làm đầu, tìm lẽ trị bình, lấy việc tuyển nhân tài làm gốc. Trước kia bốn phương nhiều việc biến động, chế độ học hành không được sửa sang, phép khoa cử dần dần sa sút, nhân tài ngày một khan hiếm. Việc đời lúc yên, lúc loạn là lẽ tuần hoàn. Song sau khi loạn càng cần phải hưng khởi chấn chỉnh, lập giáo hóa, đặt khoa cử. Đó là quy mô lớn chuyển loạn thành trị vậy.

Trăm buổi đầu đại định vẫn có ý coi trọng Nho học, lưu tâm yêu mến kẻ sĩ, muốn tìm những người thực tài để giúp ích cho đất nước. Chiếu này ban xuống, dân các xã nên lập nhà học của xã mình, chọn những Nho sĩ có học hạnh, đặt làm chức giảng dụ cấp xã để dạy dỗ học trò. Còn như từ vũ ở các phủ thì cho phép dân địa phương chọn làm nơi để quan huấn đạo của phủ đến đặt làm trường giảng tập của phủ. Hẹn trong năm nay sẽ mở khoa thi hương chọn lấy những Tú tài hạng ưu sung vào trường quốc học, còn hạng thứ thì đưa về trường học ở phủ. Những người đỗ Hương cống của triều cũ chưa được bổ nhiệm thì đưa đến triều đình đợi sung bổ vào các chức Huấn đạo, Tri huyện. Các Nho sinh và Sinh đồ cũ đều cho đợi đến kỳ để vào thi. Loại ưu thì được vào tuyển, loại kém thì trả về trường học của xã. Còn các “Sinh đồ ba quan” thì đều trả về hạng thường dân, và phải cùng gánh vác phu phen tạp dịch. Từ nay về sau, các xã hễ đặt chức giảng dụ thì phải nộp danh sách cho quan huyện, để chuyển đệ lên, để quan triều đình cấp bằng, khiến họ biết được sự khích lệ của trên.

Việc này quan hệ đến điển chương lớn buổi đầu, ai nấy phải mài rũa chí khí, phấn chấn tinh thần để đón phúc lành, để cùng bước lên con đường thanh thang, giúp cho nền thịnh trị trong sáng.

Vậy bố cáo xa gần, khiến mọi người đều biết”.

(Trích Chiếu lập học - Quang Trung)

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên?

A. Hịch B. Cáo C. Chiếu D. Tấu

Câu 2. Nêu phương thức đạt chính của đoạn trích trên?

A. Nghị Luận B. Tự sự C. Miêu tả D. Biểu cảm

Câu 3. Vua Quang Trung ban Chiếu lập học nhằm mục đích gì?

A. Coi trọng chấn chỉnh nền giáo dục nước nhà.
B. Coi trọng sử dụng người hiền tài, từ đó đề cao việc đào tạo nhân tài cho đất nước từ các cấp làng xã đến phủ huyện.

C. Mong muốn có một nền giáo dục quốc dân phát triển để đào tạo được nhiều nhân tài, tri thức góp phần xây dựng đất nước hùng mạnh.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 4. “Việc xây dựng đất nước lấy việc dạy học làm đầu, tìm lẽ trị bình lấy việc tuyển nhân tài làm gốc” Câu nói trên thể hiện quan điểm gì của vua Quang Trung?

A. Vị trí của giáo dục và nhân tài trong quá trình xây dựng đất nước

B. Quan điểm xây dựng nền giáo dục toàn dân

C. Xây dựng nền giáo dục dựa trên nền tảng Nho học

D. Xây dựng nền giáo dục dựa trên nền tảng Tây học

Câu 5. Triều đại Tây đề cao chữ viết nào?

A. Chữ Hán.

B. Chữ nôm

C. Chữ quốc ngữ

D. Chữ Pháp

Câu 6. Các từ: Trẫm, kẻ sĩ, nho học, lưu tâm trong câu sau: “*Trẫm buổi đầu đại định vẫn có ý coi trọng Nho học, lưu tâm yêu mến kẻ sĩ*” là từ:

A. Từ thuần Việt

B. Từ Hán Việt

C. Từ mượn tiếng Pháp

C. Từ mượn tiếng Anh

Câu 7. Theo đoạn trích những người đỗ Hương Cống sẽ được triều đình bổ nhiệm vào các chức gì?

A. Chức quan tri phủ

B. Chức quan tri huyện

C. Đại tổng quản

D. Huân đạo tri huyện

Câu 8. Chiếu lập học của vua Quang Trung tiếp nối truyền thống nào của dân tộc ta?

A. Truyền thống của một nước văn hiến.

B. Truyền thống tôn sư trọng đạo,

C. Trọng hiền tài của dân tộc

D. Cả ba đáp án trên

Câu 9. Em rút ra bài học gì qua chiếu lập học của vua Quang Trung? Em hiểu câu “Xây dựng đất nước lấy việc học làm đầu” như thế nào?

Câu 10. Chiếu lập học của vua Quang trung nói lên hoài bão gì?

II. VIẾT (4 điểm)

Câu nói của M. Go-rơ-ki: “Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống” gợi cho em những suy nghĩ gì?

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	B	0,5
	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. (1 điểm)	1,0

	<p>- Khẳng định tầm quan trọng đối với việc học, việc xây dựng đất nước phải trọng người tài.</p> <p>- Chọn người tài thông qua khoa chế độ thi cử và lựa chọn những người có thực học, có tài để làm việc.</p> <p>- Phản ánh những tệ nạn trong vấn đề tuyển chọn người tài, hệ thống cơ sở giáo dục xuống cấp, người thực tài lại không được trọng dụng.</p> <p>⇒ Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp bách của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>- “Xây dựng đất nước lấy việc học làm đầu”. Đó là ý tưởng nhìn xa trông rộng của vua Quang Trung nói riêng và của triều đại Tây Sơn nói chung khi được thành lập trên cơ sở một phong trào nông dân rộng rãi chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Công cuộc xây dựng đất nước sau chiến thắng giặc Mãn Thanh đặt lên vai người lãnh đạo đất nước. Vua Quang Trung đã chứng tỏ mình chẳng những là nhà lãnh đạo kiệt xuất của phong trào Tây Sơn mà còn tỏ ra có bản lĩnh lẫn tầm chiến lược trong việc xây dựng đất nước văn hiến sau chiến thắng.</p>	
	<p>10 Câu 10. (1 điểm)</p> <p>- Sự coi trọng chân chính nền giáo dục nước nhà và coi trọng sử dụng người hiền tài, từ đó đề cao việc đào tạo nhân tài cho đất nước từ các cấp làng xã đến phủ huyện.</p> <p>- Tư tưởng đề cao việc dạy học cùng với hoài bão muốn có một nền giáo dục quốc dân phát triển để đào tạo được nhiều nhân tài, tri thức góp phần xây dựng đất nước hùng mạnh.</p>	1,0
II	VIẾT	4,0
	<p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Bài văn nghị luận bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.</p> <p>- Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>* Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>- HS có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:</p>	0,25
	<p>1. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu vai trò của sách (Sách là báu vật không thể thiếu trong đời sống con người)</p> <p>- Trích dẫn câu nói của M. Go-rơ-ki: “”</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giải thích sách là gì?</p> <p>- Là kho tàng tri thức</p>	

	<p>- Là sản phẩm của quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và là kho tàng quý báu của nhân loại</p> <p>b. Lí giải vì sao: Sách là nguồn kiến thức vô tận, chỉ có kiến thức mới là con đường sống?</p> <p>- Sách là nguồn kiến thức vô tận của loài người, là sản phẩm kì diệu của con người.</p> <p>- Sách cho ta hiểu về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, giúp con người hiểu sâu hơn về khoa học tự nhiên, về tâm lí, tình cảm...qua nhiều loại sách khác nhau. (dẫn chứng)</p> <p>- Sách giúp ta hiểu về cuộc sống con người trong các thời kì khác nhau, các dân tộc khác nhau... (dẫn chứng)</p> <p>- Chỉ có kiến thức, chúng ta mới biết được cái đúng cái sai, điều phải điều trái, chính nghĩa phi nghĩa. Từ đó, ta mới tìm được con đường đi phía trước của mình một cách đúng đắn. Ta mới sống một cách đúng nghĩa.</p> <p>c. Suy nghĩ của bản thân về câu nói của M. Go-rơ-ki: Câu nói hoàn toàn đúng vì ông đã chỉ ra được tác dụng to lớn của sách.</p> <p>- Cần phải chọn sách tốt, sách hay để đọc và tránh xa sách dở, sách có hại. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>- Cần phải chăm đọc sách để hiểu biết nhiều hơn và sống tốt hơn.</p> <p>- Cần tiếp cận ánh sáng trí tuệ chưa đựng trong sách, hiểu nội dung sách và làm theo sách... Tài liệu của Nhung tây</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định tính đúng đắn của câu nói.</p> <p>- Khẳng định lại tác dụng to lớn của sách.</p> <p>- Nêu phương hướng hành động của cá nhân.</p>	3 đ
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 13: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Dụ rằng:

Từ xưa sách lược chế ngự giặc không ngoài đánh, giữ, hòa, ba điều mà thôi. Đánh thì chưa chắc có cơ hội, giữ thì khó đạt đủ sức lực, hòa thì đòi hỏi không chán. Đang lúc thế sự muôn khó vạn khẩn như vậy, bắt buộc phải dụng quyền. Thái Vương dời sang đất Kỳ, Huyền Tông thăm chơi nẻo Thục, người đời xưa cũng đều có làm cả.

Nước ta gần đây bỗng gặp nhiều việc. Trăm tuổi trẻ nói ngoi, không lúc nào nguôi nghĩ đến tự cường tự trị.

Phái viên Tây ngang bức, càng ngày càng quá. Trước đây, chúng tăng thêm binh thuyền, buộc theo những điều không thể được, ta chiếu lệ tiếp đón, không chịu nhận một thứ gì. Người kinh đô náo sợ, nguy biến chỉ trong sớm chiều. Đại thần lo việc quốc gia chỉ nghĩ

kẻ nước được yên, triều đình được trọng, cứ cúi đầu nghe mệnh, ngồi để mất cơ hội, sao bằng thấy âm mưu biến động của giặc mà đối phó trước? Ví như việc đến không tránh được thì cũng còn có ngày nay để lo cho tốt cái lợi sau này, ấy là do thời thế xui nên vậy. Phàm đã dự chia mỗi lo này, tưởng cũng dự biết. Biết thì phải dự vào, nghiêng răng dựng tóc, thề giết hết giặc, nào ai không có lòng như thế? Gối gươm, đánh chèo, cướp giáo, lặn chum, chẳng lẽ không có ai sao? Vả thần tử đứng ở triều chỉ có theo nghĩa thôi, nghĩa ở đâu thì sự chết sống ở đấy. Hồ Yển, Triệu Thôi nước Tấn, Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật nhà Đường là người thế nào đời cổ vậy?

Trẫm đức mỏng, gặp biến cố này, không thể hết sức giữ toàn, đô thành bị hãm, Từ giá phải dời, tội ở mình trẫm, xấu hổ vô cùng. Chỉ duy luân thường quan hệ, trăm quan khanh sĩ không kể lớn nhỏ, tất không bỏ trẫm, kẻ trí hiến mưu, người dũng hiến sức, kẻ giàu bỏ của trợ giúp quân nhu, đồng bào đồng trạch chẳng từ gian hiểm, phải thế chứ? Đến như cứu nguy chống đỡ, mở chỗ nguy khôn, giúp nơi bức bách, không tiếc tâm lực, ngay sau lòng trời giúp thuận, chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành an, thu lại cồi bờ chỉ cơ hội này, phúc của tôn xã tức là phúc của thần dân, cùng lo với nhau thì cùng nghỉ với nhau, há chẳng tốt sao? Nhược bằng lòng sợ chết nặng hơn lòng yêu vua, nghĩ lo cho nhà hơn nghĩ lo cho nước, làm quan thì mượn cớ tránh xa, đi lính thì đào ngũ trốn tránh, dân không biết hiểu nghĩa cứu gấp việc công, sĩ cam bỏ chỗ sáng đi vào nơi tối, ví không phải sống thừa ở đời thì áo mũ mà hóa ra cạm thú ngựa trâu, ai nữa làm thế? Thường cũng hậu mà phạt cũng nặng, triều đình tự có phép tắc, chớ để hối hận sau này! Phải nghiêm sự tuân hành!

Khâm thủ.

Ngày 2 tháng 6 niên hiệu Hàm Nghi thứ nhất (1885)

Câu 1. Nêu phương thức đạt chính của đoạn trích trên?

- A. Nghị Luận B. Tự sự C. Miêu tả D. Biểu cảm

Câu 2. Xác định thể loại của đoạn trích trên?

- A. Hịch B. Cáo C. Chiếu D. Tấu

Câu 3. “Cần vương” có nghĩa là

- A. Giúp vua cứu nước. B. Những điều bậc quân vương cần làm.
C. Đứng lên cứu nước. D. Chống Pháp xâm lược.

Câu 4. Nội dung chủ yếu của chiếu Cần vương là

- A. Kêu gọi quần chúng nhân dân đứng lên kháng chiến
B. Kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước vì vua mà đứng lên kháng chiến
C. Kêu gọi tiến hành cải cách về chính trị, xã hội
D. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp

Câu 5. Nhân tố nào là chất xúc tác thổi bùng lên một phong trào yêu nước rộng lớn cuối thế kỉ XIX?

- A. Tác động của cuộc khai thác thuộc địa
B. Mâu thuẫn trong nội bộ triều đình Huế
C. Sự ra đời của chiếu Cần Vương
D. Mâu thuẫn dân tộc phát triển gay gắt

Câu 6. Tôn Thất Thuyết thay mặt vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương khi đang ở đâu?

A. Kinh đô Huế

B. Căn cứ Ba Đình

C. Tân sở (Quảng Trị)

D. Đồn Mang Cá

Câu 7. Câu sau sử dụng biện pháp gì? “*Vả thần tử đứng ở triều chỉ có theo nghĩa thôi, nghĩa ở đâu thì sự chết sống ở đấy. Hồ Yên, Triệu Thôi nước Tấn, Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật nhà Đường là người thế nào đời cổ vậy?*”

A. So sánh

B. Nói quá

C. Điệp cấu trúc

D. Liệt kê

Câu 8. Đâu không phải là nội dung của chiếu Cần vương?

A. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp.

B. Khẳng định quyết tâm chống Pháp của triều đình kháng chiến.

C. Kêu gọi nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước.

D. Kêu gọi bãi binh, thương lượng với Pháp để bảo vệ vương quyền.

Câu 9. Từ đoạn trích trên em hãy cho biết ý nghĩa của chiếu Cần vương?

Câu 10. Em có đánh giá gì qua hành động ra chiếu cần Vương của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết?

II. VIẾT (4 điểm)

Một số bạn em đang đua đòi theo lối ăn mặc không lành mạnh. Em hãy viết một bài nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đúng đắn hơn.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	B	0,5
	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>Câu 9. (1 điểm)</p> <p>- Chiếu Cần vương kêu gọi văn thân, sĩ phu, nhân dân ra sức giúp vua vì mục tiêu đánh Pháp, khôi phục nền độc lập dân tộc, lập lại chế độ phong kiến có vua hiền, vua giỏi.</p> <p>Khẩu hiệu “Cần vương” đã nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa yêu nước cháy âm ỉ bấy lâu, một phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài 12 năm, đến cuối TK XIX mới chấm dứt.</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p>
	10	<p>Câu 10. (1 điểm)</p> <p>- Hành động này khích lệ các văn thân, sĩ phu tham gia chống giặc cứu nước.</p>	1,0

		- Từ hành động này dẫn đến phong trào Cần Vương phát động cuộc kháng chiến trong cả nước.	
II		VIẾT	4,0
		a. Về Hình thức: - Có bố cục mạch lạc, lời văn trong sáng, diễn đạt mạch lạc, trình bày sạch đẹp không mắc lỗi diễn đạt, chính tả.	0,25
		b. Về nội dung: - Nắm được thể loại văn nghị luận chứng minh. - Nêu được những biểu hiện của lối ăn mặc không lành mạnh, đưa ra những lời khuyên về cách ăn mặc đúng đắn. HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau, song cần đảm bảo được các ý chính sau:	0,25
		1. Mở bài: - Dẫn dắt: hiện tượng chạy đua theo mốt của học sinh hiện nay. - Nêu vấn đề: Làm tương đó là hợp thời nhưng tổn tiền của, thời gian vô ích, làm phai nhạt truyền thống văn hóa dân tộc. Vậy chạy theo mốt đúng hay không ? 2. Thân bài: HS cần trình bày được các ý sau: Nếu bạn trút bỏ những chiếc áo sơ mi trắng, quần xanh/ đen để mặc vào mình những bộ quần áo không hợp với người Việt Nam. Hôm nay là một quần bò tua gấu, ngày mai là áo ngắn cũn cỡn, giày cao gót, áo chun...thì mọi người sẽ nghĩ gì về bạn... Có những bạn trước đây ăn mặc giản dị sau thời gian cách ăn mặc thay đổi, cho rằng cách ăn mặc mới này là” sành điệu”.... Dù vậy, vẫn còn có những bạn mặc bộ quần áo mà một số các bạn khác cho là lỗi thời, lạc hậu nhưng bạn đó vẫn được rất nhiều người tôn trọng quý mến vì bộ quần áo bạn mặc vẫn hợp tuổi trẻ, vẫn đẹp, vẫn hấp dẫn...Vì vậy ta có thể khẳng định rằng: đẹp không phải căn cứ vào mốt... Hiện nay, nước ta có nhiều khách du lịch đến, nếu họ thấy trên hè phố toàn những thanh niên, học sinh ...với những bộ quần áo “sành điệu” như vậy liệu họ sẽ nghĩ gì về cách ăn mặc của thanh niên Việt Nam. 3. Kết bài: - Khái quát lại nội dung vấn đề về cách ăn mặc không lành mạnh của một số bạn HS hiện nay. - Đưa ra những lời khuyên bổ ích và liên hệ bản thân....	0.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	1.5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát , dùng phương tiện liên kết câu ...	0.5
			0,25
			0,25

ĐỀ 14: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)**

Tôi chỉ quan niệm được một cách đi bộ ngao du thú vị hơn đi ngựa: đó là đi bộ. Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy. Ta quan sát khắp nơi; ta quay sang phải, sang trái; ta xem xét tất cả những gì thấy hay hay; ta dừng lại ở tất cả mọi khía cạnh. Tôi nhìn thấy một dòng sông ư, tôi đi men theo sông; một khu rừng rậm ư, tôi đi vào dưới bóng cây; một hang động ư, tôi đến tham quan; một mỏ đá ư, tôi xem xét các khoáng sản. Bất cứ nơi đâu tôi thích, tôi lưu lại đấy. Hễ lúc nào tôi thấy chán, tôi bỏ đi luôn. Tôi chẳng phụ thuộc vào những con ngựa hay gã phu trạm. Tôi chẳng cần chọn những lối đi có sẵn hay những con đường thuận tiện, tôi đi qua bất cứ nơi nào con người có thể đi qua; tôi xem tất cả những gì mà con người có thể xem; và chỉ phụ thuộc vào bản thân tôi, tôi hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ. Nếu do thời tiết xấu không đi bộ được và thấy chán rồi, lúc đó tôi đi ngựa. Nếu tôi mệt... nhưng Emin có một gì lắm đâu, em to khỏe và sao em lại mệt được cơ chứ, em chẳng hề vội vã. Nếu em dừng lại, làm sao em có thể chán được, ở chốn nào em cũng có thứ để giải trí. Em vào nhà một người thợ, em làm việc, em vận động hai cánh tay để cho đôi bàn chân nghỉ ngơi.

{...}

“Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách ngao du thú vị ấy, không kể sức khỏe được tăng cường, tính khí trở nên vui vẻ. Tôi thường thấy những kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cái kính hoặc đau khổ; còn những người đi bộ lại luôn luôn vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả. Ta hân hoan biết bao khi về gần đến nhà ! Một bữa cơm đạm bạc mà sao có vẻ ngon lành thế! Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn ! Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tồi tàn! Khi ta chỉ muốn đến một nơi nào, ta có thể phóng bằng xe ngựa trạm; nhưng khi ta muốn ngao du, thì cần phải đi bộ.”

(Đi bộ ngao du - Ru-Xô)

Câu 1: Luận điểm nào được nêu trong đoạn hai của văn bản *Đi bộ ngao du*?

- A. Đi bộ là cách đi ngao du thú vị hơn đi bộ.
- B. Các niềm hứng thú khác nhau mà đi bộ ngao du đem lại cho con người.
- C. Đi bộ ngao du giúp con người có dịp trau dồi vốn kiến thức.**
- D. Tác dụng của việc đi bộ ngao du.

Câu 2: Trong *Đi bộ ngao du*, Ru-xô đã kết hợp các phương thức biểu đạt nào?

- A. Nghị luận + biểu cảm**
- B. Nghị luận + miêu tả
- C. Nghị luận + thuyết minh
- D. Miêu tả + biểu cảm

Câu 3: Theo tác giả, người đi bộ ngao du phải phụ thuộc vào cái gì?

- A. Những con ngựa.
- B. Những con đường thuận tiện.
- C. Gã phu trạm.
- D. Bản thân họ.**

Câu 4: Trong đoạn hai của *Đi bộ ngao du*, tác giả phê phán những ai?

- A. Những người đi ngao du bằng xe ngựa.
- B. Những triết gia phòng khách.**
- C. Những nhà tự nhiên học.
- D. Những người đi ngao du bằng xe đạp.

Câu 5: Trong đoạn ba của văn bản *Đi bộ ngao du*, tác giả sử dụng phương tiện gì để bộc lộ cảm xúc của mình?

- A. **Câu cảm thán** B. Các từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm.
C. Câu nghi vấn dùng để bộc lộ cảm xúc. D. Câu trần thuật.

Câu 6: Qua đoạn trích có thể thấy nhà văn Ru-xô là người như thế nào?

- A. Giản dị B. Quý trọng tự do.
C. Yêu mến thiên nhiên D. **Gồm cả A, B, C.**

Câu 7: Những điều bổ ích của việc đi bộ ngao du được tác giả nhắc đến trong đoạn ba là gì?

- A. Sức khoẻ được tăng cường.
B. Tính khí trở nên vui vẻ.
C. Tiết kiệm được tiền bạc.

D. Gồm ý A và B

Câu 8: Đặc sắc nghệ thuật của văn bản *Đi bộ ngao du* là gì?

- A. Lập luận hợp lí, chặt chẽ.
B. Kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ với các dẫn chứng lấy từ thực tiễn của nhà văn.
C. Giọng văn giàu cảm xúc.

D. Gồm cả A, B, C.

Câu 9. Theo đoạn trích Tác giả đã nêu ra những lợi ích nào của đi bộ ngao du?

Câu 10. Qua bài này, em hiểu gì về con người và tư tưởng của Ru-xô?

II. VIẾT (4 điểm)

Hiện nay một số bạn trong lớp còn lơ là trong học tập, em hãy viết một bài văn để khuyên các bạn ấy học tập chăm chỉ hơn.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>Tác giả đã nêu ra 3 lợi ích to lớn của việc đi bộ ngao du:</p> <p>- <i>Đi bộ ngao du ta hoàn toàn được tự do, thoải mái:</i> Ta ưa đi lúc nào thì đi, ta thích dừng lúc nào thì dừng, ta muốn hoạt động nhiều ít thế nào là tùy... ta quay sang phải, sang trái... Như vậy, chẳng phải là đi bộ ngao du là cách mà con người được giải phóng, được tự do hay sao</p> <p>- <i>Đi bộ ngao du làm cho con người có dịp trau dồi kiến thức của</i></p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p>

	+ Cuộc sống sau này cần phải có tri thức, muốn có tri thức thì ngay bây giờ cần phải chăm chỉ học tập. + Có kiến thức bạn sẽ làm chủ bản thân. 3. Kết bài: - Khẳng định vai trò to lớn của việc học tập đối với mỗi người đặc biệt là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường.	0.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...	0,25

ĐỀ 15: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

"Ngọc không mài, không thành đồ vật, người không học không biết rõ đạo." Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chúa tầm thường, thần nịnh hót. Nước mất nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.

Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho các thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cự triều, đều tùy đâu tiện đấy mà đi học.

Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến Tứ thư, Ngũ kinh, Chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước như thế mà vững yên. Đó thực mới là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

{...}

Kẻ hèn thần này cung kính tấu trình.

(Trích Bàn luận về phép học - Nguyễn Thiếp)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng ở văn bản Bàn luận về phép học?

- A. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Thuyết minh

Câu 2: Văn bản được viết theo thể loại nào?

- A. Hịch B. Cáo C. Chiếu D. Tấu

Câu 3: Quan niệm của Nguyễn Thiếp về mục đích chân chính của việc học là gì?

- A. Học để làm người có đạo đức
 B. Học để trở thành người có tri thức
 C. Học để góp phần làm hưng thịnh đất nước
 D. Tất cả đều đúng

Câu 4: Nhận định nào sau đây nói đúng nhất ý nghĩa của câu "Người ta đua nhau lối học hình thức cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường"?

- A. Phê phán lối học sách vở, không gắn với thực tiễn.
 B. Phê phán lối học thực dụng, hòng mưu cầu danh lợi.
 C. Phê phán lối học thụ động, bắt chước.
 D. Phê phán lối học sai trái, không vì chính nghĩa

Câu 5: Câu nào sau đây trong đoạn trích nêu rõ vai trò của việc học?

- A. Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người, kẻ đi học là học điều ấy.
 B. Nước Việt ta từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền.
 C. Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học không biết rõ đạo.
 D. Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cự triều đều tùy đâu, tiện đấy mà đi học.

Câu 6: Bàn luận về phép học được trích dẫn từ đâu?

- A. Bài cáo của vua Quang Trung
 B. Bài tấu của Nguyễn Thiếp
 C. Bài hịch của Nguyễn Thiếp
 D. Bài tấu của Nguyễn Trãi

Câu 7: Trong văn bản gửi cho vua Quang Trung, Nguyễn Thiếp đã đề cập đến ba điều mà các bậc làm vua nên biết. Đó là ba điều gì?

- A. Quân đức (đức của vua), dân tâm (lòng dân), học pháp (phép học).
 B. Dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.
 C. Văn, võ, hiếu.
 D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 8: Theo Nguyễn Thiếp, muốn học tốt thì phải làm gì?

- A. Đọc thật nhiều sách, tiếp thu thật nhiều tri thức.
 B. Có phương pháp học đúng đắn, đồng thời phải siêng năng chăm chỉ.
 C. Học phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, đặc biệt học phải đi đôi với hành.
 D. Cần phải có thầy thật giỏi thì mới học tốt.

Câu 9. Văn bản trên có hai đoạn bàn về phép học đó là phép học nào? Tác dụng và ý nghĩa của ngừng phép học ấy? Từ thực tế việc học của bản thân, em thấy phương pháp học tập nào là tốt nhất? vì sao?

Câu 10. Theo tác giả mục đích của việc học là để học đạo, em có đồng ý như vậy không?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0.5
	2	D	0.5
	3	D	0.5
	4	B	0.5
	5	C	0.5
	6	B	0.5
	7	A	0.5
	8	C	0.5
	9	Câu 9. (1 điểm) - Bài tấu bàn về phép học tác giả đã đưa ra một số phép học đó là: - Học theo trình tự từ thấp đến cao để có một cái nền kiến	0,5 0,5

		<p>thức rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn tức là phải nắm chắc, hiểu sâu vấn đề. - Đặc biệt là phải học đi đôi với hành, biến lí thuyết trên sách vở thành hành động trong thực tiễn. - Từ thực tế việc học của bản thân em thấy phương pháp học tập học đi đôi với hành là hiệu quả nhất. Vì phương pháp này giúp em hiểu sâu và chủ động kiến thức, áp dụng vào thực tế cuộc sống một cách chủ động. 	
	10	<p>Câu 10. (1điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo tác giả mục đích của việc học là để học đạo, em hoàn toàn đồng ý với điều đó. <p>Vi: Đạo mà Nguyễn Thiếp nói đến là đạo làm người. Việc học giống như là mài ngọc thành đồ vật vậy, con người không học thì cũng không thể thành người được. Đó là cả một quá trình dài đầy gian khổ và thách thức nhưng mục đích chính mà việc học đặt ra là để hoàn thiện con người. Sự hoàn thiện đó bao gồm trước hết là đạo đức và sau đó là tri thức. Tức là học để biết cách làm người, học để sống tốt, cư xử đúng chuẩn mực con người không học hành, tu dưỡng thì chẳng thành được con người có khả năng làm việc tốt, giúp ích cho đời. Đạo học ngày trước lấy rèn luyện đạo đức làm chính, đó là những cách cư xử trong tam cương ngũ thường ngày xưa.</p>	1,0
II		LÀM VĂN	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống</p> <p>Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.</p> <p>Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp... thông qua các lí lẽ và dẫn chứng...</p> <p>Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.</p>	
		<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.</p>	0,5
		<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>1. Mở bài</p> <p>Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường.</p> <p>Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào khả năng của mình.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Thực trạng</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Ở trong trường học, hiện tượng các em học sinh chửi bới, lăng mạ, sỉ nhục bạn bè hiện nay khá phổ biến. - Bên cạnh việc lăng mạ, xúc phạm người khác thì hiện tượng đánh nhau giữa học sinh cũng không phải khó gặp, thậm chí có nhiều trường hợp công an phải vào cuộc. - Tình trạng bạo lực học đường không chỉ xảy ra giữa các bạn nam mà hiện nay còn xảy ra ở các bạn nữ. <p><i>b. Nguyên nhân</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Chủ quan: do ý thức của các bạn học sinh còn kém, muốn thể hiện bản thân mình hơn người nên dùng bạo lực và ngôn ngữ không đứng đắn để chứng minh. + Khách quan: do sự quản lí còn lỏng lẻo của gia đình và nhà trường, chưa định hướng cho các em tư duy đúng đắn dẫn đến những hành động lệch lạc. <p><i>c. Hậu quả</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành thói hung hăng, tính cách không tốt cho người thực hiện hành vi bạo lực; gây tổn hại, ảnh hưởng về sức khỏe, về tâm lí cho người bị hành hung. - Gây ra những hình ảnh xấu cho học sinh, nhà trường và gia đình. - Vấn đề bạo lực học đường sau này sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhân cách của các em học sinh, khiến cho các em dễ trở thành người xấu. <p><i>d. Giải pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi học sinh cần có nhận thức đúng đắn, sống chan hòa với mọi người, hướng đến những điều tốt đẹp, không dùng bạo lực để giải quyết vấn đề. - Gia đình cần quan tâm đến con em của mình nhiều hơn, giáo dục về ý thức, tư duy cho các em. - Nhà trường cần có những biện pháp nghiêm khắc để xử lí những hành vi bạo lực học đường để răn đe và không cho các em tái phạm. <p>3. Kết bài</p> <p>Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm		10,0

“Từng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Núi sông bờ cõi đã chia
Phong tục Bắc - Nam cũng khác.
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương,
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có... ”

Câu 1: Đoạn trích Nước Đại Việt ta được rút ra từ?

- A. Bình Ngô đại cáo
B. Ước Trại thi tập
C. Quốc âm thi tập
D. Quân trung từ mệnh tập

Câu 2: Đoạn trích Nước Đại Việt ta, Nguyễn Trãi chủ yếu sử dụng phương thức biểu đạt nào?

- A. Nghị luận** B. Tự sự C. Thuyết minh D. Miêu tả

Câu 3: Bình Ngô đại cáo được sáng tác theo thể văn nào?

- A. Văn vắn
B. Văn xuôi
C. Văn biền ngẫu
D. Cả A, B, C đều sai

Câu 4: Mục đích của việc nhân nghĩa thể hiện trong Bình Ngô đại cáo?

- B. Nhân nghĩa là để yên dân, làm cho dân được sống ấm no.**

Câu 5: Bình ngô đại cáo được coi l bản tuyên ngôn thứ hai về độc lập, vậy bài thơ nào được coi bản tuyên ngôn thứ nhất về chủ quyền dân tộc?

- C. Nam quốc sơn hà - Lí Thường Kiệt**

Câu 6: Hoàn cảnh sáng tác của Bình Ngô đại cáo là

- A. Khi nghĩa quân Lam Sơn đã lớn mạnh.
B. Sau khi quân ta đại thắng giặc Minh xâm lược.
 C. Trước khi quân ta phản công quân Minh xâm lược.
 D. Khi giặc Minh đang đô hộ nước ta.

Câu 7: ý nào dưới đây thể hiện trình tự mà Nguyễn Trãi đưa ra để khẳng định tư cách độc lập của dân tộc?

- A. Cương vực, lãnh thổ, nền văn minh, truyền thống lịch sử, chủ quyền, phong tục.
B. Nền văn hiến, cương vực lãnh thổ, phong tục, truyền thống lịch sử, chủ quyền.
 C. Truyền thống lịch sử, nền văn hiến, chủ quyền, cương vực lãnh thổ, phong tục.
 D. Chủ quyền, truyền thống lịch sử, phong tục, nền văn hiến, cương vực lãnh thổ.

Câu 8: Câu nào giải thích chính xác nhất nghĩa của từ “hào kiệt”?

- A. Người có tài năng, chí khí hơn hẳn người thường.**
 B. Người có tinh thần cao thượng, hết lòng vì người khác.
 C. Người có ý chí mạnh mẽ, không tính toán thiệt hơn.
 D. Người có công trạng lớn lao đối với nhân dân, đất nước.

Câu 9. Ý nghĩa của đoạn trích “Nước Đại Việt ta” của Nguyễn Trãi?

Câu 10. Sức thuyết phục văn chính luận của Nguyễn Trãi được thể hiện như thế nào qua đoạn trích trên?

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) mà em đã được học, được nghe.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu 9. (1 điểm) Đoạn trích “Nước Đại Việt ta” có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là đất nước có nền văn hiến, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử... bất kì hành động xâm lược trái đạo lí nào của kẻ thù đều sẽ phải chịu một kết cục thất bại	0,5 0,5
	10	Câu 10. (1 điểm) Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi là ở chỗ kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và thực tiễn. Nguyễn Trãi đã tự tin khẳng định truyền thống văn hiến lâu đời của nước Việt ta. - Nhân dân ta có chủ quyền, có thuần phong mỹ tục riêng làm nên hai phương Bắc - Nam khác biệt. Ta có nền độc lập vững vàng được xây bằng những trang sử vẻ vang. Hùng cứ cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên ở phương Bắc là các triều	1,0

		Triệu, Đinh, Lý, Trần ở phương Nam. => Vậy là sức mạnh của nhân nghĩa, một khái niệm chung chung trừu tượng đã được người anh hùng dân tộc làm cho sinh động bằng chính thực tiễn lịch sử oai hùng của dân tộc.	
II		LÀM VĂN	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.</p> <p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.</p> <p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. 2. Thân bài - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...)) 3. Kết bài Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.</p>	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0

ĐỀ 17: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

TRẦN ĐĂNG KHOA: TÁC GIẢ CỦA TUỔI THƠ TRONG TRẺO

Được biết đến là cây bút nổi bật trong giới thi ca Việt Nam, Trần Đăng khoa là người có nét riêng xuất sắc trong số các nhà thơ đương đại trước năm 1975. Ông luôn có cái

nhìn bao quát về cuộc sống, những chất liệu được dệt trong các tác phẩm hầu hết là sự quen thuộc xung quanh.

Suốt hơn năm mươi năm sáng tác, Trần Đăng Khoa đã cho ra đời hơn hai mươi tập thơ và trường ca như *Khúc hát người anh hùng*, *Bên cửa sổ máy bay* hay *Chân dung và đối thoại*, chưa kể đến một số tập bút kí và tiểu luận phê bình. Tuy nhiên nổi trội nhất vẫn là *Góc sân và khoảng trời* hay.

Bằng những đặc sắc trong ngòi bút, Trần Đăng Khoa đã ghi dấu ấn trong lòng người đọc bao kí ức về miền tuổi thơ với chất thơ nhẹ nhàng, hồn nhiên mà đầy chân thật nhưng cũng không kém phần sâu sắc với nhiều tầng ý nghĩa.

Mười tuổi ông đã có những câu thơ vo cùng trong trẻo và xúc động chạm đến trái tim người đọc. Qua lăng kính của một cậu bé, hạt gạo hiện lên trong bức tranh đầy màu sắc cùng với giọt mồ hôi và nỗi khó nhọc của người nông dân. Không những thế, tác phẩm *Hạt gạo làng ta* còn chứa đựng cả hình ảnh tảo tần của những người phụ nữ hậu phương. Bao nhiêu hạt gạo là bấy nhiêu chân tình cùng nỗi nhớ nhung khắc khoải của quê hương dành cho tiền tuyến....[*Hạt gạo làng ta*]

Quê hương và thiên nhiên luôn hiện hữu trong các tác phẩm của Trần Đăng Khoa như một hình tượng nghệ thuật giàu sức gợi, được cảm nhận bằng tấm lòng của một người con đã gắn bó với mảnh đất mình sinh ra và lớn lên....[*Trăng ơi từ đâu đến?*]

Thơ của Trần Đăng Khoa không chỉ hồn nhiên, trong sáng mà còn du dương như một bản đồng giao với cách gieo chữ có hồn, có nhịp. Trong thơ của ông, nhạc điệu không chỉ là giai điệu của tâm hồn mà còn khả năng tạo hình, tạo nghĩa tinh tế. Thế giới âm thanh giàu tiết tấu trong từng vần thơ của cậu bé mười bốn tuổi đã phần nào khẳng định tài năng xuất chúng với trình độ thượng thừa trong cách chơi chữ xứng đáng với danh xưng “thần đồng” thi ca. Không những thế nahf thơ còn lồng ghép linh hoạt nhiều phép nghệ thuật như ẩn dụ, nhân hóa hay từ láy khiến thơ của ông không những hóm hỉnh, vui nhộn mà còn vô cùng có chiều sâu và đầy tinh tế...[*Cây dừa*]

Điều khiến thơ ông khác lạ so với những nhà thơ cùng độ tuổi lúc bấy giờ là cách đưa thế giới xung quanh vào tác phẩm bằng một tâm hồn sâu sắc cùng đôi mắt quan sát nhạy bén. Từng vần thơ Trần Đăng Khoa đã thể hiện trọn vẹn vẻ đẹp hồn nhiên, chân thực của trẻ thơ nên dễ dàng chạm đến trái tim của độc giả và để lại trong họ miền kí ức tươi đẹp của những ngày còn thơ bé. Dù có phủ bao nhiêu lớp bụi của thời gian thì thơ Trần Đăng Khoa vẫn luôn sống mãi trong dòng chảy văn chương bởi những nội dung, nghệ thuật đặc sắc chứa đựng trong từng câu chữ...

Cho đến tận hôm nay, Trần Đăng Khoa vẫn mãi là tinh tú trên bầu trời văn học Việt Nam. Các tác phẩm của ông không chỉ đóng góp cho thơ ca nước nhà những áng thơ bay bổng mà còn giúp người đọc lưu giữ miền kí ức tuổi thơ vào sâu trong tâm khảm.

(Theo Thiên Nhi, <https://revologuecom/tac-gia-tran-dang-khoa>)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại văn bản nào?

- A. Nghị luận văn học.
- B. Nghị luận xã hội.
- C. Văn bản thơ
- D. Văn bản truyện viễn tưởng.

Câu 2. Chất liệu làm nên tác phẩm thơ Trần Đăng Khoa là gì?

- A. Con người và các mối quan hệ
- B. Những sự vật giải dị, quen thuộc xung quanh

C. Những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày

D. Những vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên

Câu 3. Tác giả bài viết đã nhận định phong cách thơ Trần Đăng Khoa như thế nào?

A. Châm biếm, đả kích

B. Hài hước vui vẻ, tự nhiên

C. Mạnh mẽ, mãnh liệt

D. Nhẹ nhàng hồn nhiên nhưng sâu sắc

Câu 4. Để chứng minh thơ Trần Đăng Khoa trog veo và xúc động, chạm tới trái tim người đọc, tác giả bài viết đã phân tích những bài nào?

A. Cây dừa. B. Đám ma bác giun. C. Hạt gạo làng ta. D. Trăng ơi từ đâu đến?.

Câu 5. Tác giả bài viết đã lấy bài thơ nào làm dẫn chứng cho chủ đề gắn bó với quê hương và thiên nhiên trong thơ Trần Đăng Khoa?

A. Cây dừa. B. Đám ma bác giun. C. Hạt gạo làng ta. D. Trăng ơi từ đâu đến?

Câu 6. Đánh dấu X vào đặc trưng nghệ thuật của thơ Trần Đăng Khoa được nhắc đến trong văn bản?

STT	Đặc trưng nghệ thuật	Đánh dấu
1	Du dương với cách gieo chữ có vần nhịp	
2	Hình ảnh thơ hoành tráng, kì vĩ	
3	Nghệ thuật tương phản đối lập sử dụng triệt để	
4	Sử dụng linh hoạt nhiều biện pháp nghệ thuật như ẩn dụ, nhân hóa, từ láy	

Câu 7. Văn bản được kết thúc bằng nội dung nào?

A. Khẳng định vẻ đẹp trong phong cách và giá trị thơ ca của Trần Đăng Khoa

B. Bàn về những tác phẩm mới xuất bản của Trần Đăng Khoa.

C. Phát biểu cảm nghĩ về con người Trần Đăng Khoa thể hiện trong thơ ca.

D. Nói về con người Trần Đăng Khoa ở thời điểm hiện tại.

Câu 8. Câu “Trăng ơi...từ đâu đến?” thuộc kiểu câu nào?

A. Câu hỏi

B. Câu cầu khiến

C. Câu cảm thán.

D. Câu kể.

Câu 9. Chọn và viết một đoạn thơ giàu tính nhạc của Trần Đăng Khoa?

Câu 10. Liệt kê danh sách những bài thơ của Trần Đăng Khoa mà em đã học?

II. VIẾT. (4,0 điểm)

Phân tích nhân vật trong thơ Trần Đăng Khoa mà em thích nhất.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc	1	A	0,5
	2	B	0,5

hiểu	3	D	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	1,4	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	Học sinh chọn và viết một đoạn thơ giàu tính nhạc của Trần Đăng Khoa. VD: <i>Mưa, Mẹ ốm, Trăng ơi từ đâu đến?</i>	1,0
	10	Học sinh liệt kê những bài thơ đã học của Trần Đăng Khoa theo trí	1,0
II. Viết	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.		0,25
	b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Phân tích nhân vật trong thơ Trần Đăng Khoa mà em thích nhất dựa trên hoạt động, ngôn ngữ, cử chỉ của nhân vật.		0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu về bài thơ, tác giả Trần Đăng Khoa và nhân vật - Phân tích các đặc điểm của nhân vật, các đoạn văn cần nêu đủ ý kiến, lí lẽ, và dẫn chứng cụ thể minh họa - Phân tích nghệ thuật xây dựng tâm lí nhân vật và các nghệ thuật tiêu biểu khác - Khái quát, đánh giá chung về đặc điểm của nhân vật trong bài thơ của Trần Đăng Khoa		0,5 1,0 1,0 0,5
	d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.		0,25
	e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh.		0,25

ĐỀ 18: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

“Bạn biết chẳng, thế gian này có điều kì diệu, đó là không ai có thể là bản sao 100% của ai cả. Bởi thế, bạn là độc nhất, tôi cũng là độc nhất. Chúng ta là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vẹt đực.

Vấn đề không phải là vẹt hay thiên nga. Vẹt có giá trị của vẹt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga. Vấn đề không phải là hơn hay kém, mà là sự riêng biệt. Và bạn phải biết trân trọng chính bản thân mình. Người khác có thể đóng góp cho xã hội bằng tài kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật, thì bạn cũng có thể đóng góp cho

xã hội bằng lòng nhiệt thành và sự lương thiện.

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.

(Bản thân chúng ta là những giá trị có sẵn - Phạm Lữ Ân)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Văn bản thông tin
- B. Văn bản nghị luận
- C. Tản văn
- D. Truyện ngắn

Câu 2. Luận đề trong văn bản trên là gì?

- A. Mỗi người sinh ra có một giá trị riêng biệt
- B. Trong cuộc sống có người tài giỏi và có người yếu kém
- C. Giá trị của vẹt và thiên nga
- D. Mỗi người phải chuyên cần cố gắng từng ngày

Câu 3. Đoạn văn thứ 3 được triển khai theo cách nào?

- A. Diễn dịch
- B. Quy nạp
- C. Song song
- D. Phối hợp

Câu 4. Nghĩa của thành ngữ “ độc nhất vô nhị” là:

- A. tâm địa độc ác là duy nhất
- B. sự khác biệt là độc nhất
- C. sự riêng biệt độc đáo là duy nhất
- D. duy nhất, độc đáo, chỉ có một không có hai

Câu 5. Trong các nhóm từ sau, đâu là nhóm từ Hán Việt?

- A. tài năng, vô dụng, thông minh, vượt qua
- B. tài năng, chuyên cần, vô dụng, bẩm sinh
- C. tài năng, vô dụng, thông minh, ấm áp
- D. tài năng, vô dụng, thông minh, cà vạt

Câu 6. Điều kì diệu mà tác giả nói tới trong văn bản trên là gì?

- A. Không ai có thể là bản sao 100% của ai cả
- B. Vẹt có giá trị của vẹt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga
- C. Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một
- D. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon

Câu 7. Phần in đậm trong văn bản trên sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Ẩn dụ
- B. Đảo ngữ
- C. Điệp ngữ
- D. So sánh

Câu 8. Câu văn “Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn.” có vai trò gì trong đoạn văn?

- A. Lí lẽ
- B. Dẫn chứng
- C. Vừa là lí lẽ vừa là dẫn chứng
- D. Luận điểm

Trả lời các câu hỏi sau

Câu 9. Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản ?

Câu 10. Vấn đề mà văn bản đề cập đến có ý nghĩa như thế nào với em?

II. VIẾT (4 điểm).

Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thơ trào phúng mà em thích nhất.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	- Nêu đúng thông điệp mà văn bản muốn gửi: <i>Mỗi con người đều có những giá trị tốt đẹp riêng, hãy biết trân trọng giá trị đó</i>	1,0
	10	HS nêu được Em nhận ra giá trị có sẵn tốt đẹp của em là gì? Em đã thể hiện giá trị đó như thế nào? Em cần làm gì để hoàn thiện bản thân mình hơn?	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài phân tích tác phẩm VH</i> - Hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học. - Hiểu được cách trình bày luận điểm, luận cứ, lập luận trong bài văn nghị luận văn học. - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i>	0,25
		<i>c. - Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học.</i> - Trình bày được quan điểm, ý kiến (tán thành) của người viết về giá trị đặc sắc của TPVH.	0,5
		1. Mở bài Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có). 2. Thân bài Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương. - Phương án 1:	2,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Ý 1: Câu thơ thứ ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) - Ý 2: Câu thơ thứ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) - Ýn... - Phương án 2: - Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán...) - Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng...) <p>3. Kết bài</p> <p>Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng, giá trị nghệ thuật của tác phẩm.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>- Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thuyết minh; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25

5. VĂN BẢN THÔNG TIN

Đề 1: Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

“Mây ngũ sắc là sự xuất hiện của màu sắc trong một đám mây tương tự như những gì chúng ta được nhìn thấy trên các màng dầu trong một vũng nước, nói chung nằm trong vùng gần vị trí biểu kiến của Mặt Trời hoặc Mặt Trăng. Nó là một hiện tượng khá phổ biến, thường thấy nhất trong mây trung tích, mây ti tích, mây hình hạt đậu và mây ti. Chúng đôi khi xuất hiện như các dải song song với rìa của đám mây. Ngũ sắc đôi khi cũng được nhìn thấy trong mây tầng bình lưu vùng cực (còn gọi là "mây xà cừ"). Màu sắc thường là nhạt màu như màu phấn tiên (màu tùng lam), nhưng có thể rất rực rỡ hoặc pha trộn với nhau, đôi khi tương tự như xà cừ. Khi xảy ra gần Mặt Trời, hiệu ứng có thể khó phát hiện khi nó bị chìm trong ánh sáng chói lòa của Mặt Trời. Điều này có thể khắc phục bằng cách chặn ánh sáng mặt trời bằng tay hoặc quan sát nó dưới bóng của cây cối hoặc tòa nhà. Các vật hỗ trợ khác là kính tối màu, hoặc quan sát bầu trời phản xạ qua gương lồi hoặc trong một vũng nước. Mây ngũ sắc rất hiếm.

{...}

Ở Trường Sa, nếu biển mang nhiều sắc màu kì thú thì bầu trời cũng không kém phần hấp dẫn. Đặc biệt, có những hôm, trong ráng chiều đỏ ối phản chiếu xuống mặt biển còn xuất hiện những đám mây ngũ sắc. Chúng có sức hấp dẫn khiến người ta nhìn hàng giờ không chán.

Thời điểm hoàng hôn có những đám mây được nhuộm sắc xà cừ óng ánh điệu đà. Có những đám mây quay quanh mặt trời và tạo ra lỗ hồng để lọt ánh nắng xuống nhìn như một cái "giếng trời" giữa thiên nhiên. Lại có những đám mây màu sẫm có viền ánh sáng chói lọi xung quanh khiến chúng càng nổi bật và sắc nét trên nền trời. Những đám mây kì ảo ở Trường Sa luôn thay đổi hình dáng, màu sắc, khiến cho bầu trời trở nên sinh động ở mọi thời khắc.

(Theo Nguyễn Xuân Thuỷ)

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào đã học?

- A. Truyện ngắn
- B. Tiểu thuyết
- C. Văn bản thông tin
- D. Tùy bút

Câu 2: Đoạn trích trên cung cấp thông tin gì?

- A. Cung cấp thông tin về hiện tượng sao băng
- B. Cung cấp thông tin về hiện tượng mây ngũ sắc, hiện tượng thiên nhiên kì thú
- C. Cung cấp thông tin về hiện tượng lũ lụt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long
- D. Cung cấp thông tin về Biển Đông.

Câu 3: Các từ mây, mặt trời, mặt trăng trong câu sau: ““Mây ngũ sắc là sự xuất hiện của màu sắc trong một đám mây tương tự như những gì chúng ta được nhìn thấy trên các màng dầu trong một vũng nước, nói chung nằm trong vùng gần vị trí biểu kiến của Mặt Trời hoặc Mặt Trăng.” Sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- A. Từ đồng nghĩa
- B. Từ trái nghĩa
- C. Từ tượng thanh
- D. Trường từ vựng

Câu 4: Các đám mây ngũ sắc có sức hấp dẫn như nào?

- A. Khiến người ta nhìn hàng giờ không chán
- B. Khiến người ta cảm thấy vui vẻ
- C. Khiến người ta cảm thấy nhớ
- D. Khiến người ta suy nghĩ về nó

Câu 5: Thời điểm nào những đám mây ngũ sắc thường xuất hiện?

- A. Bình minh
- B. Hoàng hôn
- C. Giữa trưa
- D. Chiều tà

Câu 6: Những đám mây kì ảo ở Trường Sa xuất hiện như thế nào?

- A. Luôn như thế, không thay đổi gì
- B. Luôn thay đổi hình dáng, màu sắc
- C. Chỉ thay đổi hình dáng
- D. Chỉ thay đổi màu sắc

Câu 7: Việc những đám mây thay đổi hình dáng màu sắc khiến bầu trời như thế nào?

- A. Trở nên sinh động ở mọi thời khắc
- B. Trở nên lung linh huyền ảo
- C. Trở nên nhàm chán
- D. Trở nên nhiều màu sắc

Câu 8: Có những đám mây quay quanh mặt trời để làm gì?

- A. Để cho đẹp
- B. Để cho nhiều màu sắc
- C. Để cho lung linh
- D. Để tạo ra lỗ hồng

Câu 9: Bản thân em có hiểu biết gì về hiện tượng thiên nhiên mây ngũ sắc? Vì sao ở mọi thời khắc trong ngày, bầu trời trên biển đảo Trường Sa luôn sinh động?

Câu 10. Những thông tin chính mà đoạn trích trên cung cấp là gì? Em dựa vào đâu để nhận biết nhanh được các thông tin ấy? Vì sao mà con người thích nhìn thấy hiện tượng mây ngũ sắc?

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích bài thơ sau:

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.

(Nguyễn Khuyến)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0.5
	2	B	0.5
	3	D	0.5
	4	A	0.5
	5	B	0.5
	6	B	0.5
	7	A	0.5
	8	D	0.5
	9	Câu 9. Mây ngũ sắc là hiện tượng thiên nhiên kì thú, rất đẹp, con người luôn mong được chiêm ngưỡng hiện tượng này. - Vì những đám mây kì ảo ở Trường Sa luôn thay đổi hình dáng, màu sắc, khiến cho bầu trời trở nên sinh động ở mọi thời khắc.	0,5 0,5
	10	Câu 10. - Những thông tin chính mà đoạn trích trên cung cấp: + Giới thiệu và lí giải nguồn gốc của hiện tượng mây ngũ sắc. + Trình bày những kiến thức khoa học cơ sở về mây ngũ sắc. + Thời điểm mây ngũ sắc xuất hiện ở Trường Sa và vẻ đẹp của nó - Em dựa vào ngữ liệu trên trong văn bản để nhận biết nhanh	1,0

		được các thông tin ấy.	
II		LÀM VĂN	4,0
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.</p>	
		<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.</p>	0,5
		<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. Tài liệu của Nhung tây 2. Thân bài - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...)) 3. Kết bài Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.</p>	
		<p>d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
		<p>e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
Tổng điểm			10,0

ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000

Ngày 22 tháng 4 hằng năm được gọi là Ngày Trái Đất do một tổ chức bảo vệ môi trường của Mỹ khởi xướng từ năm 1970. Từ đó đến nay đã có 141 nước trên thế giới tham gia tổ chức này, với quy mô và nội dung thiết thực về bảo vệ môi trường.

Ngày Trái Đất hằng năm được tổ chức theo những chủ đề liên quan đến những vấn đề môi trường nóng bỏng nhất của từng nước hoặc từng khu vực.

Năm 2000 là năm đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất với chủ đề “Một ngày không dùng bao bì ni lông”.

Như chúng ta đã biết, việc sử dụng bao bì ni lông có thể gây nguy hại đối với môi trường bởi đặc tính không phân hủy⁽¹⁾ của pla-xtic⁽²⁾. Hiện nay ở Việt Nam mỗi ngày thải ra hàng triệu bao bì ni lông, một phần được thu gom, phần lớn bị vứt bừa bãi khắp nơi công cộng, ao hồ, sông ngòi.

Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi⁽³⁾ gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin⁽⁴⁾ có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết⁽⁵⁾, giảm khả năng miễn dịch⁽⁶⁾, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh⁽⁷⁾ cho trẻ sơ sinh.

[...]

(1) Phân hủy: (hiện tượng một chất) phân chia thành những chất khác nhau, không còn mang tính chất của chất ban đầu

(2) Pla-xtic: chất dẻo

(3) Ca-đi-mi: một kim loại, sản phẩm phụ của quá trình sản xuất kẽm, chì, đồng từ quặng

(4) Đi-ô-xin: chất rắn, không màu, rất độc, chỉ cần nhiễm một lượng nhỏ cũng đủ nguy hiểm

(5) Tuyến nội tiết: tuyến mà chất tiết ra của nó ngấm thẳng vào máu, có tác dụng bảo đảm hoạt động sinh lí bình thường của cơ thể

(6) Miễn dịch: (trạng thái của cơ thể) chống lại được một bệnh nào đó

(7) Dị tật bẩm sinh: hiện tượng biến đổi bất thường về hình dạng của bộ phận nào đó trong cơ thể (dị tật) đã có từ khi sinh ra (bẩm sinh)

(Theo tài liệu của Sở Khoa học – công nghệ Hà Nội)

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào đã học?

A. Truyện ngắn

B. Tiểu thuyết

C. Văn bản thông tin

D. Tùy bút

Câu 2: “Một ngày không sử dụng bao bì ni lông” là chủ đề của Ngày Trái Đất của quốc gia hay của khu vực nào?

A. Nước Việt Nam

B. Toàn thế giới

C. Các nước đang phát triển

D. Khu vực châu Á

Câu 3: Trong văn bản trên, tác giả đã chỉ ra điều gì là nguyên nhân cơ bản nhất khiến cho việc dùng bao bì ni lông có thể gây nguy hại với môi trường tự nhiên?

A. Tính không phân hủy của pla - xtic

B. Trong ni lông màu có nhiều chất độc hại

C. Khi đốt bao bì ni lông, trong khói có nhiều khí độc

D. Chưa có phương pháp xử lí rác thải ni lông

Câu 4: Nhận định nào không nói về tác hại của bao bì ni lông đối với môi trường tự nhiên?

- A. Bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh
- B. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa
- C. Bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-di-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi
- D. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải

Câu 5: Trong văn bản *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*, bao bì ni lông được coi là gì?

- A. Một loại rác thải công nghiệp
- B. Một loại rác thải sinh hoạt
- C. Một loại chất gây độc hại
- D. Một loại vật liệu kém chất lượng

Câu 6: Ý nào nói lên mục đích lớn nhất của tác giả khi viết văn bản *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*?

- A. Để mọi người không sử dụng bao bì ni lông nữa.
- B. Để mọi người thấy Trái Đất đang bị ô nhiễm nghiêm trọng
- C. Để góp phần vào việc tuyên truyền và bảo vệ môi trường của Trái Đất
- D. Để góp phần vào việc thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông của mọi người

Câu 7: Trong câu: “Từ đó đến nay đã có 141 nước trên thế giới tham gia tổ chức này, với quy mô và nội dung thiết thực về bảo vệ môi trường.” từ nào là phó từ?

- A. Nay
- B. Đã
- C. Đây
- D. Và

Câu 8: Phép liên kết nào được dùng để liên kết câu trong hai câu văn: “Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-di-mi⁽³⁾ gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi.”

- A. Phép liên tưởng
- B. Phép nối
- C. Phép thế
- D. Phép lặp

Câu 9. Từ văn bản trên, theo em cần phải làm gì để giảm tác hại của bao bì ni lông?

Câu 10. Theo em, em sẽ làm gì với bao bì ni lông sau khi đã sử dụng?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận về vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	B	0,5

	8	D	0,5
	9	<p>Câu 9. Cần phải làm gì để giảm tác hại của bao bì ni lông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi thói quen sử dụng bao bì ni lông. - Không sử dụng bao bì ni lông khi không cần thiết. - Sử dụng các túi đựng không phải bằng ni lông mà bằng giấy, lá, nhất là khi dùng để gói thực phẩm. - Tuyên truyền về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông cho mọi người biết. Tài liệu của Nhung tây 	1,0
	10	<p>Câu 10.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số hành động của bản thân với bao bì ni lông sau khi đã sử dụng: Không vứt bừa bãi ra môi trường, giặt phơi khô để dùng lại, thu gom để đem tái chế... 	1,0
II			4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn phân tích tác phẩm gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i></p> <p><i>Phân tích một tác phẩm thơ mà em yêu thích.</i></p>	0,25
		<p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay. - Nêu vấn đề cần nghị luận. <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Biểu hiện của ô nhiễm môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường không khí: đang bị ô nhiễm hết sức nặng nề, Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh đã vượt quá ngưỡng mức cho phép về ô nhiễm không khí. Những năm gần đây nồng độ chì đã và đang tăng lên ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. - Ô nhiễm môi trường nước: Tình trạng ô nhiễm nguồn nước đang ngày càng báo động. Nguyên nhân chính là do một số khu công nghiệp đã xả nước thải không qua xử lý ra môi trường. Bên cạnh đó hiện tượng xả rác ra ao, hồ sông suối vẫn còn tồn tại ở rất nhiều nơi (dẫn chứng). Tài liệu của Nhung tây - Ô nhiễm môi trường đất: Đất là môi trường sống của một số sinh vật, tuy nhiên hiện tượng đất nhiễm chì, nhiễm chất hóa học do thuốc trừ sâu đang trở thành một vấn nạn mà chúng ta vẫn đang tìm cách giải quyết. Đặc biệt đối với những vùng đất thuộc các khu công nghiệp thì việc ô nhiễm môi trường đất đã trở thành vấn đề thường trực (dẫn chứng). <p>b. Nguyên nhân của ô nhiễm môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức của một số doanh nghiệp còn kém: một số doanh nghiệp bất chấp pháp luật cố ý xả chất thải chưa qua xử lý vào môi trường, gây nên hiện tượng ô nhiễm môi trường nặng nề ở biển, sông. 	3 đ

	<p>- Người dân xả rác thải dẫn đến tình trạng ô nhiễm diện rộng không kiểm soát được. Tài liệu của Nhung tây</p> <p>Sự quản lý của nhà nước còn nhiều yếu kém, hệ thống quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn còn nhiều lỗ hổng.</p> <p>c. Giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường</p> <p>- Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp cá nhân vi phạm.</p> <p>Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường. Đồng thời nêu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khái quát nhận định của cá nhân về vấn đề nghị luận và liên hệ bản thân.</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Sóng thần, trong tiếng Nhật gọi là *tō-su-na-mi* (tsunami), là chuỗi sóng biển chu kỳ dài (từ vài phút tới hàng giờ), lan truyền với vận tốc lớn. Tùy theo độ sâu của đáy biển, vận tốc lan truyền sóng thần có thể đạt từ 720 km/giờ trở lên¹. Khi vào bờ, sóng thần có sức tàn phá rất ghê gớm.

Không như nhiều người tưởng, sóng thần không phải là những ngọn sóng âm ỉ, cuộn cuộn tiến vào đất liền mà người ta có thể mục kích^{* 2} và nghe được âm thanh của nó từ ngoài khơi xa. Ngay cả khi ngồi trên thuyền ngoài khơi, bạn cũng không thể biết nó từ ngoài khơi xa. Ngay cả khi ngồi trên thuyền ngoài khơi, bạn cũng không thể biết khi nào sóng thần bắt đầu xuất hiện. [...]. Do đó, bạn khó có thể nhận thấy dấu hiệu báo trước của một đợt sóng thần. Có thể vì thế mà trong phút chốc, cơn sóng thần do trận động đất mạnh ở Ấn Độ Dương gây ra ngày 26/12/2004 đã lấy đi mạng sống của hàng trăm nghìn người ở hơn chục quốc gia.

Khi sóng thần được tạo ra ở ngoài khơi xa, sóng còn rất nhỏ và yếu vì nước quá sâu nhưng đó là một chuỗi sóng có tốc độ rất cao, lên đến 800 km/giờ... Khi sóng thần dịch chuyển trên đại dương, chiều dài từ chóp sóng¹ trước đến chóp sóng sau có thể cách xa hàng trăm ki-lô-mét hoặc hơn và độ cao chóp sóng chỉ khoảng vài mét. Do vậy, người ta không thể thấy dấu hiệu rõ ràng của sóng thần. Nói cách khác, sóng thần không phải là sự di chuyển của bề mặt sóng mà là toàn bộ khối nước. Sóng thần chỉ thật sự hiện nguyên hình với sức mạnh hủy diệt kinh hoàng khi nó đến gần bờ. Ở vùng nước nông, một cơn sóng thần khổng lồ có thể cao đến 30 m hoặc hơn (ngọn sóng thần tấn công vịnh Li-tu-y-a (Lituya)^{* 2}, A-lát-xa (Alaska)³ vào năm 1958 cao đến 525 m).

Nguyên nhân

Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu do động đất, ngoài ra còn do núi lửa phun trào,

lở đất và các vụ nổ dưới đáy biển (kể cả các vụ thử hạt nhân dưới nước)... Thảm họa sóng thần chấn động ngày 26/12/2004 là hệ quả của một trận động đất xảy ra do va chạm giữa mảng Ấn Độ và mảng Bơ-ma (Burma), sau khi mảng Bơ-ma bất ngờ trôi lên, cao hơn mảng Ấn Độ. Đó là trận động đất cực mạnh với 9 độ rích-te (richter)¹, lớn nhất trong bốn thập niên kể từ trận động đất Gút Phrai-đây (Good Friday)² 9,2 độ rích-te tấn công A-lát-xca vào năm 1964 và là trận lớn thứ tư kể từ năm 1900. Trận động đất lớn đến mức lan sang tận Xô-ma-li-a (Somalia)³, cách tâm chấn 4100 km. Tâm chấn động đất ở độ sâu 10 km, cách tây Su-ma-tra (Sumatra)⁴ khoảng 160 km, nằm trong khu vực “vòng đai lửa châu Á - Thái Bình Dương”.

Dấu hiệu sắp có sóng thần

Những người trên bờ biển khó biết sóng thần sắp tiến về phía mình. Dấu hiệu đầu tiên là nước biển chậm chạp cuộn lên với những con sóng khổng lồ, chứ không như sóng mạnh của một cơn bão sắp tới. Bỗng nhiên, mặt biển dao động nhiều hơn bình thường, sau đó nhiều bọt biển nổi lên, nước rút xuống nhanh và bất ngờ trong khoảng thời gian không phải thủy triều. Hoặc bạn có thể cảm thấy nước trong từng đợt sóng nóng bất thường và nghe thấy những âm thanh lạ... Do vậy, khi đứng trên bãi biển và nhìn thấy nước biển đột ngột rút nhanh xuống, bạn hãy thông báo cho mọi người xung quanh biết là sắp có sóng thần và di chuyển nhanh khỏi bãi biển, đến vùng cao hơn để trú ẩn trước khi sóng thần đến.

Các thảm họa sóng thần trong lịch sử

Sóng thần đã được nhắc đến từ thời thượng cổ. Năm 365, sóng thần tại A-lêch-xan-dri-a (Alexandria)⁵ làm hàng nghìn người thiệt mạng. Sóng thần tai hại nhất trong lịch sử loài người xảy ra vào ngày 27/8/1883, sau khi núi lửa Kra-ca-tô-a (Krakatoa)⁶ tại In-đô-nê-xi-a phun trào khiến 36 000 người thiệt mạng trên bờ biển Gia-va (Java)⁷ và Su-ma-tra. Ngày 15/6/1896, sóng thần cao 23 m làm hơn 26 000 người thiệt mạng trong một lễ hội tôn giáo ở Nhật Bản. Ngày 22/5/1960, sóng thần cao 11 m làm hơn 1 000 người thiệt mạng tại Chi-lê (Chile)⁸. Ngày 16/8/1976, hơn 5 000 người chết tại vịnh Mo-ro (Moro), Phi-líp-pin (Philippines) vì sóng thần. Ngày 17/7/1998, sóng thần làm hơn 2 100 người chết tại Pa-pua Niu Ghi-nê (Papua New Guinea)¹.

(Theo Một số kiến thức về sóng thần, <https://nhandan.vn>, ngày 16/3/2022)

Câu 1: Văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần? gồm mấy đề mục?

- A. 4 đề mục. B. 3 đề mục. C. 6 đề mục. D. 5 đề mục.

Câu 2: Đối tượng của văn bản Bạn đã biết gì về sóng thần? là gì?

- A. Động đất. B. Lốc xoáy. C. Sóng thần. D. Hạn hán.

Câu 3: Theo văn bản, sóng thần là gì?

- A. Là chuỗi sóng biển chu kì dài, lan truyền với vận tốc lớn.
B. Là chuỗi sóng biển chu kì ngắn, lan truyền với vận tốc lớn.
 C. Là chuỗi sóng biển chu kì ngắn, lan truyền với vận tốc nhỏ.
 D. Là chuỗi sóng biển chu kì dài, lan truyền với vận tốc nhỏ.

Câu 4: Khi sóng thần được tạo ra ngoài khơi xa, sóng có đặc điểm gì?

- A. Nhỏ, yếu, tốc độ chậm. B. Nhỏ, yếu nhưng tốc độ cao.
 C. Lớn nhưng tốc độ chậm. **D. Lớn, tốc độ cao**

Câu 5: Những nguyên nhân nào gây ra sóng thần?

- A. Do núi lửa phun trào.
 B. Do lở đất hoặc các vụ nổ dưới đáy biển.
 C. Do động đất.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 6: Dấu hiệu đầu tiên khi sắp có sóng thần là gì?

- A. Những con sóng nhỏ dồn dập dâng lên với tốc độ nhanh.
 B. Những con sóng lớn dồn dập dâng lên với tốc độ nhanh.

C. Nước biển chậm chạp cuộn lên với những con sóng không đồ.

- D. Không có dấu hiệu gì.

Câu 7: Vận tốc lan truyền của sóng thần phụ thuộc vào yếu tố nào?

- A. **Tốc độ gió.**
 B. Diện tích của biển.
 C. Mức độ động đất.
 D. Độ sâu của đáy biển.

Câu 8: Dấu hiệu nào dưới đây báo hiệu sắp có sóng thần?

- A. Cảm thấy nước trong từng đợt sóng nóng bất thường và có những âm thanh lạ.
 B. Mặt biển dao động nhiều hơn bình thường.
 C. Nước rút xuống nhanh và bất ngờ trong khoảng thời gian không phải thủy triều.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 9. Đọc văn bản trên, giúp em hiểu thêm điều gì về sóng thần?

Câu 10. Dựa trên những hiểu biết của em về sóng thần em hãy hướng dẫn mọi người những việc cần làm khi xảy ra sóng thần.

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy bài văn phân tích bài thơ Thu vịnh của Nguyễn Khuyến ở phần đọc hiểu.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Đọc văn bản, em hiểu rõ hơn về cơ chế hình thành sóng thần và các nguyên nhân gây ra các thảm họa sóng thần. Cùng với đó, em cũng hiểu rõ hơn về hậu quả và sức tàn phá mà các đợt sóng thần gây ra cho nhân loại. Tài liệu của Nhung tây	0,5 0,5
	10	Câu 10. - Trong trường hợp ở gần biển hãy di chuyển đến nơi xa biển	1,0

		<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý khi có động đất kể cả rất nhỏ - Không được đến gần biển cho tới khi hết thông tin cảnh báo về sóng thần. 	
II		LÀM VĂN	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.	0,5
		c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. 2. Thân bài - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...)) 3. Kết bài Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về hoạt động xã hội được kể, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0

ĐỀ 4: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Có người cho rằng: Bài toán dân số đã được đặt ra từ thời cổ đại. Lúc đầu tôi không tin điều này. Bởi vì vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình chỉ mới được đặt ra vài chục năm nay. Còn nói từ thời cổ đại tức là chuyện của dăm bảy ngàn năm về trước. Độ chênh về thời gian ấy, ai mà tin được! Thế mà nghe xong câu chuyện này, qua một thoáng liên tưởng, tôi bỗng “sáng mắt ra” ...

Đó là câu chuyện từ một bài toán cổ, kể về việc kén rể của nhà thông thái. Nhà thông thái

nọ có một cô con gái rất đẹp. Đến tuổi cập kê, cô gái cần tuyển một đấng phu quân. Rất nhiều chàng trai đến dự thi. Được làm rể nhà thông thái là điều vô cùng hấp dẫn, nhất là đối với con cái của những gia đình giàu có. Nhà thông thái đưa ra một bàn cờ tướng gồm 64 ô. Ông yêu cầu các chàng trai thực hiện theo điều kiện sau: Đặt một hạt thóc vào ô thứ nhất, ô thứ hai đặt hai hạt thóc và các ô tiếp theo số thóc cứ thế nhân đôi. Ai đủ số thóc theo yêu cầu bài toán thì sẽ là chồng cô gái. Ban đầu ai cũng tưởng có gì mà không đủ. Nhưng rồi kết cục... không chàng trai nào đủ thóc để lấy được cô gái. Số thóc được tính ra theo bài toán cấp số nhân ấy, nhiều đến mức có thể phủ khắp bề mặt trái đất này. Một con số kinh khủng biết nhường nào?”

(Trích Bài toán dân số, Thái An, Ngữ văn 8 - tập 1, NXB GD)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính?

- A. Tự sự B. Miêu tả **C. Thuyết minh** D. Biểu cảm

Câu 2. Chủ đề bao trùm của văn bản bài toán dân số là gì?

- A. Thế giới đang đứng trước nguy cơ gia tăng dân số quá nhanh
B. Bùng nổ và gia tăng dân số quá nhanh là một hiểm họa cần báo động
C. Khống chế sự gia tăng dân số quá nhanh là con đường “tồn tại hay không tồn tại” của chính loài người

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 3: Dựa vào các thông tin đưa ra trong bài viết, hãy cho biết nhận định nào nói đúng nhất điều làm tác giả của bài viết “sáng mắt ra”?

A. Vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình là một vấn đề mới đặt ra gần đây, thế nhưng đọc xong bài toán cổ, theo suy luận và liên tưởng, tác giả lại thấy là vấn đề ấy dường như đã được đặt ra từ thời cổ đại

B. Vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình là một vấn đề rất quen thuộc, đã được đặt ra từ thời cổ đại và được khơi lại trong thời gian gần đây.

C. Vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình là một vấn đề hiện đại nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với vấn đề kén rể của nhà thông thái thời cổ đại.

D. Vấn đề dân số và kế hoạch gia đình – một vấn đề rất hiện đại bắt nguồn từ bài toán kén rể của nhà thông thái đặt ra từ thời cổ đại.

Câu 4. Số thóc dùng cho các ô của bàn cờ được tác giả liên tưởng đến vấn đề gì?

- A. Dân số ở châu Phi B. Dân số thế giới
C. Tỷ lệ gia tăng dân số thế giới rất cao D. Khả năng sinh con của phụ nữ

Câu 5: Từ việc đưa ra những con số về tỷ lệ sinh con của phụ nữ ở một số nước ở châu Á và châu Phi em có thể rút ra kết luận gì về mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển xã hội?

- A. Phụ nữ có thể sinh rất nhiều con
B. Ở châu Phi, chỉ tiêu mỗi gia đình chỉ có một đến hai con là rất khó khăn để thực hiện được

C. Các nước kém và chậm phát triển lại sinh con rất nhiều

D. Những nước chưa phát triển, kinh tế còn yếu kém mà dân số lại bùng nổ rất cao. Từ đó gây khó khăn cho việc cải thiện chất lượng cuộc sống người dân.

Câu 6: Phần cuối cùng của văn bản nêu lên điều gì?

A. Lời kêu gọi loài người cần kiểm chế tăng dân số, kêu gọi loài người cần kiểm chế tốc độ gia tăng dân số.

B. Khẳng định phụ nữ có thể sinh rất nhiều con

C. Các nước Châu Phi chậm phát triển lại sinh con rất nhiều

D. Khẳng định bài toán dân số và kế hoạch hoá gia đình đã được đặt ra từ thời cổ đại

Câu 7. Việc dân số tăng nhanh sẽ ảnh hưởng đến vấn đề nào trong cuộc sống

A. Sức khỏe

B. Giáo dục

C. Kinh tế

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 8: Câu chuyện kén rẻ của nhà thông thái có vai trò ý nghĩa như thế nào trong việc làm nổi bật vấn đề chính mà tác giả muốn nói tới?

A. Với việc sử dụng câu chuyện kén rẻ của nhà thông thái này, tác giả đã làm nổi bật vấn đề tốc độ gia tăng dân số; đồng thời làm tăng sức hấp dẫn cho bài viết.

B. Tác giả mượn xưa để nói nay, sự giống nhau giữa số thóc tăng theo cấp số nhân với công bội hai và tình trạng bùng nổ dân số cả khi mỗi gia đình chỉ sinh hai con đã cho người đọc hình dung được một cách cụ thể về tốc độ gia tăng dân số.

C. Câu chuyện kén rẻ của nhà thông thái đã có nhiều người biết, nhưng liên tưởng nó với sự tăng trưởng của dân số là một sự liên tưởng bất ngờ, thú vị, giàu sức thuyết phục.

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 9. Theo em để hạn chế sự gia tăng dân số chúng ta cần làm gì? Vì sao?

Câu 10. Vì sao sự gia tăng dân số có tầm quan trọng hết sức to lớn đối với tương lai nhân loại, nhất là đối với các dân tộc còn nghèo nàn, lạc hậu?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	<p>Câu 9. Sự gia tăng dân số có tầm quan trọng hết sức to lớn đối với tương lai nhân loại, nhất là đối với các dân tộc còn nghèo nàn, lạc hậu.</p> <p>- Do đó cách tốt nhất, con đường tốt nhất là con đường giáo dục, tuyên truyền, nâng cao hiểu biết bằng các biện pháp kế hoạch hoá gia đình. Qua đó giúp mọi người hiểu ra nguy cơ của sự bùng nổ và gia tăng dân số, vấn đề dân số gắn chặt với đói nghèo hay hạnh phúc.</p> <p>- Vì vậy đẩy mạnh giáo dục giảm tỉ lệ sinh cho phụ nữ là hạ thấp tỉ lệ</p>	1,0

		thụ thai cùng như tỉ lệ tử vong và tỉ lệ mắc bệnh... Tài liệu của Nhung tây	
	10	Câu 10. Dân số phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng nhất định sẽ ảnh hưởng lớn đến con người ở nhiều phương diện: Nhà và đất ở, lương thực, môi trường, việc làm, giáo dục, y tế... cuối cùng dẫn đến đói nghèo, bệnh tật, lạc hậu... Đặc biệt là đối với các nước chậm phát triển, nghèo nàn lạc hậu rơi vào vòng luẩn quẩn bế tắc: Vì nghèo nàn lạc hậu, chậm phát triển mọi mặt nên hạn chế sự phát triển của giáo dục. Giáo dục không phát triển được, kinh tế lại nghèo nàn, lạc hậu.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên. Mở bài giới thiệu được hiện tượng. Thân bài triển khai được chi tiết về hiện tượng tự nhiên (giải thích, nguyên nhân...) Kết bài nêu khái quát lại hiện tượng.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.	0,25
		c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài: Giới thiệu về hiện tượng tự nhiên mà em muốn trình bày. 2. Thân bài: - Vì sao hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện. - Hiện tượng tự nhiên đó xuất hiện như thế nào? - Hiện tượng tự nhiên đó kết thúc như thế nào? Gây nên kết quả gì - Nhận xét: + Hiện tượng tự nhiên đó có diễn ra thường xuyên không? + Hiện tượng tự nhiên đó có ảnh hưởng, tác động tốt/xấu gì cho con người hay không? 3. Kết bài: - Tóm tắt lại nội dung đã giải thích. - Khái quát lại về hiện tượng tự nhiên đó.	0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	0,25

Đề 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Hiện tại, Trái Đất nóng lên chủ yếu là do con người tạo ra thông qua các hoạt động đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí đốt, than đá...) cùng các loại khí thải khác nên lượng nhiệt bị giữ lại ở bầu khí quyển.

Một số hoạt động chính là nguyên nhân khiến cho Trái Đất nóng lên:

Hiệu ứng nhà kính

Các hiện tượng hiệu ứng nhà kính tăng lên rõ rệt trong thời gian gần đây đã làm thủng tầng ô-dôn... Những nơi bị thủng hoặc mất đi tầng ô-dôn thì nơi đó đất đai sẽ bị sa mạc hóa không còn tác dụng cân bằng hệ sinh thái như hiện tại thành ra ban ngày nóng, ban đêm lạnh.

Quá trình công nghiệp hóa

Do sự phát triển nhanh chóng như vũ bão của khoa học công nghệ cùng sự phát triển của nền kinh tế nên nhiều nhà máy xả thải trực tiếp và phun khí thải vào môi trường. Số lượng phương tiện từ xe cộ (xe máy, xe đạp, ô tô...) cũng đã thải ra một lượng lớn khí các-bô-níc. Khi lượng khí các-bô-níc có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.

Rừng bị tàn phá

Nếu như khí các-bô-níc thải ra thì theo quy luật tự nhiên sẽ được cây xanh quang hợp để cung cấp lượng ô-xi cần thiết cho con người. Tuy nhiên, số lượng cây xanh đã bị tàn phá hết nên đã không thể phân giải hết lượng khí các-bô-níc trong môi trường khiến cho Trái Đất càng ngày càng nóng lên rõ rệt. Diện tích rừng bị tàn phá ngày càng rộng nên tia nắng Mặt Trời chiếu xuống Trái Đất không có tầng lá xanh của cây chặn lại nên khi chiếu xuống mặt đất sẽ hình thành nên những vùng đất khô cằn, nóng như hoang mạc. Mùa mưa không có rừng để giữ nước lại nên sẽ gây lũ lụt còn mùa khô thì xảy ra hạn hán.

(Nguyên nhân khiến trái đất nóng lên Theo LV, quangnam.gov.vn)

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên?

A. Văn bản thông tin

B. Truyện ngắn - tiểu thuyết

C. Thơ

D. Văn bản nhật dụng

Câu 2. Văn bản *Nguyên nhân khiến Trái Đất nóng lên* được triển khai theo cách nào?

A. Theo trật tự thời gian

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo trật tự không gian

D. Theo quan hệ so sánh.

Câu 3. Theo văn bản, các nguyên nhân chính khiến Trái Đất nóng lên là gì?

A. Hiệu ứng nhà kính; thủng tầng ô-dôn, quá trình công nghiệp hóa.

B. Quá trình công nghiệp hóa, tăng khí mê tan; rừng bị tàn phá.

C. Hiệu ứng nhà kính, quá trình công nghiệp hóa; rừng bị tàn phá.

D. Số lượng phương tiện xe cộ tăng nhanh, hiệu ứng nhà kính, rừng bị tàn phá.

Câu 4. Từ được in đậm trong câu: “*Khi lượng khí các-bô-níc có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất*” có nguồn gốc từ nước nào?

A. Tiếng Hán.

B. Tiếng Pháp.

C. Tiếng Hàn.

D. Tiếng Anh.

Câu 5. Dòng nào sau đây nêu lên chính xác nghĩa của từ *hoang mạc* trong văn bản trên?

A. Vùng đất rộng lớn, khí hậu khô cằn, không có cây cối và người ở.

B. Vùng đất hoang rộng lớn, hầu như không có cây cối và người ở.

C. Vùng đất hoang rộng lớn, khí hậu khô cằn, hầu như không có cây cối và người ở.

D. Vùng đất có khí hậu khô cằn, không có cây cối và người ở.

Câu 6. Chức năng của trạng ngữ (được in đậm) trong câu văn sau là gì?

Hiện tại, Trái Đất nóng lên chủ yếu là do con người tạo ra thông qua các hoạt động đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí đốt, than đá...) cùng các loại khí thải khác nên lượng

hiệt bị giữ lại ở bầu khí quyển.

A. Nêu lên thông tin về địa điểm diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

B. Nêu lên thông tin về thời gian diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

C. Nêu lên thông tin về nguyên nhân diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

D. Nêu lên thông tin về cách thức diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

Câu 7. Các đề mục được in đậm trong văn bản có tác dụng như thế nào?

A. Nêu lên các thông tin chủ yếu của văn bản.

B. Nêu lên chủ đề của văn bản.

C. Nêu lên thông điệp của văn bản.

D. Nêu lên mục đích của văn bản.

Câu 8. Đáp án nào sau đây nêu lên nội dung chính của đoạn văn trên:

A. Quá trình công nghiệp hóa là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

B. Hiệu ứng nhà kính là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

C. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

D. Lượng khí các-bô-níc có nhiều trong khí quyển làm tăng nhiệt độ của Trái Đất.

Câu 9. Theo em, bức thông điệp mà tác giả gửi gắm qua văn bản trên là gì?

Câu 10. Con người có thể làm gì để hạn chế tình trạng Trái Đất nóng lên? (Viết câu trả lời bằng ba câu đến năm câu văn).

II. VIẾT (4 điểm)

Hãy viết bài văn giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích.

arrow_forward_iosĐọc thêmGỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	<p>Câu 9. Học sinh nêu được cụ thể bức thông điệp; ý nghĩa của bức thông điệp rút ra từ văn bản.</p> <p>- Gợi ý: Các hoạt động của con người có ảnh hưởng nghiêm trọng tới Trái Đất và chính môi trường sống của chúng ta. Do đó bên cạnh việc phát triển kinh tế cần phải có những giải pháp để chung tay bảo vệ môi trường. Tài liệu của Nhung tây</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
	10	<p>Câu 10. Học sinh nêu được cụ thể một số giải pháp hạn chế tình trạng Trái Đất nóng lên.</p> <p>- Gợi ý: Tích cực trồng cây, gây rừng; sử dụng tích cực các phương tiện công cộng hoặc xe đạp, đi bộ... để giảm lượng khói bụi từ xe cộ; các nhà máy, xí nghiệp cần xử lí chất thải trước khi xả ra môi trường, tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng. Tài liệu</p>	<p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p>

		của Nhung tây	
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích</i>	0,25
		<i>c. giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích</i>	0,25
		1. Mở bài HS có thể triển khai giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu tác giả cuốn sách. - Tại sao cuốn sách đó để lại ấn tượng toots đẹp trong em.	2,5
		2. Thân bài - Giới thiệu hình thức của cuốn sách - Giới thiệu nội dung chính của cuốn sách - Giới thiệu giá trị cuốn sách mang lại, - Lí do yêu thích cuốn sách + Cách giữ gìn và bảo quản sách.	0,25
		3. Kết bài - Cảm nghĩ tình cảm của em dành cho cuốn sách.	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo.</i>	0,25

ĐỀ 6: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

29/03/2014

Tối nay (29/3), 63 tỉnh thành Việt Nam sẽ cùng cả thế giới hành động trong chiến dịch Giờ Trái Đất, với nhiều hoạt động nhằm sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.

(1) Vào năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Ô-xtrây-li-a (Australia) tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền. Tổ chức này đã thảo luận với Công ti quảng cáo Lê-Ô Bóc-nét Xít-ni (Leo Burnett Sydney) về các ý tưởng truyền thông nhằm thu hút sự chú ý của người dân Ô-xtrây-li-a về vấn đề biến đổi khí hậu. Chiến dịch dựa trên niềm hi vọng rằng mỗi cá nhân đều có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất nơi chúng ta đang sinh sống.

(2) Sang năm 2005, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế Ô-xtrây-li-a và Công ti Lê-Ô Bóc-nét Xít-ni bắt đầu xây dựng một ý tưởng tắt điện ở quy mô lớn, dự án có tên gọi “Tiếng tắt lớn”.

Đến năm 2006, nhà quảng cáo Lê-Ô Bóc-nét được giao một nhiệm vụ khó khăn: đặt tên cho chiến dịch. Từ đó, tên “Giờ Trái Đất” ra đời, kêu gọi các cá nhân và doanh nghiệp tắt điện một tiếng đồng hồ vào tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hằng năm. Tên gọi Giờ Trái Đất giúp chiến dịch mở rộng từ mục tiêu kêu gọi mọi người tắt đèn và các thiết bị sử dụng

điện sang mục tiêu có tính bền vững, lâu dài hơn. Chiến dịch Giờ Trái Đất nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của Thị trưởng thành phố Xít-ni.

Vào ngày 31-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Xít-ni, Ô-xtrây-li-a với sự tham gia của 2,2 triệu người dân và 2 100 doanh nghiệp tại đây, sự kiện kéo dài một tiếng đồng hồ từ 19h30 đến 20h30.

Chiến dịch Giờ Trái Đất ban đầu chỉ nằm trong kế hoạch thuộc phạm vi quốc gia của Ô-xtrây-li-a nhưng đã thực sự thu hút sự quan tâm của thế giới và các nước bắt đầu tham gia vào chiến dịch Giờ Trái Đất những năm sau đó.

Vào ngày 29-3-2008, chiến dịch Giờ Trái Đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.

Một năm sau đó (2009), chiến dịch Giờ Trái Đất đã thu hút sự tham gia của hàng trăm triệu người. Hơn 4 000 thành phố và thị trấn thuộc 88 quốc gia trên thế giới cùng biểu thị tinh thần chống biến đổi khí hậu bằng hành động tắt đèn trong vòng một giờ đồng hồ.

“Giờ Trái Đất không phải chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn, mà đây là chiến dịch trong đó tất cả mọi người trên thế giới cùng nhau đoàn kết và thể hiện họ có thể làm gì trong suốt cả năm để bảo vệ hành tinh.

(En-đi Rít-li (Andy Ridley), Giám đốc và là người sáng lập chiến dịch Giờ Trái Đất toàn cầu).”

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Văn bản nghị luận
- B. Văn bản thông tin
- C. Hành chính công vụ
- D. Ý kiến khác

Câu 2. Tên ban đầu của chiến dịch Giờ Trái Đất là gì?

- A. Giờ tắt lớn.
- B. Tắt.
- C. Tiếng nổ lớn.
- D. Tiếng tắt lớn.

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích dưới đây:

29/3/2014

“Tối nay (29/3), 63 tỉnh thành Việt Nam sẽ cùng cả thế giới hành động trong chiến dịch Giờ Trái Đất, với nhiều hoạt động nhằm sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.”

- A. Sự ra đời và phát triển của giờ Trái Đất
- B. Khởi phát của giờ Trái Đất
- C. Khái quát và nêu lên sự kiện thông tin
- D. Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu

Câu 4. Nội dung chính của đoạn trích dưới đây:

“Vào năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên Nhiên Quốc tế của Ô-xtrây-li-a (Australia) tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền. Tổ chức này đã thảo luận với Công ti quảng cáo Lê-ơ Bóc-nét Xít-ni (Leo Burnett Sydney) về các ý tưởng truyền thông nhằm thu hút sự chú ý của người dân Ô-xtrây-li-a về vấn đề biến đổi khí hậu. Chiến dịch dựa trên niềm hi vọng rằng mỗi cá nhân đều có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất nơi chúng ta đang sinh sống.”

- A. Sự ra đời và phát triển của giờ Trái Đất
- B. Khởi phát của giờ Trái Đất
- C. Khái quát và nêu lên sự kiện thông tin

D. Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu

Câu 5. Nội dung sau đúng hay sai?

“Văn bản Giờ Trái Đất đã cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên nhân, sự hình thành, ý nghĩa và phát triển của chiến dịch này”

A. Đúng

B. Sai

Câu 6. Nghệ thuật được sử dụng trong văn bản *Giờ Trái Đất* là:

A. Sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa...

B. Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa...

C. Giọng điệu truyền cảm, thiết tha

D. Tất cả các phương án trên

Câu 7. Giờ Trái Đất có ý nghĩa gì với nhân loại?

A. Giúp mọi người trên thế giới đoàn kết

B. Thể hiện hành động cụ thể để bảo vệ hành tinh

C. Châm dứt chế độ phân biệt chủng tộc

D. A và B

Câu 8. Giờ Trái Đất có ý tưởng xuất phát từ quốc gia nào?

A. Pháp.

B. Australia (Úc).

C. Việt Nam.

D. Mỹ

Câu 9. Ngày Trái Đất được tổ chức hàng năm để bàn về vấn đề gì? Thông tin 141 nước tham gia cho em thấy điều gì?

Câu 10. Em hãy nêu những đề xuất để hạn chế việc ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận về vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Ngày Trái Đất là ngày để nâng cao nhận thức và giá trị của môi trường tự nhiên của Trái Đất. Ngày Trái Đất được tài trợ bởi thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Gaylord Nelson như một cuộc hội thảo về môi trường được tổ chức lần đầu tiên vào 22 tháng 4 năm 1970. Trong khi Ngày Trái Đất đầu tiên chỉ được chú ý tại Hoa Kỳ, một tổ chức đã được thành lập bởi Denis Hayes, nguyên là điều phối viên	1,0

		toàn quốc năm 1970, đưa nó lên tầm quốc tế vào năm 1990 và tổ chức các sự kiện ở 141 quốc gia. Tài liệu của Nhung tây	
	10	Câu 10. Một số biện pháp đề xuất: + Trồng nhiều cây xanh + Hạn chế sử dụng túi nilong + Không vứt rác bừa bãi, xử lý các chất thải cách hợp lí khoa học + Hạn chế dùng thuốc trừ sâu + Giáo dục tuyên truyền mọi người cần biết giữ gìn vệ sinh chung + Sử dụng các năng lượng mới không gây ra ô nhiễm môi trường	1,0
II			4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn phân tích tác phẩm gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Phân tích một tác phẩm thơ mà em yêu thích.</i>	0,25
		1. Mở bài: - Khái quát về vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay. - Nêu vấn đề cần nghị luận. 2. Thân bài: a. Biểu hiện của ô nhiễm môi trường - Môi trường không khí: đang bị ô nhiễm hết sức nặng nề, Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh đã vượt quá ngưỡng mức cho phép về ô nhiễm không khí. Những năm gần đây nồng độ chì đã và đang tăng lên ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. - Ô nhiễm môi trường nước: Tình trạng ô nhiễm nguồn nước đang ngày càng báo động. Nguyên nhân chính là do một số khu công nghiệp đã xả nước thải không qua xử lý ra môi trường. Bên cạnh đó hiện tượng xả rác ra ao, hồ sông suối vẫn còn tồn tại ở rất nhiều nơi (dẫn chứng). Tài liệu của Nhung tây - Ô nhiễm môi trường đất: Đất là môi trường sống của một số sinh vật, tuy nhiên hiện tượng đất nhiễm chì, nhiễm chất hóa học do thuốc trừ sâu đang trở thành một vấn nạn mà chúng ta vẫn đang tìm cách giải quyết. Đặc biệt đối với những vùng đất thuộc các khu công nghiệp thì việc ô nhiễm môi trường đất đã trở thành vấn đề thường trực (dẫn chứng). b. Nguyên nhân của ô nhiễm môi trường - Ý thức của một số doanh nghiệp còn kém: một số doanh nghiệp bất chấp pháp luật cố ý xả chất thải chưa qua xử lý vào môi trường, gây nên hiện tượng ô nhiễm môi trường nặng nề ở biển, sông. - Người dân xả rác thải dẫn đến tình trạng ô nhiễm diện rộng không kiểm soát được. Sự quản lý của nhà nước còn nhiều yếu kém, hệ thống quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn còn nhiều lỗ hổng.	3 đ

	<p>c. Giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp cá nhân vi phạm. Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường. Đồng thời nêu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người. <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát nhận định của cá nhân về vấn đề nghị luận và liên hệ bản thân. Tài liệu của Nhung tây 	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. 	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 7: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Từ trận lũ lịch sử năm 2000, đến nay đồng bằng sông Cửu Long mới lập lại lũ lớn. Mặc dù đã có sự chuẩn bị ứng phó nhưng trước sức nước dữ dội, bất ngờ gây thiệt hại lớn về người và tài sản. An Giang, Đồng Tháp là hai tỉnh đầu nguồn bị thiệt hại nặng nhất. Khi con nước tràn đồng cũng là lúc nguồn lợi thủy sản như cá, tôm bắt đầu dồi dào. Với nhiều hộ dân đây là mùa mưu sinh chính, nước càng nhiều thì niềm vui trúng mùa cá càng lớn. Nhưng bên cạnh đó là những giọt nước mắt xót xa bởi hàng ngàn hecta lúa xanh rì hứa hẹn mùa bội thu bỗng chốc mất trắng. Nhiều ô đê bao bảo vệ lúa vụ thu đông bị vỡ do nền đất yếu, cao trình thấp hơn mực nước lũ. Mặc dù đã được gia cố nhưng sức nước ồ ạt đập mạnh vào thân đê làm nhiều đoạn vỡ. Hiện mực nước lũ đang còn ở mức cao, có nơi cao hơn mặt lúa trong đê từ 3 đến 4m.

Cuộc sống của nông dân chủ yếu dựa vào cây lúa, đã khó khăn lại chồng chất khó khăn. Ông Huỳnh Văn Thắng ở xã Tân Hội, thị xã Hồng Ngự rơm rớm nước mắt chỉ tay về phía cánh đồng 200 ha lúa đang trong giai đoạn làm đồng bị lũ nhấn chìm. “Tôi có 4 công ruộng (1 công = 1.000m²) trong ô đê bao đó, vốn liếng bao nhiêu cũng đã dồn hết vào, giờ nước lũ nhấn chìm hết rồi, thêm 3000 con cá tra thịt cũng bể bờ bao ra hết”, ông than vãn.

Tính đến nay ĐBSCL có khoảng 27.000 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại, trong đó 10.000 ha mất trắng. Diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả cũng bị ngập gần 12.000 ha, trong đó hơn 1.000 ha mất hết. Các bờ bao, đê các cấp bị tàn phá nặng, hơn 55.000 m² tính lộ, quốc lộ bị thiệt hại, 60.000 căn nhà bị sập đổ, lũ cuốn trôi, tốc mái. Ước tính tổng thiệt hại gần 1.000 tỷ đồng.

Tỉnh An Giang có hơn 2.000 hộ dân đang có nguy cơ thiếu đói cần được hỗ trợ lương thực. Riêng tỉnh Đồng Tháp thiệt hại 760 tỷ đồng, trong đó 2.000 ha lúa, 938 ha hoa màu, hơn 1.000 ha vườn cây ăn trái, 500 ha ao đầm nuôi thủy sản bị thiệt hại. Không chỉ riêng các tỉnh đầu nguồn, các tỉnh lân cận như Long An, Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang... cũng chịu ảnh hưởng lũ và triều cường.

Theo thông tin lũ khẩn cấp trên sông Cửu Long, trong vài ngày tới lũ đầu nguồn tiếp tục lên cao, sau đó biến đổi chậm. Vùng nội đồng Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên tiếp tục lên và còn duy trì trên báo động 3 đến cuối tháng 10. Hiện nhiều địa phương vẫn tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng chống lụt bão. Đồng Tháp quyết tâm bảo vệ an toàn 19.000 ha lúa còn lại cho người dân và bước đầu đã đưa ra định hướng cho công tác khắc phục hậu quả lũ lụt, đặc biệt là chuẩn bị cho sản xuất vụ đông xuân sắp tới. Từng bước kiên cố, nâng cấp các tuyến đê bao, cao trình phải cao hơn đỉnh lũ 2011 để vụ thu đông trở thành vụ sản xuất chính. Cùng với sự nỗ lực của chính quyền địa phương, các tỉnh ĐBSCL cần Trung ương hỗ trợ để khắc phục hậu quả lũ lụt để người dân yên tâm sản xuất và ổn định cuộc sống...

(Theo Nguyệt Ánh VietNam.net)

Câu 1. Phần đầu của văn bản hai tình thiệt hại nặng nề nhất sau trận bão ở Đồng bằng sông Cửu Long là tình nào?

A. An Giang, Đồng Tháp

B. Cần Thơ, An Giang

C. Tiền Giang, Hậu Giang

D. An Giang, Long An

Câu 2. Văn bản trên thuộc thể loại nào

A. Văn bản hành chính công vụ

B. Văn bản thông tin

C. Truyện ngắn

D. Tiểu thuyết

Câu 3. Văn bản trên thông tin với người đọc về vấn đề gì?

A. Hiện tượng lũ lụt ở Đồng bằng sông Hồng

B. Hiện tượng lũ lụt ở Đông Nam Bộ

C. Hiện tượng lũ lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long

D. Hiện tượng lũ lụt ở Tây Nguyên.

Câu 4. Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ nào? “Không chỉ riêng các tỉnh đầu nguồn, các tỉnh lân cận như Long An, Cần Thơ, Hậu Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang... cũng chịu ảnh hưởng lũ và triều cường.”

A. So sánh

B. Nhân hoá

C. Nói quá

D. Liệt kê

Câu 5. Để khắc phục hậu quả của lũ lụt các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã có những biện pháp gì?

A. Từng bước kiên cố, nâng cấp các tuyến đê bao, cao trình phải cao hơn đỉnh lũ 2011 để vụ thu đông trở thành vụ sản xuất chính.

B. Tất cả người dân đều nỗ lực chung tay khắc phục hậu quả của lũ lụt

C. Các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long cần trung ương hỗ trợ để khắc phục hậu quả của lũ lụt. Tài liệu của Nhung tây

D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 6. Các số liệu trong đoạn phản án thực trạng gì?

A. Năng suất lúa tăng đều qua các năm.

B. Những thiệt hại lớn do lũ lụt gây ra

C. Diện tích đất trong nông nghiệp không ngừng được mở rộng

D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

Câu 7. Hậu quả do lũ lụt gây ra được tác giả trình bày qua những nội dung nào?

A. Gây thiệt hại về vật chất

B. Gây thương vong về con người

C. Tác động ô nhiễm môi trường nước

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 8. Nguyên nhân gây ra lũ lụt nào mang tính chủ quan?

A. Do bão hoặc triều cường

B. Do sự tác động của con người

C. Do hiện tượng mưa lớn kéo dài

D. Do các thảm hoạ sóng thần, thuỷ triều

Câu 9. Từ văn bản, hãy nhận xét về hiện tượng lũ lụt ở nước ta nói riêng và trên thế giới nói chung? Em thấy bản thân mình cần biết thêm thông tin gì nữa về lũ lụt?

Câu 10. Qua đoạn ngữ liệu trên em cần làm gì để phòng chống lũ lụt?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	<p>Câu 9. Lũ lụt là một trong những hiện tượng nóng luôn nhận được sự quan tâm của toàn xã hội hiện nay không chỉ riêng Việt Nam ta mà cả trên thế giới nói chung. Bởi bão lũ đã gây ra những hậu quả đau thương cho con người gây thiệt hại lớn về người và của, khiến cho đời sống người dân vô cùng khó khăn. Chính vì vậy, mỗi người dân cần phải có sự hiểu biết về nguyên nhân và tác hại của lũ lụt để từ đó có cách giữ rừng, giữ môi trường như giữ tính mạng mình.</p> <p>- Sau khi đọc văn bản, em muốn biết thêm thông tin về cách ứng phó khi lũ lụt xảy ra để cố gắng giảm thiệt hại xuống mức thấp nhất. Tài liệu của Nhung tây</p>	1,0
	10	<p>Câu 10. Học sinh tự trả lời</p> <p>- Tuyên truyền với mọi người xung quanh để mọi người cùng thực hiện.</p> <p>- Tìm hiểu thông tin Trang bị kiến thức, các kỹ năng cơ bản để chủ động phòng chống lụt bão, bảo vệ an toàn cho bản thân và gia đình là điều hết sức cần thiết.</p> <p>- Dự trữ các thực phẩm cần thiết.</p> <p>- Thường xuyên theo dõi thông tin, cập nhật thời tiết...</p>	
II. Viết		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận...</p> <p>Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình</p>	0,25

		bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.	
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i>	0,25
		c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. Học sinh có thể nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau:	
		- Nêu vấn đề cần nghị luận: <i>Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i> - Người viết tán thành ý kiến đã nêu. - Nêu ra thực trạng việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông của người dân. - Nêu nguyên nhân của thực trạng trên. - Kết hợp lí lẽ với bằng chứng để chỉ ra hậu quả hoặc những điều tích cực của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông... - Đưa ra biện pháp. Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực.	0,5

ĐỀ 8: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Biển Đông có đa dạng loài sinh vật biển rất cao và nguồn lợi sinh vật biển phong phú với hơn 160 000 loài, bao gồm 10 000 loài thực vật và 260 loài chim biển. Trữ lượng các loài động vật biển ước tính khoảng 32,5 tỉ tấn, trong đó các loài cá chiếm 86% tổng trữ lượng. Trong vùng biển này còn có nhiều loài động vật quý hiếm, như đồi mồi, rắn biển, chim biển và thú biển. Ngoài ra, Biển Đông còn cung cấp nhiều loài rong biển có giá trị kinh tế. Riêng biển Việt Nam đã có khoảng 638 loài rong biển. Đây là nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng và là nguồn dược liệu phong phú đặc trưng cho một vùng biển nhiệt đới. (Theo Nguyễn Chu Hồi (Chủ biên), An ninh môi trường và hoà bình ở Biển Đông, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2019, tr. 34 - 35)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào

- A. Văn bản hành chính công vụ
C. Truyện ngắn

- B. Văn bản thông tin**
D. Tiểu thuyết

Câu 2: Thông tin chính mà đoạn trích đưa đến cho độc giả là gì?

- A. Sự đa dạng các loài sinh vật biển ở Biển Đông**
B. Tình hình bão lũ ở đồng bằng sông Cửu Long

C. Các loài động vật quý hiếm

D. Tình hình bão lũ và sạt lở đất ở trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 3: Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ nào? “*Trong vùng biển này còn có nhiều loài động vật quý hiếm, như đồi mồi, rắn biển, chim biển và thú biển.*”

A. So sánh

B. Liệt kê

C. Nhân hoá

D. Nói quá

Câu 4. Các số liệu trong đoạn trích phản án điều gì?

A. **Biển Đông là nơi có sự đa dạng sinh học cao và trữ lượng sinh vật biển rất lớn.**

B. Biển Đông là nơi tham quan nghỉ dưỡng rất lí tưởng

C. Nói về các tin tức trên Biển Đông

D. Biển Đông có các loài cá và biển rất quý

Câu 5. Các từ: “còn có (ở câu 3), ngoài ra (ở câu 4), riêng (ở câu 5), đây là (ở câu 6)” trong đoạn văn trên có tác dụng gì?

A. Là các phó từ chỉ thời gian

B. Các tính từ chỉ mức độ

C. **Là các từ có tác dụng liên kết câu và liên kết đoạn văn.**

D. Là các quan hệ từ chỉ quan hệ sở hữu

Câu 6. Phép liên kết nào được sử dụng trong câu sau: “*. Đây là nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng và là nguồn dược liệu phong phú đặc trưng cho một vùng biển nhiệt đới.*”

A. **Phép nối**

B. Phép lặp

C. Phép thế

D. Phép liên tưởng

Câu 7. Những thông tin về sự phong phú của sinh vật biển ở Biển Đông có ý nghĩa như thế nào đối với nhận thức và hành động của chúng ta hôm nay?

A. Giúp ta nhận thức được đầy đủ hơn về tầm quan trọng của Biển Đông đối với tương lai phát triển của đất nước.

B. Khơi dậy ở ta ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo, quyết không để bất cứ thế lực ngoại bang nào xâm phạm, chiếm đoạt phần lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc.

C. Luôn có ý thức đấu tranh lại với những giữ gìn vùng trời vùng biển.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 8. Tình cảm của em được thể hiện qua đoạn trích trên.

A. **Tự hào về vẻ đẹp giàu có trù phú của Biển Đông**

B. Tự hào về truyền thống đấu tranh của lịch sử dân tộc.

C. Yêu thiên nhiên, đất nước con người

D. Tất cả các phương án trên đều đúng

Câu 9: Em suy nghĩ như thế nào về mối quan hệ giữa vấn đề “nguồn lợi” và vấn đề “đa dạng loài sinh vật biển”?

Câu 10: Những thông tin về sự phong phú của sinh vật biển ở Biển Đông có ý nghĩa như thế nào đối với nhận thức và hành động của chúng ta hôm nay?

II. VIẾT (4 điểm)

Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5

	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu 9. Đoạn trích gợi lên cùng lúc hai vấn đề: sự đa dạng loài sinh vật biển và nguồn lợi sinh vật biển. Giữa hai vấn đề này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nguồn lợi càng lớn nếu sự đa dạng càng lớn. Ngược lại, nguồn lợi sẽ giảm đi nếu sự đa dạng vốn có bị đe dọa.	0,5 0,5
	10	Câu 10: Những thông tin nói về sự phong phú của sinh vật biển ở Biển Đông giúp ta nhận thức được đầy đủ hơn về tầm quan trọng của Biển Đông đối với tương lai phát triển của đất nước. Đồng thời, chúng khơi dậy ở ta ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo, quyết không để bất cứ thế lực ngoại bang nào xâm phạm, chiếm đoạt phần lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc.	0,25 0,5 0,25
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i> - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.	0,25
		HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Mở bài: - Giới thiệu về chuyến đi của bản thân với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen. Tài liệu của Nhung tây	0,25
		2. Thân bài: - Giới thiệu chung về chuyến đi đó. - Kể lại chuyến đi của bản thân theo một trình tự hợp lí: + Chuyến đi đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em? + Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một chuyến đi khó quên? + Em đã làm gì trong chuyến đi đó? + Chuyến đi đó đã tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào? + Em có những suy nghĩ gì sau chuyến đi đó xảy ra?	2,5
		3. Kết bài: - Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan	0,25

	trọng, khó quên)	
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo. Tài liệu của Nhung tây	0,25

ĐỀ 9: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi sau:

Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này. Những sinh vật có sức chống trả càng yếu, sẽ càng sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề. Rồi loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi. Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay. Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn.

(Theo Hoàng Thảo – Lời giới thiệu, Sống xanh không khó - Nam Kha, NXB Dân trí, 2020)

Câu 1: Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Miêu tả. B. Biểu cảm.
C. Nghị luận. D. Tự sự.

Câu 2: Theo tác giả, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động như thế nào?

- A. Tới mọi mặt của đời sống con người.
B. Tới mọi mặt của thú rừng.
C. Tới mọi mặt của con người và cây cối.
D. Tới mọi mặt, mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này.

Câu 3: Theo tác giả, những sinh vật có sức chống trả càng yếu sẽ như thế nào trước sự biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường ?

- A. Dễ hoà nhập.
B. Sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề.
C. Không chịu ảnh hưởng từ môi trường sống.
D. Thích nghi cao với ô nhiễm môi trường.

Câu 4: Theo tác giả, tương lai con người sẽ như thế nào nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi?

- A. Loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo.
B. Loài người không chịu sự ảnh hưởng bởi ô nhiễm môi trường.
C. Loài người thích nghi với ô nhiễm môi trường.
D. Loài người sẽ có cuộc sống tốt đẹp

Câu 5: Theo tác giả, thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn chúng ta phụ thuộc vào điều gì?

- A. Những sinh vật có sức chống trả yếu.
B. Phụ thuộc vào chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay.

C. Phụ thuộc vào việc trồng cây, gây rừng.

D. Phụ thuộc vào việc thu gom rác.

Câu 6: Nội dung chính của ngữ liệu trên:

A. Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường tác động tới mọi mặt cuộc sống của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này và con người phải hành động.

B. Miêu tả cuộc sống của con người trên trái đất.

C. Miêu tả cuộc sống của các loài thú trên trái đất.

D. Miêu tả cuộc sống của cỏ cây trên trái đất.

Câu 7: câu văn: “Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh.

B. Nhân hoá.

C. Ẩn dụ.

D. Liệt kê.

Câu 8: Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn khi nào?

A. Các nước phát triển dồn rác thải sang các nước nghèo, nước chậm phát triển.

B. Mọi người, mọi quốc gia biết bảo vệ và giữ gìn môi trường sống.

C. Các nước giàu có và phát triển bảo vệ môi trường sống của họ.

D. Các nước nghèo, nước chậm phát triển tự bảo vệ môi trường sống của họ.

Câu 9: Em có đồng tình với ý kiến: Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay không? Vì sao?

Câu 10: Từ ngữ liệu phần đọc hiểu, em hãy trình bày những việc em đã và sẽ làm để góp phần bảo vệ môi trường sống, để trái đất trở nên tốt đẹp hơn?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ trào phúng mà em yêu thích?

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	Học sinh có thể trình bày theo quan điểm cá nhân, diễn giải hợp lý. Gợi ý: Đồng tình Lý giải: Những việc làm của chúng ta ngày hôm nay sẽ gây tác động đến môi trường mà thế hệ sau chính là đối tượng trực tiếp chịu ảnh hưởng từ hệ quả đó. Vì vậy nếu hôm nay chúng ta cùng nhau thay đổi để có môi trường xanh thì tương lai thế hệ sau của	1,0

		chúng ta sẽ được sống trong một cuộc sống trong lành, Trái đất trở thành một nơi tốt đẹp hơn và ngược lại.	
	10	<p>* Bảo vệ Trái đất chính là vấn đề cấp thiết hiện nay.</p> <p>* Nêu thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trái đất ngày càng nóng lên. Tài liệu của Nhung tây + Không khí chứa nhiều thành phần gây hại hơn + Nồng độ chì đã và đang tăng lên + Ô nhiễm từ các loại xe cộ... <p>* Những việc cần làm để trái đất trở nên tốt đẹp hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cần có ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường + Có lối sống hoà hợp với môi trường. + Tiết kiệm nguồn điện, nguồn nước + Ít sử dụng hóa chất + Ngăn chặn chặt phá và khai thác rừng,... + Bảo vệ các loài động vật quý hiếm... + Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp, cá nhân vi phạm. + Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, hiểu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người... + Tái chế rác thải, tái sử dụng giấy. + Giảm thiểu chất thải và tác động của môi trường <p>* Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường. + Hiểu rằng bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của mình, của tất cả những người quanh mình, của toàn xã hội và toàn thế giới. Khái quát lại vấn đề vừa bàn luận. Tài liệu của Nhung tây 	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn phân tích tác phẩm gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Phân tích một tác phẩm thơ mà em yêu thích.</i>	0,25
		<p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có)... <p>2. Thân bài:</p> <p>Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương.</p> <p>- Phương án 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý 1: Câu thơ thứ ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) 	

	- Ý 2: Câu thơ thứ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) - Ýn... - Phương án 2: - Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán...) - Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng...) 3. Kết bài: - Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm	3 đ
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 10: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THẾ GIỚI RA SAO NẾU KHÔNG CÓ CÂY XANH?

Trong một năm, một cây ra lá khi trưởng thành sẽ sản sinh ra ngày càng nhiều oxi, đủ cho 10 người thở. Ai cũng biết tầm quan trọng, sự thiết yếu của oxi đối với cuộc sống của con người. Nhưng đó chỉ là yếu tố cần. Yếu tố đủ cho sự sống bao gồm nhiệt độ, khí hậu, không khí trong lành... cũng phụ thuộc lớn vào mật độ cây xanh trên thế giới. Tuy nhiên, rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi. Ước tính có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm. Nạn phá rừng xảy ra do tình trạng gia tăng dân số và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ngày một nhiều. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.

Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà không khí. Hệ thực vật trên Trái Đất đã khiến cuộc sống của chúng ta dễ chịu hơn, nhất là việc cung cấp bóng râm trong những ngày oi nóng. Có một điều không ai phủ nhận là sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất. Dù không tạo ra tuyết trong ngày nắng nóng nhưng có cây xanh là có sự khác biệt. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng 1 – 1,5°C trong thế kỉ qua, một phần nguyên nhân từ sự sụt giảm diện tích rừng trên toàn cầu.

Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu. Lá cây giúp điều hoà, làm mát không khí qua quá trình thoát hơi nước, giúp tăng độ ẩm trong không khí. Với mắt người, thoát hơi nước ở cây là các quá trình vô hình, nhưng theo điều tra địa chất của Mỹ một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon (hơn 151 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm. Quá trình này cực kì hữu ích trong việc giảm mưa bão vì nó trả lại độ ẩm cho bầu khí quyển. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây xanh thì cư dân giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng.

Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh như một chiến lược tạo bóng mát cho ngày hè cũng như cản gió lạnh vào mùa đông. Cây xanh có tác dụng hấp thụ bớt lượng nhiệt phát sinh từ các hoạt động của đô thị (xe cộ, giao thông, điều hoà nhiệt độ, máy làm mát). Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn sự nóng dần lên của Trái Đất.

Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí. Nếu không có cây xanh che bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.

Tóm lại, không phải ngẫu nhiên những nơi sạch nhất và đáng sống nhất, trong mắt nhiều người tựa “thiên đường” lại được thiết kế để con người có thể sống hài hoà với màu xanh của cỏ cây.

(Theo THU THỦY – songmoi.vn)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1: Tại sao văn bản trên được coi là văn nghị luận?

- A. Vì nêu lên được thực trạng về cây xanh đang mất dần
- B. Vì phân biệt được các lợi ích của cây xanh
- C. Vì nêu được nguyên nhân cây xanh bị chặt phá
- D. Vì nêu được ý kiến và làm sáng tỏ bởi lí lẽ và bằng chứng

Câu 2: Thái độ quan tâm, lo lắng của tác giả thể hiện rõ ở câu văn nào ?

- A. Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu.
- B. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh.
- C. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí.
- D. Thế giới ra sao nếu không có cây xanh?

Câu 3: Ý chính của câu kết “Tóm lại [...] màu xanh của cỏ cây” là gì?

- A. Sống hài hoà với cỏ cây là tiêu chí của cuộc sống hạnh phúc.
- B. Trong mắt nhiều người, cỏ cây tựa như “thiên đường”.
- C. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là nơi có cỏ cây.
- D. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là “thiên đường”.

Câu 4: Bằng chứng cụ thể của người viết?

- A. Nếu không có cây xanh che chắn bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.
- B. Một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon (hơn 151. 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm.
- C. Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà không khí.
- D. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây xanh giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng.

Câu 5: Tầm quan trọng của cây xanh được thể hiện qua câu văn nào?

- A. Có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm.
- B. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.
- C. Sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất.
- D. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng 1 - 1,5°C trong thế kỉ qua.

Câu 6: Câu nào sau đây chứa từ tượng hình?

- A. Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh” long lanh đa sắc
 B. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.
 C. Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu
 D. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng trong thế kỉ qua.

Câu 7:

Qua câu: “Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh””, tác giả muốn khẳng định điều gì?

- A. Cây cối rất quan trọng đối với việc hô hấp của con người.
 B. Cây cối có vai trò to lớn, có thể thay cho lá phổi con người.
 C. Cây cối có tác động to lớn đến tình hình khí hậu trên Trái Đất.
 D. Cây cối làm cho lá phổi con người xanh và mát mẻ, dễ chịu.

Câu 8: Vấn đề chính của văn bản mà tác giả đặt ra là:

- A. Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”.
 B. Mỗi bộ phận của cây xanh đều có tác động đến khí hậu.
 C. Con người không thể sống thiếu cây xanh.
 D. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.

Câu 9: Viết khoảng 2 câu văn mở đầu bằng: "Nếu không có cây xanh..." theo cách diễn dịch

Câu 10: Hãy viết ra 2 việc làm cụ thể mà em và mọi người có thể làm được để bảo vệ môi trường.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* của Bà Huyện Thanh Quan

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0.5
	2	D	0.5
	3	A	0.5
	4	D	0.5
	5	B	0.5
	6	A	0.5
	7	A	0.5
	8	D	0.5
	9	- HS viết tiếp ý đã cho, đủ 2 câu - Trong 2 câu văn theo cách câu chủ đề đặt ở đầu đoạn văn	0.5 0.5

	10	<p>HS kể tên được 2 việc có thể làm để bảo vệ môi trường, câu trả lời có thể có các ý như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng cây, trồng hoa quanh nhà, hai bên đường... - Phân loại, xử lý rác thải ... không vứt rác bừa bãi... - Không vứt rác bừa bãi, chặt phá cây xanh... - Sử dụng tiết kiệm giấy, vở... - Không (hoặc hạn chế) sử dụng bao bì ni lông, đồ dùng bằng nhựa. 	1.0
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn: phân tích về một tác phẩm thơ.</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Đề: Phân tích bài thơ Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan	0.25
		<i>c. Yêu cầu nội dung</i> HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ...) nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú. nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...) - Khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ; nêu được tác động của bài thơ đối với bản thân. 	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		<i>e. Sáng tạo:</i> có sự tinh tế, sắc sảo trong lựa chọn chi tiết và kỹ năng lập luận, phân tích dẫn chứng.	0.5

6. TRUYỆN CƯỜI – HÀI KỊCH

ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

ÔNG GIUỐC-ĐANH, NHỮNG TÊN HẦU

Ông Giuốc - danh - À! Bác đã tới đây à! Tôi đang sắp phát cầu lên với bác đây Phó may.
- Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chủ thợ ban xúm lại
chiếc áo của ngài đấy.

Ông Giuốc - danh... Bác đã gửi đến cho tôi đôi tất lụa chặt quá, tôi khổ sở vô cùng mới
xô chân vào được, và đã đứt mất hai mắt rồi đấy.

Phó may. Rồi nó giãn ra, lo lại không rộng quả ấy chứ

Ông Giuốc - danh - Phải, nếu tôi cứ làm đứt mắt mãi. Lại đôi giày bác bảo đóng
cho tôi, làm tôi đau chân ghê gớm.

- Phó may - Thưa ngài, đâu có

Ông Giuốc - danh - Đâu có là thế nào? Phó may - Không, không đau đâu mà. Ông
Giuốc-danh - Tôi bảo đau, là đau

Phó may - Ngài cứ tưởng tượng ra thế

Ông Giuốc - danh - Tôi tưởng tượng vì tôi thấy đau. Lí với lẽ hay chưa kia!

Phó may - Thưa đây là bộ áo lễ phục đẹp nhất triều, và thích hợp nhất. Sáng chế ra được
một kiểu áo lễ phục trang nghiêm mà không phải màu đen), thật là một kì công tuyệt tác.
Tôi thách các thợ may giỏi nhất mà làm nổi đấy.

Ông Giuốc - danh - Thế này là thế nào? Bác may hoa ngược mắt rồi.

Phó may - Ngài có bảo là ngài muốn may xuôi hoa đâu Ông Giuốc-danh - Lại còn phải
bảo cái đó à?

{...}

Ông Giuốc-danh - Ni-côn

Ni-côn - Da?

Ông Giuốc-danh - Nghe đây!

Ni-côn: - Hi, hi, hi, hi, hi!

Ông Giuốc-danh - Mà cười cái gì?

Ni-côn: - Hi, hi, hi, hi, hi, hi!

Tại sao lời thoại của nhân vật Ni-côn chủ yếu là tiếng cười?

Ông Giuốc-danh. - Cái con mắt dạy này, làm cái trò gì thế? Ni-côn - Hi, hi, hi! Trông
ông ăn mặc đến hay! Hi, hi, hi! Ông Giuốc-danh - Thế nào?

Ni-côn - Ôi! Ôi giờ ơi! Hi, hí, hi, hát

Ông Giuốc-danh - Con ranh con, lạ chưa kia? Mà trên tao đây hử? Ni-côn - Không,
thưa ông con đâu dám thế. Hi, hí, hí, hi, hi!

Ông Giuốc-danh - Mà mà còn cười nữa thì tao vả cho vỡ mặt bây giờ Ni-côn - Thưa
ông, con không thể nào nhịn được. Hí, lú, hi, hi!

Ông Giuốc-danh - Mà không thôi đi phỏng?

Ni-côn - Thưa ông, con xin lỗi ông, nhưng nom ông buồn cười quá, con không thể nào
nín cười được. Hi, hí, hí!

Ông Giuốc-danh - Cái con này mới láo chứ!

Ni-côn - Nom ông như thế kia, tức cười quá. Hi, hi!

Ông Giuốc-danh - Tạo thì

Ni-côn - Xin ông bỏ quá cho. Hi, lí, hí, hi!

Ông Giuốc-danh - Đây, hể mà còn cười một tí nào nữa, tao sẽ cho mà một cái tát
bằng trời giáng cho mà xem.

Ni-côn: - Dạ vâng, thưa ông, thế là hết rồi, con không cười nữa ạ

Ông Giuốc-đanh - Cứ rõ hồn đấy. Mà phải lau chùi ngay cho kịp... Ni-côn - Hi, hi

Ông Giuốc-đanh - Tao bảo rằng phải lau chùi phòng khách, và ... Ni-côn - Hi, hi!

Ông Giuốc-đanh - Chưa thôi phỏng? K THỨC Ni-côn" - Thôi, thưa ông, thà là ông cứ đánh

con đi nhưng để cho con được cười bằng thích, còn hơn. Hi, hi, hi, hi, hi!

(Mô-li-e, trường giả học làm sang, Tuấn Đỗ dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội 2021)

Câu 1: Mô-li-e là nhà văn nước nào?

A. Nga B. Mĩ C. Đức D. Pháp

Câu 2: Thể loại chính trong các vở kịch của Mô-li-e là gì?

A. Bi kịch B. **Hài kịch** C. Chính luận D. Tự sự

Câu 3: Hoàn cảnh xuất thân của ông Giuốc-đanh là gì?

A. Trong một gia đình thượng lưu quý tộc.

B. Trong một gia đình thương nhân giàu có.

C. Trong một gia đình trí thức.

D. Trong một gia đình nông dân.

Câu 4: Đoạn trích “Ông Giuốc-đanh và những tên hầu” nằm trong tác phẩm nào?

A. Trường giả học làm sang

B. Người bệnh tưởng

C. Tôi và chúng ta

D. Lão hà tiện

Câu 5: Ông Giuốc-đanh và những tên hầu gồm mấy cảnh?

A. Bốn cảnh

B. Ba cảnh

C. Hai cảnh

D. Một cảnh

Câu 6: Qua thái độ của ông Giuốc - đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông ta là một người như thế nào?

A. Cầu kì trong vấn đề ăn mặc

B. Dốt nát, kém hiểu biết

C. Thích những cái lạ mắt.

D. Hài hước và hóm hỉnh.

Câu 7: Sự hài lòng, mãn nguyện của ông Giuốc - đanh khi mặc bộ lễ phục thể hiện ở câu nói nào?

A. Ồ! Thế thì bộ áo này may được đấy.

B. Ấy đấy, ăn mặc theo lối quý phái thì thế đấy! Còn cứ bo bo giữ kiêu áo quần trường giả thì đời nào được gọi là “ông lớn”.

C. Tôi đã bảo không mà. Bác may thế này được rồi.

D. Thưa, đây là bộ lễ phục đẹp nhất triều đình và may vừa mắt nhất.

Câu 8: Thái độ của ông Giuốc - đanh trước việc “đến mất tong cả tiền” để thưởng cho các chú thợ phụ như thế nào.

A. Không hề tiếc rẻ mà sẵn sàng cho hết để được làm sang.

B. Không muốn mất tiền vì những việc đó.

C. Tức giận vì phải mất tiền thưởng cho các chú thợ phụ.

D. Có tiếc tiền nhưng vẫn sẵn sàng cho hết để được làm sang.

Câu 9. Theo em, trong cuộc sống hiện nay còn có những người như ông Giuốc-đanh không?

Câu 10. Trang phục của ông Giuốc - đanh được diễn tả ở những chi tiết nào trong đoạn trích? Qua đó giúp em cảm nhận được gì từ nhân vật này?

II. VIẾT (4 điểm)

Hiện nay một số bạn trong lớp còn lơ là trong học tập, em hãy viết một bài văn để khuyên các bạn ấy học tập chăm chỉ hơn.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Trong cuộc sống hiện nay còn có rất nhiều người như ông Giuốc- đanh bởi thói học đòi làm sang.	0.5 0.5
	10	Câu 10. Những tên thợ phục mặc lễ phục cho ông, ông đi đi lại lại phô cái áo mới, đều bước theo điệu nhạc thật chẳng khác nào chú hề - Những lời dối thoại của ông Giuốc- đanh với bọn thợ phụ, chúng gọi ông là “ông lớn”, “cụ lớn” rồi “đức ông” để moi tiền - Ông vô cùng thích thú và không hề tiếc túi tiền của mình để cho chúng ⇒ Nhân vật ông Giuốc- đanh mê muội, ngu dốt, ngơ nghếch, chỉ vì thói học đòi làm sang nên đã bị lợi dụng.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Hiện nay một số bạn trong lớp còn lơ là trong học tập, em hãy viết một bài văn để khuyên các bạn ấy học tập chăm chỉ hơn.</i>	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được các ý cơ bản sau:</i>	3.0
		<i>c. Học sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau. Dưới đây là một số định hướng:</i> 1. Mở bài: - Giới thiệu sơ lược tầm quan trọng của việc học tập. - Phản ánh sơ lược thực tại hiện tượng lơ là trong học tập của một	0.5

	<p>số bạn trong lớp.</p> <p>2. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình học tập chung của cả lớp: + Nhiều bạn chăm chỉ học tập, làm vui lòng thầy cô, cha mẹ. Xứng đáng cho mọi người noi theo. + Một số bạn trong lớp còn chểnh mảng, lơ là trong học tập: không chịu học bài, làm bài, bỏ học tự do. Làm thầy cô, cha mẹ buồn phiền, lo lắng. Tài liệu của Nhung tây - Những lời khuyên bảo: + Các bạn ham vui chơi, không chịu học hành thì sau này khó có niềm vui trong cuộc sống. + Cuộc sống sau này cần phải có tri thức, muốn có tri thức thì ngay bây giờ cần phải chăm chỉ học tập. + Có kiến thức bạn sẽ làm chủ bản thân. <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vai trò to lớn của việc học tập đối với mỗi người đặc biệt là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường. 	1.5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...</i></p>	0,25

ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

HỘI THỨ NHẤT – LỚP 4

VALE - ÊLY

ARPAGÔNG: - Giữ trong nhà một món tiền lớn, quả là một cái tội nợ không vừa, thật là tốt phúc, kẻ nào đặt được tất cả dấn vốn vào chỗ sinh lời chắc chắn, và chỉ giữ lại vừa đủ chỉ tiêu thôi. Khấp nhà trên nhà dưới, nghĩ ra được một chỗ cất giấu có thể tin cậy được, cũng không phải là dễ dàng, vì đối với ta, các loại tủ sắt đều là đáng ngờ, và chả đời nào ta chịu tin cậy vào đó: Ta coi tủ sắt đúng là cái mồi dử trộm và bao giờ cũng là cái đích tấn công đầu tiên (Arpagông tưởng không có ai) - Nhưng món tiền một vạn êquy (2) mà họ mới trả ta hôm qua, ta chôn ở sau vườn, chả biết có gọi là đắc sách được không. Một vạn êquy bằng tiền vàng giữ ở trong nhà là một món tiền khá... (Đến đây, hai anh em xuất hiện, nói thì thầm với nhau) - Trời ơi! không khéo ta đã tự làm hỏng chuyện mất rồi, không khéo đương con nóng tiết ta đã không biết giữ mồm, và hình như khi lảm bảm một mình, ta đã nói to quá (Nói với Clêan và Êly) - Cái gì đó?

CLÊAN: - Thừa cha, không ạ.

ARPAGÔNG: - Các con vào đây đã lâu chưa?

ÊLY: - Chúng con cũng vừa mới đến thôi ạ.

ARPAGÔNG: - Các con có nghe thấy...

CLÊAN: - Nghe thấy gì kia, thưa cha?

ARPAGÔNG: - Kìa, thì...

ÊLY: - Cái gì kia ạ?

ARPAGÔNG: - Những lời ta vừa nói ấy mà. Lão hà tiện

CLÊAN: - Thưa, không ạ.

ARPAGÔNG: - Có chứ, có chứ?

ÊLY: - Xin cha thứ lỗi, không có đâu ạ.

ARPAGÔNG: - Ta thấy rõ ràng là các con có nghe thấy lồm bồm gì đó, chả là ta đương lắm bầm một mình về chuyện ngày nay kiếm được đồng tiền thật là khó nhọc, và ta bảo rằng kẻ nào có được một vạn êquy trong nhà, thì thật là tốt phúc.

CLÊAN: - Lúc đó chúng con do dự chưa dám lại gần cha, sợ cha còn đương dở việc.

ARPAGÔNG: - Ta lấy làm hài lòng được nói với các con điều này đó, để các con khỏi hiểu lầm mà tưởng rằng ta bảo là chính ta có một vạn êquy.

CLÊAN: - Chúng con không dám len vào công việc riêng của cha.

ARPAGÔNG: - Ước gì ta có được món tiền đó, một vạn êquy.

CLÊAN: - Con không tin rằng....

ARPAGÔNG: - Ta mà được món tiền như thế thì còn gì bằng.

ÊLY: - Đó là những chuyện...

ARPAGÔNG: - Ta cũng đương cần một món tiền bằng ngàn ấy.

CLÊAN: - Con nghĩ rằng...

ARPAGÔNG: - Được như thế thì ta cũng dễ chịu lên nhiều lắm.

ÊLY: - Cha thì....

ARPAGÔNG: - Thì ta chả còn phải phàn nàn là thời buổi khôn khó.

CLÊAN: - Lạy Chúa! Cha chẳng có gì đáng phải phàn nàn, thưa cha, và có ai biết là cha có khối của.

ARPAGÔNG: - Thế nào? Tao có khối của! Những đứa nào nói thế là nói láo. Chả có gì sai bằng; đấy là những quân vô lại chúng phao đồn những tin nhảm đó.

ÊLY: - Xin cha đừng giận dữ.

ARPAGÔNG: - Thật là quái lạ, chính những đứa con rút ruột của mình lại phản bội mình và trở thành kẻ thù của mình.

CLÊAN: - Bảo rằng cha có của, mà là kẻ thù của cha hay sao?

ARPAGÔNG: - Chứ gì! Cứ những cái giọng lưỡi như thế và cứ những cách ăn tiêu của chúng mày, thì rồi có ngày sẽ có kẻ đến nhà tao để cắt cổ tao, cho rằng tao có vàng ních đầy người.

CLÊAN: - Con ăn tiêu cái gì mà gọi là to?

ARPAGÔNG: - Cái gì à? Còn có gì chướng mắt hơn là những phục sức xa hoa này mà chúng mày chưng diện khắp phố phường? Hôm qua đây, tao vừa mắng con em mày xong; nhưng mày lại còn tệ Lão hà tiện. Sự tình thật đáng kêu trời; cứ từ đầu đến chân mày, cũng đủ làm một cái vốn lợi tức khá tươm. Con ạ, tao đã bảo mày có đến mấy mươi lần rồi, tất cả những cung cách của mày, tao chẳng vừa ý tí nào: mày cứ lấn mình vào cái lối sống đại gia công tử (1) và mày ăn diện như thế kia, thì hẳn là mày phải ăn cắp của tao chứ chẳng không.

CLÊAN: - Ủa! làm thế nào mà ăn cắp được của cha?

ARPAGÔNG: - Tao biết đâu đấy? Thế mày lấy đâu ra mà ăn mặc như thế này?

CLÉAN: - Thừa cha, con ấy à? Con đánh bạc đấy mà: vận con rất đỏ được luôn, và được bao nhiêu là con đắp vào người hết.

ARPAGÔNG: - Thế là bậy lắm nhé. Mà gặp vận may được bạc, thì đáng lẽ mày phải biết lợi dụng cái đó, và đem đồng tiền được ấy đặt chỗ tốt lãi, để một ngày kia còn trông thấy nó. Thôi, hãy cứ nói một chuyện này thôi, tao chỉ muốn biết tất cả những dải băng mày thắt nút vào người từ đầu đến chân kia, để làm cái trò gì, và một nửa tá dây giày là không đủ để cuộc thắt quần cộc hay sao? Cần gì phải phí tiền mua tóc giả, khi ta có thể để tóc tự nhiên, chẳng tốn đồng nào. Tao dám cuộc rằng về khoản tóc giả với dải băng, bỏ rẻ cũng là hai chục pìxtôn(1) và hai chục pìxtôn sinh lợi mỗi năm là mười tám livrơ sáu xon tám đơniê (2) , là nói chỉ đặt lãi mười hai lấy một tờ đấy thôi (3)

CLÉAN: - Cha nói đúng quá

ARPAGÔNG: - Thôi, ta hãy gác chuyện đó lại và nói chuyện khác (Trông thấy Cleeen và Êly ra hiệu với nhau) - Hà? (Nói riêng, nhỏ) - Hình như chúng nó làm hiệu với nhau để xoay túi bạc của ta đây (Nói to) - Chúng mày làm hiệu cái gì với nhau thế?

ÊLY: - Anh em chúng con đương điều đình với nhau xem để ai nói trước. Vì cả hai chúng con đều có chuyện muốn thưa với cha.

ARPAGÔNG: - Và cha, cha cũng có chuyện muốn nói với cả hai con.

CLÉAN: - Thừa cha, chúng con muốn thưa với cha, về việc hôn nhân.

ARPAGÔNG: - Thì cha muốn bàn với các con, cũng về việc hôn nhân.

ÊLY: - Ôi chào!

ARPAGÔNG: - Sao con lại kêu lên như thế? ấy là cái danh từ hay cái sự việc nó làm cho con sợ, hờ con?

CLÉAN: - Có thể cả hai đứa chúng con đều sợ chuyện hôn nhân, theo cái kiểu cha có thể nghĩ. Và chúng con sợ rằng tâm tình chúng con không phù hợp với sự lựa chọn của cha.

Arpagông: - Khoan khoan một tí. Đừng vội lo mà, cha biết thế nào là thích hợp cho cả hai con; và hai con, chẳng đứa nào sẽ phải phản nản gì về tất cả những việc mà ý cha định làm. Và để nói cho có Lão hà tiện (Nói với Cléan) - Con ơi, có một cô thiếu nữ tên Marian, nhà ở cũng gần đây, con đã thấy mặt bao giờ chưa?

(Trích Lão hà tiện của Molie)

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc thể loại nào?

- A. Bi kịch **B. Hài kịch** C. Chính luận D. Tự sự

Câu 2: Mô-li-e là nhà văn nước nào?

- A. Nga B. Mỹ C. Đức **D. Pháp**

Câu 3. Xác định nghệ thuật qua đoạn trích trên?

A. Nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật điển hình, cường điệu hoá tính cách nhân vật.

- B. Nghệ thuật xây dựng nội tâm nhân vật
C. Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo
D. Sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ tượng trưng.

Câu 4. Nhân vật Arpagong là một lão có tính cách như thế nào?

- A. Là một ông lão có tính keo kiệt, cực kì hà tiện.
B. Luôn luôn nghi ngờ với mọi người
C. Ông luôn luôn nghĩ đến tiền bạc mà không hề quan tâm đến hai đứa con của mình

D. Tất cả đáp án trên đều đúng**Câu 5.** Tiếng cười trong vở kịch Lão hà tiện là tiếng cười:

A. Tiếng cười khôi hài

B. Tiếng cười hài hước

C. Tiếng cười châm biếm

D. Cả ba đáp án trên**Câu 6.** Không chỉ là tên keo kiệt hà tiện Arpagong còn là một tay tham lam điều đó được thể hiện:

A. Không bao giờ muốn mất tiền nhưng lại muốn người khác đem cho mình thật nhiều tiền.

B. Bóc lột sức lao động của người ăn kẻ ở.

C. Giở mọi thủ đoạn để không phải trả lương cho người ăn kẻ ở

D. Cả ba đáp án trên đều đúng**Câu 7.** Bi kịch trong lão hà tiện thể hiện**A. Đồng tiền trở thành sức mạnh chi phối nhân cách con người, làm băng hoại đạo đức con người, làm lung lay các mối quan hệ của con người.**

B. Là tính sĩ diện tưởng như chỉ có cái hào nhoáng bên ngoài

C. Tác giả chỉ ra tác hại khôn lường của bệnh sĩ và tác hại khôn lường của nó.

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 8. Qua đoạn trích trên ta hiểu thêm gì về nhân vật Arpagong?

A. Là một con người hà tiện keo kiệt

B. Là tay tư sản có nhiều tiền và luôn cho vay nặng lãi

C. Là một người bệnh tưởng

D. Cả A, B đều đúng**Câu 9.** Qua đoạn trích ngoài việc khắc họa tính cách nhân vật. Em hiểu gì về xã hội thời đó? Tài liệu của Nhung tây**Câu 10.** Vở kịch này phê phán điều gì? Đồng thời khuyên nhủ chúng ta điều gì?**II. VIẾT (4 điểm)**

Kể lại một chuyện đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	D	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Tính cách hà tiện của Arpagong trở lên hài hước lồ bịch, ở ông hội tụ đầy đủ bản chất, tính cách của một tên đê tiện, là hình ảnh đại diện tiêu biểu sinh động nhất cho giai cấp tư sản	0,25 0,5

		đang lên trong xã hội lúc bấy giờ. (Thế kỉ thứ XVII)	0,25
	10	Câu 10. Vỡ kịch phê phán những kẻ hà tiện, keo kiệt một cách lộ liễu và trơ trẽn. Đó là một trong những thói hư tật xấu của con người mà chúng ta cần nên tránh. Tài liệu của Nhung tây	0,25 0,5 0,25
II		VIẾT	4,0
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. 	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.</p>	0,25
		<p>HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về chuyến đi của bản thân với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen. <p>2. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về chuyến đi đó. - Kể lại chuyến đi của bản thân theo một trình tự hợp lí: + Chuyến đi đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em? + Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một chuyến đi khó quên? + Em đã làm gì trong chuyến đi đó? + Chuyến đi đó đã tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào? + Em có những suy nghĩ gì sau chuyến đi đó xảy ra? <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên) 	
		<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo. Tài liệu của Nhung tây</p>	0,25

ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

TAM ĐẠI CON GÀ

Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “Xấu hay làm tốt, dốt hay chơi chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.

Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.

Một hôm, dạy sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: “Dù dĩ là con dù dĩ”. Thầy cũng khôn, sợ nhớ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn thấp thỏm.

Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khấn thầm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù dĩ” không. Thổ công cho ba đài được cả ba. Thấy vậy, thầy lấy làm đặc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:

- Dù dĩ là con dù dĩ! Dù dĩ là con dù dĩ...

Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giờ sách ra xem, hỏi thầy:

Chết chữa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dù dĩ” là con “dù dĩ”?

Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm: “Mình đã đốt, thổ công nhà nó cũng đốt nữa”, nhưng nhanh trí thầy vội nói gở:

- Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ “kê” mà “kê” nghĩa là “gà” nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho cháu nó biết tận tam đại con gà kia.

Chủ nhà càng không hiểu, hỏi:

- Tam đại con gà là nghĩa ra làm sao?

- Thế này nhé! Dù dĩ là con dù dĩ, dù dĩ là chị con công, con công là ông con gà!

(SGK Ngữ văn 10, Trang 78-79, Tập I, NXBGD 2006)

Câu 1. Truyện **Tam đại con gà** là truyện cười thuộc loại nào:

A. Truyện cười

B. Khôi hài

C. Trào phúng

D. Tất cả đều đúng

Câu 2: Trong những câu dưới đây câu nào không đúng khi nói về anh học trò trong **Tam đại con gà** ?

A. Anh học trò đốt đến mức có chữ trong sách mà không biết.

B. Anh học trò đốt đến mức không biết một chữ nào.

C. Anh học trò chẳng những đốt mà còn liều lĩnh để che đậy cái đốt của mình.

D. Mọi tình tiết trong tác phẩm càng lúc càng bộc lộ cái đốt của anh học trò.

Câu 3: Trong truyện **Tam đại con gà** ở nhân vật anh học trò có mâu thuẫn nào là trái tự nhiên?

A. Mâu thuẫn giữa nội dung và hình thức.

B. Mâu thuẫn giữa bản chất và hiện tượng.

C. Mâu thuẫn giữa cá nhân và hoàn cảnh.

D. Cả ba mâu thuẫn trên.

Câu 4: Dòng nào dưới đây không phải là đặc trưng nghệ thuật của truyện cười?

A. Ngắn gọn, có kết cấu chặt chẽ.

B. Có rất ít nhân vật.

C. Ngôn ngữ chọn lọc, tinh tế.

D. Kết thúc bất ngờ tạo ra tiếng cười cho người đọc và người nghe.

Câu 5: Tiếng cười trong truyện **Tam đại con gà** có ý nghĩa gì?

- A. Tiếng cười khôi hài có ý nghĩa giáo dục và đả kích các tầng lớp trên của xã hội.
 B. Tiếng cười phê phán trong nội bộ nhân dân và có ý nghĩa giáo dục
C. Tiếng cười đả kích cái sự dốt của người thầy trong xã hội cũ.
 D. Tiếng cười đả kích các tầng lớp trên của xã hội và có ý nghĩa giáo dục.

Câu 6: Cái gây cười nhất của truyện *Tam đại con gà* là:

- A. Cái dốt của kẻ thất học.
B. Thái giấu dốt, sĩ diện hão của thầy đồ.
 C. Cái dốt của học trò.
 D. Đã dốt lại cả gan đi dạy trẻ.

Câu 7: Thủ pháp nghệ thuật trong truyện là gì?

- A. Lối nói đòn bẩy **B. Chơi chữ** C. Tăng tiến D. Liệt kê

Câu 8: Yếu tố bất ngờ trong truyện là gì?

- A. Thầy đã sai, Thổ công nhà chủ cũng sai.
 B. Thầy đặc chí, sai trò đọc to những lời vô nghĩa.
 C. Chủ nhà còn biết nhiều chữ hơn cả thầy.
D. Thầy bị lật tẩy mà vẫn cố chống chế theo kiểu lấu cá vật

Câu 9. Hãy chỉ ra ý nghĩa phê phán của truyện “Tam đại con gà”.

Câu 10. Nêu suy nghĩ của em được rút ra từ câu chuyện trên?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích văn bản “Nam quốc sơn hà”

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Ý nghĩa phê phán của truyện: - Phê phán bộ phận người dốt nát nhưng thích tỏ ra hay chữ - Phê phán thói mê tín dị đoan trong dân gian - Tuy nhiên câu chuyện này vẫn là câu chuyện giải trí, chưa tới mức đả kích và tiêu diệt đối tượng.	1,0
	10	Câu 10. Học sinh tự bộc lộ, từ câu chuyện trên e rút ra được bài học cho bản thân, đó là phải luôn học hỏi, không nên che giấu cái dốt của	1,0

	mình, không nên sĩ diện hão.	
II	VIẾT	4,0
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
	1. Mở bài - Giới thiệu vài nét cơ bản về tác phẩm Nam quốc sơn hà. - Nêu vấn đề cần nghị luận: Tinh thần yêu nước trong bài thơ Nam quốc sơn hà (Sông núi nước Nam). 2. Thân bài * Lời tuyên bố danh thép về chủ quyền của đất nước: "Nam quốc... thiên thư" (Sông núi nước Nam... sách trời) - Câu 1: "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" (Sông núi nước Nam vua Nam ở) + Giọng thơ hào hùng, danh thép => Mang ý nghĩa khẳng định nước Nam ta là một đất nước độc lập, có chủ quyền riêng, vua chính là đại diện tối cao cho dân tộc. + Cách sử dụng từ ngữ "quốc" (nước), "đế" (vua) => Niềm tự hào, tự tôn dân tộc, tự coi nước Nam là nước ngang hàng với nước Bắc, vua Nam sánh vai với hoàng đế Trung Quốc. - Câu 2: "Tiệt nhiên định phận tại thiên thư" (Rành rành định phận tại sách trời) + Cách lập luận chặt chẽ, giọng điệu dứt khoát => Khẳng định danh thép nước Nam là của người Nam, điều đó đã là chân lí, là trời định, đã được ghi rõ ràng ở sách trời không thể chối cãi. * Câu 3. Tinh thần yêu nước với ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc: "Như hà... bại hư" (Cớ sao... toi bời) - Hình thức là câu hỏi trực tiếp quân giặc "Cớ sao chúng bay sang xâm phạm?" => Thái độ quyết liệt, rõ ràng coi kẻ xâm lược là "nghịch lỗ" (giặc dữ) chỉ rõ sự phi lí, phi nghĩa trong hành động xâm lược của kẻ thù. - Câu 4. Khơi gợi tinh thần yêu nước và ý thức trách nhiệm của mỗi người dân nước Nam "Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư" => Kẻ thù ngang ngược, làm trái sách trời sẽ khiến chúng tự chuốc lấy bại vong. => Lời cảnh cáo danh thép vang lên khẳng định giặc sẽ thất bại thảm hại, ta sẽ giành chiến thắng. 3. Kết bài - Khẳng định lại tinh thần yêu nước trong Nam quốc sơn hà.	3 đ

	- Nêu nhận xét, đánh giá của bản thân về giá trị của tác phẩm.	
	d. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 4: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

“Một cửa hàng bán cá làm cái biển đề mấy chữ to tướng:

"Ở ĐÂY CÓ BÁN CÁ TƯƠI"

Biển vừa treo lên, có người qua đường xem, cười bảo:

- Nhà này xưa quen bán cá ươn hay sao mà bây giờ phải đề biển là cá "tươi"?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay chữ "tươi" đi.

Hôm sau, có người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Người ta chẳng nhẽ ra hàng hoa mua cá hay sao, mà phải đề là "ở đây"?

Nhà hàng nghe nói, bỏ ngay hai chữ "ở đây" đi.

Cách vài hôm, lại có một người khách đến mua cá, cũng nhìn lên biển, cười bảo:

- Ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề là "có bán"?

Nhà hàng nghe nói lại bỏ ngay hai chữ "có bán" đi. Thành ra biển chỉ còn có mỗi một chữ "cá". Anh ta nghĩ trong bụng chắc từ bây giờ không còn ai bắt bẻ gì nữa.

Vài hôm sau, người láng giềng sang chơi, nhìn cái biển, nói:

- Chưa đi đến đầu phố đã ngửi mùi tanh, đến gần nhà thấy đầy những cá, ai chẳng biết là bán cá, còn đề biển làm gì nữa?

Thế là nhà hàng cất nốt cái biển!

(Treo biển - Trích truyện cười dân gian Việt Nam)

Câu 1: Đoạn trích trên thuộc thể loại truyện gì?

A. Truyện ngụ ngôn

B. Truyện cổ tích

C. Truyện cười

D. Truyện truyền thuyết

Câu 2: Có mấy người đã góp ý kiến cho ông chủ cửa hàng bán cá?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 3: Theo em, từ ngữ nào có ý nghĩa tác động mạnh vào tâm lí người mua nhất?

A. Ở đây

B. Có

C. Bán

D. Cá tươi

Câu 4: Khi nghe lời góp ý, thái độ của chủ cửa hàng là:

A. Vẫn để nguyên tấm biển

B. Phân vân, không biết làm gì

C. Nghe theo và bỏ vài chữ

D. Mỗi lần nghe một ý kiến lại bỏ đi một thông tin cần thiết trên biển.

Câu 5: Kết quả cuối cùng của việc ông chủ luôn lắng nghe khách hàng là gì?

A. Tấm biển quảng cáo chỉ còn lại hai chữ bán cá.

B. Tấm biển quảng cáo chỉ còn lại hai chữ cá tươi.

C. Ông chủ cửa hàng cá tháo tấm biển cất đi.

D. Tấm biển quảng cáo không còn lại chữ nào.

Câu 6: Ông chủ cửa hàng trong truyện là người như thế nào?

A. Thiếu tính quyết đoán, làm việc mà không có lập trường.

B. Có tính quyết đoán và rất kiên định.

C. Biết lắng nghe ý kiến của người khác, chấp nhận sửa chữa bản thân.

D. Biết tiếp thu những cái hay, cái đẹp và cái đúng.

Câu 7: Truyện Treo biển muốn phê phán điều gì?

A. Phê phán những người thích xen vào chuyện của người khác.

B. Phê phán những người chủ quan, bảo thủ, không biết tiếp thu ý kiến của người khác.

C. Phê phán những người làm việc không có kế hoạch cụ thể.

D. Phê phán những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không chịu suy xét kĩ khi lắng nghe ý kiến của người khác.

Câu 8: Bài học rút ra từ truyện cười Treo biển là gì?

A. Không cần treo biển khi bán hàng.

B. Cần nghĩ tới hậu quả khi làm một việc gì đó.

C. Cần có suy nghĩ và tự chủ trong cuộc sống.

D. Cần nghe theo lời khuyên của tất cả mọi người

Câu 9 (1 điểm). Đọc truyện “Treo biển”, chi tiết nào khiến em buồn cười nhất và lí do tại sao?

Câu 10. Em hãy nêu ý nghĩa của truyện “Treo biển”.

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài “Thiên trường vãn vọng” của Trần Nhân Tông.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	D	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	C	0,5
	9	Câu 9. Đọc truyện mỗi lần bác chủ bỏ một phần của tấm biển đi là những chi tiết gây cười nhiều nhất cho em. Nhà hàng không hề có sự suy nghĩ hay phản bác gì cả mà lại nhanh nhẩu làm theo các ý kiến góp ý như một cái máy.	1,0
	10	Câu 10. Truyện “Treo biển” đã tạo nên tiếng cười vui vẻ, có ý nghĩa	1,0

		phê phán nhẹ nhàng những người thiếu bản lĩnh, thiếu suy nghĩ độc lập khi làm việc, cũng như khi nghe người khác góp ý, nhận xét. Đó là những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét kỹ khi nghe ý kiến của người khác.	
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
		1. Mở bài Giới thiệu bài thơ: "Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra" hay "Thiên Trường vãn vọng" là bài thơ mang tình quê thấm thiết của Trần Nhân Tông - một vị vua, nhà văn hóa tiêu biểu của Việt Nam. 2. Thân bài - Cảm nhận về khung cảnh thôn quê trong hai câu thơ đầu: + Không gian thôn trước, thôn sau ẩn hiện nửa hư nửa thực, nửa có nửa không trong màn sương trắng xóa. + Chiều muộn thôn quê thanh bình, thơ mộng và yên ả - Cảm nhận về hình ảnh cuộc sống con người trong hai câu thơ cuối: + Tiếng cười nói vui vẻ xen lẫn những tiếng sáo trong văng vẳng của cô bé, cậu bé chăn trâu làm cho không gian bức tranh như bừng tỉnh, rõ nét và tươi sáng hơn. + Đàn trâu thong dong đi về gợi nên sự thư thái, thong thả, một nhịp sống từ tốn, nhẹ nhàng nơi thôn dã. - Cảm nhận về tình yêu quê hương của tác giả 3. Kết bài Khẳng định giá trị bài thơ: Bài thơ "Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra" đã gợi nhắc trong lòng người đọc những xúc cảm tinh tế khi nhớ về quê hương.	3 đ
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. <i>Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 5: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Một hôm, chủ nhà sai đầy tớ về quê có việc, người đầy tớ xin mấy đồng tiền để uống nước

đọc đường.

Chủ nhà ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Thằng này đến là ngốc, hai bên đường thiếu gì ruộng ao, có khát thì xuống đấy tha hồ uống, tìm vào quán làm gì cho phiền phức.

- Thừa ông, độ này trời hạn, cạn khô cả.

- Thế thì tao cho mượn cái này!

Nói rồi, hắn đưa cho người đầy tớ cái khố tải^{*2}.

Người này chưa hiểu ý ra làm sao, thì chủ nhà đã bảo:

- Vận¹ vào người khi khát vận ra mà uống.

Người đầy tớ liền nói:

- Trời nóng vận khô tải ngốt^{1 2} lắm! Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!

- Để mày làm gì?

- Dạ, vất cổ chày cũng ra nước!

(Trích kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam, Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thuởng sưu tầm, tuyển chọn, NXB văn học 2009)

Câu 1: Tác giả của truyện “Vất cổ chày ra nước” là ai?

A. Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thuởng

B. Tác giả dân gian

C. Người biên soạn sách

D. Trương Chính, Phong Châu

Câu 2: Trong truyện “Vất cổ chày ra nước”, người chủ nhà giao cho người đầy tớ công việc gì?

A. Mặc cái khố tải

B. Vất cổ chày để lấy nước

C. Về quê có việc

D. Uống nước ao

Câu 3: “Vận vào người khi khát vận ra mà uống.” Câu trả lời này thể hiện nét tính cách gì của người chủ nhà?

A. Tiết kiệm

B. Keo kiệt, bủn xỉn

C. Biết suy tính cho tương lai

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 4: Trong truyện “Vất cổ chày ra nước”, người đầy tớ nói gì khi người chủ nói “Vận vào người khi khát vận ra mà uống.”?

A. Dạ, vất cổ chày cũng ra nước!

B. Trời nóng vận khố tải thì ngốt lắm.

C. Con không thể vận chuyển hàng hoá được.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 5: Em có nhận xét gì về bối cảnh của truyện cười?

A. Không thực sự rõ ràng, chỉ đủ để thể hiện nội dung chính của truyện

B. Ở thời xưa

C. Gắn với gia đình, làng quê

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 6: Sự khác nhau giữa keo kiệt và tiết kiệm là gì?

A. Tiết kiệm là tiêu xài, sử dụng ở mức đủ, không gây lãng phí còn keo kiệt là tiết kiệm thái quá.

B. Keo kiệt là tiêu xài, sử dụng ở mức đủ, không gây lãng phí còn tiết kiệm là keo kiệt thái quá.

C. Tiết kiệm là ăn tiêu một cách không lãng phí để xây nhà mua xe còn keo kiệt là ăn tiêu quá ít để nhanh chóng có thể xây nhà mua xe.

D. Keo kiệt là ăn tiêu một cách không lãng phí để xây nhà mua xe còn tiết kiệm là ăn tiêu quá ít để nhanh chóng có thể xây nhà mua xe.

Câu 7: Đỉnh điểm gây cười trong truyện “Vắt cổ chày ra nước” thể hiện ở câu nào?

A. Thằng này đến là ngốc, hai bên đường thiếu gì ruộng ao, có khát thì xuống đấy tha hồ uống, tìm vào quán làm gì cho phiền phức.

B. Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước!

C. Nói rồi, hắn đưa cho người đầy tớ cái khô tải.

D. Vặn vào người khi khát vặn ra mà uống.

Câu 8: Nhân vật trong truyện “vắt cổ chày ra nước” thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?

A. Nhân vật dùng khiêu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan

B. Nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa trong xã hội.

C. Nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 9. Theo em, tác giả dân gian sáng tạo các câu chuyện trên với mục đích gì? Nhận xét về cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả dân gian thông qua các câu chuyện cười này.

Câu 10. Viết một đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhau giữa keo kiệt và tiết kiệm.

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích văn bản “Lai tân” của Hồ Chí Minh.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	D	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Tác giả dân gian sáng tạo các câu chuyện trên với mục đích: Tạo tiếng cười, mua vui, giải trí lành mạnh, vui vẻ, đặc biệt là để phê phán, châm biếm các thói hư tật xấu của con người. =>Cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả dân gian thông qua các truyện cười này: Thể hiện sự vui vẻ, lạc quan yêu đời, yêu cuộc	1,0

		sống, đồng thời thể hiện sự thâm thúy của ông cha khi định hướng, thay đổi con người một cách nhẹ nhàng mà sâu cay.	
	10	Câu 10. Giáo viên hướng dẫn theo gợi ý sau Keo kiệt và tiết kiệm là hai phạm trù hoàn toàn khác nhau. Keo kiệt là cách sống hà tiện, bủn xỉn, chỉ biết giữ của cho mình hoặc thậm chí là keo kiệt với chính bản thân mình. Ngược lại tiết kiệm là lối sống tích cực, chi tiêu hợp lý, biết chia sẻ nhưng không hoang phí. Ví dụ khi cùng chi tiền để đầu tư cho sức khỏe, những người keo kiệt sẽ nghĩ chỉ cần ăn nhiều, không cần cải thiện bữa ăn, không cần bổ sung thêm các chất, không khám sức khỏe định kỳ. Trong khi đó, những người tiết kiệm sẽ chi tiêu hợp lý, hạn chế mua những thứ không cần thiết, để tiền đi thăm khám, mua thêm các thực phẩm chức năng hỗ trợ cải thiện sức khỏe.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
		1. Mở bài Giới thiệu tác giả Nguyễn Ái Quốc và tập thơ Nhật kí trong tù: - Nguyễn Ái Quốc, một tượng đài chính trị và văn học trong lịch sử dân tộc Việt Nam, người đã có công cống hiến một số lượng khổng lồ thơ ca vào văn hóa nhân loại. - Lai Tân là một trong những bài thơ nổi bật được sáng tác trong khoảng thời gian tác giả bị giam cầm tại Trung Quốc. 2. Thân bài - Bài thơ mang đậm màu sắc mỉa mai, châm biếm + Bộ mặt thật đằng sau cái mặt hào nhoáng của Trung Quốc, ba nhân vật biểu tượng cho các tầng lớp quan chức trong chế độ Tưởng Giới Thạch. + "Ban trưởng, cảnh trưởng, huyện trưởng" đều là những chức vụ có vị trí, quyền lợi, nhưng lại làm những việc khuất tất. - Những con người được coi là cánh tay đắc lực của chính quyền, trông coi, cải tạo và áp giải tù nhân phạm tội thực chất là những kẻ mặt rệp, những tên tội phạm với nhân cách tha hóa được nhà nước bảo trợ. - Trời đất Lai Tân vẫn thái bình. + Thái bình ở đây là cái vỏ bọc bên ngoài nhằm đánh lừa dân chúng, ẩn sâu bên trong là bộ máy thống trị ngu dốt, thối nát, ngay cả quan	3 đ

	lại cũng tha hóa, cạn bã. + Mảnh đất Lai Tân thái bình thịnh trị êm ấm thì ra bên trong là như vậy, mở rộng ra là cả xã hội Trung Quốc mục ruỗng đến xương tủy nhưng ngoài mặt vẫn phải tỏ ra thờ ơ, làm như những tệ nạn kia không hề tồn tại. 3. Kết bài - Khái quát giá trị, đặc sắc bài thơ: Bài thơ hàm súc, ngắn gọn với thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đã vạch trần bộ mặt thật của đám quan lại tham ô, bần tuội nói riêng và cả bộ máy chính quyền Trung Hoa nói chung thời bấy giờ.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 6: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

HAI KIỂU ÁO

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luôn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?

Quan lớn ngạc nhiên:

- Nhà người biết để làm gì?

Người thợ may đáp:

- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:

- Thế thì nhà người may cho ta cả hai kiểu.

(Theo Trường Chính - Phong Châu)

Câu 1. Truyện “Hai kiểu áo” thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 3. Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 4. Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.
B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.
C. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.
D. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại.

Câu 5. Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “hách dịch”?

- A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.
- B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.
- C. Thể hiện thái độ ra oai, hách sách người khác do cậy mình có quyền thế.
- D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

Câu 6. Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu “... Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vật đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vật đằng sau phải may ngắn lại.” là gì?

- A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luôn cúi, nên vật trước chùng lại
- B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vật trước sẽ hót lên.
- C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.
- D. Cả A và B

Câu 7. Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

- A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.
- B. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.
- C. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.
- D. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

Câu 8. Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

- A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.
- B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.
- C. Hay nịnh nọt cấp trên.
- D. Khinh ghét người nghèo khổ.

Câu 9 (1 điểm): Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

Câu 10 (1 điểm): Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài “Mời trầu” của Hồ Xuân Hương

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5

	9	Câu 9. Bài học: - Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân. - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử.	1,0
	10	Câu 10. Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ: - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luôn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình - Thái khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề.	0,25
		1. Mở bài: - Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Xuân Hương, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm Mời trầu. 2. Thân bài: - Làm rõ nội dung bài thơ: Qua bài thơ Mời trầu, bà đã thể hiện rõ nét niềm khao khát về sự trọn vẹn của hạnh phúc lứa đôi. + Lý giải nhan đề “mời trầu”. - Mời trầu là một hình giao tiếp thường xuất hiện trong văn hóa của người Việt Nam. Khi khách đến nhà, người chủ nhà sẽ thường mời trầu, mời nước sau đó mới bắt đầu câu chuyện. - Nếu là người thường, mời trầu sẽ chỉ là hình thức thủ tục cần phải có, nhưng trong mắt Hồ Xuân Hương, mời trầu đã nói lên cả một số phận, cả một cuộc đời con người. + Hình ảnh quả cau miếng trầu. - Tác giả miêu tả trực tiếp hình dáng quả cau nhỏ nhỏ xinh xinh - Nho nhỏ ở đây còn ví như thân phận con người bé nhỏ trong cái xã hội phong kiến đầy rẫy bất công. Nho nhỏ như số phận của những người phụ nữ trong xã hội trong nam khinh nữ ấy. + Khẳng định bản thân “Này của Xuân Hương mới quệt rồi” - Một câu thơ nghe như là một lời tuyên bố thách thức. Đồng thời vừa cảnh cáo những kẻ le ve xung quanh đừng có mà nhăm nhe đồ của Xuân Hương nữa. + Câu nói giao duyên “Có phải duyên nhau thì thăm lại” - Xuân Hương không ngồi chờ đợi để cha mẹ đặt đâu ngồi đấy, mà tự mình tìm kiếm, quyết định hạnh phúc lứa đôi. - Tác giả không sợ mang tiếng “cọc đi tìm trâu”. Thi sĩ chỉ biết rằng, nếu đã phải duyên nhau thì nên thăm lại, đừng dùng dằng mà khiến	3 đ

	<p>hai bên đau khổ.</p> <p>+ Niềm mong mỏi về hạnh phúc lứa đôi</p> <p>- Hồ Xuân Hương luôn yêu cái đẹp, khát khao niềm hạnh phúc lứa đôi.</p> <p>- Bà cảm thương cho số phận người phụ nữ trong xã hội cũ.</p> <p>- Bà dám đứng lên để đi tìm tình yêu của mình. Nhưng bà cũng hiểu, xã hội ấy không phải lúc nào cũng như ý muốn.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Nêu suy nghĩ và tình cảm của bản thân dành cho tác giả, tác phẩm.</p> <p>Tài liệu của Nhung tây</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 7: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Lúc lên mười tuổi, nó bảo

- Úi dà! Nếu tôi cũng có cặp sách như những đứa khác, cũng có đồ chơi, có những quyển tranh đẹp như chúng, thì xem tôi học giỏi không nào!... Đây tôi lại chẳng có gì cả! Thế thì làm sao mà học giỏi được!

Đến năm mười ba, nó cũng có đủ sách, vở, bút, cặp và đồ chơi như những đứa trẻ khác. Nhưng nó học vẫn không được. Nó lại than phiền

- Quần áo đẹp thì không có! Nhà cửa thì chật chội, cả mấy bố, mẹ và anh chị em tôi phải ở chung trong một buồng. Thế thì học làm sao được! Giá tôi được một cái buồng, một cái tủ sách và bàn học riêng xem! Tôi không học giỏi bằng mấy chúng nó ấy à! Năm mười tám tuổi, người ta dành cho hẳn một cái buồng riêng

- Học giỏi thế quái nào được, nếu đến tuổi tôi mà trong túi chẳng có nổi lấy mười lia)! Muốn mua sách vở nhưng lại không có tiền

Năm hai mươi tuổi, trong túi hẳn lúc nào cũng đã có ít nhất mười lia, có khi còn nhiều hơn.

- Ôi! Mong sao học chóng xong để ra đi làm! Tốt nghiệp đại học rồi tôi sẽ làm việc cật lực cho mà xem!... Tôi sẽ bắt đầu viết truyện... Ắ không! Viết hẳn tiểu thuyết ấy chứ! Chao ôi! Ước gì tôi chóng được ra trường

[...] Năm hăm tám tuổi, khi đã có công ăn việc làm tử tế, hẳn kêu

- Điều kiện thiếu thốn thế thì sáng tác thế quái nào được! Ít ra là phải có hai buồng và có máy thu thanh! Lúc nào làm việc mệt, mở máy ra nghe nhạc cho đỡ mệt, sau đó lại tiếp tục làm việc. Như thế tinh thần mới sảng khoái, làm việc mới có hiệu quả được chứ! Ôi! Giá tôi có một chiếc máy thu thanh thì hay biết chừng nào!

Năm hăm chín tuổi, hẳn tậu được một căn nhà hai buồng và sắm được một cái máy thu thanh. Nhưng tác phẩm mà hẳn dự định từ bao nhiêu năm nay vẫn đứng nguyên tại chỗ

- Chao ôi là cô đơn! – Hẳn thờ dài. Sự cô đơn làm cho lòng tôi trống trải như một bãi sa mạc! Thử hỏi như thế làm sao tôi có thể tìm ra cảm hứng sáng tác được! Ôi!

Phải có một tia nắng nào sưởi ấm được lòng ta! Phải có một ngôi sao nào đem lại cho ta nguồn vui và nguồn sức mạnh! Phải có một người nào mà vì họ ta sẵn sàng làm việc quên ăn quên ngủ chứ... Ai là người có thể làm thần tượng cho ta, có thể làm mục đích của đời ta? Ôi, tình yêu của ta! Người ở đâu?...

Đến năm ba mươi hần gặp được nàng. Hần yêu nàng và cũng được nàng yêu lại. Cuộc sống của hần bắt đầu tràn đầy ý nghĩa. Nhưng cuốn tiểu thuyết mà hần ấp ủ từ hồi còn niên thiếu vẫn chẳng nhích thêm được một dòng nào.

Yêu đúng là một hạnh phúc tuyệt vời! - Hần suy nghĩ - nhưng nếu cứ yêu mãi mà không cưới thì vẫn chưa thể an tâm làm việc được. Ta phải cưới thôi. Có lấy vợ rồi thì cuộc sống mới ổn định, mới có thể hoàn toàn yên tâm lao vào sự nghiệp. Chà, mong sao ta sớm cưới được nàng! Bấy giờ ta sẽ lao đầu vào sáng tác, không bỏ phí lấy một phút cho mà xem! Năm năm hai tuổi hần cưới vợ. Cuộc sống vợ chồng của hần hạnh phúc lắm. Nhưng không hiểu sao hần vẫn không thể bắt tay vào cái sự nghiệp cả đời của hần được. Ấy là vì hần lại tìm thấy những lí do thật là xác đáng - bây giờ trên vai hần có cả một gánh nặng gia đình. Quanh năm suốt tháng hần phải lo chạy vạy kiếm miếng ăn. Thế thì thì giờ đâu để hần ngồi sáng tác nữa?

Năm năm sáu tuổi hần được tăng lương. Nhưng ta hãy nghe hần nói

- Đã đành là mình có nhà riêng đấy! Nhưng nhà cửa chật chội quá! Trẻ con lại suốt ngày nô đùa ầm ĩ, không sao làm việc được. Giá mình kiếm được ngôi nhà độ bốn, năm buồng thì tuyệt quá! Lúc ấy mình sẽ làm việc phải biết nhé! Phải xắn tay áo lên mà làm mới được!

Năm năm tám tuổi hần dọn đến ở một biệt thự năm buồng. Song tác phẩm của hần vẫn không tiến thêm được một tí nào. Hần vẫn chưa thể làm việc được. Nhưng phải đâu là lỗi tại hần?

- Làm sao mà có thể sáng tác trong một ngôi nhà ở ngay giữa khu phố đông đúc ồn ào như thế?! Các người có giỏi thì sáng tác xem nào! Không! Mình cần có một nơi yên tĩnh, nếu dọn được đến một nơi yên tĩnh thì nhất định thế nào mình cũng làm việc được, mà làm ra trò chứ không phải đùa!

Năm bốn mươi tuổi hần dọn đến một khu phố tĩnh mịch. Ngôi nhà của hần thật rộng rãi và thoáng mát. Từ cửa sổ nhìn ra phong cảnh đẹp tuyệt trần. Bây giờ chắc hần phải bắt tay vào sáng tác thực sự được rồi chứ gì nữa? Vẫn chưa à? Tại sao vậy?

- Chà! - Hần than phiền. - Sáng tác gì được khi mà trong nhà không có những đồ vật đẹp! Không có những bức tranh quý, không có những bộ sa lông êm, không có một cái bàn viết cho ra trò, không có những tấm thảm mịn! Muốn sáng tác thì mắt phải được nhìn những đồ đặc xinh đẹp, tai phải được nghe những điệu nhạc du dương chứ! Than ôi! Không biết có ngày nào mình thực hiện được cái ước mơ ấy không? Được thế, mình sẽ dốc hết sức ra mà làm việc, cho thiên hạ biết tay!...

Năm bốn hai tuổi hần có được tất cả những thứ hần mơ ước những đồ đặc quý giá và tiện nghi đầy đủ. Nhưng chẳng hiểu sao hần không tài nào tập trung tư tưởng vào công việc được. Tác phẩm của hần vẫn không nhích thêm được chút nào.

- Trời ơi! - Hần bảo thế. - Các người có hiểu đâu hoàn cảnh của tôi! Các người cứ nhìn bên ngoài nên tưởng tôi sung sướng, mãn nguyện lắm, không còn điều gì phải phàn nàn nữa... Mà kể ra tôi cũng mãn nguyện thật, vì tiền bạc lúc nào cũng rủng rỉnh, không lúc

nào thiếu cả, lại được vợ đẹp con khôn, nhà cao cửa rộng nữa. Đồ đạc trong nhà thì toàn loại quý và tiện nghi đầy đủ, thì giờ lại nhiều nữa này.... Thế nhưng phải mỗi cái tội là ... ruồi! Ruồi nhiều quá! Ruồi không còn làm ăn gì được nữa! Nó cứ bầu vào người, cứ vo ve bên tai nghe sốt cả ruột, tư tưởng không sao tập trung được!

Ban ngày không chớp mắt nổi vì rồi, thành ra ban đêm không còn sức để thức mà sáng tác nữa. Giả không có ruồi thì tôi làm việc phải biết nhé! Cứ gọi là làm như điên ấy chứ [...]. Tôi thế như vậy! Nhưng... cái lũ ruồi khôn kiếp!... Tôi không biết làm thế nào với chúng cả. Đóng cửa lại thì nóng, mà che rèm thì mất đẹp

Các người bảo tôi làm việc về mùa đông ư? Nhưng có thực là mùa đông không có ruồi không? Trời ơi! Không hiểu ai sinh ra giống ruồi làm gì không biết? Tôi chịu không hiểu nổi.

Năm nay hẵn mới bốn hai tuổi. Vì thế chúng ta vẫn chưa hết hi vọng. Một ngày kia, khi giống rồi bị tiêu diệt hết trên thế gian này, như điều hẵn mơ ước, thì chắc chắn thế nào hẵn cũng sẽ làm việc không ngại tay để tạo ra cho thế giới cái tác phẩm vĩ đại của hẵn. Đây, rồi các bạn xem!

(A-dit Ne-xin, Những người thích đùa, Thái Hà dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2016, tr. 138 - 143)

Câu 1: Ai là tác giả của truyện “Giá không có ruồi”?

A. Aziz Nesin B. Aimatov C. Jourdain D. Moliere

Câu 2: Nhà văn Aziz Nesin là người nước nào?

A. Đức B. Thổ Nhĩ Kỳ C. Pháp D. Hà Lan

Câu 3: Thể loại của truyện “Giá không có ruồi” là gì?

A. Truyện ngắn B. Truyện ngụ ngôn
C. Truyện cười D. Truyện khó hiểu

Câu 4: Cho biết những đặc điểm của truyện cười?

A. Khai thác hành động rởm đời trong cuộc sống.
B. Truyện ngắn nhưng chặt chẽ, ít các chi tiết rườm rà, mâu thuẫn phát triển nhanh và kết thúc bất ngờ.
C. Truyện mang ý nghĩa giải trí và giáo dục.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 5: Vấn đề đem ra phê phán trong truyện ngắn này là gì?

A. Phê phán những hạng người lười trong xã hội
B. Phê phán những người viện lý do để trì hoãn công việc, ước mơ của mình mà không chịu cố gắng.

C. Phê phán những kẻ chỉ thích hưởng thụ
D. Phê phán những kẻ hên hoang thích khoe của

Câu 6: Câu chuyện trên khuyên chúng ta điều gì?

A. Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta không nên trì hoãn và luôn phải tập trung vào mục tiêu của mình
B. Bất kể điều kiện cuộc sống có như thế nào.
C. Chúng ta cần tự chịu trách nhiệm và không nên đổ lỗi cho bất cứ điều gì để trì hoãn cuộc đời mình.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 7. Thủ pháp nghệ thuật trong truyện?

A. Sử dụng thủ pháp trào phúng cùng lối viết sáng tạo

B. Thủ pháp châm biếm: phê phán, châm biếm thói hư tật xấu của con người trong xã hội.

C. Cả đáp án A, B đều đúng

D. Cả đáp án A, B đều sai

Câu 8. Đối tượng phê phán chủ yếu của truyện trào phúng là loại người nào?

A. Nông dân

B. Các tầng lớp trên của xã hội

C. Nho sĩ

D. Binh lính

Câu 9. Từ các văn bản đã học đó, em nhận thấy tiếng cười có sức mạnh như thế nào đối với đời sống con người?

Câu 10. Cười là một hình thức chế ngự cái xấu”. (Phương Lưu - Trần Đình Sử - Lê Ngọc Trà, Lí luận văn học, tập 1, NXB Giáo dục, 1986, tr. 241). Hãy viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

II. VIẾT (4 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật) mà em đã được học, được nghe.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Tiếng cười trong các văn bản có sức mạnh: mua vui cho người đọc, đồng thời phê phán những thói hư, tật xấu của con người. Tài liệu của Nhung tây	1,0
	10	Câu 10. Thông qua những tác phẩm, câu chuyện đã được học, chúng ta thấy tác giả sử dụng nhiều nghệ thuật, trong đó có nghệ thuật châm biếm, mỉa mai vừa mang tính chất hài hước vừa mang tiếng cười cho người đọc. Tiếng cười ấy là tiếng cười vui vẻ, mỉa mai để rồi cũng từ tiếng cười đó mà cái xấu được chế ngự. Người ta cười mình vì ngưỡng mộ, khâm phục hay là giễu cợt, châm biếm? Bản thân mình phải nhìn lại chính mình. Nếu là điều người ta ngưỡng mộ thì cứ thế mà phát huy. Nếu là giễu cợt thì phải coi lại bản thân mình đã làm điều gì chưa phải, không đúng? Như vậy, cũng nhờ tiếng cười	1,0

		mà bản thân mỗi chúng ta có dịp để nhìn nhận, phản tỉnh lại mình.	
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học Mở bài giới thiệu được tác giả và bài thơ. Thân bài phân tích được đặc điểm nội dung và nghệ thuật. Kết bài khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật đã được học, được nghe.	0,25
		c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau: 1. Mở bài - Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung về bài thơ. 2. Thân bài - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề của bài thơ. - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...)) 3. Kết bài Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.	3 đ
		d. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

ĐỀ 8: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Một hôm, cách đây chừng 7, 8 tháng, có người bạn hỏi tôi:

- Tại sao anh không đeo kính?

- Làm sao tôi phải đeo?

Tuổi anh bây giờ là phải đeo rồi chứ còn sao nữa. Không đeo. Đến lúc mắt hỏng nặng, không nhìn thấy gì đâu!

Từ lúc người bạn đó ra về, mắt tôi tự dưng mờ hẳn. Nhìn gần nhìn xa đều không rõ nữa.

Lâu nay, tôi vẫn thầm mong cho tóc chóng rụng, cho trán hói đi. Rồi đeo thêm chiếc kính vào cho ra dáng trí thức. Vì tôi cho như thế là dấu hiệu của một anh trí thức. Ngay như anh bán thịt bây giờ mà để trán hói và mang kính vào, tôi cho trông cũng không khác gì giáo sư đại học! Nhưng cái mơ ước ấy của tôi không thực hiện được, vì tóc tôi mỗi ngày

một dày thêm. Thế thì ít ra tôi cũng nên sắm cái kính mà đeo vậy. Ai nhìn thấy tôi. người ta phải bảo: bác học đây! Tài liệu của Nhung tây

Vậy là tôi đi khám đóc tờ. Khám xong, ông này bảo tôi:

- Anh bị cận thị 1,75 đi-ốp!

Theo đơn ông ta dặn. tôi sắm một cái kính. Nhưng cứ động đeo vào là tôi thấy mặt mày sa sầm. buồn nôn không chịu được. Thậm chí có lần, nói vô phép các bạn, tôi nôn thật! Nôn thốc nôn tháo, nôn ra cả mật xanh mật vàng. Không đeo thì không nhìn thấy gì. mà đeo thì tuy nhìn thấy được, nhưng lại bị cảm giác buồn nôn. Thật đúng là khổ!

Một ông bạn khác thương hại bảo tôi

Tôi có thể giới thiệu với anh một ông bác sĩ giỏi. Anh hãy đến ông ta khám xem! Ông bác sĩ này xem mắt tôi, rồi xem chiếc kính.

Thằng cha lang băm nào cho anh đơn mua cái kính này thế? Có phải anh bị cận thị đâu!

- Thế tôi bị làm sao ạ?

- Viễn thị! 2 đi-ốp!

2. Tôi lại mua kính mới. Đeo chiếc kính này, tôi không còn thấy chóng mặt, buồn nôn nữa. nhưng lúc nào cũng bị chảy nước mắt. Đám ra mắt tôi lúc nào cũng đỏ hoe, như khóc ai vậy. Tôi bị cái cảm giác thương xót rất lạ. Cặp kính này chỉ có đeo để đi đưa đám là hợp.

Một ông bạn thân tỏ vẻ ái ngại cho tôi: Tài liệu của Nhung tây

Thế này thì cậu đến mù mắt! Cậu phải đi khám bệnh viện nhà nước xem sao! Ở đấy họ khám cẩn thận. Lại có giáo sư nhãn khoa nữa, chứ không như may ông bác sĩ tư!

Bệnh viện nhà nước quả là có khác thật: máy móc nhiều, mà dụng cụ cái gì cũng sáng loáng.

Tôi được một giáo sư khám. Tôi kể cho giáo sư nghe cái bất hạnh của tôi:

- Người thì bảo tôi là cận thị. người thì bảo là viễn thị!

Giáo sư giận lắm:

Quân ngu! Anh không phải cận thị, cũng không phải viễn thị, mà là loạn thị! 3 Theo đơn của giáo sư, tôi mua đôi kính khác. Cặp kính này tôi đeo vừa lắm, trông cái gì cũng rõ. Phải mỗi tội bây giờ cái gì cũng như lùi hẳn ra xa. Máy bức tường. trong căn buồng tôi sống hàng chục năm nay dường như bị lùi xa đến hàng ba chục thước. Tôi giơ tay chục bắt tay người quen, nhưng không sao với tới được. Định viết, giấy đã chạy xa khỏi tay đến hai thước. Nhìn vật gì cũng thấy bé tí xíu. Người thì chỉ bằng hạt đậu ván... Nhưng hại nhất là tôi không ăn uống gì được. Vì vừa ngồi vào bàn là đĩa thức ăn đã chạy đi xa hai chục thước rồi. Mùi xúp nóng bốc ngay dưới mũi. Nhưng cứ cầm thìa chục múc. thì bát xúp đã ở cách xa hàng hai mét! Tôi không ăn uống, cứ động gì được nữa. Một anh bạn phải dắt tay tôi đến một bác sĩ khác tốt nghiệp ở Mỹ về. Khám xét cẩn thận ông ta bảo tôi: Đưa nào cho anh đơn mua cái kính này đây? Đúng là đồ lang vườn dốt nát! Anh cứ kiện lên phòng công tố cho nó bỏ mẹ!

(Những người thích đùa, Thái Hà dịch NXB Văn học Hà Nội, 2014)

Câu 1: Ai là tác giả của truyện “Cái kính”?

A. Aziz Nesin

B. Aimatov

C. Jourdain

D. Moliere

Câu 2: Thể loại của truyện “Cái kính” là gì?

A. Truyện ngắn

B. Truyện ngụ ngôn

C. Truyện cười

D. Truyện khó hiểu

Câu 3: Mắt của “tôi” trong truyện thực chất là bị làm sao?

A. Bị cận

B. Bị viễn

C. Bị loạn thị

D. Không bị làm

sao

Câu 4: Giáo sư cho rằng mắt của “tôi” bị bệnh gì?

A. Cận thị

B. Viễn thị

C. Loạn thị

D. Lão thị

Câu 5: Cái kính làm theo lời ông đốc tờ gây ra vấn đề gì cho “tôi”?

A. Cứ động đeo vào là sa sầm, buồn nôn

B. Mắt đóng băng lại

C. Mắt lồi ra, đau xót

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 6: Cái kính làm theo lời ông bác sĩ giỏi khác gì với cái làm theo lời ông đốc tờ?

A. “Tôi” không còn bị táo bón nữa mà bị tiêu chảy

B. Không còn gây ra chóng mặt buồn nôn nữa mà gây ra chảy nước mắt.

C. Mắt không còn bị lồi ra nữa mà bị lõm vào

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 7: Truyện châm biếm, phê phán kiểu người gì?

A. Thừa tiền, hể nghĩ rằng mình có bệnh là đi khắp mọi nơi tìm cách chữa trị mà không xem xét thực tế vấn đề, dẫn đến tiền mất tật mang.

B. Chuyên làm những điều sai trái như những vị bác sĩ trong truyện.

C. Luôn lo lắng, dễ bị ám ảnh là mình có vấn đề gì đó bởi những lời nói của người khác hay thông tin không thật mà thực chất thì chẳng có vấn đề gì cả.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 8: Yếu tố gây cười nào được sử dụng trong văn bản?

A. Nhân vật “tôi” thích đeo kính.

B. Các ông bác sĩ đều khám sai bệnh nhưng lại chửi bác sĩ trước khám sai.

C. Nhân vật “tôi” bị ngã rớt vỡ kính.

D. Nhân vật chính đổi đến 5 chiếc kính mới tìm ra bệnh của mình.

Câu 9. Vì sao nhân vật “tôi” trong đoạn trích trên lại muốn đeo kính?

Câu 10. Theo em, truyện Cái kính nêu lên và châm biếm, phê phán điều gì? Điều đó có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay như thế nào?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	D	0,5
	3	D	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	C	0,5

	8	B	0,5
	9	Câu 9. Vì nhân vật "tôi" muốn mình ra dáng một người tri thức. Anh ta muốn ai nhìn vào cũng bảo anh ta là bác học.	1,0
	10	Câu 10. Theo em, truyện Cái kính nêu lên và châm biếm, phê phán về "bệnh sĩ". Nhân vật tôi muốn giả danh tri thức mà đi khám mắt để đeo kính. Các bác sĩ vì muốn tỏ ra là mình tài giỏi nên khám sai bệnh cho bệnh nhân. Điều đó tồn tại từ rất lâu trước đây mà đến nay vẫn là một hiện tượng phổ biến trong xã hội. Khi nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức vì muốn chạy đua thành tích mà đưa ra một đồng phương hướng, biện pháp... khác nhau để thử nghiệm trong khi chưa nắm rõ tình hình chính mình. Kết quả là gây ra một đồng sai phạm, đã sai lại càng sai, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn thuyết minh gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	0,25
		1. Mở bài: - Giới thiệu về một hiện tượng tự nhiên mà em muốn thuyết minh, giải thích - Nêu cái nhìn bao quát về hiện tượng này (có ích hay có hại, có quan trọng với đời sống hay không) b. Thân bài: - Giới thiệu về khái niệm, tên gọi khoa học của hiện tượng đó - Biểu hiện của hiện tượng tự nhiên: + Đặc điểm nổi bật? - Xuất hiện ở đâu, khi nào? - Hiện nay có thay đổi gì so với những lần xuất hiện trước? - Giải thích về hiện tượng tự nhiên: + Nguyên nhân gây xuất hiện hiện tượng tự nhiên đó - Các chuyên gia đã giải thích như thế nào (có thể trích dẫn các ý kiến của những chuyên gia trong ngành) - Trong các nguyên nhân đó có điều gì là do con người gây ra? - Mối quan hệ giữa con người và hiện tượng tự nhiên: - Hiện tượng tự nhiên đó tác động như thế nào đối với đời sống con người? (tiêu cực/tích cực) - Con người bày tỏ thái độ và có hành động gì trước hiện tượng đó? c. Kết bài: - Đánh giá của em về hiện tượng	3 đ
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,25

	- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	0,25

7. CA DAO TRÀO PHÚNG

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

ĐỀ 1: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

“Chập chập rồi lại cheng cheng
Con gà sống lớn để riêng cho thầy
Đơm xôi thì đơm cho đầy
Đơm mà voi đĩa thì thầy không ưa”

Câu 1: Nội dung bài ca dao trên là gì?

A. Nói về người thầy hay tính toán.

B. Nói về người thầy mang cơm về cho con nhà mình

C. Nói về người thầy đáng kính không tham lam. Tài liệu của Nhung tây

D. Sự tham lam của thầy khi muốn con gà lớn, đơm xôi thì phải đơm đầy.

Câu 2: Bài chèo ca dao trào phúng trên dùng thể thơ gì?

A. Thơ năm chữ

B. Thơ lục bát

C. Thơ tự do

D. Thơ thất ngôn

Câu 3: Trong bài ca dao trên có từ nào được lặp lại 3 lần?

A. Con gà

B. Đơm

C. Xôi

D. Voi

Câu 4: Qua việc đơm xôi và để con gà chúng ta thấy thầy là người như thế nào?

A. Là người không biết điều

B. Là người không biết đủ

C. Là người tham lam, cái gì cũng muốn phần nhiều

D. Là người không biết điều

Câu 5: Bài ca dao trên đã phê phán điều gì?

A. Không phê phán điều gì cả

B. Phê phán thói tham lam của con người

C. Phê phán người làm thầy

D. Phê phán người không đơm xôi đầy cho thầy

Câu 6: Bài ca dao trên thuộc

A. Ca dao về kinh nghiệm sống

B. Ca dao yêu thương tình cảm

C. Ca dao phê phán

D. Ca dao châm biếm

Câu 7: Các từ: Chập chập, cheng cheng là từ loại gì?

A. Từ láy

B. Từ ghép

C. Từ đơn

D. Từ tượng hình

Câu 8: Nhịp thơ của bài ca dao trên là:

A. Ngắt nhịp 3/3, 2/2/2/2

B. Ngắt nhịp 2/2/2, 2/2/2/2

C. Ngắt nhịp 2/2, 4/4

D. Ngắt nhịp 2/4, 4/4

Câu 9: Bài ca dao số 1 phê phán đối tượng nào? Tại sao đối tượng đó lại bị phê phán?

Câu 10: Bài ca dao số 1 nói về hoạt động nào của con người? Em căn cứ vào đâu để nhận biết điều đó?

II. VIẾT (4 điểm)

Thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Bài ca dao trên phê phán những người bói toán rởm. - Đối tượng này bị phê phán vì sử dụng những lời dụ dỗ, mê tín mịch tính chất lừa người và chuộc lợi về bản thân.	1,0
	10	Câu 10. Bài ca dao trên nói về hoạt động của những người thầy bói rởm, hành nghề mê tín. - Căn cứ vào: mở đầu câu ca dao, tác giả đã nói lên những chi tiết mê tín và hư ảo qua những từ láy của tiếng trống, tiếng chiêng " chập chập ", " cheng cheng ". Tài liệu của Nhung tây	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn thuyết minh gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	0,25
		1. Mở bài: - Giới thiệu về một hiện tượng tự nhiên mà em muốn thuyết minh, giải thích - Nêu cái nhìn bao quát về hiện tượng này (có ích hay có hại, có quan trọng với đời sống hay không) b. Thân bài: - Giới thiệu về khái niệm, tên gọi khoa học của hiện tượng đó - Biểu hiện của hiện tượng tự nhiên: + Đặc điểm nổi bật? - Xuất hiện ở đâu, khi nào? - Hiện nay có thay đổi gì so với những lần xuất hiện trước? - Giải thích về hiện tượng tự nhiên:	3 đ

	+ Nguyên nhân gây xuất hiện hiện tượng tự nhiên đó - Các chuyên gia đã giải thích như thế nào (có thể trích dẫn các ý kiến của những chuyên gia trong ngành) - Trong các nguyên nhân đó có điều gì là do con người gây ra? - Mối quan hệ giữa con người và hiện tượng tự nhiên: - Hiện tượng tự nhiên đó tác động như thế nào đối với đời sống con người? (tiêu cực/tích cực) - Con người bày tỏ thái độ và có hành động gì trước hiện tượng đó? c. Kết bài: - Đánh giá của em về hiện tượng	
	d. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. Tài liệu của Nhung tây	0,25

ĐỀ 2: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

“Con mèo mà trèo cây cau
 Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà
 Chú chuột đi chợ đường xa
 Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo”

Câu 1: Bài ca dao trên sử dụng thể thơ gì?

A. Lục bát

C. Thơ thất ngôn tứ tuyệt

B. Thơ tự do

D. Thơ thất ngôn bát cú

Câu 2: Trong bài ca dao trên ai được hỏi thăm?

A. Chú chuột

C. Không ai cả

B. Chú mèo

D. Rất nhiều

Câu 3: Bài ca dao trên có điều gì không đúng?

A. Chú chuột đi chợ

B. Không có gì vô lí

C. Mèo phải đọc cha chú chuột

D. Chuột phải giỗ cha con mèo

Câu 4: Theo em tại sao chuột lại phải giỗ cha mèo?

A. Vì chuột bị ép

B. Vì chuột thích làm thế

C. Ý của chuột là muốn chửi mèo

D. Vì mèo bắt chuột giỗ cha mình

Câu 5: Trong bài ca dao 2 có từ nào được lặp lại 2 lần?

A. Mua

B. Bán

C. Đi

D. Giỗ

Câu 6: Tính cách của con Mèo được thể hiện như thế nào qua bài ca dao trên?

A. Dối trá, tinh quái, mượn cớ hỏi thăm nhưng thực chất là để bắt chuột.

B. Ngoan hiền, thật thà Tài liệu của Nhung tây

C. Độc đoán, tham lam

D. Keo kiệt, bủn xỉn

Câu 7: Con mèo trong bài ca dao 2 ám chỉ những người như thế nào?

A. Những người hay đi soi mói, nhiều chuyện, thích đi nghe ngóng chuyện về người khác

B. Những người hay hỏi người khác đi đâu

C. Những người hay trèo cây cau

D. Những người hay hóng hớt

Câu 8. Bài ca dao trên phê phán điều gì?

A. Bài ca dao phản ánh sự giả tạo của con mèo và sự khôn ngoan của chú chuột.

B. Ý hàm ngôn là trong xã hội còn kẻ mạnh ức hiếp người yếu và kẻ mạnh thường nguy trang tinh vi bằng bộ mặt giả nhân giả nghĩa. Tài liệu của Nhung tây

C. Cả A, B đều đúng

D. Cả A, B đều sai

Câu 9. Bài ca dao số trên tạo dựng sự tương phản, đối nghịch dựa trên yếu tố nào? Bài ca dao đó thể hiện tính cách gì của mèo và quan hệ như thế nào giữa mèo với chuột?

Câu 10. Em hãy cho biết nội dung bài ca dao trên? Bài ca dao trên hàm ý phê phán đối tượng nào trong xã hội?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn trình bày về thói xấu của con người (Sự ích kỉ)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	A	0,5
	8	C	0,5
	9	<p>Câu 9. Bài ca dao số 2 tạo dựng sự tương phản, đối nghịch dựa trên yếu tố: mèo và chuột.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính cách của mèo: giả tạo, tinh quái, mượn cơ hội thăm nhưng thực chất là để bắt chuột. - Mối quan hệ giữa mèo với chuột: Mèo là kẻ thù truyền kiếp, không đội trời chung với chuột, có tập tính bắt chuột để ăn thịt. Quan hệ giữa chúng là mối quan hệ loại trừ. 	1,0
	10	<p>Câu 10. Bài ca dao trên phản ánh sự giả tạo của con mèo và sự khôn ngoan của chú chuột. Ý hàm ngôn là trong xã hội còn kẻ mạnh ức hiếp người yếu và kẻ mạnh thường nguy trang tinh vi bằng bộ mặt giả nhân giả nghĩa.</p>	1,0

II	VIẾT	4,0
	a. Đảm bảo bố cục bài văn thuyết minh gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Sự ích kỉ của con người	0,25
	1. Mở bài Giới thiệu về sự ích kỷ: Tất cả đều cố gắng để trở thành người tốt đẹp, cố gắng loại trừ những thói xấu của mình, một trong những tính xấu mà con người ai cũng nên tránh xa đó chính là sự ích kỷ 2. Thân bài - Thế nào là tính ích kỷ: Có thể hiểu, ích kỷ là một biểu hiện của lối sống tiêu cực, người có tính kỷ là người chỉ biết nghĩ đến bản thân mình, nghĩ đến những lợi ích cho mình, luôn so đo, suy tính cốt làm sao để mình được lợi và không bao giờ suy nghĩ đến người khác - Biểu hiện của sự ích kỷ: + Trong cuộc sống hàng ngày: không quan tâm đến những người thân trong gia đình, vì mình mà bắt mọi người phải làm theo ý muốn của mình + Trong công việc, học tập: Trong quá trình làm việc, tính cạnh tranh trong công việc làm lộ rõ bản chất của người ích kỷ, họ chỉ mong nhận công việc nhẹ nhàng, trốn tránh việc khó và đùn đẩy trách nhiệm cho người khác + Trong quan hệ xã hội: Những người có tính ích kỷ thường sống rất cô lập, bởi ngoài bản thân mình ra họ không quan tâm đến những người xung quanh, đây là một lối sống tiêu cực và có thể gọi là bệnh ích kỷ - Tác hại của việc sống ích kỷ: + Đối với cá nhân: Căn bệnh ích kỷ khiến cá nhân con người ngày càng trở nên xấu tính, lòng dạ hẹp hòi và tự mình tách biệt ra khỏi mọi người, sống lâu với căn bệnh ích kỷ sẽ biến con người ta trở nên cô đơn, bị mọi người xung quanh ghét bỏ, xa lánh + Đối với xã hội: Một xã hội ích kỷ là một xã hội suy đồi và xuống cấp, thói nát đạo đức và vô nhân đạo, sẽ chẳng có tình thương nào được hiện diện khi con người chỉ biết nghĩ cho bản thân mình. 3. Kết bài Quan điểm của em về sự ích kỷ: Sống ích kỷ là một lối sống tiêu cực, ảnh hưởng rất xấu đến nhân cách con người, các mối quan hệ giữa con người với nhau và đặc biệt là sự phát triển của xã hội.	3 đ
	d. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. Tài liệu của Nhung tây	0,25

ĐỀ 3: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*“Làm trai cho đáng sức trai
Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng”*

Câu 1: Trong những nhận xét dưới đây, nhận xét nào không đúng với ca dao hài hước?

- A. Tiếng cười tự trào trong ca dao vui vẻ, hồn nhiên.
- B. Tiếng cười châm biếm, phê phán trong ca dao sắc sảo, sâu cay.
- C. Ca dao hài hước nói lên sự thông minh, hóm hỉnh và tâm hồn lạc quan, yêu đời của người lao động cho dù cuộc sống thời xưa của họ còn nhiều vất vả, lo toan.

D. Ca dao hài hước là những bài học về đối nhân xử thế.

Câu 2: Trong bài ca dao “Làm trai cho đáng sức trai - Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng”, tiếng cười được tạo nên bằng thủ pháp nghệ thuật nào?

- A. **Đối lập, cường điệu.**
- B. Đối lập, chơi chữ.
- C. Ẩn dụ, cường điệu.
- D. Cường điệu, chơi chữ.

Câu 3: Trong bài ca dao “Làm trai cho đáng sức trai - Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng”, hình ảnh “gánh hai hạt vừng” là cách nói:

- A. Tả thực.
- B. Cường điệu.**
- C. Biểu tượng.
- D. Ẩn dụ

Câu 4: Trong bài ca dao “Làm trai cho đáng sức trai - Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng”, có ý nghĩa gì?

- A. Nói lên chí làm trai.
- B. Ca ngợi những người đàn ông có chí lớn.
- C. Cười những người đàn ông yếu sức.**
- D. Cười những người đàn ông yếu sức.

Câu 5: Dòng nào sau đây không phải là nghệ thuật của ca dao châm biếm, hài hước?

- A. Nghệ thuật dựng cảnh và xây dựng chân dung nhân vật.
- B. Nghệ thuật miêu tả nội tâm tinh tế.**
- C. Sử dụng nhiều lối nói phóng đại, tương phản và đối lập.
- D. Ngôn ngữ đời thường mà hàm chứa ý nghĩa sâu sắc.

Câu 6: Tiếng cười trong ca dao có ý nghĩa gì?

- A. Mua vui, giải trí.
- B. Tự trào.
- C. Phê phán.
- D. Cả A, B và C**

Câu 7: Dòng nào dưới đây không phải để nói về vẻ đẹp tâm hồn của người lao động qua những bài ca dao châm biếm, hài hước?

- A. Sự thông minh, dí dỏm.
- B. Tinh thần đấu tranh.
- C. Tinh thần lạc quan.
- D. Những tâm tư thầm kín.**

Câu 8: Quan niệm về đáng nam nhi thể hiện trong câu ca dao “Làm trai cho đáng nên trai – Phú Xuân đã trải, Đồng Nai cũng từng.” là gì?

- A. Phải là trụ cột trong gia đình.
- B. Phải có chí tang bồng.**
- C. Phải nỗ lực vượt lên chính mình.
- D. Phải có tài năng đặc biệt.

Câu 9. Bài ca dao "Làm trai cho đáng sức trai, Khom lưng chống gối, gánh hai hạt vừng" chế giễu đối tượng nào trong xã hội? Thái độ của tác giả dân gian đối với những đối tượng đó như thế nào?

Câu 10. Tiếng cười bật ra trong bài ca dao số trên nhờ những thủ pháp nghệ thuật nào?
Nêu tác dụng của thủ pháp nghệ thuật đó?

II. VIẾT (3 điểm)

Viết bài văn nghị luận về một thói xấu của con người (Tính kiêu căng, tự mãn...)

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Tác giả dân gian dùng thái độ chế giễu, hóm hỉnh. Câu ca dao đầu tiên như một lời khẳng định đầy trịnh trọng về chí làm trai. Làm trai nam nhi trong thiên hạ, sức dài vai rộng, mạnh mẽ phải có đáng sức trai. Tiếng cười chỉ bật lên với câu thứ hai với sự đối lập với sức trai chính là "Khom lưng, chống gối, gánh hai hạt vừng". Hình ảnh thể hiện sự yếu đuối, đốn hèn của nam nhi. Sức trai khỏe mạnh vậy mà lại phải "Khom lưng, chống gối" tưởng để gánh gò lớn lao, nhưng chỉ là gánh một thứ được cân bằng cân tiêu li "hai hạt vừng". Tư thế khoa trương nhưng hành động tầm thường. Chế giễu người đàn ông yếu đuối, tầm thường không đáng làm trai. Tiếng cười không chỉ đả kích mà còn là lời nhắc nhở sâu cay về thói hư, tật xấu của con người.	1,0
	10	Câu 10. Bằng cách nói phóng đại và thủ pháp đối lập giúp dựng lên bức tranh châm biếm hài hước, tạo nên tiếng cười cho bài ca dao. + Thủ pháp tương phản đối lập: - “Khom lưng chống gối”: Gợi động tác mạnh mẽ, dứt khoát của một người làm công việc nặng nhọc, vất vả. - “Gánh”: Hoạt động di chuyển những vật nặng. - Hai hạt vừng”: Thứ vô cùng nhỏ bé nhỏ bé. - Sử dụng các chi tiết hài hước và kết cấu bất ngờ, thú vị. Dùng ngôn ngữ đời thường mà chứa hàm ý sâu xa... => Tiếng cười được cất lên. Tư thế khoa trương nhưng hành động tầm thường. Chế giễu người đàn ông yếu đuối, tầm thường không đáng làm trai. Tiếng cười không chỉ đả kích mà còn là lời nhắc nhở sâu cay về thói hư, tật xấu của con người.	1,0
II		VIẾT	4,0

	<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn thuyết minh gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Tính kiêu căng tự mãn của con người. Tài liệu của Nhung tây	0,25
	<p>1. Mở bài Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: tính kiêu căng và tự mãn.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>a. Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiêu căng: nghĩ mình hơn người khác, coi thường những người không bằng mình ở một khía cạnh nào đó. - Tự mãn: tự cho bản thân mình là nhất không ai bằng. <p>Kiêu căng và tự mãn là những tính cách xấu thường đi kèm với nhau khiến cho con người ta tưởng mình là nhất đâm ra coi thường những người xung quanh, không coi ai ra gì.</p> <p>b. Biểu hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của người có tính kiêu căng, tự mãn: Luôn cho rằng bản thân mình hơn người, là nhất. Có ý định hoặc coi thường người khác vì họ không bằng mình. Khi làm được một việc gì đó luôn muốn được người khác tán dương, khen ngợi và coi thường, khinh bỉ những người không làm được việc mình làm, không có được thứ mình có. Người có tính kiêu căng tự mãn là những người nhỏ nhen, hẹp hòi, chỉ luôn biết đến bản thân mình, thậm chí là huênh hoang, cao ngạo. - Tác hại của việc kiêu căng, tự mãn: Người kiêu căng và tự mãn sớm muộn cũng bị người khác xa lánh, không được tin tưởng, tín nhiệm, lâu dần trở nên cô lập, sẽ không nhận được sự giúp đỡ, tương trợ của mỗi người. - Tính kiêu căng, tự mãn sẽ kéo theo nhiều tính xấu khác như: ích kỉ, nhỏ mọn, luôn muốn trở thành tâm điểm của lời khen... <p>c. Chứng minh Học sinh tự lấy dẫn chứng về những con người kiêu căng và tự mãn dẫn đến hậu quả xấu làm minh chứng cho bài làm văn của mình.</p> <p>d. Phản đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên cạnh đó vẫn còn có những con người sống với lòng khiêm tốn, biết mình biết ta, sống chan hòa với mọi người. Lại có những người luôn cố gắng, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống, thắng không kiêu, thua không nản.... những người này là tấm gương sáng để chúng ta học tập và noi theo. Tài liệu của Nhung tây <p>3. Kết bài Khái quát lại vấn đề nghị luận: tính kiêu căng và tự mãn; đồng thời rút ra bài học và liên hệ bản thân.</p>	3 đ

	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ. Tài liệu của Nhung tây	0,25

ĐỀ 4: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

*“Anh hùng là anh hùng rom
Ta cho mỗi lửa hết cơn anh hùng”*

Câu 1: Ý nghĩa tiếng cười trong bài ca dao “Anh hùng là anh hùng rom - Ta cho mỗi lửa hết cơn anh hùng” là gì?

A. Đả kích những kẻ chẳng có gì mà luôn ba hoa khoác lác.

B. Cười những kẻ lười biếng.

C. Phê phán loại đàn ông tham ăn.

D. Cười loại đàn ông yếu đuối.

Câu 2: Đối tượng nào được nói đến trong ca dao “Anh hùng là anh hùng rom - Ta cho mỗi lửa hết cơn anh hùng” là ai?

A. Loại đàn ông gia trưởng, tàn nhẫn với vợ.

B. Loại đàn ông yếu đuối, ẻo lả.

C. Loại đàn ông vô tích sự.

D. Loại đàn ông bất tài mà hay huênh hoang.

Câu 3: Bài ca dao “Bao giờ cho đến tháng ba - Éch cắn cỏ rấn tha ra ngoài đồng...” không có ý nghĩa nào?

A. Nói ngược để làm bật lên tiếng cười châm biếm, hóm hỉnh.

B. Mượn cách nói ngược để thể hiện khát vọng đổi đời, mong muốn vùng lên của người lao động.

C. Thể hiện niềm tin và sức mạnh của nhân dân vào chính mình.

D. Khát vọng được tự do, chống đối lại những điều trái tự nhiên.

Câu 4: Trong bài ca dao Sử dụng biện pháp nghệ thuật tiêu biểu là gì?

*“Bắc thang lên đến cung mây
Hỏi sao Cuội phải áp cây cả đời?
Cuội nghe thấy nói, Cuội cười:
Bời hay nói dối, phải ngồi gốc cây”*

A. Sử dụng biện pháp đối lập để tạo tiếng cười.

B. Sử dụng thành ngữ “nói dối như Cuội” để tạo ra tiếng cười.

C. Sử dụng biện pháp chơi chữ để tạo ra tiếng cười.

D. Sử dụng cách nói ngược để tạo ra tiếng cười.

Câu 5: Trong bài ca dao “Làm trai cho đáng nên trai - Một trăm đám cổ chẳng sai đám nào”, biện pháp nghệ thuật tiêu biểu là gì?

A. Sử dụng biện pháp đối lập để tạo tiếng cười.

B. Sử dụng biện pháp phóng đại để tạo ra tiếng cười.

C. Sử dụng biện pháp chơi chữ để tạo ra tiếng cười.

D. Sử dụng cách nói ngược để tạo ra tiếng cười.

Câu 6: Trong bài ca dao “Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn...” cách đếm từng tháng và cách gọi các tháng là “tháng khốn tháng nạn” có ý nghĩa gì?

A. Phản ánh nỗi buồn khổ thất vọng của người nông dân và cuộc sống đói khổ của họ.

B. Phản ánh nỗi tuyệt vọng, bế tắc của người nông dân và cuộc sống vất vả của họ.

C. Phản ánh nỗi lo lắng của người nông dân và nỗi đau khổ triền miên cứ diễn ra hàng ngày với cuộc sống của họ.

D. Phản ánh sự chán chường của người nông dân và ước mơ hạnh phúc của họ.

Câu 7: Trong bài ca dao “Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn...”- bài 1, nhân vật trữ tình ở vào tình cảnh như thế nào?

A. Nghèo đói, thiếu thốn triền miên mà còn gặp hoạn nạn.

B. Túng thiếu, mất đồ (cái đó)

C. Nghèo đói, bệnh tật, mất mát.

D. Túng thiếu, bệnh tật, khôn khó.

Câu 8: Từ “Đó” trong bài ca dao “Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn...”- bài 1, có ý nghĩa gì? Tài liệu của Nhung tây

A. Cái đó, công cụ lao động của chàng trai.

B. Vừa chỉ cái đó vừa chỉ con người.

C. Từ đa nghĩa, chỉ cái đó và chỉ ai đó chung chung.

D. Nơi chôn cụ thể, và công cụ lao động.

Câu 9. Em hiểu gì về câu ca dao: “*Anh hùng là anh hùng rom*

Ta cho môi lửa hết con anh hùng”

Thái độ của tác giả dân gian đối với những đối tượng đó như thế nào?

Câu 10. Câu ca dao “*Làm trai cho đáng nên trai*

Một trăm đám cổ chẳng sai đám nào”,

Tác giả dân gian phê phán, châm biếm những hạng người nào trong xã hội?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về tác hại thói tự phụ

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	D	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	Câu 9. Câu ca dao “Anh hùng là anh hùng rom/ Ta cho môi lửa hết con anh hùng” đã phản ánh hiện thực xã hội sâu sắc, ngày nay rất	1,0

		<p>những người là “anh hùng rơm” vẫn hằng ngày huênh hoang, tự đắc về chính con người vô dụng của mình. Câu ca dao trở thành mồi lửa đượm nhất thiêu rụi những thành phần bù nhìn của xã hội đồng thời nhắc nhở con người không nên biến mình trở thành anh hùng rơm mà hãy cố gắng trở thành một người anh hùng thực thụ. Chúng ta hãy phấn đấu làm người anh hùng một cách đường hoàng hiên ngang, được người đời ca tụng, đừng để mang danh anh hùng nhưng lại bị người đời mỉa mai, chê trách và khinh thường. Tài liệu của Nhung tây</p>	
	10	<p>Câu 10. Hình ảnh một trăm đám cỗ là con số ước lệ mang ý nghĩa khái quát. Chẳng sai là chẳng quên, chẳng bỏ sót đám nào. Tác giả dân gian khéo léo dùng nghệ thuật phóng đại, cường điệu để tô đậm hiện tượng, châm biếm kẻ làm trai sức dài vai rộng mà chỉ “giỏi” hơn người ở cái tài đi... ăn cỗ, chỉ có mỗi một việc là chăm chú đợi đến ngày được hàng xóm láng giềng mời ăn cỗ. Thật mỉa mai, đáng cười cho đáng mà râu có tư tưởng ăn bám, hưởng thụ, không thích lao động. Anh ta không phải là loại người mà gia đình và xã hội mong muốn. Tài liệu của Nhung tây</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn thuyết minh gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Tác hại của thói tự phụ của con người.	0,25
		<p>1. Mở bài: - Giới thiệu về vấn đề nghị luận</p> <p>2. Thân bài: a. Giải thích: “Tự phụ”: Kiêu căng, ảo tưởng về bản thân, xem mình luôn là nhất, là đúng, mà coi thường mọi người xung quanh. b. Tác hại - Nói về tự phụ lại là một thái độ hoàn toàn trái ngược với tự ti. Nếu người tự ti cứ xem mình thấp hơn người khác thì người tự phụ lại luôn tự đề cao bản thân mình, tự xem mình tài giỏi hơn người khác, trong mắt họ thế giới thật nhỏ bé. - Người tự phụ luôn chủ quan tự cho mình là đúng. - Khi làm được việc gì đó thì tỏ ra coi thường người khác => Biểu hiện của căn bệnh “ngôi sao”. (nêu một vài dẫn chứng tiêu biểu). - Thật sự rất tai hại cho một người tự phụ sống trong tập thể. Bản chất chẳng xem ai ra gì rất dễ bị người khác ghét bỏ, không mến trọng. Do tự xem mình là tài giỏi nên chẳng quan tâm gì đến cách làm của người khác, sẽ không học hỏi được những bài học quý báu, dẫn đến tầm nhìn hạn hẹp, rất khó để có thể phát triển và vươn ra xa hơn</p>	3 đ

	<p>c. Cách khắc phục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi cá nhân cần khiêm tốn để học tập người khác, đồng thời biết tiếp thu những lời phê bình nhận xét từ người khác để có thể hoàn thiện bản thân hơn - Năng động trong học tập cũng như trong công việc, không né tránh khi có chuyện mà ngược lại phải nỗ lực hết mình để hoàn thành tốt công việc - Cần biết đánh giá đúng bản thân mình, phát huy được những điểm mạnh đồng thời khắc phục những điểm yếu. - Biết hoà mình cùng với tập thể, sống học tập và làm việc cùng mọi người để xây dựng xã hội phát triển và ngày càng tiến bộ. <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề nghị luận. - Liên hệ bản thân, mở ra những suy nghĩ mới. 	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. 	0,25
	<p>e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25

ĐỀ 5: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi

I. ĐỌC - HIỂU (6 điểm)

Con cò lặn lội bờ sông,
 Mẹ đi tưới nước cho bông có đài.
 Trông trời, trông nước, trông mây,
 Trông cho lúa chín hột xẩy nặng nhành,
 Trông cho rau muống mau xanh
 Để mẹ nấu một bát canh đậm đà,
 Mát lòng sau bữa rau cà,
 Cho con mau lớn việc nhà con lo.
 (Ca dao)

Câu 1. Bài ca dao viết theo thể thơ nào?

A. Lục bát B. Tự do C. Bốn chữ D. Năm chữ

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt của bài ca dao trên?

A. Tự sự B. Miêu tả C. **Biểu cảm** D. Nghị luận

Câu 3. Bài ca dao viết về điều gì?

A. Sự lao động của cái cò.
 B. Những hy vọng của mẹ. Tài liệu của Nhung tây
 C. Những công việc hàng ngày của mẹ.

D. Sự tần tảo, vất vả của mẹ và tình yêu, sự kì vọng của mẹ với con.

Câu 4. Bài ca dao gieo vần ở những tiếng nào?

A. Sông - nước - mây, xây - nhành - xanh - canh, đà – cà - nhà.

B. Sông - bông, mây - xây, nhành – xanh - canh, đà – cà - nhà.

C. Sông - bông, mây - xây, nhành - xanh, đà - cà - nhà

D. Sông - bông, đà - nước, mây - xây, nhành - xanh - canh, đà – cà - nhà

Câu 5. Dòng thơ nào sau đây chứa biện pháp ẩn dụ?

A. Con cò lặn lội bờ sông.

B. Trông cho rau muống mau xanh.

C. Mát lòng sau bữa rau cà.

D. Cho con mau lớn việc nhà con lo.

Câu 6. Bài ca dao trên sử dụng mấy từ láy?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 7. Bài ca dao trên sử dụng mấy từ ghép?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 8. Bài thơ chủ yếu thể hiện tình cảm gì của người viết?

A. Ca ngợi vẻ đẹp mẹ.

B. Ca ngợi vẻ đẹp của tâm hồn người mẹ.

C. Trân trọng và biết ơn m.

D. Ca ngợi tình cảm của mẹ dành cho con.

Câu 9. Thông điệp nào trong văn bản trên có ý nghĩa nhất với em? Vì sao?

Câu 10. Nội dung của bài ca dao khơi gợi ở em tình cảm gì đối với mẹ của mình?

II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn thuyết minh giải thích về một hiện tượng tự nhiên.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	Câu 9. Thông điệp có ý nghĩa nhất đó là câu thơ cuối. Mẹ nuôi con lớn mong con sẽ giúp đỡ mẹ phần nào trong cuộc sống. Đó là mong mỏi của tất cả những người mẹ trong cuộc sống.	1,0
	10	Câu 10. Nêu tình cảm rút ra được từ đoạn thơ: tình cảm đối với mẹ của mình. - Yêu thương trân trọng, sẻ chia...	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo bố cục bài văn thuyết minh gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25

	<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên</p>	0,25
	<p>1. Mở bài: - Giới thiệu về một hiện tượng tự nhiên mà em muốn thuyết minh, giải thích - Nêu cái nhìn bao quát về hiện tượng này (có ích hay có hại, có quan trọng với đời sống hay không) b. Thân bài: - Giới thiệu về khái niệm, tên gọi khoa học của hiện tượng đó - Biểu hiện của hiện tượng tự nhiên: + Đặc điểm nổi bật? - Xuất hiện ở đâu, khi nào? - Hiện nay có thay đổi gì so với những lần xuất hiện trước? - Giải thích về hiện tượng tự nhiên: + Nguyên nhân gây xuất hiện hiện tượng tự nhiên đó - Các chuyên gia đã giải thích như thế nào (có thể trích dẫn các ý kiến của những chuyên gia trong ngành) - Trong các nguyên nhân đó có điều gì là do con người gây ra? - Mối quan hệ giữa con người và hiện tượng tự nhiên: - Hiện tượng tự nhiên đó tác động như thế nào đối với đời sống con người? (tiêu cực/tích cực) - Con người bày tỏ thái độ và có hành động gì trước hiện tượng đó? c. Kết bài: - Đánh giá của em về hiện tượng</p>	3 đ
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.</p>	0,25